

Đặc san

Văn hóa Thể thao

SỐ 16 (THÁNG 01/2025)

NGHỆ AN

TRONG SỐ NÀY

VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

QUÁCH THỊ CƯỜNG Dấu ấn Ngành Văn hóa và Thể thao Nghệ An năm 20244

VĂN HÓA TẾT

HUY HUỖN Thi sĩ cổ điển xứ Nghệ với mùa xuân.....10

TRANG TUỆ Tết cổ truyền của người dân tộc thiểu số miền núi Nghệ An12

NGUYỄN HÙNG VĨ Nói lái, chuyện vui ngày Tết17

QUÁN VI MIÊN “Gội đầu” năm mới19

VŨ BA LAN Xuân về lại nhớ ông đồ Nghệ23

TRẦN ĐÌNH HÀ Ngày Xuân nghe tiếng tâm vòng25

ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

VĨNH KHÁNH Những tổ chức yêu nước và cách mạng trước ngày thành lập Đảng bộ Nghệ An29

THẢO NGUYỄN Nguyễn Ái Quốc năm 192534

PHẠM THÀNH HÙNG Buổi học thầy duy nhất38

NHỮNG GÓC NHÌN VĂN HÓA

BÙI ĐÌNH PHONG 95 năm văn hóa Đảng41

ĐẶNG CÔNG THÀNH Sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng - nguồn cội tạo nên vị thế, diện mạo của đổi mới hôm nay46

MẠCH QUANG THẮNG Xây dựng văn hóa theo giá trị Hồ Chí Minh50

BÙI TÙNG ẢNH Chuyển động văn học nghệ thuật: nhìn từ văn hóa54

PHẠM QUANG LONG Nghĩ về những điểm nghẽn trong văn hóa làm chậm bước tiến xã hội59

NGUYỄN KHÁNH Tình quê trải dọc đường thơ63

Chịu trách nhiệm nội dung:

ThS. TRẦN THỊ MỸ HANH
Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao

Biên tập:

QUÁCH THỊ CƯỜNG
PHAN VĂN THẮNG
CHU THỊ XUYẾN

Trình bày:

VÂN KHÁNH

Địa chỉ:

Số 11, Đ. Nguyễn Sỹ Sách,
TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại:
0238.3844511 - 0942.150880
Email:
vanhoanghean2021@gmail.com

YẾN LY	Bầu trời văn chương Nghệ An: Có quá ít những ngôi sao trẻ.....	69
NGUYỄN VĨ	Chơi chữ	71
PHONG HỒ	Nguồn gốc thờ rấn tại một số ngôi đền thờ trên đất Nghệ An	74
VĂN HÓA SỐ		
TRUNG LỄ	AI trong hoạt động Văn hóa Nghệ thuật: Cơ hội và Thách thức.....	78
TRƯỜNG NGUYỄN	Từ “ảo” đến “thực” và sự phát triển của nền văn hóa số	83
LÊ LINH	Trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu lịch sử.....	86
DIỄN ĐÀN VĂN HÓA		
BÙI HÀO	Văn hóa Ở Đâu cần nhìn từ nhiều hướng khác.....	90
HÀ THÚY NGUYỄN	Kiến tạo văn hóa hay doanh thu? Bài toán cho khối tư nhân.....	94
CỬA SỔ VĂN HÓA		
LÊ ĐỨC LINH	Làn sóng Hàn Quốc và bài học phát triển Công nghiệp văn hóa	97
VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG		
THÁI HẠO	Dạy thêm học thêm - Một điểm nghẽn giáo dục	102
PHONG CHÂU	Thầy tôi - Giáo sư, nhà giáo nhân dân Đinh Xuân Lâm	104
XỨ NGHỆ NGÀY NAY		
HỒNG NHUNG	Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh Năng động, sáng tạo và thành công	107
THÙY LÂM	Tu bổ tôn tạo di tích năm 2024: Thành tựu và những trăn trở	110
PHƯƠNG THỦY	Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ: Những nỗ lực phát huy giá trị di sản văn hóa Hồ Chí Minh	113
THANH TOÀN	Làng biển Quỳnh Lưu vào xuân.....	117

- **Bìa 1: Những đứa trẻ ở bản Phà Nội** (Mường Típ, Kỳ Sơn) - Ảnh: NHẬT THÀNH
- **Bìa 2:** Ảnh: NHẬT THÀNH, QUỐC ĐÀN
- **Bìa 4:** Tranh: ĐÌNH TRUYỀN

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN: Sẵn sàng cho những đổi thay

Năm 2025 đã bắt đầu một cách đầy ấn tượng với tất cả chúng ta. Ấn tượng bởi những biến động, những đổi thay diễn ra mạnh mẽ trên thế giới cũng như trong nước. Những đổi thay khiến người ta ít nhiều hoang mang song cũng tràn đầy hy vọng bởi chính nó mở ra bao thách thức và cũng mang lại không ít cơ hội cho mỗi cá nhân, mỗi đơn vị, ngành nghề. Trong dòng chảy chung ấy, Văn hóa Thể thao Nghệ An cũng đứng trước một cánh cửa mà ở đó cần sự tự tin, bản lĩnh, trí tuệ, trách nhiệm để bước qua, để đi tới một tương lai tốt đẹp hơn, tươi sáng hơn.

Năm 2024 đã trôi qua với không ít khó khăn nhưng ngành Văn hóa Thể thao đã nỗ lực hết mình để đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, tạo chuyển biến rõ rệt trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngành. Các hoạt động tuyên truyền những ngày lễ lớn được tổ chức thành công, phong trào thể dục thể thao quần chúng ngày càng phát triển; đời sống văn hóa của người dân có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực. Và, có lẽ, dấu ấn nổi bật nhất trong năm qua là ngành đã bước đầu ứng dụng tốt công nghệ vào các hoạt động văn hóa, đưa lại những hiệu quả bất ngờ. Nhờ đó mà các chương trình, sự kiện văn hóa; các di tích lịch sử, công trình văn hóa của tỉnh ngày càng được biết đến nhiều hơn, thu hút sự quan tâm của cộng đồng.

Năm 2025 với nhiều thay đổi về tổ chức bộ máy chắc chắn sẽ đặt ra những yêu cầu mới cho không chỉ ngành Văn hóa Thể thao. Trên tất cả, điều mà chúng ta hướng đến sẽ là sự hiệu quả và thực chất. Văn hóa Thể thao Nghệ An sẽ nói không với những hoạt động chỉ mang tính hình thức, lãng phí; sẽ nói không với những tư duy bảo thủ, chậm tiến, sẽ chuyển mình thực sự, đảm bảo được tính “gọn” và “tinh” của bộ máy. Và để làm được điều này, ngành Văn hóa Thể thao cần tiếp tục bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; chủ động, sáng tạo trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất trên địa bàn; thu hút và đào tạo đội ngũ cán bộ, người làm công tác văn hóa thực sự có năng lực, tâm huyết. Bên cạnh nỗ lực thực hiện tốt các chỉ tiêu đặt ra trong năm như: tỷ lệ làng, bản, khối xóm văn hóa đạt 73%; tỷ lệ phường, xã, thị trấn có thiết chế VH-TT đạt chuẩn 82%; tỷ lệ gia đình thể thao đạt 26 %; tỷ lệ người tập luyện TDTT thường xuyên đạt 37%;... chúng ta cần tiếp tục đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm; có chính sách tốt đối với nghệ nhân và những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Đặc biệt, trong giai đoạn trí tuệ nhân tạo phát triển và làm thay đổi nhiều mặt của đời sống thì lựa chọn không thể khác để không bị bỏ lại phía sau là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào tổ chức các sự kiện, hoạt động văn hóa, thể thao; tổ chức các triển lãm số, hội thảo trực tuyến, số hóa tài liệu; thiết kế các sản phẩm quảng bá đa phương tiện; phát triển du lịch văn hóa theo hướng hấp dẫn, mới lạ;... Tận dụng những lợi thế mà công nghệ mang lại sẽ giúp bảo tồn và phát huy tốt hơn các giá trị văn hóa của địa phương; lan tỏa hình ảnh Nghệ An đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Năm 2025 là một năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước và của tỉnh như: 50 năm ngày thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2025), 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2025) gắn với Lễ hội Làng Sen toàn quốc, 80 năm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2025), 80 năm Ngày thành lập ngành Văn hóa (28/8/1945-28/8/2025), 995 năm danh xưng Nghệ An,... Hơn bao giờ hết, đây là lúc ngành Văn hóa Thể thao cần tổ chức các hoạt động, sự kiện kỷ niệm các ngày lễ lớn một cách ý nghĩa, hấp dẫn; đồng thời cần nhìn lại chặng đường phát triển trong 80 năm qua, có những đánh giá toàn diện về những mặt được và chưa được để tìm hướng đi phù hợp nhất cho tương lai.

Chúng ta đang bước vào một năm với không ít chuyển biến khó lường trên toàn cầu và trong nước. Vì vậy, không chỉ ngành Văn hóa Thể thao mà mỗi người đều phải sẵn sàng tâm thế cho những đổi thay, cho cái mới. Thách thức và cơ hội luôn đan xen nhưng tin chắc rằng, nếu chúng ta chuẩn bị sẵn sàng hành trang cho mình, có đủ trí tuệ, bản lĩnh và nhiệt huyết thì sẽ thành công.

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN



Chương trình nghệ thuật “Vi, Giặm - Hồn quê tỏa sáng” trong Lễ kỷ niệm 10 năm Dân ca Vi, Giặm Nghệ Tĩnh được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Ảnh: Hoàng Nguyên

Dấu ấn

NGÀNH VĂN HÓA VÀ THỂ THAO NGHỆ AN NĂM 2024

QUÁCH THỊ CƯỜNG

Khép lại năm 2024, ngành Văn hóa và Thể thao Nghệ An đã để lại nhiều dấu ấn quan trọng trong công tác quản lý nhà nước và phát triển sự nghiệp, góp phần xây dựng, phát triển văn hóa, con người Nghệ An đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và đang làm cho văn hóa trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh nhà. Đó là hành trang để ngành tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025.



NHỮNG DẤU ẤN NĂM 2024

Khẳng định vai trò, vị thế quan trọng của ngành Văn hóa & Thể thao

Làm tốt vai trò tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với sự phát triển của ngành. Chưa bao giờ ngành VH&TT đón nhận nhiều sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND như hiện nay. Ngành đã tập trung rà soát, xây dựng các cơ chế chính sách để tiếp tục tham mưu trình HĐND, UBND ban hành Nghị quyết về “Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù và một số chính sách hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Nghệ

VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG



An”; Các nghị quyết về đặt đổi tên đường phố tại các huyện, thành, thị; Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở VH&TT Nghệ An.... Với quan điểm các chính sách được ban hành sẽ góp phần tăng cường công tác QLNN, tháo gỡ điểm nghẽn, thúc đẩy sự nghiệp VH&TT của tỉnh phát triển.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý phát triển sự nghiệp Văn hóa Thể thao

Thực hiện phương châm hoạt động của toàn ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa ra là “Ba quyết tâm, Bốn chủ động, Năm hiệu quả”, ngành VH&TT Nghệ An đã cụ thể hóa để thực hiện:

Quyết tâm tăng tốc, hoàn thành đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch công tác năm 2024; Quyết tâm xây dựng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở trong sạch, vững mạnh toàn diện; Quyết tâm tổ chức thành công, hiệu quả, có sức lan tỏa các sự kiện văn hóa, thể thao của tỉnh và toàn quốc tại Nghệ An.

Chủ động xử lý công việc theo đúng chức trách nhiệm vụ được giao, không thoái thác, không né tránh, không đùn đẩy; Chủ động trong phối hợp xử lý công việc, tạo sức mạnh tổng hợp; Chủ động phối hợp trong công tác chuyên môn; Chủ động phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân lực của ngành.

Hiệu quả về sử dụng nguồn lực (phân bổ dự toán, giải ngân vốn đầu tư công, khai thác sử dụng cơ sở vật chất); Hiệu quả trong thực thi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo hướng có chiều sâu; Hiệu quả hoạt động của các phòng, đơn vị thuộc Sở; Hiệu quả trong xây dựng Đảng, đoàn thể tại các phòng, đơn vị; Hiệu quả công tác thi đua để thi đua khen thưởng đi vào thực chất.

Tổ chức nhiều sự kiện văn hóa nghệ thuật trang trọng và mang ý nghĩa thời sự sâu sắc

Các chương trình nghệ thuật: “Hào khí sông Lam” chào năm mới 2024; Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam; “*Quê hương mùa sen nở*” và “*Từ Làng Sen đến Thành phố Hồ Chí Minh*” trong Lễ hội Làng Sen kỷ niệm 134 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Ngày Quốc khánh (02/9); ngày Xô viết Nghệ Tĩnh (12/9) đặc biệt là chương trình “*Ví, Giặm - Hồn quê tỏa sáng*” trong Lễ kỷ niệm 10 năm Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại cùng các triển lãm chuyên đề: “*Bác Hồ với mùa Xuân*”, “*60 năm khắc ghi lời Bác*”, “*Theo dấu chân Đại tướng*”, “*Âm vang Điện Biên*”, “*Du lịch qua các miền Di sản và danh thắng Việt Nam*”, “*Hồ Chí Minh đẹp nhất tên Người*” và



Chương trình nghệ thuật "Từ làng Sen tới TP. Hồ Chí Minh". Ảnh: Anh Tuấn

các hoạt động trải nghiệm với chủ đề: "Sắc Hoa mùa Xuân", "Giữ hồn nón lá quê hương", "Theo dấu chân Đảng", "Đất nở hoa"... được tổ chức để lại nhiều dấu ấn sâu sắc trong lòng Nhân dân và du khách.

Trong năm, tỉnh Nghệ An được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chọn làm đơn vị đăng cai tổ chức các sự kiện lớn như: Triển lãm "Sắc màu di sản văn hóa, thiên nhiên và sản phẩm thủ công truyền thống Việt Nam" (gồm các hoạt động: Trưng bày ảnh nghệ thuật giới thiệu các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh, các di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh tiêu biểu của Việt Nam; trưng bày chuyên đề "Đặc trưng di sản văn hóa các dân tộc Việt Nam"; trưng bày các chuyên đề "Phú Thọ - Nghệ An,

kết nối miền Di sản"; Triển lãm - Trình diễn "Nghệ thuật điêu khắc ánh sáng", "Áo dài và di sản", "Sen và Thư pháp". Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam và trưng bày các sản phẩm thủ công truyền thống; Liên hoan Nghệ thuật dân gian truyền thống "Việt Nam - những sắc màu di sản"; Giao lưu nghệ thuật "Về miền di sản", ...), Hội thi Tuyên truyền lưu động toàn quốc kỷ niệm 65 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống Bộ đội Trường Sơn; Triển lãm tranh cổ động tầm lớn về kỷ niệm 80 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam tạo nên những điểm nhấn ấn tượng về văn hóa - nghệ thuật, tuyên truyền cổ động trực quan có sức lan tỏa mạnh mẽ giá trị trường tồn của lịch sử dân tộc Việt Nam, của di sản văn hóa Việt Nam đến người dân và du khách khi đến với Nghệ An

Hoạt động văn nghệ quần chúng và tuyên truyền đưa thông tin về cơ sở luôn được đổi mới; các chương trình tuyên truyền với nội dung phong phú, đa dạng về hình thức gắn với định hướng, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; các lễ hội truyền thống của các địa phương được tổ chức mang đậm bản sắc văn hóa cộng đồng các dân tộc đang sinh sống trên vùng đất xứ Nghệ.



Nâng cao chất lượng xây dựng môi trường văn hóa cơ sở

Xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, mấu chốt là xây dựng môi trường văn hóa ở khu dân cư là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được toàn ngành tập trung thực hiện. Theo đó, việc xây dựng các danh hiệu văn hóa đã từng bước đi vào thực chất, chiều sâu; công tác quản lý lễ hội, thực hiện các hương ước, phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn minh đô thị được triển khai và đạt nhiều hiệu quả tích cực, được đông đảo quần chúng Nhân dân ủng hộ, đánh giá cao.

Tăng cường hiệu quả bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

Việc bảo tồn, trùng tu các di tích và việc khôi phục các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được ngành VH&TT cùng các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các huyện, thành phố, thị xã hết sức quan tâm. Hệ thống di tích, bảo tàng ngày càng hấp dẫn du khách trong và ngoài tỉnh đến tham quan, trải nghiệm, góp phần tôn vinh, lan tỏa bản sắc văn hóa xứ Nghệ, thúc đẩy du lịch phát triển.



Các đại biểu và du khách xem trưng bày tại Triển lãm "Sắc màu di sản văn hóa, thiên nhiên và sản phẩm thủ công truyền thống Việt Nam".
Ảnh: Anh Tuấn

Phát huy thế mạnh của thể thao

Thể thao quần chúng có sự phát triển vượt bậc kể cả về quy mô, số lượng, chất lượng và đa dạng, phong phú về loại hình hoạt động; Các hoạt động tập luyện và thi đấu thể

thao quần chúng sôi động ở khắp các địa bàn trên toàn tỉnh, thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Bên cạnh các môn thể thao phổ biến như: bóng bàn, cầu lông, bóng chuyền, chạy bộ... thì một trong những động lực phát triển phong trào thể thao quần chúng tiêu biểu trong năm đó là sự phát triển nhanh chóng của môn Pickleball. Đây là môn thể thao có sức thu hút mạnh mẽ không chỉ với những người đã, đang chơi thể thao hàng ngày mà ngay cả với những người chưa có thói quen tập luyện thể thao thường xuyên cũng tham gia tích cực đối với môn thể thao này, tạo ra diện mạo mới, khí thế mới cho thể thao quần chúng tỉnh nhà.

Thể thao thành tích cao dành được 445 huy chương các loại (124 HCV, 107 HCB, 214 HCD). Trong đó 02 HCV thế giới môn Jujitsu; 02 HCB thế giới môn Cầu mây; 01 HCB, 01 HCD châu Á môn Kickboxing; 01 HCV thế giới, 01 HCV châu Á; 01 HCV, 01 HCB trẻ châu Á và 01 HCD Hongkong mở rộng môn Đá cầu; 02 HCD châu Á môn Điền kinh, 03 HCV Đại hội học sinh Đông Nam Á; 02 HCV, 01 HCB Đông Nam Á môn Lặn. Giải vô địch quốc gia đạt 22 HCV, 28 HCB, 41 HCD; giải vô địch trẻ toàn quốc đạt 36 HCV, 23 HCB, 69 HCD; giải Cúp các CLB toàn quốc đạt 30 HCV, 26 HCB, 66 HCD; các giải khác đạt 28HCV, 22 HCB, 33 HCD; các giải mở rộng đạt 02 HCD. Đội 01 Câu lạc bộ bóng đá Sông Lam Nghệ An trụ hạng thành công tại giải bóng đá chuyên nghiệp quốc gia mùa giải năm 2023-2024. U13 đạt Huy



Niềm vui của 2 VĐV Nghệ An (Lê Công Tài và Lê Anh Đức) tại Giải Vô địch Đá cầu châu Á và vô địch Đá cầu trẻ châu Á năm 2024. Lê Công Tài - 01 HCV vô địch đội tuyển nam; Lê Anh Đức - 01 HCV nội dung đội tuyển nam trẻ và 1 HCB đơn nam trẻ.

chương Vàng; U9 đạt Huy chương Bạc; U19 đạt Huy chương Đồng; U17, U15 lọt vào tứ kết giải U17, U15 quốc gia.

Công tác đào tạo vận động viên tiếp tục được quan tâm. Hệ thống thi đấu giải thể thao cấp tỉnh cũng có sự thay đổi với việc mở rộng đối tượng và đã thu hút được đông đảo vận động viên trong và ngoài tỉnh tham dự. Việc đăng cai tổ chức thành công các giải quốc gia tại Nghệ An đã góp phần tạo khí thế và động lực để phát triển phong trào thể thao của tỉnh.

Việc tổ chức các hoạt động thể thao gắn với quảng bá du lịch được quan tâm đẩy mạnh như: Giải marathon “Kỳ Sơn - Về miền sơn cước”, Giải marathon “Hành trình về làng Sen” đã thu hút đông đảo vận động viên trong và ngoài nước tham gia. Cung đường chạy đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng các runner nhờ tuyến đường chạy tuyệt đẹp, kết hợp với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và những thử thách đầy bất ngờ. Đây cũng là dịp để Nghệ An giới thiệu quảng bá du lịch văn hóa đến với du khách trong và ngoài nước.

Cùng với việc phát triển các môn thể thao truyền thống, Nghệ An đã tập trung phát triển các hoạt động thể thao giải trí: đua xe đạp địa hình, chạy bộ địa hình, CLB thể hình, aerobic, khiêu vũ thể thao, yoga... phù hợp với khí hậu, địa hình của tỉnh, thu hút nhiều đối tượng tham gia tập luyện và thi đấu, gắn kết giữa hoạt động thể thao với du lịch góp phần phát triển kinh tế địa phương

Các cá nhân, doanh nghiệp đã duy trì tốt việc tổ chức các hoạt động dịch vụ thể dục, thể thao như: Khu liên hợp thể thao, bể bơi, sân quần vợt, sân bóng đá mini có nhân tạo, phòng tập thể hình, thể dục thẩm mỹ, aerobic, yoga, nhà tập bóng bàn, cầu lông, võ thuật...góp phần mở rộng, đa dạng các loại hình TDTT quần chúng, đáp ứng nhu cầu luyện tập của người dân.

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

Năm 2025, là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngành Văn hóa và Thể thao Nghệ An sẽ căn cứ vào tình hình thực tế để chỉ đạo, điều hành một cách chủ động, linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, đúng hướng, có trọng tâm, trọng điểm và có hiệu quả các nhiệm vụ được giao, tập trung vào một số nội dung sau:

1. Tập trung sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, ổn định hoạt



động của ngành VH&TT sau khi phương án sắp xếp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau sắp xếp hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả ngay, không làm gián đoạn công việc và các hoạt động bình thường khác. Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết, chính sách của Đảng về công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức ngành VH&TT.

2. Tiếp tục tham mưu thể chế hóa toàn diện, kịp thời các chủ trương chính sách mới của Đảng trong lĩnh vực VH&TT; hạn chế khoảng trống pháp lý. Gắn hoàn thiện pháp luật với tăng cường hiệu quả thực thi. Thực hiện có hiệu quả quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: “Thể chế, cơ chế, chính sách chính là nguồn lực của sự phát triển. Do đó, phải đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật”. Từ đó, tập trung hoàn thành Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo, trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025). Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết Luật Di sản văn hóa năm 2024, bảo đảm đúng thời hạn được giao và các Nghị định về một số chế độ, chính sách, đào tạo đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, thể thao...

Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di sản Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh; Xây dựng trình BCH Đảng bộ tỉnh Đề án Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2035; Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025- 2035.

3. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, các giá trị cốt lõi, bản sắc riêng biệt của Nghệ An; phát huy giá trị của các di sản văn hóa. Ứng dụng công nghệ mới trong các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Chú trọng yếu tố tiên tiến trong phát triển văn hóa mang tính hiện đại, văn minh, đậm đà bản sắc dân tộc.

4. Kiên trì kiến tạo xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, là tiền đề vững chắc để xây dựng con người Việt Nam thấm nhuần tinh thần “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”. Tập trung ưu tiên xây dựng văn hóa trong từng gia đình, cộng đồng làng, bản, khu

phố, cơ quan, đơn vị, văn hóa doanh nghiệp. Tập trung hoàn thiện các hương ước, quy ước đề cao vai trò chủ thể của Nhân dân, do Nhân dân đề xuất, Nhân dân tự giác thực hiện. Tổ chức và phối hợp tổ chức thành công các sự kiện kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước trong năm 2025; các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao bảo đảm Nhân dân được đón Tết Ất Ty vui tươi, đầm ấm, an toàn, tiết kiệm, phù hợp với nếp sống văn minh, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

5. Triển khai Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó đặt trọng tâm nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập của thị trường văn hóa, phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa Việt Nam có tiềm năng, có dư địa phát triển; khuyến khích sự sáng tạo trong văn hóa, văn học nghệ thuật gắn với đặc trưng của Việt Nam và thời đại. Trong phát triển công nghiệp văn hóa, Nhà nước giữ vai trò kiến tạo chính sách, doanh nghiệp giữ vai trò triển khai thực hiện, đội ngũ sáng tạo giữ vai trò thiết kế sản phẩm, nội dung.

6. Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Đầu tư phát triển thể thao quần chúng. Hướng dẫn các địa phương tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao các cấp tiến tới Đại hội Thể thao toàn tỉnh. Tập trung chuẩn bị lực lượng cho Đoàn Thể thao Nghệ An tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026.

Với những kết quả đạt được và việc xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm cần phải tập trung về đích trong năm 2025, năm cuối cùng của nhiệm kỳ Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2020 - 2025, ngành VH&TT Nghệ An đã, đang và sẽ tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của mình trong thời kỳ phát triển và hội nhập mạnh mẽ của tỉnh Nghệ An. Cùng với cả nước, ngành VH&TT Nghệ An quyết tâm xây dựng thành công nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tận dụng tốt mọi cơ hội, vượt qua các thách thức, sẵn sàng tâm thế bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.



Tin Xuân đã có cành mai đỏ (Nguyễn Công Trứ)

THI SĨ CỔ ĐIỂN XỨ NGHỆ *với mùa xuân*

HUY HUYỀN

Tết Nguyên Đán & mùa Xuân là đề tài quen thuộc trong thơ ca cổ Việt Nam, Trung Hoa, đặc biệt được thể hiện rõ nét, hấp dẫn trong thơ & câu đối của các thi sĩ cổ điển xứ Nghệ.

Hễ nói đến mùa Xuân là thế nào các thi sĩ xưa cũng đề cập đến cỏ, nhất là cỏ thơm. Đây là hình ảnh ước lệ mang sắc thái muôn đời. Nhà thơ nổi tiếng đời Đường Thôi Hiệu (704 - 754) mở đầu bài *Xuân Hạ Thu Đông* 春夏秋冬 bằng câu: *Xuân du phương thảo địa* 春遊芳草地 (Mùa xuân chơi bãi cỏ thơm). Cổ thi Trung Hoa còn có câu quen thuộc: *Phương thảo liên thiên bích/Lê chi sổ điểm hoa*. 芳草連天碧/ 梨枝數點花 (Cỏ thơm xanh biếc liền trời/Cành lê điểm vài bông hoa)

Thi hào Nguyễn Du (1766 - 1820) đã dịch sáng tạo câu này thành câu thơ tả cảnh một sáng mùa Xuân tươi vui đẹp trời trong tiết Thanh minh:

*Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Màu trắng của hoa lê nổi bật lên trên nền cỏ non xanh trong câu thơ của thi hào dân tộc thì ai cũng thấy, nhưng không mấy người để ý cũng chính trong ngày Xuân ấy, cỏ trên mộ Đạm Tiên lại có một màu xanh khác: “*Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng, nửa xanh*”. Đến lúc trời chiều thì cũng ngọn cỏ ấy: “*Một vùng cỏ áy bóng tà.*” Lại có ngọn cỏ trên màu áo Kim Trọng: “*Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời*”. Hôm sau, khi Kim Trọng trở lại nơi kỳ ngộ, màu xanh của cỏ đã thay đổi: “*Một vùng cỏ mọc xanh rì*”. Đó chính là 5 thứ cỏ xanh khác nhau theo nhận xét tinh tế của cổ Gs xứ Nghệ Phan Ngọc: “*Cỏ xanh là cái muôn đời, những màu xanh khác nhau là sự cá biệt hóa chính xác cái muôn đời ấy*”.⁽¹⁾

Có thể nói thêm: Tình cảm Nguyễn Du thấm đẫm trong mỗi câu thơ tả 5 thứ cỏ xanh



khác nhau đó. Tình cảm đó còn in đậm nét trong bài thơ *Ngẫu hứng 偶興* (bài 3) ở tập *Nam trung tạp ngâm 南中雜吟* của ông:

Nhất đái ba tiêu lục phú giai, Bán gian yên hỏa tạp trần ai. Khả liên đình thảo tham trừ tận, Tha nhật xuân phong hà xứ lai? 一帶芭蕉綠覆階,半間煙火雜塵埃。可憐庭草芟除盡,他日春風何處來? (Một dãy chuối xanh che rợp thêm nhà/Một gian nhà đầy khói lẫn bụi/Tiếc thay, những khóm cỏ trước sân bị dẫy sạch/Mai kia gió xuân biết chỗ nào mà về? (để làm cho về xuân tươi tốt)⁽²⁾).

Sự liên tưởng ở câu cuối thật đột ngột mà tài tình, phải là kết quả của một sự quan sát tinh vi, nhất là sự rung động của một trái tim lớn!

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương (1772 - 1821?) cũng có trái tim lớn như thế. Bà cảm thông được cả với đá:

Gan nghĩa giải ra cùng tuế nguyệt

Khối tình cọ mãi với non sông.

Đá kia còn biết Xuân già dặn

Chả trách người ta lúc trẻ trung.

(Đá ông chồng, bà chồng)

Bà cũng hết sức cởi mở với đất trời:

Sáng mông một, lóng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước Xuân vào.

(Một về câu đối Tết)

Tha thiết yêu đời, tin tưởng sâu sắc vào bản lĩnh của mình, gắn bó với cuộc sống của những người bình dân, đó chính là cơ sở của những vần thơ Xuân ngữ như luôn có nụ cười khúc khích lạc quan, khỏe khoắn của Hồ Xuân Hương.

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1859) cũng rất tin ở tài năng của mình, bất chấp gian khổ, nghèo túng:

Tối ba mươi, nợ hỏi tít mù, co cẳng đạp thằng Bần ra ngõ.

Sáng mông một, rượu say túy lúy, giơ tay bồng ông Phúc vào nhà.

Có lúc nhà thơ đón Xuân, ăn Tết căn bản cũng chỉ có một kho tâm hồn phong phú:

Phím đàn, nếp sách là nghề cũ

Quạt gió, đèn trăng ấy của riêng.

Thiên nhiên làm cho tâm hồn ông đẹp & thanh cao thêm:

Tin Xuân đã có cành mai đó

Chẳng lịch song mà cũng biết Giêng.

Và ông tự hào thách thức với đời:

Tết nhất anh ni ai nói nghèo.

Nghèo mà lịch sự đổ ai theo!

Bánh chưng chất chặt chừng ba chiếc,

Rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu.

Trừ tịch kêu vang ba tiếng pháo

Nguyên tiêu cao ngất một gang nêu.

Ai Xuân anh cũng chơi Xuân với...

Tuy nhiên, trong xã hội cũ đầy rẫy bất công, tàn bạo, các nhà thơ yêu quý của chúng ta không khỏi có lắm nỗi buồn. Đó là nỗi buồn của những con người thiết tha với cuộc sống, với vận mệnh con người, nhưng: "*Hắc dạ thiêu quang hà xứ tầm?*" 黑夜韶光何處尋? (Đêm tối đen, tìm đâu cho thấy cảnh Xuân tươi sáng?) (*Xuân dạ 春夜* - Nguyễn Du) (3). Vì vậy, những nỗi buồn đó thật sự có ý nghĩa tố cáo xã hội.

Vào thời cận đại, nhà ái quốc vĩ đại Phan Bội Châu đôi lúc cũng có những nỗi buồn như thế, nhưng *Bài ca chúc Tết thanh niên* của ông tràn đầy nhiệt huyết:

Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi

Cởi lột xưa mà di dưỡng tinh thần.

Chẳng thèm chơi, chẳng thèm mặc, chẳng thèm ăn,

Đúc gan sắt để dờn non, lấp bể,

Xối máu móng rửa vết nhơ nô lệ...

Đến thơ Xuân & thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con vĩ đại nhất của quê hương xứ Nghệ & của cả dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất, chúng ta mới bắt gặp một tinh thần lạc quan cách mạng chan chứa mà thơ Xuân cổ điển xứ Nghệ nói riêng & thơ ca cổ điển Việt Nam nói chung chưa bao giờ đạt tới được, nhưng nó nằm ở ngoài phạm vi bài viết này!

Chú thích:

(1) Phan Ngọc: *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* Nxb KHXH. H.1985, tr.149.

(2), (3) Nguyễn Thạch Giang, Trương Chính (biên khảo & chú giải): *Nguyễn Du niên phổ & tác phẩm*. Nxb Văn hóa Thông tin, 2001, các tr.665, 531.



Nam thanh nữ tú người Thái múa hát trong ngày Tết cổ truyền

Tết cổ truyền của người dân tộc thiểu số miền núi Nghệ An

TRANG TUỆ

Hầu hết các cộng đồng dân tộc thiểu số (DTTS) đều có Tết cổ truyền. Tết này được tổ chức vào những thời gian khác nhau tùy thuộc vào các cộng đồng chứ không có một mốc cố định chung. Thường họ tổ chức theo chu kỳ nông nghiệp, sau khi đã thu hoạch mùa màng và đến thời gian nghỉ ngơi để chờ làm mùa vụ mới. Và đây thực sự là lễ hội cộng đồng lớn nhất của họ.

Ở miền núi Nghệ An có các cộng đồng tộc người như Thái, Khơ Mú, Thổ, Mông, Ô Đu cùng sinh sống. Đây là những cư dân nông nghiệp và cũng là những cộng đồng đã làm chủ vùng miền núi trong hàng thế kỷ trước. Họ sống trong những bản làng tương đối khép kín, dựa vào canh tác nương rẫy hoặc ruộng bậc thang để sinh sống. Kinh tế của họ dựa vào sản xuất nông nghiệp gồm trồng trọt,



chăn nuôi và khai thác lâm thổ sản là chính. Vậy nên nhiều phong tục tập quán của họ cũng gắn với chu kỳ sản xuất nông nghiệp. Trong đó, Tết cổ truyền là một minh chứng rõ nét. Tết cổ truyền ở các cộng đồng có những tên gọi khác nhau, nhiều khi gồm nhiều lễ hội khác nhau trong đó. Nói đúng thì đây là một dịp Tết cổ truyền chứ không hẳn chỉ là một lễ tết. Hầu hết các cộng đồng này đều có Tết cổ truyền riêng của mình cho đến trước khi họ tiếp nhận Tết Nguyên đán như là sự thay thế cho Tết cổ truyền trong khoảng hơn một nửa thế kỷ qua.

Trong những mô tả về các cộng đồng DTTS ở miền núi Nghệ An trước năm 1945 không có nhiều tư liệu nói về Tết cổ truyền của họ. Những tài liệu sinh động hơn có lẽ được ghi chép từ thời Pháp thuộc và cho đến hiện tại đây vẫn là những tư liệu có giá trị khi nghiên cứu về tộc người thiểu số ở Nghệ An. Trong sách “Nghệ An ký” của Bùi Dương Lịch - một tư liệu quan trọng về xứ Nghệ cũng không có



Trò chơi ném pao của người Mông ở Nghệ An trong dịp Tết. Ảnh: Đình Tuấn

ghi chép gì nhiều về phong tục tập quán của người DTTS. Những thập niên đầu thế kỷ XX, bắt đầu có một số người Pháp và người Việt đi về vùng núi có ghi chép cụ thể và để lại những tư liệu quan trọng liên quan đến đời sống văn hóa vùng DTTS Nghệ An.

Trong số ít ỏi các tài liệu nói về lễ Tết cổ truyền của người DTTS ở miền núi Nghệ An thì phải kể đến ghi chép của danh y Phó Đức Thành. Tháng 3/1933, Phó Đức Thành đã có một chuyến đi về miền núi Nghệ An cùng với Công sứ Nghệ An lúc đó là Lagrere. Đoàn của ông đi lên vùng Quỳnh Châu, Quế Phong sau đó vòng qua Kỳ Sơn, Tương Dương

rời đi về Vinh. Sau đó ông viết loạt du ký “Muốn cho biết đó biết đây” (tập du ký 6 ngày đi về vùng Phủ Quỳnh, Phủ Tương)¹. Trong đó, ông dành nhiều sự mô tả của mình về phong tục tập quán của người Thái ở Phủ Quỳnh. Dù khi nói về Tết cổ truyền, Phó Đức Thành hơi khiêm tốn: “Trong tháng Tết, ai muốn Tết ngày nào cũng được. Như mồng 10 làm được lễ thì làm một con heo, một vò rượu, nhiều gói cá, bánh chưng, bánh xáo, trước cúng cha mẹ, sau mời bà con, anh em, bạn hữu. Trước ăn sau mừng nhau trong mấy ngày ấy. Các câu chúc đến lạy bàn thờ, chúc ở bàn thờ rằng: Năm mới bình an mạnh khỏe. Các nhà đại chủ thổ ăn Tết phải làm trâu bò thêm vào. Dân của chủ thổ tới hết cả, vợ chồng con cái, trước lạy bàn thờ 5 lạy, sau lạy chủ thổ 4 lạy, rồi chúc mừng nhau năm mới mạnh khỏe, sau uống rượu trú là về”. Thực sự, một nghi lễ quan trọng như Tết cổ truyền với nhiều hoạt động phức tạp, việc chỉ ghi chép đơn giản như vậy chưa thể thuyết phục bạn đọc. Nhưng ít ra, chúng ta cũng thấy được một phần nhỏ của việc người Thái đã tổ chức Tết trước đây.

Cũng gần như cùng thời điểm với Phó Đức Thành, Albert Louppe viết “Người Mường ở Cửa Rào” và xuất bản năm 1934 bằng tiếng Pháp. Trong cuốn sách này, dù không mô tả toàn bộ về Tết cổ truyền của người Thái (mà Louppe gọi là người Mường) nhưng tác giả lại có một mô tả chi tiết về tiệc rượu cần trong một dịp lễ hội cổ truyền lớn của người Thái (theo quy mô và cách thức tổ chức là chắc là một Tết cổ truyền). “Trong khi bữa tiệc đang tiền



Mâm cỗ cúng Tết của người Ô đù

hành và những khối lượng thịt rất lớn biến mất như có phép thần thì người quản lý các vò rượu - một người có tín nhiệm, thân với gia đình - đem đặt ngang trên mặt sàn nhà thường ghép bằng những cây tre bổ dọc và đập dập thành thảng, một chiếc sào dài có những vò rượu được buộc chặt vào để giữ cho khỏi đổ, phòng khi sàn nhà đập dềnh và phòng khi các khách đứng ngồi không vững sau tuần rượu. Đặt xong, người này đập vỡ nút các vò bỏ các lớp trấu và lá phủ trên cốt rượu, rồi đổ đầy nước vào các vò..."...“Tất cả đã sẵn sàng để nghỉ lễ bắt đầu. Các khách đến và ngồi xôm xung quanh vò rượu thần quý giá, họp thành nhiều nhóm mà nhóm thứ nhất bao giờ cũng là các chức dịch và các vị khách quý..."...“Chủ nhà mời khách bắt đầu uống. Tất cả mọi người đều đứng dậy và xin

phép uống rồi lại ngồi xuống lấy hơi hút rất mạnh thứ nước có nồng độ của rượu mạnh này trong một khoảng thời gian tương đối dài. Sau đó lại nghỉ. Mọi người cho lời nhận xét về chất lượng của rượu rồi lại bắt đầu hút..."...“Trong khi những người này uống rượu thì những người khác chúc mừng vui vẻ, đùa ghẹo các cô gái (điều này không bị chê trách mà trái lại) hoặc hát, thổi khèn và hút thuốc. Bao giờ cũng có hai người giữ một bộ nhạc cụ gồm một trống lớn và ít nhất là 4 chiếc cồng có âm thanh khác nhau. Trong khi người con trai nhún nhảy phát ra một điệu múa kịch cớm thì người con gái gõ liên tiếp từ chiếc cồng này sang chiếc cồng khác để theo nhịp múa. Bảo rằng đó là một điệu nhạc hay có lẽ quá đáng, nhưng nó cũng có cái duyên dáng và sự hài hòa âm điệu của nó”...

Ghi chép của Louppe về tổ chức lễ hội bao gồm cả nghỉ lễ, uống rượu và trình diễn văn nghệ của người Thái có lẽ là ở một dịp Tết cổ truyền, khi mà họ đã thu hoạch xong mùa màng và chuẩn bị đón năm mới. Ghi chép còn rời rạc và có nhiều bình luận chưa hẳn đã phù hợp nhưng nó cũng cho thấy sự sinh động về lễ hội của người Thái vùng đường quốc lộ 7 trước 1945. Theo những người già kể lại, người Thái ăn Tết cổ truyền khá lớn. Sau khi thu hoạch mùa màng, họ bắt đầu chuẩn bị kết thúc một chu kỳ và đón một chu kỳ nông nghiệp mới. Đó là quãng thời gian nghỉ ngơi, làm



lễ thờ cúng để biết ơn tổ tiên, tổ chức hội để giao lưu, kết đôi và tổ chức cưới hỏi. Cả dịp này kéo dài trong mười lăm đến vài chục ngày và tổ chức ở cả quy mô gia đình lẫn cộng đồng. Họ không chỉ giao lưu, kết nối trong cộng đồng mà còn với cả bạn bè nơi khác đến hay trao đổi qua lại giữa các cộng đồng với nhau.

Đối với các tộc người khác như Mông, Khơ Mú hay Ô Đu cũng có những cách đón Tết cổ truyền riêng. Điểm chung của hầu hết các tộc người này là họ theo nông lịch và sau một chu kỳ nông nghiệp thì họ tổ chức lễ tết. Đó là giao thời của hai chu kỳ nông nghiệp và là dịp để nghỉ ngơi và tổ chức các sinh hoạt văn hóa xã hội nhằm đón một chu kỳ mới. Nhưng cách thức tổ chức và các nghi lễ giữa các dân tộc có sự khác nhau dù có những tích hợp, tiếp biến với nhau.

Người Khơ Mú tổ chức Tết khi kết thúc mùa màng. Sau khi thu hoạch xong, họ tổ chức lễ cúng cơm mới. Sau đó bắt đầu các nghi lễ trong gia đình như thờ cúng tổ tiên trong nhà, rồi nghi lễ thờ cúng tổ tiên chung của dòng họ. Sau đó là lễ cúng chung của cả bản. Cùng với các nghi lễ là các sinh hoạt lễ hội để vui chơi. Người già, người trẻ, theo các nhóm riêng mà cùng tham gia các sinh hoạt từ văn nghệ đến trò chơi dân gian...

Cũng như người Khơ Mú, người Mông tổ chức lễ Tết cổ truyền vào dịp sau khi thu hoạch xong nương rẫy. Sau khi những đám nương rẫy cuối cùng được thu hoạch, già làng và trưởng bản sẽ bắt đầu thông báo để chuẩn bị tổ chức Tết. Các gia đình đều chuẩn bị vệ sinh nhà cửa, rồi tham

gia vệ sinh làng bản cho sạch đẹp. Cùng với đó là chuẩn bị các lương thực, thực phẩm để chế biến các món ẩm thực truyền thống đặc trưng trong ngày Tết. Các gia đình và các dòng họ tổ chức thờ cúng tổ tiên, rồi tổ chức ăn Tết và chúc Tết lẫn nhau. Cả bản cũng tổ chức nghi lễ chung để đón năm mới. Sau đó, là phần hội với giao lưu văn nghệ, trò chơi dân gian... Người Mông có những lúc ăn Tết đến một tháng sau đó sẽ chuẩn bị cho mùa vụ mới.

Người Ô Đu - một cộng đồng dân tộc rất ít người, sống xen kẽ trong các bản Thái, Khơ Mú, nhưng cũng có Tết cổ truyền riêng của họ. Lễ tết đó bắt đầu từ tiếng sấm đầu tiên của năm mới nên còn được gọi là lễ đón tiếng sấm đầu năm. Họ không có lịch và sau khi thu hoạch mùa màng, khi tiếng sấm đầu tiên xuất hiện thì cũng là lúc người Ô Đu kết thúc năm cũ và đón năm mới. Sau khi nghe được tiếng sấm, các gia đình bắt đầu mang đồ đạc trong nhà ra suối để vệ sinh sạch sẽ. Sau đó về bắt đầu tổ chức lễ cúng tổ tiên, rồi tổ chức biểu diễn văn nghệ và các trò chơi dân gian. Dù ít hộ gia đình trong một bản nhưng sự kết nối đồng tộc trong các bản khác nhau được duy trì chặt chẽ nên dịp lễ Tết, họ qua lại thăm hỏi và chúc Tết, vui chơi với nhau.

Ngày nay, hầu hết các tộc người ở miền núi Nghệ An có sự thay đổi trong đón Tết cổ truyền. Một mặt, họ thay đổi thời gian và tổ chức đón Tết Nguyên Đán chung của cả đất nước. Nó gắn với lịch nghỉ Tết chung của cả nước để phù hợp với điều kiện công việc của người dân, nhất là con em đi làm ăn xa. Nhiều yếu tố văn hóa mới được đồng bào tiếp nhận và đưa vào trong dịp Tết. Một quy trình gần như thống nhất về tổ chức Tết được hình thành không chỉ về thời gian mà còn các hoạt động khác. Đến ngày gần cuối năm, người dân ở các thôn bản đều tham gia vào việc vệ sinh nhà cửa và thôn bản dưới sự điều hành của cán bộ địa phương. Các gia đình treo cờ Tổ quốc. Toàn bộ hoặc một số đoạn đường chính trong thôn bản được treo cờ và trang trí đẹp hơn. Quá trình tổ chức Tết cũng được diễn ra theo những kịch bản được xây dựng từ chính quyền xã, nhất là phần hội. Bên cạnh các trò chơi dân gian truyền thống của các tộc người như ném còn, bắn nỏ, đi cà khoeo, đẩy gậy... thì còn nhiều trò chơi mới mà hiện nay khá phổ biến như bóng chuyền, bóng đá, cầu lông... Trong biểu diễn văn nghệ cũng vậy, bên cạnh những làn điệu dân ca dân vũ truyền thống thì cũng có sự xuất hiện của những làn điệu mới, những chương trình âm nhạc hiện đại, kể cả hát karaoke tập thể...

Mặt khác, dù có sự thay đổi về thời gian, nhưng hầu hết các cộng đồng cũng duy trì một số giá trị văn hóa quan trọng trong dịp lễ tết. Nếu như phần hội được tổ chức theo chương trình từ xã là chủ yếu thì phần lễ là thành trì quan trọng để



giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình và dòng họ. Những nghi lễ thờ cúng tổ tiên trong gia đình và trong dòng họ vẫn được thực hiện một cách nghiêm chỉnh. Các bài mo bài cúng và vai trò của thầy mo được thể hiện trong các thực hành nghi lễ. Cùng với đó, những kiêng kỵ trong các nghi lễ dịp Tết vẫn được tôn trọng và duy trì.

Như vậy, có thể nói Tết cổ truyền của các tộc người ở miền núi Nghệ An là sinh hoạt văn hóa quan trọng. Hầu hết các cộng đồng đều tổ chức Tết cổ truyền với những cách gọi khác nhau. Tết cổ truyền không chỉ là một lễ hay một hội đơn giản mà là hệ thống các lễ hội khác nhau và có liên quan với nhau. Cơ bản, Tết có hai phần là lễ và hội. Lễ là phần các nghi lễ trong gia đình, dòng họ và làng bản để thể hiện sự biết ơn với tổ tiên, với thần/ma hay những người có công với cộng đồng. Phần hội là các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật để chung vui, để giao lưu kết nối và để tìm hiểu, yêu đương để đi đến hôn nhân gia đình... Lễ tết là sự kết nối giữa người sống với nhau, giữa người sống với thần linh, với tổ tiên. Đó là một sinh hoạt kết nối cả trong đời sống thực và đời sống tâm linh, giữa thế giới trần tục và thế giới linh thiêng. Ngày nay, Tết cổ truyền của các dân tộc có sự thay đổi theo hướng thống nhất chung của Nhà nước về thời gian và một số hoạt động khác nhau, nhưng cơ bản thì các giá trị của lễ tết vẫn được đồng bào gìn giữ. Dù có những thăng trầm nhất định nhưng nhiều giá trị văn hóa ngày Tết vẫn còn được đồng bào trân trọng, và đó cũng là điểm đáng chú ý trong quá trình thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng tộc người hiện nay.

1. Xem “*Phủ Quy, Phủ Tương du ký*”. In trong “*Thám hiểm Nghệ An*”. Nxb Nghệ An, 2023.

1. Quan niệm về nói lái

Trong tên gọi nói lái quen thuộc này, “nói” là thực hành hành vi giao tiếp ngôn ngữ qua tiếng nói, cũng tức là truyền miệng trong đời sống con người. Điều này nói lên cội nguồn của nó. “Lái” là chủ động bẻ thông điệp của mình theo một hướng khác, một ý nghĩa khác, thậm chí là hướng ngược lại. Trong nội bộ tiếng Việt, chúng ta có thể nhận ra nguồn gốc chữ “lái” có liên quan đến từ cổ được phát âm là “lái”, chỉ sự khác đi hoặc ngược lại.

Từ “nói lái” được ghi nhận rất sớm trong Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes (1651) dưới dạng thức ký âm là TLÁI: “tlái: *aueffo: inuerfus, a, vm.* Tlái áo: *o aueffo da cabaya: inuerfa pars veftis...* nói tlái: *fallar errado: mandosè loqui*”. Nghĩa là “TLÁI: Phía trái, mặt trái. Tlái áo: Mặt trái của áo... nói tlái: nói cách sai suyền...” (Người phiên dịch: Thanh Lăng - Hoàng Xuân Việt - Đỗ Quang Chính).

Đến từ điển *Dictionarium Namitico - Latinum* (Nam Việt Dương Hiệp tự vị) của J.L. Taberd, in năm 1838, thì mục từ trên đã ghi là “nói lái”: “nói lái: *praposter loqui*” (mục từ LÁI).

Trong quá trình đơn tiết hóa, nếu “tl” kết lại ta có “trái”, nếu phụ âm “t” rụng đi, ta có chữ “lái”. Trong “nói lái”, chúng ta còn thấy lưu lại một số nét nghĩa của “trái” như *Từ điển tiếng Việt thông dụng* chú nghĩa: “2. (Mặt vải, đồ dệt, đồ may) ở phía ngược với mặt đẹp thường bày ra ngoài. *Mặt trái của tấm vải. Lộn trái quần áo ra phơi. Trái chiếu trái rồi*. 3. Sai chệch, không đúng với cái được coi là phải, là đúng... 4. Ngược với điều được coi là đạo lý”.

Nhiều phương ngữ người Mường vẫn nói: “Lái xống lái áo” với nghĩa là *trái xống trái áo*, chỉ cách mặc áo lộn trái trong ngày để tang cha mẹ.

Về mặt nghĩa của hai chữ “nói lái”, chúng ta không thể không liên tưởng đến hai chữ “phiên



NÓI LÁI, *chuyện vui ngày Tết*

NGUYỄN HÙNG VĨ



thiết” của các từ điển chữ Hán. Phiên thiết là cách chú âm để đọc chữ Hán cho thống nhất giữa các vùng miền để đạt mục đích “đồng văn” của quốc gia. Người ta dùng hai chữ khác nhau và đánh tráo hai phần phụ âm đầu và phần vần cho nhau để ấn định một âm đọc đúng cho một chữ nào đó.

Dựa theo nghĩa từng chữ một thì ta thấy: chữ “phiên” (còn có âm đọc là “phản”) có các nghĩa như trái, ngược, trở, quay, làm trái lại, lật lại... Chữ “thiết” có nghĩa là: “đem âm hai chữ hợp với nhau, rồi đọc tắt đi để biết âm chữ khác, gọi là thiết. Ví dụ chữ ngoan là *ngô hoàn thiết*, ngô hoàn hợp lại xén thành ra ngoan” (Thiền Chửu - *Hán Việt tự điển*).

Theo đó “ngô hoàn” nói lái lại là “ngoan hồ”, phiên thiết đọc là “ngoan”, “ô tông” nói lái là “đông tô”, phiên thiết đọc là “đông”...

Bởi vậy, cũng có người cho rằng, hành vi ngôn ngữ nói lái của người Việt có nguồn gốc từ việc học và đọc chữ Hán ngày xưa theo cách phiên thiết rồi lan tỏa ra chốn dân gian thành thói quen sử dụng ngôn ngữ. Chúng tôi, bằng sự dè dặt cần thiết, tạm coi đó là sự tương ứng Hán - Việt.

Đến đây, kết hợp nghĩa của “nói” và “lái” chúng ta có thể tạm có một quan niệm về “nói lái” như sau:

Nói lái là một phương thức hoạt động ngôn ngữ dựa trên việc đánh tráo, đổi ngược, hoán vị ngữ âm giữa hai âm tiết khác nhau để tạo nên những âm tiết mới, có nghĩa mới, tham gia vào mục đích của giao tiếp ngôn ngữ.

Nếu những âm tiết mới mới được tạo ra mà không có nghĩa mới, khác đi thì coi như việc nói lái cũng không có cơ hội xuất hiện. Ví dụ: người ta có thể nói lái “o tông” thành “ông to” trong câu “O tông phải ông to rồi” nhưng sẽ không có cơ hội để nói “cô tông” thành “công tô” vì “công tô” không có cơ hội tạo nghĩa trong các phát ngôn.

Từ lời ăn tiếng nói dân gian, nói lái tham gia vào việc sáng tạo văn chương thành văn và xác định một kiểu phong cách ngữ văn giàu tính hoạt kê. Nhưng theo dõi lịch sử văn học Việt Nam, chúng ta thấy những tác giả sáng tác đó mang nặng dấu ấn ảnh hưởng từ ngôn từ dân gian.

Nói lái trong cuộc sống cũng như trong văn học, bởi bản chất nghịch ngôn của nó, nên thường thiên về mỹ cảm hài hước, vui vẻ, nhiều khi có tính chất giễu nhại, giải thiêng. Đây là loại văn chương đọc đáo, chỉ đọc hiểu còn khó dịch ra tiếng nước ngoài nhất.



2. Các phương thức của nói lái

2.1. Hoán đổi vị trí phần vần, giữ nguyên vị trí phụ âm đầu và vị trí thanh điệu: Ví dụ: *có keo - kéo co, đá bèo - đéo bà, cá đối - cối đá, què chân - quần che, mụ ấp - mậ ú, dâu húa - dưa hấu, môm to - mò tôm...* Phương thức đối hoán vị này rất phổ biến ở miền Trung, các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An cho đến Thừa Thiên Huế. Khi hỏi về nói lái, thì hầu như tất cả đều đưa ra những ví dụ thường xuyên theo cách này.

+ Truyện *Đá bèo* trong hệ thống truyện cười về Trạng Quỳnh kể rằng khi thấy một bà quan đi đường, vớng lọng nghênh ngang, Quỳnh bèn ôm một mảng bèo Tây lên rệ đường và ra sức đá. Bà quan thấy lạ hỏi: "Làm chi đó Quỳnh?". Quỳnh đáp: "Đạ! Con rồi nên *đá bèo* chơi!". Kể đến đó thì ai cũng hiểu là Trạng muốn xỏ bà lớn.

+ Hồ khoan Lê Thủy trai gái hát đối nhau rằng: "*Con cá đối nằm trên cối đá/Mèo đuôi cụt nằm mụt đuôi kẻo/Anh mà đối được dẫu nghèo em cũng ưng...*".

2.2. Hoán đổi vị trí phần vần và thanh điệu, giữ nguyên phụ âm đầu: Ví dụ: *các thầy - cây thác... thầy giáo - tháo giầy*

+ Thầy giáo tháo giầy, tháo cả ủng, thủng cả áo, lấy giầy ấn dán áo.

+ *Linh Giang vừa vẹt vừa đồ* (để đối với câu *Phong Nha cả động cả rú*).

2.3. Hoán đổi vị trí phụ âm đầu và phần vần, giữ nguyên vị trí thanh điệu: Ví dụ: *Củ Chi - chi cu, đấu tranh - tránh đấu, chống lầy - lầy chông...*

+ *Con gái Củ Chi chi cu hỏi củ chi.*

2.4. Hoán đổi vị trí phần phụ âm đầu, đổi chút thanh điệu theo giọng địa phương, phần vần giữ nguyên. Các ví dụ:

+ *Bình Định khó mà đình bịnh*

+ *Quân đội nhân dân là quân giận nhân đôi*
- *Quân giận nhân đôi là quân dận nhân hai*
- *quân dận nhân hai là quân hại nhân dân.*

+ *Khi bom hấn ném uỳnh uỳnh*

Cả làng làng cả chỉ mình ông lo...

+ *Tiết kiệm là đi kiểm tiệp* (phương ngữ).

2.5. Hoán đổi như 4 cách trên nhưng dựa vào phương ngữ hoặc gần âm: *áo xanh - anh sáu,*

cụ Mảo - cạo mủ, cơm thiêu - kêu thơm, ồm tong - ống tôm, sứt môi - xôi mứt, lồng kiếng - liếng cống... Thảng hoặc, ít điển ra, người ta chỉ hoán vị thanh điệu thì cũng được coi là nói lái.

+ *Đổi mới tư duy => Đổi mới ti zi.*

+ *Văn dĩ tải đạo => Văn dĩ tải... gạo.*

+ *Hội đồng nhân dân => Hội đồng nhần răng*
(*Hội đồng ăn dân/Hội đồng ăn gian*)

Trong nói năng hoặc các văn bản khác nhau, người ta có thể nhặt một chữ ra hoặc từng cặp tùy thích ở các câu dài để nghĩ ra một từ nói lái miễn phải có nghĩa. Ví dụ: *vũ như cần - vẫn như cũ, trẻ mãi không già - trả mãi không dè, thầy tăng bắt được thàng Tây, mèo đuôi cụt nằm mụt đuôi kẻo...* Đó là do nhu cầu phát ngôn mà nó biến đổi phong phú.

Văn học Việt Nam còn để lại những bài thơ sử dụng nói lái một cách độc đáo.

Thơ Hồ Xuân Hương (tương truyền) với bài *Chùa Quán Sứ*

Quán Sứ sao mà cảnh vắng teo

Hỏi thăm sư cụ đảo nơi neo

Chày kinh tiểu để suông không đằm

Tràng hạt vãi lằn đếm lại đeo

Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc

Trái gió cho nên phải lộn lèo.

Trong thi phẩm trên, các cụm "đảo nơi neo", "suông không đằm" ("suông" giọng Bắc nói là "xuông", mà "xuông không đằm" là "đằm không xuống"), "đếm lại đeo", "trái gió" (giọng Bắc nói là "chái gió", lái lại là "chó dái"), "lộn lèo" đều là từ nói lái.

Có tác giả chơi thơ câu nào cũng chứa từ nói lái như xứ Quảng có ông Huỳnh Ngọc Chiến, tự là Sơn Hồ, thường hay làm thơ hài hước. Ông đã làm bài thơ tặng đám cưới khi cô dâu đã mang bầu:

Ai bàn chi chuyện đã an bài

Trai khiển đồng tình gái triển khai

Cứ sợ cho nên thành cơ sự

Mai than một thờ lỡ mang thai

Tính từ ngày tháng vương tình tứ

Khai ở bây giờ báo khổ ai

Cưỡng chúng ông bà nghe cũng chướng

Thôi đành để chúng được thành đôi.



“Gội đầu” năm mới

QUÁN VI MIÊN

1. Cơ sở tín ngưỡng

1.1. Người Thái quan niệm con người có “hồn vía”. Hồn vía của người là do Bôn/Then - chúa tể và là đấng sáng tạo muôn loài ở “mường trời” ban cho, sau khi “ngài” đúc người từ khuôn Bâu (khuôn vàng) ra; hồn vía mỗi người ngụ ở 2 nơi: (1) trong cây chuối ở “vườn trời” và con cá ở dưới “ao trời”, do “người trời” canh giữ; và (2), theo người (thần chủ) xuống trần gian. Vì vậy, con người sống ở trần gian nhưng hồn vía vẫn “nổi” với mường trời. Cây chuối trong vườn trời héo hoặc con cá trong ao trời chết, thì người ở dưới trần gian cũng chết (!). Nếu hồn vía người ở dưới trần gian,

một lý do nào đó, tách khỏi thân mình, đi rong chơi, thất lạc, hoặc buồn tủi thì người bị ốm. Lúc đó phải cúng lễ “sửa hồn”, để “gọi” hồn vía về, “an ủi” vía, “buộc” hồn vía lại cho người khỏe mạnh, bình an. Kẻ có khả năng giao tiếp với hồn vía, với Bôn/Then là “thầy Mo - người nhà trời” được cử xuống để trông coi hồn vía người ở dưới trần gian. Số lượng hồn vía con người khá nhiều, có “30 vía đằng trước, 50 vía sau lưng”, vía chân, tay, tai, vai, tim, gan... bộ phận nào cũng có vía; nên tính ra tất cả đến 900! Trong số vía đó thì vía đỉnh đầu là quan trọng nhất, gọi là “vía gốc”. Vía gốc ngụ trong tóc người; cho nên “đầu tóc” người là thiêng liêng nhất và phải được bảo vệ/giữ gìn/chăm sóc cẩn thận; những vía còn lại là “vía ngọn”, vía phụ. Vía còn ngụ trong áo, chăn màn, giường gối, bóng người, v.v... Tục “xạc húa” (gội đầu) của người Thái bắt nguồn từ “tín ngưỡng/quan niệm” đó (bảo vệ/giữ gìn/chăm sóc hồn vía). Ở đây chúng tôi không nói đến việc “gội đầu” như một biện pháp “vệ sinh” đơn thuần mà trong tiếng Thái gọi là “ạp húa” (tắm đầu). “Xạc húa” (gội đầu) còn có một ý nghĩa “linh thiêng” hơn thế (ạp húa/tắm



Năm mới - ai cũng vui vẻ đón Tết. Và với chị em phụ nữ người Thái ở bản Tầng Phăn, xã biên giới Na Ngoi (huyện Kỳ Sơn, Nghệ An) vẫn không quên phong tục truyền thống bao đời của dân tộc mình, đó là tục gọi đầu để đón năm mới. Ảnh: Nguyễn Duy

đầu). Vì nó linh thiêng, nên phải gắn với “phép thuật”, “bùa ngải”, “phù chú”...

1.2. “Phù chú là thầy phù thủy dùng lá bùa và câu chú để đuổi tà ma, theo mê tín”⁽¹⁾. “Bùa ngải là loại bùa được làm từ các loại ngải lâu năm, dùng để kêu gọi các thể lực siêu nhiên hắc ám làm theo tôn chỉ, mục đích thần chú của người đã tạo ra nó. Theo sự hiểu trên thì bùa ngải này không cần phải đưa cho người bị hại”⁽²⁾. “Thần chú là âm thanh thiêng liêng hoặc các từ có chứa năng lượng thần thánh hay năng lượng tâm linh. Những câu thần chú là lời đặc biệt khi nó là hiện thân của thần thánh rung động”⁽³⁾. Trong văn hóa Thái thì “thầy mo” thực hành nghi lễ này (phù chú); “bùa ngải” thường là lá “chua me đất”; “thần chú” là những câu có vần có điệu, thường kết thúc bằng câu: “Ồm! khát!” được nhấn mạnh. Từ “ôm” không có nghĩa (hay là chỉ ma quỷ mới hiểu được!), từ “khát” có nghĩa là “hiệu nghiệm/ứng nghiệm tức thì!”...

2. “Xạc hóa” là “gọi đầu”, nhưng không phải chỉ có vậy

2.1. Tài liệu nói đến tục “xạc hóa/gọi đầu” của người Thái sớm nhất có lẽ là trong sử thi “Khun Chương” vào khoảng thế kỷ XI. Đoàn quân Khun Chương tiến đánh Phạ Huồn lần thứ nhất và thất bại: Khun Chương hy sinh. Bên thua phải cử

đoàn đi sứ sang đất đối phương xin mang xác thủ lĩnh về mai táng. Xong, lại sang xin chuộc lại khí tài. Có một vài điều khoản bồi thường chiến phí chưa được đáp ứng, nên Phạ Huồn đã cho bắt giam đoàn sứ lại. Cuối cùng, Trưởng đoàn sứ là Khun Lôm phải dùng đến mưu kế mới được thả ra. Vị trưởng đoàn này đã ngay lập tức làm lễ “buộc vía” cho mọi người trong đoàn và tiến hành cả lễ “xạc hóa/gọi đầu”: “Khun Lôm nói: /Ai cũng gọi lấy hồn lấy vía về cho đủ đấy nhé! / Ai cũng đừng la cà nơi nhà người kéo vía lạc, nghe chưa? / Để vía ta tốt về đến nhà, thấy vợ ta nhé! / Lúc đó Tào giệt lấy lá Xòm Pỏi nhỏ về làm phép lấy súc cho mọi người / Ta sắp nói những điều cầu khẩn trước lễ thể nguyện này! / Cũng vừa lúc năm mới, sắm gọi, tân niên lại về / Khun Lôm lấy



được mục và kim/Chàm vào mặt đánh dấu từng người”⁽⁴⁾. “Xòm pôi” là “lá chua me đất” (dùng làm bùa ngải); “làm phép” tức là nghi lễ phù chú “xạc húa/gội đầu” mà chúng ta đang nói đến; “lấy sức” tức là nói đến mục đích cầu khẩn, mong cho được “mạnh khỏe, bình an”; thời điểm tiến hành nghi lễ này là “năm mới, sắm gọi, tân niên lại về”. “Sắm nổ, mưa xuống”, mở đầu một chu kỳ sản xuất, làm ăn trong một năm. “Năm mới” được đánh dấu bằng “sự kiện tự nhiên” ấy. Nghi lễ “xạc húa/gội đầu” cũng mới được tiến hành “từ đó”. Như vậy, có thể thấy rằng, “năm mới” là một ngày không cố định, có thể thay đổi theo “vùng, miền”. Đó là điểm “mạnh” và cũng là điểm “yếu” của lịch Thái. “Mạnh” vì nó sát với “vùng miền”, “yếu” vì nó không thống nhất. Về sau, sống trong tổ quốc Đại Việt/Việt Nam, người Thái ăn Tết theo âm lịch; đến khi sắm ra, họ tổ chức lễ hội “mừng tiếng sắm đầu năm”. Họ có thể làm nghi lễ “xạc húa/gội đầu” vào dịp Tết và cả dịp “mừng tiếng sắm đầu năm” nữa.

Tài liệu thứ 2 nói đến lễ “Xạc húa/gội đầu” của người Thái là vào thế kỷ XVIII. Thuở ấy, giặc Phẻ từ phương Bắc tràn xuống cướp phá bản mường, đất nước ta. Anh hùng dân tộc Nàng Han đã lãnh đạo nhân dân Tây Bắc đánh đuổi bọn chúng ra khỏi biên giới, đem lại cuộc sống bình yên cho Nhân dân. Các chiến binh cởi giáp, buông gươm, tẩm gội, mừng công. Lúc đó cũng vừa năm mới đến. Ngày nay Nhân dân còn tổ chức “xạc húa/gội đầu” mỗi khi “năm hết, Tết đến” và nâng lên thành một Lễ hội “lung ta/xuống bên” rất linh thiêng. “Năm hết tết đến, tết đến tiễn cái cũ đi, cái tốt thì ta mang về/Câu cho năm mới làm ăn phát đạt/Cái xấu cái cũ hãy đi xa, đi xa mãi, đừng bao giờ quay về nữa/Cái mới cho mọi người thêm nhiều may mắn...”⁽⁵⁾. “Xạc húa/gội đầu” là để “tiễn cái xấu, cái cũ” ra đi, “đón cái mới, cái tốt, may mắn, phát đạt...” đến.

2.3. Lễ hội “Lung ta/Xuống bên” được tiến hành dưới sự chủ trì của thầy mo (mo mường). Đầu tiên, ông thực hiện nghi lễ xin phép tại Đền thờ bản/mường để được “các thần cho tổ chức lễ hội”. Sau đó, thầy mo mới dẫn đầu đoàn nam thanh, nữ tú, già trẻ, gái trai trong bản ra/xuống bên sông/suối. Ông mo một vai vác kiếm; một vai quàng chéo túi vải “Thông xanh” (túi hộ mệnh) trong đó có móng vuốt hổ, vuốt gấu, đoạn sừng tê giác, châu ngọc, nhẫn vàng, vòng bạc... Đoàn người theo sau; người thì đem theo nắm lá chua me đất, mấy quả bồ kết nướng, thau nước vo gạo đã ủ chua, mấy cành lá xanh; vừa đi vừa đánh trống, đánh chiêng náo nhiệt. Đến nơi, mo chọn một vạt đất bằng phẳng, lót lá, bày mâm lễ vật (xôi gà, rượu, trâu cau...), cúng Thần nước, xin được “Xạc húa/gội đầu”, trong đó có đoạn trên đây (mục

2.2). Cúng xong, mọi người bắt đầu xuống bên; đàn ông lên bên trên (dành cho đàn ông), đàn bà xuống bên dưới (dành cho đàn bà, con gái). Trước khi “xạc húa/gội đầu”, ai cũng “đọc thầm” những câu “thần chú” dành cho mình. Có bài “thần chú” của thầy mo; có bài “thần chú” của quan lại... Sau đây là bài “thần chú” của quan lại/vua quan: “*Cây me chua Cóp Nọi lá mỏng/Cây chua me Pông Nọi lá gai/Ngon vươn lên trên/Rễ mảy chĩa về dưới như là gừng cay/Ngon mảy chĩa lên trên hàng huyện hàng phủ/Hái về gội đầu/Vua quan đem về gội tóc/Tao được vào dưới sàn bà chứa/Tao cởi tao yếm!/Luồn dưới sàn bà góa/Tao gỡ tao ‘phù!’/Cho cái xấu rụng như lá Hóc (tre)/Rớt như lá Sỏ/Tan như ong mật, bò về bỏ tổ/Cho phúc tao lên như trăng 16 gác lên Phá Tạ/Cho phúc tao vượng như trăng 15 gác lên Phá Chiếng/Cho ăn cơm tao được ngồi trên/Ăn muối tao được chằm trước/Cho tao được ngồi trước tất cả!/Cho được như lời tao phát/Phép tao phù/Bùa tao yếm, hiệu nghiệm!”⁽⁶⁾. Mong cái xấu mất đi (rụng/rớt), phúc tăng/vượng, thăng quan tiến chức, được ăn trên ngồi trước - đó là nguyện vọng của tầng lớp này.*

Có bài “thần chú” dành cho tất cả mọi người: “*Ta ở bản nhiều ngày chỉ toàn buồn rầu/Ở nhà có bùa ngải tự lại/Ở nhà có bùa ma gì đó rồi?/Ta sắp ra bên dưới để gội đi dầu/Xuống mũi thuyền để gội đi tóc/May ra đi qua bản tìm người tình, người ta cho làm rể/Nói rồi ai cũng cầm gương sáng/Cầm lược từng chải/Lấy thau nước gạo - lúa bông dầy/Thau nước lá Xòm Pôi/Các chàng trai nhỏ ra bên nước trong Chân bước xuống bậc đá để gội đầu/Lên mũi thuyền để*



*gội sạch xui xẻo/Để điều hại trôi theo
dòng nước/Then trồng cây xuống
mường Lùm với đất/Thả cát thả đá 9
hòn/Hòn như hòn Nám Hó/Cây như
cây Xôm Pôi/Xuống giúp, xuống hỗ
trợ/Dưới sàn chộn chạc trâu/Tôi cỡi,
tôi gội/Đầu sàn chộn chạc voi/Tôi
cỡi, tôi gội/Qua bản, ngồi đầu thang/
Tôi cỡi, tôi gội/Ra đi, ngồi đầu cối/
Tôi cỡi, tôi gội/Đi tìm, chung đường
ma/Tôi cỡi, tôi gội/Chải tóc cửa rừng
ma/Tôi cỡi, tôi gội/Châm chèo ăn ban
đêm/Tôi cỡi, tôi gội/Ăn cơm thừa của
ma Tôi cỡi, tôi gội/Ăn cá thừa của
rái/Tôi cỡi, tôi gội/Dưới sàn chộn
đen/Tôi cỡi, tôi gội/Cuộn vải trắng/
Tôi cỡi, tôi gội/Chộn dưới sàn có bùa/
Tôi cỡi, tôi gội/Chộn gằm sàn xui xẻo/
Tôi cỡi, tôi gội/Bước qua đuôi lợn/Tôi
cỡi, tôi gội/Bước qua chổi rơm/Tôi
cỡi, tôi gội/Ồm!/ Xôm Pôi Nọi thứ lá
chua dầy/Cây của mây mọc chỗ kẻ đá
kẻ lên um tùm/Tôi ngắt được 9 ngọn
về đun/Đun nước để người trần gian
gội đầu/Ồm!/Nước gạo - lúa bông
dày/Nước gạo ruộng lúa bông sai/
Ba vốc nước gạo rửa mắt/Năm vốc về
gội, về rửa/Tôi gội dưới nước sóng to
cho trôi/Gội chỗ nước sóng xanh cho
chảy/Nước chảy xiết cuốn trôi tất cả/
Gội chỗ nước sóng to ở vũng ngoài
trời/Tôi rửa mặt cho trắng/ Kỳ thân
mình cho sạch cho trơn/Trơn mượt
như mỡ vịt gái tra/Trơn mượt như
mỡ gà gái quệt/Phúc trai choai lên
cao đờng xuống bao giờ/Lên như trâu*

*Chuông lên giàn/Lên như giàn Pạt Ngâm núi Pha Bun (ở mường
trời)/Cho phúc tôi quen, số tôi lên/Dưới trần gian, người ta bảo
hơn tất cả/Người ta châu về như éch châu/Ngồi như nhái ngồi/
Nằm dài như rắn duỗi/Hầu hạ như hầu hạ Pô Châu (ông trời)/
Canh gác như canh gác Bồ Chủ (ông trời)/Ồm xôm tít/Ồm xôm
tắng!/Ồm cụ vắng!/Lời thương phù chú/Ta gội tóc cho thật đẹp/
Chải đầu cho thật trơn” (7).*

Tục “Xạc húa/gội đầu” năm mới vẫn được người Thái duy trì trong cuộc sống hôm nay. Tục này có nơi gọi là “chinh nặm tiên”, tức là “tranh/giành nước tiên (trời)”. Vào thời khắc quan trọng/linh thiêng chuyển giao giữa năm mới và năm cũ, ai “tranh/ giành” gội đầu/tắm được “nước mới” trước nhất, thì người đó được coi là “hên” nhất, may mắn nhất, điều tốt đẹp nhất sẽ đến với mình trong năm mới. “Mời bà gốc Tắng (cây)/Bà vục bến/Bà đái trâu ủ rượu 180 ngàn thúng/Nhận lấy trâu cháu mời/Nhận lấy cau cháu dâng/Cháu xin 3 vốc nước rửa mặt/Cháu xin 5 vốc nước rửa mắt/Rửa cho sạch như trứng/Rửa cho sáng như dưa/Qua năm xấu, bước sang năm tốt...” (Mời nhà tòn tắng/Nhà vắng tà/Nhà mả lâu hội pẹt păn búng/Hạp âu mành pu lán ma phạc/Hạp âu mành mạt lán ma chao/Hờ lán xó xám cọt nặm ma xuối xe nà/Hờ lán xó hà cọt nặm ma xuối xe tá/ Xuối hờ một pán xáy/Xuối hờ mảy pán tánh/Đắp pí hại, vại ọc pí đi...) (8). “Rửa mặt” là trước nhất, rồi đến “gội đầu”, cuối cùng là “tắm” nước mới.

3. Kết luận

Từ tín ngưỡng/quan niệm hồn vía “ngụ” trong đầu tóc, tập tục “xạc húa/gội đầu” của người Thái được “linh thiêng hóa, kỳ bí hóa”. Nó được lựa chọn thực hành vào thời khắc quan trọng nhất của năm: chuyển giao giữa năm cũ và năm mới; sự kiện quan trọng nhất của lịch nông nghiệp Thái truyền thống: sấm nổ mang theo cơn mưa đầu năm. Nó được thực hiện với nghi lễ “độc đáo”: phù chú. Dù là được thực thi ở cấp độ cá lẻ, nhóm hay cộng đồng/lễ hội, tục “xạc húa/gội đầu” đều thể hiện ý nghĩa nhân văn: mọi người cầu mong những điều tốt đẹp nhất trong năm tới, thời gian tới. Vì thế, nó có sức sống bền lâu.

Chú thích:

- (1) <https://vi.wiktionary.org/...>; (2) <https://google.com/...> ; (3) <https://w.w.google.com/...>; (4) Quán Vi Miên (chủ biên) (2010), *Truyện Khun Chương/Lai khùn chương*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 171, 376; (5) *Lễ hội gội đầu*/<https://vi.wikipedia.org/...>; (6) “Ồm xạc húa”, LTQ (Quỳ Hợp, Nghệ An) đọc...; (7) Quán Vi Miên (2010), *Ca dao - dân ca Thái - Nghệ An* (tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 768 - 771, 834 - 838.; (8) Lương Dương Nga (2019), *Chinh nặm tiên*, Bản tin Dân tộc tỉnh Nghệ An, số Xuân Kỷ Hợi, tr. 24.



Hình ảnh Ông Đồ với áo the, khăn đóng viết chữ thư pháp ở Khu Di tích Kim Liên đã trở thành một nét văn hóa đặc trưng trên Quê Bác trong những ngày đầu xuân mới. Mỗi bức tranh chữ Thư pháp mang một ý nghĩa riêng được du khách rất yêu thích. Ảnh: THNA

Quân về lại nhớ ông đồ Nghệ

VŨ BA LAN

Thật vinh dự và tự hào khi nói tới các ông Đồ của đất nước ta. Chúng ta có ông Đồ Bắc, ông Đồ Nam, ông Đồ Quảng, ông Đồ Thanh và... ông Đồ Nghệ. Mỗi ông Đồ mỗi vẻ, mỗi bản sắc, mỗi tính cách, nhưng đều giống nhau ở chỗ, họ có cùng nhân cách là ông Đồ Nho chân chính, những nhà giáo chân chính, những sỹ phu chân chính. Đức của các ông Đồ đầy lòng nhân ái, tài của họ là biết chất lọc những gì là tinh hoa của đất nước để qua việc dạy chữ mà dạy đạo làm người, dạy con người biết “*Áu nhi học, tráng nhi hành*” (Lúc trẻ đi học, lớn lên giúp đời, cứu nước). Tính cách chung ấy, nhân cách chung ấy



đã thể hiện qua nhiều bài thơ mà Nhân dân ta ca ngợi và tôn vinh các ông Đồ. Trong bài “Văn tế Phan Chu Trinh”, chí sĩ Phan Bội Châu đã viết:

“Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sỹ, còn lòng dâu áo mũ xanh xang/Thối nhà chằm nghiệp bút nghiên, dẫu mặt hào hùng, khi tạm cùng khoa trường đeo đuôi”...

Đó là hình tượng những ông Đồ đã nêu cao khí phách anh hùng, hy sinh xương máu vì nghĩa lớn. Những ông Đồ khi Tổ quốc cần vẫn xếp bút nghiên theo việc binh đao, cứu dân, cứu nước.

Đất nước và Nhân dân tôn vinh các ông Đồ, biết ơn các ông Đồ, vì các ông Đồ đã đào tạo và rèn luyện cho đất nước biết bao nhân tài. Tinh hoa, bản sắc và khí tiết của các ông Đồ mãi mãi còn lưu truyền trong lòng Nhân dân ta. Trong bài thơ “Gửi bạn Xứ Nghệ”, nhà thơ Huy Cận viết:

“Dân thời đại Bác Hồ/Sống xã hội chủ nghĩa/Vẫn đáng đáp ông Đồ/Hay chữ lại hay nghĩa”...

Hầu hết các ông Đồ xuất thân từ nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị, là những anh học trò nghèo ngày xưa, Nhân dân ta tôn vinh gọi là các “anh học, anh nho, anh sỹ”, vì các ông Đồ ấy theo học cho hiểu chữ thánh hiền, theo nghiệp bút nghiên, khoa cử, phấn đấu thành “ông Nghè, ông Cống”. Song, nếu không đỗ đạt thành “ông Nghè, ông Cống”, họ vẫn có đủ điều kiện và kiến thức làm thầy Đồ Nho, dạy học trò. Nhân dân ta tôn vinh họ như:

*“Ông Nghè, ông Cống sống bởi ngọn khoai
Anh học, anh Nho nhai hoài lộc đỗ”...*

Họ càng học càng thông minh, càng giỏi. Nhiều người thi đỗ đại khoa, được Nhân dân tôn vinh qua câu đối:

*“Sáng khoai, trưa khoai, tối khoai, khoai ba bữa
Cha đỗ, con đỗ, cháu đỗ, đỗ cả nhà”.*

Những câu đối trên, Nhân dân ta tôn vinh ông Đồ Nghệ trong việc hiếu học, cần cù, khổ học thành tài. Những ông Đồ xứ Nghệ đã vượt qua cái nghèo đói, khổ cực nhất của quê hương xứ sở để học thành tài. Xứ Nghệ xưa nổi tiếng đói nghèo, lam lũ, tối tăm mà vẫn sản sinh biết

bao ông Đồ Nghệ công hiến và đào tạo biết bao nhân tài cho đất nước. Hàng trăm ông Đồ xứ Nghệ chiếm vị trí cao trong các khoa thi Hương, thi Hội, thi Đình và đã trở thành những người thầy uyên bác, làm vẻ vang cho đất nước.

Chúng ta nhớ mãi hình ảnh thầy khóa và ông Đồ Nho hiện lên rất đẹp trong bài thơ “Chợ Tết” của Đoàn Văn Cừ:

*“Một thầy khóa gò lưng trên tấm phản
Tay mài nghiên hý hoáy viết thơ xuân
Cụ Đồ Nho đứng lại vuốt râu cằm
Miệng nhắm đọc vài hàng câu đối đồ”...*

Ngoài việc dạy ở trường, nhiều ông Đồ còn sống với dân để giúp dân, ví như thầy xem giờ tốt, ngày tốt, ngày xấu, bày cho dân việc hiếu hỷ, cách phòng trừ và chữa bệnh. Có thể nói, ông Đồ xưa rất đa tài. Tết đến, xuân về, dân đến xin thầy đôi câu đối mừng xuân. Có ma chay, tang lễ, dân xin thầy bài văn tế. Thầy Đồ còn là một nhà lương y, khi cần thầy bốc thuốc, chữa bệnh cứu người... Có thể nói, thầy Đồ là linh hồn đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Châm ngôn xử thế và hành động của các ông Đồ được thể hiện qua câu đối sau:

*“Bảng vàng chỉ để nêu tên tuổi
Lòng đỏ từng đem hiến núi sông”.*

Xứ Nghệ, mảnh đất “địa linh” này đã sản sinh không biết bao nhiêu “nhân kiệt” là những ông Đồ, sỹ phu yêu nước, đời đời làm rạng danh Tổ quốc. Những ông Đồ xứ Nghệ, những sỹ phu xưa vừa là nhà giáo, vừa là chiến sĩ, vừa là nghệ sĩ. Không phải ai cũng trở thành nhà văn, nhà thơ, nhưng số đông các ông đồ xứ Nghệ xưa đều được học hành khoa cử, đỗ đạt cao, nên họ có thêm vũ khí sắc bén là văn thơ yêu nước. Tiêu biểu như: Phan Bội Châu, Nguyễn Xuân Ôn, Đặng Thái Thân, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trường Tộ, Phan Đình Phùng, Nguyễn Sinh Sắc, Ngô Đức Kế.v.v...

Ông Đồ Nghệ là niềm tự hào, là vinh dự lớn cho xứ Nghệ và đất nước, là chỗ dựa và nền tảng vững chắc để lớp lớp con cháu và các thế hệ sau này noi theo và tiếp nối.



Các nghệ nhân biểu diễn trống tâm vòng trong Lễ đón bằng xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh nhà thờ họ Nguyễn Sỹ

Ngày Xuân nghe tiếng tâm vòng...

TRẦN ĐÌNH HÀ

NGƯỜI XỨ NGHỆ HẦU NHƯ AI CŨNG BIẾT VỀ VÙNG ĐẤT CHỢ CÓN HUYỆN THANH CHƯƠNG VỚI TIẾNG NÓI “QUÉO” ĐẶC TRƯNG KHÓ NGHE NHƯNG CHẮC CHẮN LÀ ÍT NGƯỜI BIẾT ĐƯỢC Ở ĐÂY CÓ MỘT SINH HOẠT VĂN HÓA VỚI TRUNG TÂM LÀ TIẾNG TRỐNG TÂM VÒNG, LOẠI HÌNH “DÂN NHẠC” CÓ THỂ GỌI LÀ ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ. NGÀY XUÂN CHÚNG TA CÙNG TÌM HIỂU VÀ NGHE TIẾNG TRỐNG TÂM VÒNG.

Trống tâm vòng là độc nhất vô nhị

Trong kho tàng âm nhạc của thế giới và Việt Nam, trống là một loại nhạc cụ với đặc trưng là phát ra âm thanh mạnh mẽ, vang to, trầm hùng. Tuy nhiên có rất nhiều loại trống, có ý kiến cho rằng: Trống tâm vòng là trống cơm nhưng đem so sánh cách chế tác, hình dạng và cách sử dụng thì không phải. Lại có ý kiến cho rằng đây là trống “tâm bông” viện theo Từ điển *Nhật dụng thường đàm* của Phạm Đình Hồ. Từ điển này viết: ‘*Yêu cổ là trống tâm vòng*’ qua tra cứu thì đây là loại trống thất eo (yêu) của Trung Quốc, phần giữa trống có một đoạn hẹp hơn hai đầu trống. Nhật Bản có loại trống Tsuzumi, Hàn Quốc có trống Jangu tức trống Trượng cổ, tại Việt Nam có Phong Yêu (*tức trống lưng ong*) được gọi là trống bông. Tất cả các loại trống này



có phần thắt eo ở giữa và mặt trống hai đầu to nhỏ không bằng nhau, còn trống cơm không thắt eo mà đường kính ở tang trống đoạn giữa lại là lớn hơn đường kính mặt trống, chưa kể trước khi sử dụng phải bôi, trét cơm vào mặt trống.

Khác với các loại trống đã nêu ở trên, trống tầm vòng được làm tang thẳng, hai đầu bằng nhau. Theo một nghiên cứu của nhạc sĩ Phan Thanh Chương các nghệ nhân lâu năm ở xã Thanh Dương (nay là xã Xuân Dương) - trung tâm chợ Cồn nơi sản sinh ra loại nhạc cụ này cho biết: Trống tầm vòng được gắn kết bởi những nguyên vật liệu truyền thống như gỗ ròng của cây mít già ngâm bùn ao. Mặt tầm vòng làm bằng da trâu, da bò non (không dùng da trâu bò già) dùng vỏ cây sui trộn muối hạt giã bột rắc đều lên mặt trong của da rồi dùng vỏ con vẹm cạo, chuốt, bào mỏng đều rồi đem phơi trong bóng râm đến khô nỏ. Vật liệu để gắn tầm vòng được làm bằng sợi mây tắt (loại mây nhỏ bằng đầu đũa có màu vàng cháy) dùng dao lược mỏng, bó thành từng lọn hong trên giàn bếp cho đến khi sợi mây có màu vàng cánh gián rồi bện thành hoa văn hình con rết dùng để làm cỡ, giới hạn cho các loại, cỡ tầm vòng. Các thanh tang được gắn với nhau bằng mỏ cây sung già trộn với mật ong rừng rồi thêm vào ít bột nếp chạo... ngoài ra còn có các dăm tre được làm từ gốc tre già vót nhọn để dựng, căng mặt da của tầm vòng. Hai đầu mặt da bằng nhau nhưng một đầu mỏng hơn gọi là đầu bông (phát ra tiếng kêu trong, cao), đầu kia da trống dày hơn gọi là đầu bìm (phát ra âm thanh trầm, đục). Trước lúc chơi trống, các nghệ nhân dùng dung dịch bột khoai dong riềng trộn với tro lá chuối sứt đánh nhuyễn bôi vào mặt trống để định âm.

Việc dựng tầm vòng liên quan đến cả phong tục, tín ngưỡng của người bản xứ. Các nghệ nhân cao tuổi chọn ngày lành, giờ vui để dựng trống. Không gian cho việc dựng tầm vòng được làm mái rạp hàng hoàng ở sát với hiên nhà chính, ghé bàn được sắp đặt hàng trong hàng ngoài, phía chính giữa được trải chiếu hoa, làm mâm cỗ để cúng thần thiên, địa, cầu Trời, khẩn Phật.

Hương tàn, hạ lễ, người cao tuổi nhất trong hội có sức khỏe, có tài đánh tầm vòng khởi lễ



Bông
ed drum shaped in hour-glass

Trống lưng ong (trống bông)



Trống tầm vòng

bằng cách dùng hai tay cầm hai thanh tang gỗ mỏng ghé sát vào tai gỗ vào nhau tượng trưng cho việc làm dầu, làm phép... rồi mới đến lượt trai thanh nữ tú vây quanh chuyển các vật dựng giúp thợ đan vòng, sắp tang gỗ... Thời gian này cả làng râm rần mời trầu, mời rượu để mừng cho nhà nọ, nhà kia sắp có tầm vòng mới. Tuy chỉ là một chiếc trống nhưng phải sau dăm ba ngày chiếc tầm vòng mới được ra đời. Người già, con trẻ ai cũng chen chân đến để được chạm tay vào



trống. Đến lượt làm lễ khai sinh cho một tầm vòng mới nơi bậc thềm thoáng rộng nhất dành cho các nghệ nhân cao tuổi với đủ bộ lễ áo the khăn đóng, mang bên mình những chiếc tầm vòng màu hạt dẻ. Người đại diện hai tay nâng chiếc tầm vòng lên quá đầu người rồi bái lạy bốn phương tám hướng cầu mong những điều tốt lành. Cùng lúc cả dàn tầm vòng to nhỏ cùng hòa âm nâng niu tầm vòng trẻ cất tiếng chào đời rồi tất cả hòa vào dàn tấu sôi động cả một vùng...

Diễn xướng tầm vòng

Theo các nghệ nhân cao tuổi ở vùng chợ Cồn, đặc biệt là xóm bãi sát bờ sông Lam, ngày trước đánh tầm vòng mọi lúc mọi nơi lúc có sự kiện lớn trong làng xã hay chỉ là tiếng lòng của một người hoặc một nhóm người nên hầu như ai cũng biết sử dụng, nhà nào cũng có trống tầm vòng. Cũng theo nghiên cứu của nhạc sĩ Phan Thanh Chương tiếng tầm vòng không giống như trống cơm của miền Bắc và vùng Nam Bộ với các tiết tấu âm nhạc và bài quen thuộc như: tập tầm vòng/tay không tay có... tập tầm vòng/con công nó múa... tuân theo các lý thuyết âm nhạc chuẩn, tầm vòng Chợ Cồn chỉ là tiếng lòng nhắn gửi với hình thức “xướng”, “xô” bằng tín hiệu của các loại tầm vòng lớn, bé phát ra. Việc xướng là của tầm vòng đại, việc xô là của tầm vòng tiểu. Trên cơ sở đơn sơ về âm nhạc “ngũ cung” của dân tộc, tý chút về phách, nhịp rồi tự đưa ra một thứ niêm luật, câu cú mạch lạc trong cách thể hiện rất riêng, quan trọng nhất là cảm xúc. Ví dụ, khi đã có tiếng trầm báo nhịp (xướng) thì các “bè trầm” phải “ứng” rồi tiếp nối “cả làng” cùng “tấu” lên với hàng chục, hàng trăm cung bậc âm thanh khác (xô) tạo nên một âm hưởng kỳ lạ, riêng biệt.

Ngày trước, tiếng tầm vòng đồng đều rộn rã nhất là lúc đón đón giao thừa chào năm mới. Khi giọng trầm được phát ra từ đình làng, từ nhà nghệ nhân cao tuổi hoặc gia đình người đức cao vọng trọng trong làng thì từ tất cả các nhà mọi người cùng đánh. Các thanh âm cùng tấu lên hồi hả tạo “bữa tiệc tầm vòng” vô cùng sôi động, náo nhiệt. Sau khúc dạo đầu, phần giữa có xướng, có xô, tiếng thanh rồi rít, vụt tắt, rồi lại tiếng trầm xuất hiện lắng lại. Phần cuối,

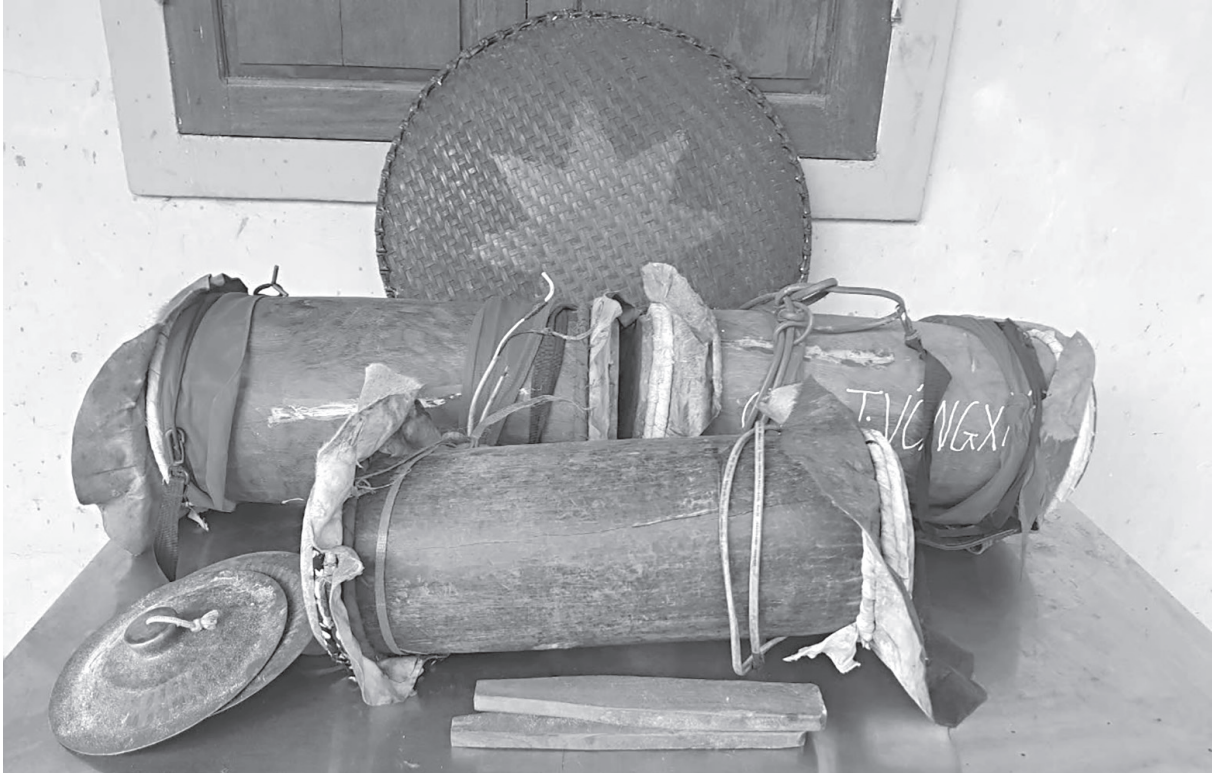
cả làng cùng vang lên với tốc độ nhanh hơn giòn tan như pháo nổ.

Ngoài tiệc âm thanh đêm Giao thừa, tiếng tầm vòng cũng được hòa tấu trong các lễ hội, các sự kiện sinh hoạt làng xã, mừng đám cưới, nhà mới... con trai, con gái tỏ tình với nhau cũng có thể qua tiếng tầm vòng. Họ chào, hỏi nhau, giải bày, thanh minh, bộc lộ nỗi niềm của mình bằng tiếng trống. Khi con trai vỗ bầy tiếng trầm ấm, kèm tiếng lách lép, cứ bốn nhịp rồi trở lại như lần đầu... Cô gái vỗ chín tiếng, trong đó có bảy âm thanh có tiếng lách lép và vỗ đúng số lần như cậu con trai thì có nghĩa là đã “thuận”, là họ có thể gặp nhau nói chuyện với nhau ngoài đời và ngược lại! Cũng qua từng tiếng, từng nhịp âm thanh rành rọt, họ có thể hiểu được hoàn cảnh gia đình, tính nết của nhau.

Cũng vì nghe nhiều, chơi nhiều mà tầm vòng có thể thay ngôn ngữ của người dân nơi đây. Thời giặc giã, tiếng tầm vòng chờ che cho cán bộ cách mạng, báo tin giặc đến, giặc đi. Tiếng tầm vòng ngày xuân của làng trên xóm dưới báo cho nhau biết được mùa màng bội thu hay thất bát, niềm vui nỗi buồn... là cầu nối gắn kết với nhau lo việc làng việc nước.

Ngày xuân nghe tiếng tầm vòng

Cùng với các biến thiên của lịch sử, sự thay đổi của xã hội với sự du nhập của nhiều thể loại âm nhạc, nhạc cụ từ nước ngoài đã có nhiều loại hình “dân nhạc” bị mai một nhưng tiếng trống tầm vòng Chợ Cồn ở huyện Thanh Chương chưa bao giờ mất. Tuy không phổ biến nhà nhà đều đánh tầm vòng như ngày trước nhưng các xã trong vùng như Thanh Dương, Thanh Lương, Thanh Khai đều có đội tầm vòng, người chơi thạo tầm vòng. Tầm vòng hôm nay cũng không đơn giản chỉ là các loại trống lớn bé mà còn có sự tham gia của một số loại nhạc cụ. Theo ông Lê Doãn Hùng - nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Thanh Dương, nay là đội trưởng đội tầm vòng của xã và các nghệ nhân Nguyễn Duy Chân, Nguyễn Đình Lương cho biết: một bản tấu tầm vòng hiện nay gồm các nhạc cụ: Một chiếc trống tầm vòng lớn, một chiếc trống con thông thường, một cặp nao bằng đồng, hai



Bộ nhạc cụ của một bản tấu tầm vòng:
Trống lớn, trống con, một cặp nao bằng đồng, hai thanh tre cật, một chiếc mặt đan bằng nửa.

thanh tre cật, một chiếc mặt (giống cái sàng nhưng được đan dày như nong nia) đan bằng nửa vắn lấy tiếng “xương”, tiếng “xô” làm chủ đạo nhưng tầm vòng hôm nay được định âm bằng ba âm thanh chính là “bông”, “bịm”, “ráp”. Bông và bịm là âm thanh của hai đầu trống như đã nói ở trên, còn ráp là lúc hai tay cùng vỗ một lúc vào hai mặt trống. Một nhịp trống được bắt đầu bằng bông, sang bịm rồi đến ráp, hoặc ngược lại và đổi chỗ tùy bài chơi và tâm trạng, tình cảm mà người chơi muốn chuyển tải. Các âm thanh của các loại nhạc cụ hỗ trợ như: trống con, nao và mặt giữ vai trò cầm nhịp cho trống. Mỗi lần biểu diễn các thành viên trong đội mang áo the khăn đóng cách điệu, chít khăn vàng, đồ tùy vị trí loại nhạc cụ sử dụng, người cầm chịch chơi tầm vòng đại ăn mặc theo kiểu cách riêng. Các cuộc diễn xướng tầm vòng được người dân hồ hởi đón nhận, khuyến khích động viên. Dù nay nhiều người không biết sử dụng, chơi tầm vòng nhưng do được tiếp xúc nhiều

nên ai cũng hiểu, cùng hỉ, nộ, ái ố với nội dung bản tấu chuyển tải.

Một mùa Xuân nữa đang về, các nghệ nhân tầm vòng Chợ Cồn đang hồ hởi, hồi hả dựng trống, tập tầm vòng. Không cầu kỳ, trang trọng như xưa nhưng nhờ được truyền nối kỹ thuật, sự thành tâm và sự hỗ trợ của các thiết bị, dụng cụ hiện đại, chất lượng của các loại trống tầm vòng cũng được nâng lên.

Tết đến, xuân về với người Việt Nam là một sự kiện tổng kết đồng thời cũng là sự khởi đầu. Người dân dù đi đâu, làm đâu cũng cố gắng về nhà, về quê để tri ân, tưởng nhớ tổ tiên, vui vẻ cùng gia đình, họ mạc. Trong niềm háo hức trở về của người xa quê, niềm vui của người dân ở lại quê nhà có nỗi nhớ, sự ước ao được nghe tiếng trống tầm vòng. Thứ âm thanh quê kiểng, dân già đã, đang và sẽ cất lên để người dân Chợ Cồn đón chào năm mới. Đó là một phần hồn cốt, nét đặc trưng văn hóa “độc nhất vô nhị” ở một vùng đất cổ xứ Nghệ.



Những tổ chức yêu nước và cách mạng trước ngày thành lập Đảng bộ Nghệ An

VĨNH KHÁNH

NGÀY 03/02/1930, ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI. THÁNG 3/1930, TỈNH BỘ VINH VÀ TỈNH BỘ NGHỆ AN ĐƯỢC THÀNH LẬP. ĐÂY LÀ KẾT QUẢ CỦA MỘT QUÁ TRÌNH LÂU DÀI VỀ TƯ TƯỞNG VÀ TỔ CHỨC CỦA CÁC LỰC LƯỢNG YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG, MÀ NỀN TẢNG LÀ TINH THẦN YÊU NƯỚC, Ý CHÍ ĐẤU TRANH KIÊN CƯỜNG CỦA NGƯỜI NGHỆ.

Nền tảng kinh tế - xã hội mới

Đến cuối thế kỉ XIX, các cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Xuân Ôn, Lê Doãn Nhã ở Nghệ An, Phan Đình Phùng, Cao Thắng ở Hà Tĩnh đã bị đàn áp dã man. Phong trào Cần Vương thất bại. Công cuộc xâm lược và bình định của thực dân Pháp ở Việt Nam cơ bản hoàn thành. Con đường cứu nước của các sĩ phu yêu nước đã trở nên lỡ nhịp, lỗi thời; nhà nước phong kiến Việt Nam đã bắt lỵc và đầu hàng trước sức mạnh của chủ nghĩa thực dân.

Ngày sau khi phong trào Cần vương tan rã (1896), thực dân Pháp bước vào thời kì khai thác thuộc địa. Về quản lý, vì là xứ "Bảo hộ" nên ở Nghệ An đồng thời tồn tại hai hệ thống chính quyền của nhà nước phong kiến Nam triều và Tòa công sứ của người Pháp. Trong thực tế, quyền lực chủ yếu nằm trong tay thực dân Pháp, chính quyền Nam triều chỉ là tay sai bù nhìn.

Nghệ An, với vị trí địa chính trị - kinh tế quan trọng, nguồn tài nguyên phong phú và giàu có đã trở thành địa bàn quan trọng trong nhận thức và chính sách khai thác của thực dân Pháp.

Bởi thế, ngay từ đầu, liên tiếp vào các năm 1898, 1914, 1917, các thị xã Vinh, Bến Thủy và Trường thi được thành lập. Đến năm 1927, ba thị xã này được sáp nhập thành thành phố Vinh - Bến Thủy do Công sứ Pháp kiêm đốc lý thành phố. Chính quyền thuộc địa và tư bản Pháp đã chú trọng đầu tư và đẩy nhanh tốc độ xây dựng để biến Vinh - Bến Thủy trở thành trung tâm công - thương nghiệp. Tại đây, vào thập kỉ 20 (thế kỉ XX) đã có hàng chục nhà máy có quy mô khá

lớn sản xuất diêm, điện, cá hộp, rượu, gỗ, sửa chữa xe lửa..., trong đó có Nhà máy Xe lửa Trường Thi, Nhà máy Diêm có tới hàng ngàn công nhân. Ngoài ra, tư bản Pháp còn mở ra nhiều đồn điền, có đồn điền Lapicơ quy mô lớn lên đến 7.500ha. Một số tập đoàn tư bản lớn của người Pháp đã tổ chức khai thác và kinh doanh hàng hóa xuất nhập khẩu với quy mô đầu tư ngày càng lớn như SIFA, Laotiene. Chính quyền thuộc địa thực hiện độc quyền kinh tế về công nghiệp nặng, giao thông vận tải, khai thác mỏ lớn, mở đồn điền, xuất nhập khẩu, rượu, muối, thuốc phiện.

Không chỉ khai thác tài nguyên, chính quyền thuộc địa còn áp đặt chế độ sưu thuế vô cùng nặng nề. Hà khắc và bóc lột công nhất là thuế thân đánh vào đầu trang đình.

Để phục vụ cho khai thác, về giao thông vận tải, người Pháp cho xây dựng quốc lộ I, quốc lộ 7 (Vinh - Cửa Rào - Lào), quốc lộ 8 (Vinh - Lào); Nối đường sắt Hà Nội - Vinh



với Vinh - Đông Hà (1927); Sân bay Vinh (1929); Nạo vét lòng sông Lam và mở rộng cảng Bến Thủy (10 triệu Fr, năm 1929).

Về văn hóa xã hội, thực dân Pháp đi ngược lại với rêu rao là “khai hóa văn minh”, không thực tâm phát triển văn hóa, giáo dục, y tế... Tuy nhiên, cùng với sự hạn chế và xóa bỏ hệ thống giáo dục Nho học cũ, hệ thống trường học theo lối mới “tân học” hình thành dần, mặc dù rất chậm, chủ yếu nhằm đào tạo nhân lực phục vụ cho chế độ cai trị của chúng.

Sự chuyển đổi về kinh tế và chính sách cai trị đã làm xã hội ở Việt Nam nói chung và ở Nghệ An nói riêng có sự chuyển biến thay đổi. Đó là bên cạnh giai cấp nông dân chiếm hơn 90% dân số, đang bị bần cùng hóa đã sự hình thành các giai cấp công nhân, tư sản, tiểu tư sản. Cho đến trước năm 1930, giai cấp công nhân ở Nghệ An chỉ chiếm hơn 1% dân số, chủ yếu tập trung ở Vinh - Bến Thủy, trình độ chưa cao và có đặc điểm “bán công bán nông”, gắn bó mật thiết với nông dân, nông thôn. Tầng lớp tiểu tư sản ngày càng đông đảo, nhất là trí thức, học sinh. Một bộ phận đáng kể trong số họ xuất thân từ gia đình nho học, các sĩ phu, có truyền thống yêu nước. Giai cấp tư sản (người Việt) ở Nghệ An xuất hiện nhưng số lượng ít và quy mô tài sản hạn chế, vừa gắn bó quyền lợi vừa bị tư bản ngoại quốc chèn ép. Giai cấp địa chủ có nhiều hạng tùy vào mức độ tích tụ đất đai, có một số kiêm quan lại, nên thái độ chính trị khác nhau; phần lớn là có ý thức dân tộc, tham gia các phong trào yêu nước.

Từ Hội Duy Tân đến Phong trào chống sưu thuế

Phong trào Cần vương tan rã, đường lối đấu tranh bạo động của các sĩ phu thất bại. Công cuộc đấu tranh dân tộc cần một nhận thức mới, một con đường mới. Đến đầu thế kỉ XX, các sĩ phu yêu nước vẫn là những người đi tìm đường. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và các nhà sáng lập Đông kinh nghĩa thực là những người tiên phong tìm đường mở lối và họ đã tìm ra những con đường khác nhau để mong đến độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân quần.

Ở Nghệ An, Phan Bội Châu cùng với Đặng Thái Thân (Nghị lộc) và Tiểu La Nguyễn Thành (Quảng Nam) thành lập Hội Duy Tân, chủ trương Đông du, đưa thanh niên sang Nhật học tập để trở về đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng nền cộng hòa quân chủ lập hiến. Tham gia Hội Duy Tân ở Nghệ An và Hà Tĩnh còn có Đặng Thúc Hứa, Đặng Nguyên Cẩn, Lê Võ, Mai Lão Bạng... Phong trào Đông Du không thành, Phan Bội Châu quay trở lại Trung Quốc thành lập Việt Nam Quang Phục hội với ý định vận dụng đường lối của Tôn Trung Sơn, thành lập nước Cộng hòa dân quốc. Sau khi tiếp xúc với Nguyễn Ái Quốc, ông bắt đầu có xu hướng theo chủ nghĩa xã hội nhưng chưa kịp thực hiện thì bị bắt và bị đưa về an trí ở Huế. Trong Hội Duy Tân ở Nghệ An còn có một phái chủ trương bạo động gọi là “Ám xã” mà thành viên tích cực là Ngô Quảng, Lê Quyên, Lê Khánh, Đề Đạt... Họ xây dựng căn cứ ở Hồng Lĩnh (Nghị Xuân), Bồ Lư (Anh Sơn), liên kết với lực lượng binh lính yêu nước, định đánh thành Hà Tĩnh nhưng bị lộ nên không thành.

Cũng trong thời gian này, năm 1908, phong trào chống sưu thuế xuất phát ở Quảng Nam đã lan ra Hà Tĩnh, Nghệ An rất mạnh mẽ. Thủ lĩnh của phong trào này ở Hà Tĩnh là Nguyễn Hàng Chi, Trịnh Khắc Lập, ở Nghệ An là Chu Trạc. Chu Trạc chuẩn bị lực lượng vũ trang, chủ trương bạo động nhưng tất cả đã bị đàn áp và dập tắt.

Từ Trại Cày Phì Chặt đến Tâm Tâm Xã và Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội

Con đường Đông du sang Nhật thất bại, một số yếu nhân của Hội Duy Tân mà đại biểu xuất sắc nhất là Đặng Thúc Hứa đã tìm ra một con đường xuất dương khác, đó là sang Xiêm, rồi từ đó sang Trung Quốc. Tại Xiêm, họ đã tổ chức Trại Cày - một tổ chức sản xuất sinh sống để hoạt động cách mạng. Tại đây, từ năm 1909, họ đã đón hàng trăm thanh, thiếu niên từ Nghệ Tĩnh sang để huấn luyện rồi từ đó gửi sang Quảng Châu (Trung Quốc). Trong lúc này, các chiến sĩ yêu nước đã tổ chức ra “Hưng nghiệp hội xã” để hỗ trợ lẫn nhau và một phần để hỗ trợ phong trào xuất dương sang Xiêm.



Những thanh niên từ Xiêm sang Quảng Châu, mà tiêu biểu là Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn đã lập ra Tâm Tâm Xã (Tân Việt thanh niên đoàn) với mục đích “Liên hiệp những người có trí lực trong toàn dân Việt Nam, không phân biệt ranh giới, đảng phái, miễn là có quyết tâm hi sinh tất cả tư ý và nguồn lợi cá nhân, đem hết sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền lợi làm người của Việt Nam”.

Tháng 6 năm 1924, tiếng bom Sa Điện bùng nổ. Phạm Hồng Thái ném tạc đạn vào Merlin bất thành. Phạm Hồng Thái hy sinh nhưng mở ra một bước ngoặt mới cho phong trào yêu nước của Việt Nam và xứ Nghệ.

Khi Phan Bội Châu tổ chức Đông du sang Nhật thì lại có một hướng xuất dương khác, sang Pháp và các nước Âu - Mỹ, của Nguyễn Tất Thành. Tại Pháp, Nguyễn Tất Thành với tên mới là Nguyễn Ái Quốc đã tham gia Đảng Xã hội rồi trở thành thành viên sáng lập Đảng Công sản Pháp. Từ đó, ông đã sang Liên Xô, hoạt động cho Đệ tam quốc tế. Từ một người Nghệ tìm đường cứu nước ông trở thành chiến sĩ cộng sản quốc tế. Và đến năm 1925, ông về Quảng Châu để tổ chức và lãnh đạo cách mạng vô sản Việt Nam.

Khi về đến Quảng Châu, với bí danh Lý Thụy, ông tiếp xúc với Phan Bội Châu, các thành viên Tâm Tâm Xã, tuyên truyền đường lối cách mạng vô sản và thành lập tổ chức Thanh niên Cộng sản đoàn gồm có 9 người và kết nạp 5 đảng viên cộng sản dự bị trong đó có Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng

Phong. Đồng thời ông tổ chức đội thiếu niên yêu nước cũng chủ yếu do Đặng Thúc Hứa gửi từ Trại Cày (Phi Chật) sang.

Sau một thời gian huấn luyện, từ những hạt nhân này, tháng 6 năm 1925, ông thành lập tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, gọi tắt là Hội Thanh Niên. Tôn chỉ mục đích của Hội là: “Phấn đấu để thu phục lấy đại bộ phận thợ thuyền, dân cày và binh lính, dẫn đạo cho quần chúng bị lao khổ ấy liên hiệp với vô sản giai cấp thế giới để một mặt đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, chế độ phong kiến; một mặt tham gia vào cuộc thế giới cách mạng sản trừ tư bản chủ nghĩa cả thế giới để thực hiện chủ nghĩa cộng sản”.

Sau khi thành lập, Hội đã phái người về nước để tuyển người sang dự các lớp huấn luyện ở Quảng Châu hay gửi sang học tại Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô). Đồng thời, Hội tiến hành lập các chi bộ các cấp ở trong nước; xuất bản báo *Thanh niên*, *Lính Cách mệnh*; tuyển người đi học quân sự ở Liên Xô hoặc Hoàng Phố.

Về tổ chức, Hội cơ cấu 5 cấp từ Tổng bộ đến kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ. Năm 1927, các kỳ bộ được thành lập xong. Năm 1929, cơ cấu tổ chức được thiết lập và phát triển khắp đất nước, đóng vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê nin và trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh chống Pháp.

Từ Hội Phục Việt đến Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn

Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên vốn là những cựu tù Côn đảo vì tham gia các phong trào Duy Tân, Đông Du, Chống thuế Trung Kỳ..., ngay từ trong ngục tù các ông đã nung nấu khi ra tù sẽ tổ chức một tổ chức ái quốc. Sau khi ra tù, các ông đã liên hệ với các nhóm giáo viên ở Vinh, sinh viên các trường đại học ở Hà Nội để xúc tiến thực hiện ý định này. Ngày 14/7/1925, Lê Văn Huân đã cùng Trần Đình Thanh, Trần Phú, Tôn Quang Phiệt, Ngô Đức Diển đã nhóm họp tại rú Con Mèo (Bến Thủy - Vinh) quyết định thành lập Hội Phục Việt. Hội tuy chưa phát triển rộng rãi, chưa có đường lối chính trị rõ ràng nhưng có tính cách là một tổ chức cách mạng có mục đích hoạt động xây dựng lại đất nước Việt Nam đã tác động đến tư tưởng của tầng lớp sĩ phu, trí thức, thanh niên yêu nước. Sau khi thành lập, Hội đã sớm cử Lê Duy Điểm sang Quảng Châu để liên hệ với Hội Thanh Niên của những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở đây. Sau đó Hội Phục Việt đã tiếp tục cử nhiều người sang tham dự các lớp huấn luyện của Thanh Niên và phần lớn trong số này đã ngã theo Thanh Niên.



Sau khi tổ chức vận động đòi thả cụ Phan Bội Châu và truy điệu cụ Phan Chu Trinh (3/1926), để tránh bị lộ, Hội đổi tên thành Hội Hưng Nam. Tiếp đó, để chuẩn bị cho việc sáp nhập với Hội Thanh Niên, đầu năm 1927, Hội lại đổi tên thành Việt Nam Cách Mạng Đảng (VNCMĐ). Do nhận thức sai lầm của một số lãnh đạo VNCMĐ, việc sáp nhập hai tổ chức chưa thực hiện được, để giữ được lực lượng quần chúng và thuyết phục Hội Thanh Niên, giữa năm 1927, VNCMĐ lại đổi tên thành Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội (VNCMĐCH). Sau đó, ngày 14/7/1928, VNCMĐCH đại hội tại Huế và đổi tên thành Tân Việt Cách Mạng Đảng. Tân Việt có Chương trình hành động, Điều lệ, các quy định về đảng viên, về tổ chức, kỉ luật, giáo dục, huấn luyện đảng viên, các tổ chức quần chúng của đảng. Tân Việt chủ trương: “Liên hiệp tất cả các đồng chí trong ngoài nước, trong thì dẫn đạo công nông binh, quần chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, đặng kiến thiết một xã hội bình đẳng, bác ái mới, cử hành chính trị cách mạng để đánh đổ chính phủ quân chủ, dựng nên chính phủ cộng hòa và xã hội, cử hành xã hội cách mạng để xóa bỏ giai cấp, kinh tế cách mạng để duy trì quyền sinh hoạt của con người...”. Tân Việt có hệ thống tổ chức 6 cấp từ Trung ương đến địa phương nhưng cho đến lúc kết thúc vẫn chủ yếu hoạt động ở khu vực Nghệ Tĩnh; dùng báo Tiếng Dân làm công cụ tuyên truyền.

Do sự phân hóa trong nội bộ, tháng 9/1929, phái tả của Tân Việt

đã ra tuyên cáo giải tán Đảng Tân Việt và thành lập Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn (trên một con đò ở Đò Trai - sông Mênh, chảy từ sông Lam vào Đức Thọ) để cùng với các tổ chức cộng sản khác “Liên hợp thành một tổ chức cộng sản ở xứ Đông Dương, để cho sức mạnh cộng sản vững chắc và duy nhất”.

Hai tổ chức - một phong trào đấu tranh yêu nước

Từ giữa năm 1928 trở đi, Hội Thanh Niên và Hưng Nam/Tân Việt đã có cơ sở đều khắp xen kẽ nhau ở trong các nhà máy, trường học, công sở và cả vùng nông thôn. Vinh - Bến Thủy là địa bàn trọng yếu của cả hai tổ chức. Sự phối hợp hành động giữa hai tổ chức này khá chặt chẽ. Ngày 15/3/1927, hai tổ chức phối hợp kỉ niệm 1 năm ngày mất của cụ Phan Chu Trinh; Đầu năm 1928, phát truyền đơn tố cáo và vận động Hoa kiều gửi thư, điện phản đối Chính phủ Tưởng Giới Thạch khùng bố cán bộ cách mạng Việt Nam ở Quảng Châu; Ngày 14/4/1928, công nhân hãng SIFA biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm, bỏ lệ cúp phạt, ngược đãi... Ngày 02/6/1928, học sinh và Nhân dân phá hiệu buôn nước ngoài vì hành hung phụ nữ người Việt, buộc chính quyền phải xử phạt và trục xuất chủ hiệu buôn.

Sang năm 1929, phong trào lan rộng sang cả hàng ngũ học sinh, bà con tiểu thương và nông dân. Ngày 16/5/1929, công nhân Nhà máy Trường Thi bãi công vì lính Pháp khùng bố. Học sinh Quốc học Vinh rải truyền đơn phản đối giáo viên người Pháp miệt thị học sinh người Việt và cấm tham gia các phong trào yêu nước. Nông dân nhiều nơi phản đối và tấn công Tây đoan và lính thương chính đi thu thuế.

Nhìn chung, vì cả hai tổ chức cùng có chí hướng song trùng nên trong quá trình hoạt động không xảy ra tình trạng công kích, tranh giành quần chúng lẫn nhau mà ngược lại có sự liên hệ, phối hợp khá chặt chẽ, nhịp nhàng và hiệu quả. Do ngay từ đầu Thanh Niên có tổ chức chặt chẽ hơn, chính cương rõ ràng hơn nên đã nhanh chóng thu hút được sự quan tâm nhiều của các lực lượng quần chúng, kể các thành viên của Hội Hưng Nam/Tân Việt.

Mặc dù cả hai tổ chức đều có mong muốn sáp nhập lại thành một tổ chức thống nhất từ khá sớm nhưng mãi đến cuối năm 1929 vẫn chưa thực hiện được vì sự bất đồng về phương thức sáp nhập. Thời kì đầu, Thanh Niên chủ trương sáp nhập thành viên tức là kết nạp các hội viên của Hưng Nam vào tổ chức của mình; ngược lại Hội Hưng Nam lại chủ trương sáp nhập tập thể, hai tổ chức thành một tổ chức thống nhất. Đến giai đoạn sau, năm 1928, trong khi Thanh Niên đồng ý sáp nhập tập thể thì trong nội bộ lãnh đạo



Hưng Nam/Tân Việt có sự phân hóa, hình thành hai phái, một phái chủ trương kiên định theo xu hướng của Thanh Niên, đại diện là Phan Đăng Lưu và Hà Huy Tập; phái còn lại cho rằng ở Việt Nam chưa thể hình thành tổ chức Đảng Cộng sản mà chủ trương cải tổ hội theo xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chỉ thành lập một Đảng “chung của Nhân dân”.

Từ Đông Dương Cộng sản Đảng đến Đảng Cộng sản Việt Nam và Tỉnh ủy lâm thời Nghệ An

Tháng 5/1929, Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội tổ chức đại hội toàn quốc tại Hồng Kông. Đoàn đại biểu Bắc Kỳ đề nghị giải tán Hội và thành lập Đảng Cộng sản nhưng bị phản đối nên đã bỏ ra về và đến ngày 17/6/1929 thì thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (ĐDCSĐ). Tháng 9/1929, các thành viên tích cực của Tân Việt đã thành lập Đông Dương Cộng sản Liên Đoàn (ĐDCSLĐ). Trước đó, tháng 8/1929, tại Sài Gòn, Tổng bộ Thanh Niên và Kỳ bộ Nam Kỳ đã quyết định thành lập An Nam Cộng sản Đảng.

Tháng 6/1929, ĐDCSĐ cử Nguyễn Phong Sắc, Trần Văn Cung vào Nghệ An gặp Võ Mai/Quốc Hoa và lập ra kỳ bộ ĐDCSĐ ở Trung Kỳ, trụ sở ở Vinh. Kỳ bộ phát truyền đơn tuyên truyền vận động, ra báo Bôn Sê Vích (Trung ương ĐDCSĐ có báo Búa Liềm). Trong một thời gian ngắn, phần lớn các cơ sở của Thanh Niên chuyển thành các chi bộ cộng sản. ĐDCSĐ còn xây dựng các tổ chức quần chúng là Tổng Công Hội Nghệ An, Tổng Nông Hội Nghệ An, Tổng Sinh Hội Nghệ An.

Ngoài ra, trên địa bàn Nghệ An, vào năm 1929, còn có một số chi bộ cộng sản ở thành phố Vinh và Thanh Chương do Nguyễn Sỹ Sách thành lập theo chủ trương của Hội nghị trù bị tổ chức Đảng Cộng sản (5/1929) sau khi về nước.

Như vậy, đến cuối năm 1929, trên địa bàn có 2 tổ chức cộng sản (Kỳ Bộ Trung Kỳ của ĐDCSĐ, ĐDCSLĐ) và các chi bộ độc lập do Nguyễn Sỹ Sách tổ chức.

Phong trào cách mạng trong nước phát triển đòi hỏi phải có sự thống nhất lãnh đạo; sự ra đời của một đảng cộng sản để dẫn dắt phong trào là đòi hỏi bức thiết. Đệ tam Quốc tế cộng sản đã cử Nguyễn Ái Quốc trở lại Hồng Kông để thực hiện sứ mệnh này.

Ngày 3/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản được tiến hành tại Cửu Long (Hồng Kông), Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) được thành lập và thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng. Ngoài ra còn thông qua Điều lệ vắn tắt của Công hội, Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phấn để đồng minh và Hội Cứu tế.

Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam đã phân công Nguyễn Phong Sắc - Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ ĐDCSĐ tại Trung Kỳ phối hợp với ĐDCSLĐ tổ chức hội nghị bầu Ban Chấp hành lâm thời Phân cục Trung ương ĐCSVN. Ngày 24/02/1930, Ban Chấp hành Trung ương ĐCSVN ra Quyết nghị công nhận ĐDCSLĐ gia nhập ĐCSVN. Tháng 3/1930, Phân cục Trung ương lâm thời ở Trung Kỳ được thành lập, có trụ sở ở Vinh và Đà Nẵng. Phân cục Trung ương ở Trung Kỳ đã chỉ định hai Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ ĐCSVN tại Nghệ An là: i). *Tỉnh bộ Vinh* (bao gồm Vinh, Bến Thủy, Nghi Lộc, Hưng Nguyên và thị xã Thanh Hóa) do Lê Mao phụ trách; ii). *Tỉnh bộ Nghệ An* (gồm các huyện còn lại của Nghệ An), do Nguyễn Liễn phụ trách.

Việc hình thành các Đảng bộ ĐCSVN ở Nghệ An là kết quả của một quá trình chuyển hóa lâu dài cả về phương diện tư tưởng và tổ chức của rất nhiều lực lượng yêu nước và cách mạng, trong đó có vai trò tiếp nhận, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin của tầng lớp trí thức. Trên nền tảng tinh thần đấu tranh yêu nước và cách mạng của các thế hệ thuộc nhiều giai tầng, sự phát triển của phong trào, chủ nghĩa Mác - Lê Nin đã trở thành chất keo dính kết các tổ chức, các giai cấp thành một tổ chức cách mạng đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Các Đảng bộ ĐCSVN được thành lập là tiền đề có tính chất quyết định sự phát triển và thắng lợi của tiến trình cách mạng ở Nghệ An trong gần 100 năm qua.



NGUYỄN ÁI QUỐC năm 1925

THẢO NGUYỄN

CÁCH ĐÂY 100 NĂM, SAU HÀNH TRÌNH HƠN 10 NĂM TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, LÃNH TỤ NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ QUẢNG CHÂU (TRUNG QUỐC) TRONG VAI TRÒ CÁN BỘ CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN. TẠI ĐÂY, NGƯỜI ĐÃ HƯỚNG MỌI NỖ LỰC VÌ SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC, KHẨN TRƯỞNG CHUẨN BỊ MỌI MẶT VỀ TƯ TƯỞNG, CHÍNH TRỊ VÀ TỔ CHỨC CHO VIỆC THÀNH LẬP MỘT CHÍNH ĐẢNG MAXIT - LÊNINIT CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN CUỘC CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ THEO CON ĐƯỜNG CHỦ NGHĨA VÔ SẢN.

1. Ngày 11-11-1924, từ Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc về đến Quảng Châu trong vai trò là người của Bộ Phương Đông, Quốc tế Cộng sản, làm việc trong phái bộ M.M.Bôrôđin bên cạnh Chính phủ Trung Hoa dân quốc. Quảng Châu lúc này là nơi tập trung khá đông đảo các chiến sỹ yêu nước và cách mạng Việt Nam. Lớp các sỹ phu có Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền... Lớp sau đông đảo hơn, là các thanh niên yêu nước. Phần đông họ được tập hợp trong tổ chức *Việt Nam quang phục hội* (do Phan Bội Châu và Cường Để thành lập năm 1912, chủ trương Khôi phục Việt Nam, kiến lập



Việt Nam dân quốc). Tuy vậy, năm 1923, Lê Hồng Phong, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Lâm Đức Thụ.. đã thành lập một tổ chức yêu nước, có tư tưởng tiến bộ là *Tâm Tâm xã*. Tâm Tâm xã (còn gọi là Tân Việt Thanh niên đoàn). Tâm Tâm xã có tôn chỉ “Liên hiệp những người có tri thức trong toàn dân Việt Nam, không phân biệt ranh giới, đảng phái; miễn là có quyết tâm hi sinh tất cả tư ý và quyền lợi cá nhân, đem hết sức mình tiến hành mọi việc để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam”. Để thức tỉnh đồng bào, ngày 19/6/1924, Phạm Hồng Thái đã mưu sát toàn quyền Merlin tại khách sạn Victoria nhưng không thành công.

2. Về Quảng Châu, mục đích chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc là hướng tới chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết nhất để xây dựng một Đảng mác xít ở Đông Dương và giúp đỡ các nhà cách mạng các nước khác trong vùng.

Qua phái bộ M.M.Bôrôđin, Nguyễn Ái Quốc có điều kiện để nắm thông tin, tìm hiểu và tiếp xúc với những nhà yêu nước Việt Nam đang hoạt động tại đây. Trước tiên, Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc với những thanh niên hăng hái nhất trong *Tâm tâm xã*. Từ đây, Nguyễn Ái Quốc biết được chỗ ở và đã có cuộc gặp với Phan Bội Châu tại nhà Hồ Học Lãm để cùng nhau bàn công việc cứu nước.

Sau khi tiếp xúc với Phan Bội Châu và nắm trong tay bản danh sách những đồng chí thân cận của Cụ, Nguyễn Ái Quốc mở ngay một lớp huấn luyện về phương pháp tổ chức và lựa chọn những thanh niên tích cực, được thử thách qua huấn luyện và công tác để đến tháng 2-1925 thì lập ra một nhóm bí mật, tức là *Cộng sản đoàn*. Cộng sản đoàn gồm có: Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Phong, Lưu Quốc Long (Quý), Trương Văn Lĩnh, Lê Quảng Đạt, Lâm Đức Thụ. Nhóm này được phát triển trong suốt thời gian mà Nguyễn Ái Quốc trực tiếp chỉ đạo, tức là đến tháng 4-1927. Trong các lớp huấn luyện thanh niên từ trong nước sang, sau khi học xong, tất cả vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, nhưng chỉ 5 người được chọn kết nạp vào *Cộng sản đoàn* là: Trần Phú, Nguyễn Văn Lợi, Phan Trọng Bình, Phan Trọng Quảng, Nguyễn Ngọc Ba.

Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (Việt Nam Thanh niên cánh mạng đồng chí hội). Cộng sản đoàn đóng vai trò hạt nhân của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* được thành lập vào tháng 6/1925.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là một tổ chức có tính chất quần chúng rộng lớn hơn nhằm tập hợp các phần tử thanh niên yêu nước trong và ngoài nước. Hội công bố

Chương trình và Điều lệ. Điều lệ lần đầu của hội xác định mục đích là: “Hy sinh tư tưởng, quyền lợi, tính mệnh để làm cuộc cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành lại xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản)”. Chương trình hành động cũng được xác định: i. Lựa người giác ngộ, huấn luyện họ, tổ chức họ vào Hội. ii. Cử những hội viên đã được đào tạo vào trong nhân dân để tuyên truyền điều phải và tổ chức các đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội học sinh, Hội phụ nữ, v.v... iii. Cơ hội đầu tiên là tập hợp lực lượng của những đoàn thể quốc gia để đập tan bọn Pháp và lấy lại chính quyền. iv. Thành lập chính phủ nhân dân gồm đại biểu của các đoàn thể công nhân, nông dân và binh sĩ. v. Áp dụng những nguyên tắc tân kinh tế chính sách để thúc đẩy sự phát triển các cơ quan sản xuất trong nước, bãi bỏ tư sản tư nhân và sự giao lưu những tài nguyên quốc gia. vi. Đoàn kết với những giai cấp vô sản của tất cả các nước và thành lập xã hội cộng sản... ”.

Hội Thanh niên cách mệnh được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ; Là một hệ thống gồm năm cấp: Tổng bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ, huyện bộ và chi bộ. Không chỉ xây dựng tổ chức trong nước, mà ngay từ năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã cử Hồ Tùng Mậu sang Xiêm cùng với Đặng



Thức Hứa tổ chức *Chi bộ Thanh niên* đầu tiên ở Pì Chịt trong cộng đồng Việt Kiều, sau đó là các chi bộ ở Na Khon, U Đon, Sa Khôn và nhiều bộ phận ở các nơi như Bản Mạy, Noóng Bùa, Mục Đa Han, v.v...

Để gắn kết cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, mà trước hết là phong trào cách mạng ở các nước Đông Nam Á, ngày 9/7/1925, với sự hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* ra đời, do Liêu Trọng Khải, lãnh tụ phái tả Quốc dân Đảng Trung Quốc làm Hội trưởng. Hội có sự tham gia của các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Việt Nam, Ấn Độ. Mỗi nước có một phân bộ. Phân bộ Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo.

Trong bức điện gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pari, Toàn quyền Môngghilô (Montgillot) cho biết: "Trong tổ chức "Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á châu" [...], Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành một cuộc vận động vô cùng khôn khéo phù hợp với điều kiện của người An Nam nhằm giáo dục cách mạng cho nông dân và công nhân An Nam và đoàn kết họ chống lại sự thống trị của người Pháp".

3. Để có một tổ chức mạnh, hoạt động hiệu quả, Nguyễn Ái Quốc đã tổ chức các lớp huấn luyện mà học viên đầu tiên là những thanh niên Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc, đặc biệt là những người

có chân trong tổ chức Tâm tâm xã. Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn từ những lớp huấn luyện đầu tiên những thanh niên có đủ tiêu chuẩn để thành lập *Cộng sản Đoàn* (2/1925) và tổ chức *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (6/1925), sau đó cử về nước tuyên truyền và tổ chức những đoàn xuất dương sang học tập tại Quảng Châu. Vào khoảng cuối năm 1925 hoặc đầu năm 1926, trường huấn luyện chính trị mới được chính thức thành lập. Trong một bản báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản đề ngày 3-6-1926, Nguyễn Ái Quốc viết: "Tổ chức một trường tuyên truyền. Các học viên được bí mật đưa đến Quảng Châu. Sau một tháng rưỡi học tập họ trở về nước. Khóa thứ nhất được 10 học viên. Khóa thứ hai sẽ mở vào tháng 7 tới, sẽ có khoảng 30 người".

Trường này đặt tại ngôi nhà số 13 đường Văn Minh (sau đổi là phố 422, đường Diên An 1, Quảng Châu). Ở lối vào tòa nhà có gắn tấm biển đề "*Ban huấn luyện chính trị đặc biệt*". Trường huấn luyện chính trị đặc biệt được Chính phủ Tôn Dật Tiên coi như một phân hiệu của Trường Quân chính Hoàng Phố và đã hoạt động dưới sự giúp đỡ của Chính phủ Quảng Châu và Đoàn cố vấn Liên Xô.

Là giáo viên chính, Nguyễn Ái Quốc đã dành hầu hết thì giờ cho lớp huấn luyện. Hồ Tùng Mậu và Lê Hồng Sơn tham gia công việc này với tư cách là

giáo viên phụ giảng. Bôrôđin và các giáo viên Liên Xô ở trường Quân chính Hoàng Phố như V.K.Bluikhe, B.A.Páplop, M.V.Quybusép, V.M. Primacóp cũng đến giảng bài cho các lớp huấn luyện.

Trong các khóa học, học viên được nghiên cứu tình hình quốc tế, lịch sử tiến hoá nhân loại có nhấn mạnh thời kỳ chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, phong trào giải phóng dân tộc ở Triều Tiên, Trung Quốc và Việt Nam; chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên, chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga; về lịch sử và tổ chức Quốc tế I, Quốc tế II, Quốc tế III và các tổ chức quần chúng của Quốc tế Cộng sản. Học viên được huấn luyện về vận động và tổ chức quần chúng như công hội, nông hội v.v... Học viên không những chỉ được trang bị về lý luận mà còn được trang bị về kỹ năng thực hành các công việc cách mạng như làm báo, diễn thuyết, v.v.. Từ năm 1925 đến năm 1927, nhiều thanh niên yêu nước từ khắp các miền đất nước, cả Việt kiều ở Xiêm đã đến Quảng Châu dự các lớp huấn luyện chính trị. Tính đến tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc đã mở được 10 lớp cho khoảng 250-300 người. Tuyệt đại đa số học viên sau khi học xong được tung về nước và về Xiêm hoạt động. Họ trở thành người tuyên truyền và xây dựng các tổ chức cách mạng trong nước và trong Việt kiều ở Xiêm.



Cùng với việc mở trường huấn luyện, Nguyễn Ái Quốc còn lựa chọn và cử học sinh đi học tại Trường đại học phương Đông và Trường Quân chính Hoàng Phố để đào tạo cho đảng mácxít tương lai một đội ngũ cán bộ đa dạng, đáp ứng nhiều mặt cho phong trào. Tại Đại học Phương Đông, một nhóm cộng sản An Nam đã được thành lập. Theo Tiến sĩ sử học Alanh Rútxiô thì "Số mặt thám Pháp thống kê từ năm 1923 đến năm 1931 đã có 75 người Việt Nam đi học những trường đó". Một số học sinh Việt Nam tốt nghiệp trường này đã trở thành những nhà lãnh đạo nổi tiếng của Quốc tế Cộng sản và của Đảng Cộng sản Việt Nam sau này như Nguyễn Ái Quốc, Lê Hồng Phong, Trần Phú và nhiều nhà lý luận xuất sắc khác của Đảng.

Đồng thời có khoảng 30 học viên Việt Nam đã tốt nghiệp Trường quân sự Hoàng Phố. Nhiều học viên Việt Nam tốt nghiệp ở đây về sau trở thành những cán bộ quân sự của Đảng ta như Phùng Chí Kiên, Trương Văn Lĩnh, Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn, v.v.

4. Để thực hiện sứ mệnh truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê Nin, đồng thời với việc thiết lập các tổ chức cách mạng, mở các lớp huấn luyện trực tiếp, Nguyễn Ái Quốc rất chú trọng công tác tuyên truyền. Nguyễn Ái Quốc chủ trương xuất bản báo *Thanh niên* làm phương tiện tuyên truyền mục đích, tôn chỉ và chủ trương

của Hội, hướng dẫn hoạt động cách mạng cho mỗi hội viên.

Báo *Thanh niên* ra số đầu tiên vào ngày 21-6-1925 tại Quảng Châu, là tờ báo mở đầu cho nền báo chí cách mạng Việt Nam.

Nguyễn Ái Quốc là người sáng lập và là cây bút chủ chốt của tờ báo. Từ ngày 21-6-1925 đến tháng 4-1927, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc, báo *Thanh niên* ra được 88 số và suốt cả thời kỳ tồn tại của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, báo ra được trên 200 số. Báo *Thanh niên* được bí mật đưa về phổ biến trong nước và được một số địa phương tổ chức in lại. Báo *Thanh niên* góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, góp phần quan trọng chuẩn bị về mặt tư tưởng, chính trị và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân vào đầu năm 1930.

Ngoài báo *Thanh niên*, Hội còn xuất bản ba tờ báo định kỳ khác là tuần báo *Công nông*, bán nguyệt san *Lính cách mệnh* và nguyệt san *Việt Nam tiền phong* nhằm tuyên truyền cho những đối tượng hẹp hơn là công nhân, nông dân hay binh sĩ người Việt Nam trong quân đội Pháp ở Đông Dương.

Ngoài báo chí, Hội Thanh niên Cách mạng còn in một số sách tuyên truyền về chủ nghĩa vô sản và cách mạng các nước, trong đó có cuốn *Đường cách mệnh* tập hợp những bài viết của Nguyễn Ái Quốc do

Bộ Tuyên truyền của *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức* xuất bản đầu năm 1927. Nhà sử học người Nga I.A.Ognhetốp xác định: "*Đường cách mệnh* mà trong đó người cộng sản Việt Nam đầu tiên trình bày dưới dạng dễ hiểu bản chất của học thuyết Mác - Lênin và phương hướng phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam đã đóng vai trò chủ đạo trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam những năm 20 và trong việc kết hợp phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác".

Năm 1925 là năm đầu tiên Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (Trung Quốc) hoạt động với vai trò là cán bộ của Quốc tế cộng sản nhưng đã hướng toàn bộ hoạt động của mình cho sự phát triển của phong trào cách mạng nước nhà. Người đã nắm bắt tình hình một cách nhạy bén và chính xác để tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê Nin, xây dựng các tổ chức cách mạng, chuẩn bị cơ bản mọi mặt về tư tưởng và chính trị, tổ chức và lực lượng cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam vào năm 1930.

Năm 1925, có thể coi như là năm bản lề của cách mạng Việt Nam. Với vai trò dẫn đầu của Nguyễn Ái Quốc, phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ đây bắt đầu chuyển hướng sang một giai đoạn mới theo đường lối cách mạng vô sản.



KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH PHAN NGỌC
(1925-2025)

Buổi học thầy duy nhất

PHẠM THÀNH HUNG

Tôi cứ nghĩ nơi vĩnh biệt thầy Phan Ngọc (1925-2020) phải là Nhà Tang lễ Quốc gia số 5 Trần Thánh Tông, đọc cáo phó mới biết lại là Nhà Tang lễ Nhân dân thành phố Phùng Hưng. Vậy là thầy Phan Ngọc lại ghé vào nơi năm xưa thầy Trần Đức Thảo (lộ tro từ Pháp) đã nằm chờ 2 tuần ở một gầm cầu thang đầu đó. Những người yêu nước và yêu khoa học của thời Nhân văn giai phẩm bao năm rồi, không hẹn mà vẫn gặp nhau trong những không gian tâm linh huyền bí thế. Có điều, năm xưa, thầy Phan Ngọc không như thầy Trần Đức Thảo bị ra khỏi ngành giáo dục, cho đi cải tạo, mà vẫn được ở lại Trường. Ở lại nhưng không được dạy, chỉ được dịch tài liệu cho người khác sử dụng.

Đầu năm 1980, mấy giáo viên trẻ chúng tôi vẫn hay nghe thầy Phan Ngọc nói chuyện. Không có chỗ làm việc, nhưng chấp hành quy chế lao động của Khoa, hằng tuần, vào hai buổi thứ 2 và thứ 4, thầy Ngọc (cùng thầy Cao Xuân Hạo) cũng có mặt để "làm



việc". Nói là vào "làm việc" nhưng lại chẳng có chỗ nào ngồi "làm". Biết thầy không có chỗ ngồi nên học theo mấy ông giáo viên khóa trước (như Bùi Việt Thắng, Phạm Quang Long, Nguyễn Huy Hoàng, Trần Hình, Hữu Đạt) đám giáo viên độc thân chúng tôi cùng những Lê Đông, Cao Vũ Trân, Trần Trí Dối ở nhà C5 thường đón thầy vào phòng. Chúng tôi ở rất chật, chỉ được cấp giường ngủ, không cấp bàn ghế. Thầy trò ngồi chung, co gối trên giường cá nhân. Ban đầu tôi mua bao Cứu Long - loại thuốc rẻ áp chót, mời thầy. Thầy không chê thuốc rẻ, cứ rút hút liên tục, vừa rít thuốc, cười khà khà, nói chuyện.

Khi ấy, tôi chẳng có định hướng chuyên môn gì rõ ràng nên tôi hỏi linh tinh đủ chuyện thì thầy cũng kể chuyện linh tinh. Chuyện gì thầy cũng nói. Thầy nói gì cũng vui. Tôi nể nhất là thầy bảo rằng: "nhà tôi" bắt mỗi tháng tôi phải kiếm tiền đủ mua 13 kg thịt lợn, dịch, dạy, hay đi phu xe, bà không cần biết, cứ phải đủ 13 cân. "Tôi dịch đủ 13 cân là tôi chơi thôi. Thừa sức...". Nghe thầy nói, chúng tôi bái phục. Tem phiếu hạng E2 của chúng tôi bấy giờ chỉ được Nhà nước cho mua mỗi tháng 5 lạng. Vậy mà thầy làm ra 13 cân!

Một lần đang từ tiếp thầy bằng một bao Cứu Long chưa bóc tem, thầy thấy chúng tôi chỉ mua lẻ, nửa bao. Thầy trò hút chưa trưa đã hết. Từ buổi

đó thầy không vào phòng chúng tôi nữa.

Giáo sư Nguyễn Kim Đính kể cho chúng tôi biết rằng, năm 1956, sau khi thành lập Đại học Tổng hợp, thầy là giảng viên chính trẻ nhất (31 tuổi), dạy được nhiều môn nhất. Giáo sư Đặng Thai Mai sau khi kiểm tra năng lực ngoại ngữ đã giao nhiệm vụ luôn cho thầy: dạy Văn học Trung Quốc, rồi sang dạy Lý luận văn học, Ngôn ngữ học. Thầy dịch đến đâu dạy đến đó, đọc qua giáo trình và tài liệu tiếng nước ngoài rồi dạy bằng tiếng Việt. Có hôm thầy cầm cuốn *Cơ sở lý thuyết văn học* của Timophêep (bản tiếng Nga) vào lớp, nhìn qua mấy phút rồi giảng luôn. Lương của thầy khi đó bằng lương Giáo sư Hoàng Xuân Nhị. Sau kỷ luật từ vụ Nhân văn giai phẩm, hai chục năm liền thầy không được lên lương.

Sau giải phóng miền Nam, vào đầu những năm 80, chế độ quản lý tư tưởng có phần nới lỏng. Chúng tôi nghe tin thầy Phan Ngọc sẽ có một buổi giảng bài sau 20 năm cầm giảng. Mãi sau này chúng tôi mới biết, để có buổi giảng cho thầy, Ban Chủ nhiệm Khoa và lãnh đạo Trường Đại học Tổng hợp đã phải vất óc tìm ra lối đi an toàn cho cả hai. Lãnh đạo cấp nào, từ Bộ môn đến Khoa, đến Trường đều phải thì thầm, nháy mắt, tự hiểu... để cho thầy Ngọc dạy mà mình không bị phê bình, liên lụy. Nếu không nhầm thì

buổi ấy thầy giảng hộ thầy Bùi Duy Tân, vì thầy Tân đột ngột bị "ôm", phải có người dạy thay, không thể để sinh viên mất học.

Tôi trà trộn trong đám sinh viên vào ngồi nghe giảng. Buổi học diễn ra tại tiền sảnh Hội trường Ký túc xá Mễ Trì. Tôi không chú ý nghe, chủ yếu là tôi xem thầy. Xem con chim đại bàng vỗ cánh ra sao sau 20 năm trong lồng. Tôi muốn xem một danh ca sẽ ca hát ra sao sau 20 năm bị cầm hát. Ấy là tôi cứ tưởng tượng thế, thi vị hóa thế thôi. Thực tế, trên lớp hôm đó thầy Ngọc vẫn giữ đúng phong cách ông thầy trên lớp. Chỉ khác chút là thầy nói rất say và đi lại rất dữ. Khóe mép thầy sau vài phút là đọng chấm nước bọt, thầy chẳng nhớ liếm mép xóa đi. Thầy không nhận ra tôi - cái thằng hay mua thuốc Cứu Long giữ thầy, hóng chuyện. Thầy cũng không biết trong giảng đường còn có cả sinh viên khoa Sử, khoa Triết cũng chen vào, kể vai nhau xem thầy giảng. Bài giảng về thơ văn Nguyễn Trãi nhưng thầy mở vấn đề rộng ra thành bi kịch của người trí thức - Nho gia yêu nước thế kỷ XV. Thầy giảng một mạch hai tiếng liền không nhớ giải lao. Thầy không nhớ, sinh viên cũng không ai nhắc. Lối đi giữa giảng đường quá hẹp, không có không gian cho thầy vung tay, xoay người để giải thoát nỗi bức bối và cảm xúc của một tù nhân vượt ngục. Thầy



giảng say sưa quá, kéo dài không có giải lao, sau hai giờ lác đác đã có sinh viên chen ra ngoài. Tôi ngồi lo thầy nhìn thấy sẽ mất hứng. Nhưng không. Thầy không nhìn thấy sinh viên bỏ về, vì thầy hướng tầm mắt lên cao, nhìn các góc trần nhà. Thầy không nhìn người nghe, mà đang đắm đắm nhìn vào... lịch sử.

Rất tiếc là sau buổi học ấy, tôi không còn dịp nào được tiếp thầy hay nghe thầy giảng nữa. Thầy xin chuyển sang Viện Đông Nam Á làm nghiên cứu viên. Trường Đại học Tổng hợp khi đó đồng ý ngay để thầy rời Trường, có lẽ cũng để tránh những vụ việc khó xử, phiền toái giữa thời “tiền Đổi mới”. Vậy là cả đời, tôi chỉ học thầy một buổi trên lớp. Nhưng ngẫm ra, tôi đã học hàng chục buổi các bài giảng linh tinh mà chỉ đóng học phí bằng mấy điều thuốc lè. Có biết bao điều lâu nay tôi thừa thốt nhưng không biết “nguồn trích dẫn” có thể lại từ các buổi nghe lỏm của thầy. Nhiều tài liệu in roneo trong Phòng Tư liệu Khoa Ngữ văn xưa tôi đọc không hề ký tên người dịch, tôi đọc và đoán chỉ là Thầy quên hoặc không được phép ký tên xác định bản quyền và trách nhiệm khoa học. Vì điều này cũng đã từng diễn ra ở

Nhà xuất bản Sự thật đối với các bản dịch của Giáo sư Trần Đức Thảo.

Tiếp xúc với Giáo sư Ivo Vasiljev của Cộng hòa Séc, nhà Việt Nam học từng dịch *Nhật ký trong tù*, am hiểu và sử dụng hàng chục thứ tiếng, tôi mới biết có từ “polyglot” dùng để chỉ những người biết nhiều ngôn ngữ. Trong danh sách những nhà polyglot nổi tiếng thế giới phần lớn là các nhà ngôn ngữ học, như nhà ngôn ngữ học - nhà văn Mỹ gốc Italia Mario Pei (1901-1978) dùng được 38 ngôn ngữ, biết thêm khoảng 100 thứ tiếng nữa; nhà Hán học Đức Emil Krebs (1867-1930) nói được 68 thứ tiếng và viết được 120 ngôn ngữ cả thầy, lẽ ra phải có tên thầy Phan Ngọc - Nhữ Thành. Bởi vì “biết” và “sử dụng - tạo ra sản phẩm cụ thể” là hai chuyện khác nhau. Chỉ cần điểm qua những cuốn thầy Ngọc dịch, ta thấy rõ điều này. Thầy từng dịch bộ *Mỹ học* của Hegel từ tiếng Đức sang tiếng Việt để phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam; dịch *Thần thoại Hy Lạp* từ nguyên bản tiếng Hy Lạp; *Spartacus* từ nguyên bản tiếng Ý; *Chiến tranh và hòa bình* từ nguyên bản tiếng Nga; *Sử ký Tư Mã Thiên*, *Thơ Đỗ Phủ*... từ nguyên

bản tiếng Hán; *Shakespeare* từ nguyên bản tiếng Anh... Xem thế, ta có thể giả định rằng: nếu có điều kiện thuận lợi và nếu cần, thầy Phan Ngọc của Việt Nam dễ dàng ghi tên mình trong danh sách những nhà polyglot.

Ra đi ở tuổi 95, thầy Phan Ngọc không làm những thế hệ học trò của thầy quá đau đớn vì cảm giác mất mát. Nhất là khi đọc lại những câu thầy trả lời nhà văn Phạm Thị Hoài trên *Talawas* năm 2002, xoay quanh chuyện dịch nghĩa từ “*entfremdung*” (tha hóa) trong cuốn *Mỹ học* của Hegel, ta lại có cảm giác yên lòng về tâm thế ra đi mà thầy đã chuẩn bị chu đáo từ gần hai mươi năm trước. Thầy đã viết gì?

“Tôi không hề giận chị Hoài về cách nói. Đời tôi đã phải chấp nhận những lời phê bình như thế suốt hơn 20 năm, cho nên tôi đã quen. Tôi sống nhỏ bé, không nói năng ồn ào, cố gắng làm một vài việc nhỏ dù vất vả, bản dịch *Mỹ học* của Hegel chính là một trong vài việc nhỏ đó. Trong đời mình, ít nhất từ năm 1960, tôi không cầu xin một ân huệ nào, cũng không nói xấu ai để mưu lợi cho mình, chỉ hy vọng cuộc đời sẽ làm chứng cho tôi về cố gắng nhỏ bé ấy. Còn ngoài ra, rồi tất cả sẽ trở về với cõi hư vô...”



95 năm VĂN HÓA ĐẢNG

BÙI ĐÌNH PHONG

VĂN HÓA ĐẢNG, VĂN HÓA TRONG ĐẢNG HOẶC XÂY DỰNG ĐẢNG VỀ VĂN HÓA HIỆN CHƯA CÓ SỰ PHÂN ĐỊNH RẠCH RÒI, TẠM HIỂU NHƯ NHAU. VĂN HÓA ĐẢNG LÀ BÀN VỀ CÁI ĐẸP, CÁI GIÁ TRỊ, HẠT NGỌC LUNG LINH TỎA SÁNG TRONG ĐẢNG ĐƯỢC THỂ HIỆN Ở ĐƯỜNG LỐI, CƯƠNG LĨNH, TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP, CON NGƯỜI, V.V... VĂN HÓA ĐẢNG PHẢN ÁNH SỰ THÍCH ỨNG, ỨNG XỬ, NHÂN CÁCH, TRÁCH NHIỆM, BỔN PHẬN, BẢN LĨNH, ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO, TỰ NHẬN BIẾT MÌNH VÀ VƯỢT LÊN CHÍNH MÌNH, V.V... LÀM THÀNH BẢN SẮC CỦA ĐƯỜNG LỐI, TỔ CHỨC VÀ CON NGƯỜI. THEO ĐÓ, VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI LÀ RẤT LỚN. BÀI VIẾT CHỈ PHÁC THẢO MẤY ĐIỂM TÂM ĐẮC.

Hồ Chí Minh với văn hóa Đảng

Nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh quan tâm đến văn hóa Đảng từ rất sớm mặc dù Người không dùng cụm từ “văn hóa Đảng”, “văn hóa trong Đảng” hay “xây dựng Đảng về văn hóa”. Lần duy nhất Người dùng khi viết “Đảng ta là đạo đức, là văn minh” được coi là trực tiếp bàn về xây dựng Đảng về văn hóa. Bây giờ nói về văn hóa Đảng là cách hiểu của nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam. Bàn về văn hóa Đảng là có lý, bởi vì căn cứ theo mấy trăm định nghĩa về văn hóa của nhân loại và qua cách viết, nói của Hồ Chí Minh thì rõ ràng trong di sản của Người có văn hóa Đảng, văn hóa trong Đảng và xây dựng Đảng về văn hóa.

Sớm nhất với ý nghĩa “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” là khi Đảng ta ra đời, Hồ Chí Minh khắc ghi trên lá cờ của Đảng “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới



xã hội cộng sản". Đó chính là ánh sáng văn hóa Đảng soi rọi cho dân tộc ta đi suốt 95 năm qua. Cương lĩnh văn tắt chứa đựng nội dung sáng rõ, là sợi chỉ đỏ xuyên qua pho lịch sử bằng vàng của Đảng để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua chặng đường đầy hy sinh, gian nan, vất vả, đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác và đạt được thành tựu to lớn như ngày nay. Trong bước hiểm nghèo dân ta "một cổ hai tròng" dưới ách đè nén của Pháp và Nhật, để thích ứng nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn, Hồ Chí Minh đã thay đổi chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc với hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Đó là sự đổi mới, sáng tạo mang chất lượng văn hóa cao, vì nếu không vậy thì quyền độc lập của dân tộc đến vạn năm cũng không đòi lại được. Hồ Chí Minh sáng lập ra Mặt trận Việt Minh, huy động cao nhất lòng nồng nàn yêu nước, ý chí, khát vọng của con Lạc cháu Hồng. Đó là những nét đặc sắc thể hiện sự sáng tạo, trí tuệ bản lĩnh, đậm dấu ấn, cốt cách, diện mạo, sắc thái văn hóa Hồ Chí Minh. Những dấu ấn văn hóa nổi bật đó đã đem lại thành quả sự ra đời của một chế độ mới, chế độ Dân chủ Cộng hòa. Lần đầu tiên trong lịch sử, dưới ánh sáng văn hóa của Đảng, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo Nhân dân giành được chính quyền trong cả nước. Đúng như sau này Hồ Chí Minh tổng kết "văn hóa soi đường cho quốc dân đi. Văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ".

Với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh nghĩ ngay đến tương lai, bàn những nhiệm vụ cấp bách có ý nghĩa chiến lược lâu dài, chủ yếu là nhiệm vụ văn hóa như chống giặc đói, đem lại dân chủ cho Nhân dân, thực hiện cần kiệm liêm chính, đoàn kết lương giáo... Trong hoàn cảnh đất nước "ngàn cân treo sợi tóc" Hồ Chí Minh nói rõ mong muốn đưa Việt Nam theo kịp các nước trên hoàn cầu, bước tới đài vinh quang, sải bước cùng thời đại, sánh vai với các cường quốc năm châu. Câu chuyện của 80 năm trước bây giờ Đảng ta đang bàn thảo, quyết tâm thực hiện tỏ rõ tầm nhìn văn hóa, khát vọng, niềm tin của Hồ Chí Minh.

Đối với Hồ Chí Minh, mọi điều phải được nhìn nhận và giải quyết bằng hệ quy chiếu văn hóa. Trong điều kiện Đảng phải hoạt động bí mật, nhưng ánh sáng của Đảng vẫn phải rọi chiếu thấu suốt mọi mặt của đất nước. Giữa khói đạn và âm mưu tái chiếm nước ta một lần nữa của kẻ thù, Hồ Chí Minh - với tư cách Chủ tịch Đoàn thể (Đảng) và người đứng đầu Chính phủ - không quyết định "mài gươm soạn súng" mà tổ chức Hội nghị văn hóa ngay giữa thủ đô. Một suy nghĩ và hành động "vô tiền khoáng hậu" mà sức mạnh trường tồn của nó vượt thời gian, vẹn nguyên giá trị đến ngày nay. Đó là văn hóa phải làm cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do; làm cho quốc dân có tinh thần vì nước quên mình, vì lợi ích chung mà quên lợi ích riêng mình. Văn hóa sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Văn hóa làm cho ai cũng hiểu nhiệm vụ của mình và biết hưởng hạnh phúc của mình nên được hưởng. Theo tinh thần Hồ Chí Minh, số phận dân ta là ở trong văn hóa, nên văn hóa phải soi đường, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ.

Nổi trăn trở, bận tâm lớn nhất của Hồ Chí Minh là xây dựng văn hóa Đảng khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Người hiểu rõ cán bộ có quyền mà không giữ được đạo đức cách mạng là hỏng. Quyền lực có hai mặt tốt và xấu. Khi quyền lực bị tha hóa sẽ làm hỏng cán bộ và nguy cơ cho sự tồn vong của Đảng. Vì vậy, bước vào kháng chiến chưa được một năm, Người đã tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên sửa đổi lối làm việc. Người phê bình nhận thức, lối làm việc thiếu văn hóa, mang bệnh chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, hẹp hòi, ba hoa. Nhiều cán bộ chỉ thấy Đảng, Chính phủ mà không thấy dân; chỉ thích quan chủ mà không muốn dân chủ; chỉ thích "đè đầu dân, cưỡi cổ dân" mà không muốn "cúi đầu làm ngựa các nhi đồng"; chỉ thích ngồi trong phòng giấy viết chỉ thị nghị quyết rồi đem "cột vào cổ dân chúng, bắt dân chúng theo" mà không muốn xuống cơ sở, đến với dân; v.v...



Đáng phê phán nhất là một số cán bộ không còn tư cách và đạo đức cách mạng, tha hóa về văn hóa. Từ đó Hồ Chí Minh yêu cầu phải thấm sâu văn hóa Đảng như thật thà phê bình và sửa chữa; làm tròn bốn phạm cán bộ, đảng viên của một Đảng chân chính. Bao trùm và xuyên suốt đó là tư cách của Đảng chân chính cách mạng mà hàng đầu là “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”. Hàm lượng văn hóa của Đảng và đảng viên là phải tự thấy mình là một phương án chưa hoàn chỉnh, nên phải “luôn luôn xét lại những nghị quyết và những chỉ thị của mình đã thi hành thế nào. Nếu không vậy thì những nghị quyết và chỉ thị đó sẽ hóa ra lời nói suông mà còn hại đến lòng tin cậy của Nhân dân đối với Đảng”^[1].

Chẳng có văn hóa nào chỉ có ưu điểm và chính vì văn hóa nào cũng có hạn chế nên mới có chuyện tu dưỡng về văn hóa. Bằng cách tiếp cận đó, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Đảng phải có gan thừa nhận khuyết điểm, tìm nguyên nhân sinh ra khuyết điểm, bàn biện pháp sửa chữa khuyết điểm. Như thế mới là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính. Đảng viên, cán bộ cũng vậy. Người có văn hóa là phải tự biết cái tốt cái xấu trong lòng, mà cái xấu phổ biến là chủ nghĩa cá nhân. Đó là một thứ vi trùng rất độc đẻ ra hàng trăm thứ

bệnh. Cán bộ, đảng viên muốn cải tạo xã hội thì trước hết phải biết tự cải tạo mình. Mình bẩn mà muốn xã hội sạch là vô lý. Phải “tu thân chính tâm” thì mới có thể “trị quốc bình thiên hạ”, tức là làm những việc ích quốc lợi dân. Nói chữ là văn hóa phê bình bao gồm cả tự phê bình và phê bình trong Đảng. Đây là một mấu chốt trong văn hóa Đảng mà Hồ Chí Minh nêu một sự gương mẫu tuyệt vời. Trước hết là tự phê bình theo truyền thống “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Nhưng không phải chỉ có tự phê bình mà còn phải phê bình theo lời ông cha “thuốc đắng dã tật, sự thật được việc”. Sự thật là phê bình, mà ý nghĩa ngày càng to tát, nhất là cấp trên để cấp dưới phê bình theo gương Hồ Chí Minh. Người nói: “Tôi làm điều xấu các đồng chí trông thấy, phải phê bình cho tôi sửa chữa ngay. Nếu tôi có vết nhọ trên trán, các đồng chí trông thấy, lại lấy có “nể Cụ” không nói, là tôi mang nhọ mãi. Nhọ ở trên trán thì không quan trọng, nhưng nếu có vết nhọ ở trong óc, ở tinh thần, mà không nói cho người ta sửa tức là hại người”^[2].

Tiếp cận văn hóa thì phải nhận thức con người Việt Nam là con người bốn phạm. Mỗi chúng ta có bốn phạm với rất nhiều mối quan hệ, tầng nấc khác nhau, nhưng cao nhất, quan trọng nhất, trên hết, trước hết phải là bốn phạm với Tổ quốc và Nhân dân. Tổ quốc - Đất nước với người Việt Nam là máu thịt, là cái chúng ta tự xây đắp bằng mồ hôi, xương máu của mình. Nói về bốn phạm của con người Việt Nam thì cán bộ, đảng viên phải có trách nhiệm, bổ phận cao nhất, vì họ có sứ mệnh “đi trước” để Nhân dân noi theo. Họ tốt thì Nhân dân được hưởng. Họ hỏng, suy thoái thì Nhân dân không được nhờ mà còn có hại đến lòng tin của Nhân dân với Đảng. Mà từ suy giảm đến mất lòng tin là mất một gia tài văn hóa lớn, mất tất cả. Muốn làm tròn văn hóa bốn phạm thì phải trau dồi nhân cách, tức là trở về đúng nghĩa gốc của *culture*. Đây là điều Hồ Chí Minh nhấn mạnh, bận tâm ngay từ phác thảo *Đường cách mệnh* bàn về tư cách của người cách mệnh đến *Sửa đổi lối làm việc* bàn về tư cách của Đảng chân chính cách mạng và tư cách, bốn phạm, phạm sự của đảng viên và cán bộ. Cán bộ, đảng viên không thường xuyên vun bồi nhân cách, để mất nhân cách trở thành những “ông quan liêu”, “quan cách mạng”, những “cán bộ nhát gan, dễ bảo”, “đạp đi, hò đứng không dám phụ trách. Như thế là một việc thất bại cho Đảng”^[3].

Hồ Chí Minh suy nghĩ về văn hóa Đảng cầm quyền đến tận cuối đời. Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Người để tâm nhiều vào xây dựng văn hóa Đảng cầm quyền. Tầm nhìn và cách nhìn của Hồ Chí Minh ở chữ “quyền”.



Người nhận thức rõ, sâu sắc cán bộ các cơ quan, đoàn thể ít nhiều đều có quyền, “cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công vi tư”^[4]. Cán bộ có quyền mà không giữ được đạo đức cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân. Trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh không quên khẳng định lại nhận thức đó trong bản *Di chúc* bằng việc lý giải mối quan hệ giữa quyền lực và đạo đức, một điểm mấu chốt để làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh. Người dặn rằng Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch. Phải xứng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân.

Văn hóa Đảng trong công cuộc đổi mới

Đổi mới là văn hóa, văn hóa là đổi mới. Nhận thức như vậy để thấy rằng bước vào đổi mới và xuyên suốt 40 năm qua, Đảng ta rất quan tâm tới văn hóa Đảng, xây dựng văn hóa trong Đảng. Điểm mở đầu có tính đột phá đó là thái độ nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật. Chỉ có một Đảng chân chính cách mạng, là đạo đức, là văn minh theo chỉ dẫn của người sáng lập là Hồ Chí Minh thì mới có được một hàm lượng văn hóa Đảng cao như thế khi bắt đầu đổi mới. Cần phải khẳng định rằng nhờ thái độ văn hóa như vậy, chúng ta mới có được những thành tựu như ngày hôm nay. Lúc nào, ở đâu, hàm lượng đổi mới bị giảm sút, không dám nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, tìm cách phát huy ưu điểm, khắc phục sai lầm, khuyết điểm là phải trả giá, dẫm chân tại chỗ, thậm chí thất bại. Mặt khác, nôn nóng, chủ quan, duy ý chí, giáo điều, không nhận thức và hành động theo quy luật khách quan cũng phải trả giá đắt.

Đổi mới đi vào chiều sâu, Đảng ta ngày càng nhận rõ sức mạnh, vai trò, sứ mệnh của văn hóa Đảng, trong đó đáng chú ý là nhiệm kỳ nào Đảng cũng tự kiểm điểm rút ra những bài học kinh nghiệm để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Đảng nói rõ trong Cương lĩnh 2011: “Trong lãnh đạo, Đảng có lúc cũng phạm sai lầm khuyết điểm, có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng do giáo điều, chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên”^[5].

Một điểm nhấn trong xây dựng văn hóa Đảng thời kỳ đổi mới là Đảng ta đề ra chủ trương đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đây là cách làm để trau dồi nhân cách, văn hóa bốn phạm của cán bộ, đảng viên theo gương Hồ Chí Minh. Thái độ đổi mới cách mạng, khoa học của Đảng ngày càng cao. Sự phát triển của tri thức, trí tuệ nhân loại giúp Đảng ta, một Đảng trí tuệ, bản lĩnh ngày càng tinh táo nhận ra mình, tự biết mình phải làm gì để vượt lên chính mình, không tụt hậu, không bị thế giới vượt mặt. Sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24 tháng 11 năm 2021 đến nay, góc nhìn văn hóa của Đảng ngày càng mở rộng. Đảng nhìn ra những “điểm nghẽn”, “lỗ hổng”, “kê hờ” và nêu quyết tâm đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đảng phát hiện ra sự công kênh, chông chéo, lấn sân, cản trở, ách tắc, thậm chí “vô hiệu hóa” lẫn nhau, lãng phí, kìm hãm sự phát triển, buông lỏng trong lãnh đạo, quản lý với tư duy “không quản được thì cấm” hoặc “không biết cũng quản”. Những suy nghĩ và cách làm hàng chục năm qua thâm căn cố đế trong một bộ phận cấp ủy, chính quyền địa phương, của cán bộ, đảng viên làm lạc với nhịp bước của thời đại, lỡ cơ hội phát triển, v.v... Người đứng đầu Đảng ta chỉ rõ: “So với những thay đổi to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới, sự phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những thành tựu khoa học công nghệ; tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta tuy đã được đổi mới ở một số bộ phận, nhưng cơ bản vẫn theo mô hình được thiết kế hàng chục năm trước, nhiều vấn đề không còn phù hợp với điều kiện mới và



trái với quy luật phát triển”^[6]. Đây là tư duy, nhận thức có hàm lượng, chất lượng khoa học cao bởi Đảng ta đã nhận ra những cái cũ, mô hình cũ bất hợp lý, không còn phù hợp; nhận ra những gì trái quy luật và đề ra phải quyết liệt đổi mới, đột phá, bứt phá, tăng tốc; phải nỗ lực phi thường, cố gắng vượt bậc, không được chậm trễ, lơ lửng, thiếu chính xác, thiếu đồng bộ, thiếu nhịp nhàng trên từng bước đi. Phải coi tinh gọn bộ máy là một cuộc cách mạng. Mà cách mạng là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Nỗ lực đổi mới như đã nêu là tốt, nhưng hoàn toàn đủ. Hiện nay rất cần quyết liệt hơn nữa “xây” và “chống” nhiều mặt, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” với “chống”, mà “xây” là nhiệm vụ chủ yếu, lâu dài. “Chống” dù mạnh mẽ, hiệu quả đến mấy cũng chỉ mới trở về với vạch xuất phát. Trong lúc đó đất nước rất cần giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Xây cái mới để giá trị của cái mới chiến thắng cái cũ mới đích thực thể hiện sự phát triển khách quan của văn hóa. Chống lười biếng mà không xây đức “cần”; chống lãng phí mà không xây đức “kiệm”; chống bất liêm mà không xây đức “liêm”, chống bất chính mà không xây đức “chính”; chống chủ nghĩa cá nhân mà không xây phẩm chất “chí công vô tư”; chống thói vô trách nhiệm, sợ trách nhiệm, né trách nhiệm mà không xây văn hóa trách nhiệm, bổn phận, v.v... thì rõ ràng kết quả chỉ được một nửa, thậm chí không được một nửa, vì đích cuối cùng của chúng ta là xây dựng một xã hội văn minh, văn hóa cao “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

Dân tộc vươn mình, đất nước vươn tầm để đi cùng thời đại, sánh vai với các cường quốc năm châu không phải là chuyện mới. Đó là đòi hỏi khách quan của lịch sử, của đất nước, khát vọng của Nhân dân mà từ sớm Hồ Chí Minh đã nhắc nhở chúng ta. Ngay từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Người đã chỉ ra rằng: “Phải biết rằng tình hình khách quan thay đổi hàng giờ hàng phút, một chủ trương của ta hôm nay đúng đắn, hôm sau đã không hợp thời nữa, nếu ta không tỉnh táo kiểm điểm những tư tưởng hành vi của ta để bỏ đi những cái quá thời, sai hỏng, nhất định ta sẽ không theo kịp tình thế, ta sẽ bị bỏ rơi, bị các bạn tỉnh táo nhanh nhẹn vượt đi trước”^[7].

Những gì đang chuyển động trong văn hóa Đảng hôm nay là chúng ta đang đích thực trở về với tư tưởng xây dựng Đảng về văn hóa trong di sản Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.5, tr.290.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.260.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.320.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.127.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.64.
6. Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm “Tinh-gọn-mạnh-hiệu-năng-hiệu-lực-hiệu-quả”, *Báo Điện tử Chính phủ*, ngày 05/11/2024.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.28.



Sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn của Đảng - nguồn cội tạo nên vị thế, diện mạo của đổi mới hôm nay

ĐẢNG CÔNG THÀNH

ĐỔI MỚI LÀ MỘT GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ QUAN TRỌNG TRONG SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM, ĐÁNH DẤU SỰ TRƯỞNG THÀNH VỀ MỌI MẶT CỦA ĐẢNG, CỦA TOÀN QUÂN, TOÀN DÂN TA. NHỮNG THÀNH TỰU TO LỚN, CÓ Ý NGHĨA LỊCH SỬ TRÊN CON ĐƯỜNG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRƯỚC ĐÂY CŨNG NHƯ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐÃ TẠO NÊN VỊ THẾ, UY TÍN VÀ DIỆN MẠO MỚI ĐỂ ĐẤT NƯỚC CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP, PHÁT TRIỂN, TRONG ĐÓ SỰ LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN, SÁNG SUỐT CỦA ĐẢNG LÀ MỘT YẾU TỐ ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG CÓ VAI TRÒ QUYẾT ĐỊNH.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng đưa tới thắng lợi ngày nay

Đầu năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài mấy thập kỷ, đồng thời chúng ta giành được độc lập dân tộc và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản, cách mạng Việt Nam bước sang trang mới, đi theo con đường mới - con đường cách mạng vô sản. Đảng chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để tiến tới xã hội cộng sản.

Mặc dù trong 15 năm đầu mới thành lập, Đảng phải hoạt động bí mật, nhưng với đường lối lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn đã được xác định ngay từ đầu trong Cương lĩnh của Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 là chống đế quốc và chống phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, nên tuy có lúc cách mạng thoái trào, nhưng chúng ta đã giành được nhiều thắng lợi.

Với đà thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”^[1].

Từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nước ta ở trong hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” và phải đương đầu với kẻ thù có vũ khí hiện đại, trong khi lực lượng của ta nhỏ bé, ít kinh nghiệm, vũ khí thô sơ, lạc hậu. Song, Đảng ta vẫn kiên định chủ trương vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, bồi dưỡng sức dân về tinh thần và vật chất. Đặc biệt là quan tâm, chăm lo dân chủ, chú trọng quyền công dân, thi hành chính sách giảm tô, giảm tức, phát động quần chúng cải cách ruộng đất, hoàn thành thực hiện người cày có ruộng.

Nhờ chính sách đúng đắn, kịp thời linh hoạt của Đảng, Nhân dân ta đoàn kết một lòng, muôn người như một đã anh dũng chiến đấu để làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu với việc Hiệp định Giơnevơ được ký kết, hòa bình được lập lại ở Đông Dương. Sự kiện này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh



nhấn mạnh: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của Nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”^[2].

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đất nước tạm bị chia làm 2 miền. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam bị đế quốc Mỹ thống trị. Từ đây, cách mạng Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ phải tiến hành đồng thời, đó là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, với mục tiêu chung là củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên nền tảng độc lập và dân chủ.

Cùng một lúc phải tiến hành hai chiến lược, hai nhiệm vụ cách mạng là điều chưa từng có tiền lệ trong lịch sử Việt Nam và thế giới. Để giải quyết nhiệm vụ to lớn và quan trọng đó, Đảng đã đưa ra đường lối đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đất nước và thực tiễn thế giới đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân ta. Đối với miền Bắc, Hồ Chí Minh khẳng định: “Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”^[3]. Đối với nhiệm vụ cách mạng miền Nam và cả nước, Người chỉ rõ: “Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước; ra sức củng cố và đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh; tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới”^[4]

Trong bài viết “Hồ Chí Minh - một nhà tư tưởng lớn”, Giáo sư Singô Shibata (Nhật Bản) khẳng định: “Một trong những cống hiến quan trọng của cụ Hồ Chí Minh và Đảng Lao động Việt Nam là đã đề ra lý luận về chủ nghĩa xã hội khi vẫn tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân. Theo tôi được biết Đảng Lao động Việt Nam là Đảng đầu tiên trong các Đảng mácxít trên thế giới vận dụng lý luận này”^[5].

Thực tiễn cho thấy, dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đã tỏ rõ là một Đảng trí tuệ, bản lĩnh và sáng tạo, lãnh đạo Nhân dân giành những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chống Mỹ, cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Một trong những nguồn cội quan trọng nhất đưa tới thành công của Đảng là nhờ Đảng luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ mà Hồ Chí Minh trao lại cho các thế hệ tiếp theo. Thời kỳ 1930 - 1945, độc lập dân tộc là mục tiêu trực tiếp, còn chủ nghĩa xã hội là định hướng tiến lên của độc lập dân tộc, làm cho độc lập dân tộc mang tính cách mạng triệt để hơn bao giờ hết. Thời kỳ 1945 - 1954, mục tiêu độc lập dân tộc

và chủ nghĩa xã hội được thể hiện ở việc tiến hành nhiệm vụ vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, trong đó chứa đựng những tiền đề về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội cho chủ nghĩa xã hội. Thời kỳ 1954 - 1975, ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thể hiện rõ ở việc tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng, đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Từ khi cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trong 35 năm đổi mới, Đảng đã nắm vững, vận dụng sáng tạo phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm thế giới; không ngừng làm giàu trí tuệ, kinh nghiệm, bản lĩnh, phương pháp, nâng cao phẩm chất đạo đức. Đường lối của Đảng thể hiện ở sự đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp; tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Đảng thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu, thể hiện bản chất của một Đảng chân chính cách mạng, đạo đức, văn minh, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đảng luôn chú trọng phòng, chống những nguy cơ lớn như sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu, sự thoái hóa, biến chất của cán bộ, đảng viên, trong đó có cả đảng viên đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cán bộ cao cấp do suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ



nghĩa cá nhân, cơ hội, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tùy tiện, vô nguyên tắc. Mặt khác, Đảng cũng tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ chiến lược nói riêng có đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực, trí tuệ, bản lĩnh để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Theo đúng đường lối nhân dân, làm đúng y nguyện của dân, đoàn kết, đồng tâm, hiệp lực - Kinh nghiệm quý của Đảng

Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra một trong những mục đích của sách là làm cho mọi người hiểu vì sao cách mạng là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hay hai người. Người chỉ rõ cách mạng Pháp năm 1789, cách mạng Nga năm 1917 đã dạy cho chúng ta rằng, dân chúng công nông là gốc cách mạng; đàn bà, trẻ con cũng giúp cách mạng được nhiều.

Những tư tưởng nêu trên của Nguyễn Ái Quốc không chỉ được truyền bá trong lớp thanh niên yêu nước đầu tiên của Việt Nam, mà còn thể hiện nhất quán, xuyên suốt từ khi Đảng ta ra đời cho đến nay.

Mỗi thời kỳ cách mạng tùy theo hoàn cảnh, điều kiện cụ thể, Đảng ta thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất với những tên gọi khác nhau. Thời kỳ 1936 - 1939 gắn liền với Mặt trận Dân chủ chống phát xít và phản động thuộc địa ở Đông Dương với phong trào đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, uy tín của Đảng được mở rộng và ăn sâu vào quần chúng nhân dân.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 gắn liền với Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Khẳng định cuộc cách mạng lúc bấy giờ của Việt Nam là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng nêu khẩu hiệu chính là đoàn kết toàn dân, tạm thời gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, chỉ đề ra chính sách giảm tô, giảm tức và tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian chia cho dân cày. Với chương trình rõ ràng, thiết thực, phù hợp với nguyện vọng của toàn dân, Mặt trận Việt Minh đã đoàn kết được mọi lực lượng yêu nước, trong đó có cả giai cấp địa chủ, chống đế quốc và tay sai. Thắng lợi đó đã chứng tỏ rằng: “Việc gì đúng với nguyện vọng Nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng. Nó cũng dạy chúng ta rằng: Phải hết sức tránh những bệnh chủ quan, hẹp hòi, v.v...”^[6].

Chín năm kháng chiến trường kỳ gian khổ, Đảng ta đã phát huy sức mạnh, mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, từ Mặt trận Việt Minh đi tới Mặt trận Liên Việt - Việt Minh. Một trong những thành công lớn là Đảng đã khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, huy động lòng hăng hái, quyết tâm của toàn dân bằng phong trào thi đua yêu nước. Hồ Chí Minh đã yêu cầu quyết tâm phải sửa đổi lối làm việc, chống thói quan liêu, mệnh lệnh xa dân, coi thường quần chúng đồng thời để

cao lối làm việc uốn chúng, từ trong quần chúng ra và trở lại nơi quần chúng. Người khẳng định phải theo đúng đường lối nhân dân, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hành dân vận theo phương châm “bao nhiêu lợi ích đều vì dân, bao nhiêu quyền hạn, lực lượng đều ở nơi dân”; “có lực lượng dân chúng việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”^[7]. “Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại”^[8].

Thắng lợi vẻ vang sau 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc một lần nữa khẳng định sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta khơi dậy, tập hợp. Hồ Chí Minh khẳng định, lòng yêu nước và sự đoàn kết của Nhân dân có sức mạnh vô cùng to lớn, đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ giúp quân và dân ta chiến thắng đế quốc xâm lược. Hành động theo tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng chúng ta có vinh dự lớn là một đất nước nhỏ đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc.

Chiến tranh kết thúc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, mà trước hết yêu cầu “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân lao động”^[9].



“Lấy dân làm gốc” thể hiện tư cách của một đảng cầm quyền chân chính cách mạng, đạo đức, văn minh. Đảng cầm quyền thì phải chăm lo, củng cố sự liên hệ giữa Đảng với Nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng của Nhân dân; khơi dậy được lòng hăng hái, đồng tình ủng hộ của quần chúng. Mỗi đảng viên phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đẩy tố trung thành của Nhân dân; thường xuyên đấu tranh ngăn chặn thói quan liêu, mệnh lệnh, coi thường và xa rời quần chúng, đi ngược lại với lợi ích của quần chúng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là sau khi trở thành đảng cầm quyền và đặc biệt từ khi lãnh đạo đất nước tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng ta đã lãnh đạo Nhân dân giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng đã khẳng định trong thời gian vừa qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã phấn đấu quyết liệt và ghi nhiều dấu ấn nổi bật; qua đó tạo nên cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín vững chắc của đất nước trên chặng đường đổi mới. Nếu như bước vào đổi mới, năm 1989 GDP Việt Nam mới chỉ là 6,3 tỷ USD, thu nhập bình quân Việt Nam đạt khoảng 200 USD, xếp thứ 141/149 trên thế giới thì đến “năm 2025 quy mô GDP dự kiến trên 500 tỉ USD, gấp 1,45 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 thế giới và thứ tư trong khu vực ASEAN; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.900 USD; thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người đạt khoảng 4.650 USD vượt qua mức thu nhập trung bình thấp”^[10].

Cùng với đó, đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Như vậy so với trước đổi mới, quy mô nền kinh tế đã khác, “bộ mặt”, diện mạo nền kinh tế, cũng như đời sống Nhân dân đã khác... Đó chính là cơ đồ, tiềm lực, vị thế mà ngày nay Việt Nam đã gây dựng được. Có được thành quả đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân mà cũng là bài học chủ yếu là nhờ Đảng đã có

đường lối lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn, luôn lấy dân làm gốc, theo đúng đường lối nhân dân, làm đúng ý nguyện của dân, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. Đảng đúc kết: “Cách mạng là sự nghiệp của Nhân dân, vì Nhân dân và do Nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của Nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do Nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được thành tựu hôm nay”^[11]. Đó cũng chính là một trong những bài học kinh nghiệm lớn được Đảng ta đúc rút trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) là: “Chính Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời Nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”^[12].

1 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 7, tr. 25.

2 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 12, tr. 410.

3 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.411.

4 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 12, tr.411.

5 Viện Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 1993, tr.62.

6 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 7, tr.21.

7 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.335.

8 Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, tập 10, tr.63.

9 ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.29.

10 ĐCSVN, *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng (Tài liệu sử dụng tại Đại hội chi bộ, đảng bộ cơ sở)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2024, tr.112.

11 ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.73.

12 ĐCSVN, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.9.



XÂY DỰNG VĂN HÓA THEO GIÁ TRỊ HỒ CHÍ MINH

MẠCH QUANG THẮNG

Thêm đôi nét về di sản Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa

“Thêm”? Là bởi vì người ta đã nói - viết ở nhiều diễn đàn rồi. Ở bài này, tôi chỉ nhấn nhá thêm mà thôi.

Giá trị cuộc đời của Bác Hồ là tài sản tinh thần quý báu của dân tộc. Phải nói ngay và luôn rằng, giá trị đó không phải chỉ để chiêm ngưỡng hoặc lưu - bày ở bảo tàng cho mọi người tham quan, học tập, mà cốt nhất là nhằm làm cho những người Việt Nam yêu nước, từ ấu đến lão; từ nữ tới nam; từ người vùng xuôi đến vùng ngược; từ linh mục, nhà sư đến con chiên, phật tử và những người theo đạo nói chung; từ đất liền đến đảo xa; từ đô thành tới thôn trang; từ trong nước đến người Việt ở nước ngoài có thể học tập, vận dụng và phát triển vào trong cuộc sống. Giá trị của các học thuyết phát triển trên thế gian này đều như thế cả. Không vậy thì đâu có còn được gọi là học thuyết phát triển.

Xứ Nghệ cùng cả nước đang hồ hởi bước vào mùa Xuân mới, mùa Xuân Ất Ty, rồi, không ngừng nghỉ, dẫn tiếp sang mùa Xuân của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, phấn đấu làm sao đưa nước nhà thành hùng cường, sánh vai các cường quốc năm châu như Bác Hồ hằng mong cũng như đáp ứng được khát vọng cháy bỏng của con dân đất Việt.

1. Bác Hồ là danh nhân văn hóa

Nếu ngài ngại, dẫn đo có nên gọi Bác là danh nhân văn hóa thế giới hay không, thì, để cho chắc, để không ai có thể bắt bẻ được, thì gọi nên Bác là “danh nhân văn hóa trong không gian UNESCO”.

Nói cho có đầu có cuối một chút về danh xưng này.

Trong Khóa họp toàn thể lần thứ 24 tại Paris (Thủ đô nước Cộng hòa Pháp) từ ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987, UNESCO có một chương trình nghị sự thảo luận, xem xét và cuối cùng đã thông

qua Nghị quyết về kỷ niệm (theo chẵn trăm năm) 6 danh nhân, trong đó có phần *Nghị quyết 24C 18.6.5 về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh*.

UNESCO đánh giá Bác Hồ là “Anh hùng giải phóng dân tộc và là nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”. “Của Việt Nam”? Có là “của thế giới” không? Thì đây: Nghị quyết đó được đặt trong đoạn mở đầu mặc định rằng: “Xét thấy việc tổ chức kỷ niệm trên quy mô quốc tế những nhà trí thức lỗi lạc và danh nhân văn hóa là góp phần vào việc thực hiện những mục tiêu của UNESCO và vào sự hiểu biết trên thế giới”. Điều đáng lưu ý nữa là: Nghị quyết 24C18.6.5 này lại là hệ quả, bắt nguồn từ Nghị quyết số 18C/4351 của Khóa 18 Đại Hội đồng UNESCO từ năm 1974 với chủ trương từ đó về sau sẽ “tổ chức kỷ niệm những vĩ nhân và những sự kiện đã để lại dấu ấn trong quá trình phát triển của nhân loại”. Như vậy, gọi Bác là “danh nhân văn hóa” hoặc “vĩ nhân”, “nhân vật kiệt xuất”, “nhà trí thức lỗi lạc” thì không có gì là xái cả. Điều này bác bỏ những ý kiến không đúng khi một số người cho rằng, không có chuyện UNESCO ra nghị quyết tôn vinh Hồ Chí Minh và cũng không có chuyện UNESCO công nhận Hồ Chí Minh là danh nhân văn hóa thế giới. Còn “thế giới” ở đây được hiểu là đặt trong không gian UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc, viết tắt tiếng Anh: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, lập ra từ năm 1945, trụ sở đặt tại Paris). Vào thời điểm bài viết này được đăng, thì UNESCO đã có suýt soát 200 quốc gia thành viên, nghĩa là nó bao quát hầu như tất cả các nước trên hành tinh này rồi.

2. Khái niệm “văn hóa”

Có rất nhiều định nghĩa/khái niệm “văn hóa”. Súc tích nhất, thì văn hóa là những gì do con người và vì con người (Nghĩa là những sản phẩm/hay



giá trị tốt đẹp do con người tạo ra để phục vụ cho chính con người). Xin lưu ý rằng, không nên gọi sai, chẳng hạn, gọi “văn hóa đen”, “văn hóa đồi trụy”, v.v... Vì, khi đã nói đến giá trị văn hóa thì chỉ nói đến cái tốt đẹp mà thôi; ngược lại với đó thì đích thị phải gọi là những cái phản văn hóa. Lại nữa, không nên lầm lẫn giữa “trình độ học vấn” và “trình độ văn hóa” như trong các bản mẫu khai lý lịch trước đây. Một ông/bà bác học nhưng có khi trình độ văn hóa lại thua người nông dân mù chữ thể hiện trong ứng xử tình làng nghĩa xóm cũng nên.

Có khái niệm văn hóa theo nghĩa rộng và văn hóa theo nghĩa hẹp. Bác có một số lần nêu khái niệm văn hóa theo nghĩa rộng. Điển hình nhất là ghi chép lại của Bác tại những trang cuối tập thơ *Ngục trung nhật ký*, năm 1943. Chắc là sau khi Bác đọc được của ai đó mà Bác tán thành. Đoạn ghi chép ấy như sau:

“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở, và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. Năm điểm lớn xây dựng nền văn hóa dân tộc:

1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.
2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.
3. Xây dựng xã hội: Mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của Nhân dân trong xã hội.
4. Xây dựng chính trị: dân quyền.
5. Xây dựng kinh tế”

Từ sự ghi chép của Bác đã dẫn ra trên đây, tôi hiểu luận đề “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi” mà Bác phát biểu thì đó là văn hóa theo nghĩa rộng. Cũng như vậy, theo nghĩa rộng thì văn hóa là nền tảng của xã hội Việt Nam chứ không chỉ riêng là “nền tảng tinh thần” (Trong dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng có thể hiện điều này). Nghiên cứu di sản của Bác, tôi thấy Bác hay dùng cụm từ “cốt cách dân tộc”. Nói thế để thấy được vai trò cực kỳ quan trọng của văn hóa, cần và nên định vị một cách thật chắc trong các luận chứng cho một kỷ nguyên mới trong sự phát triển của dân tộc Việt Nam. Phát triển văn

hóa đã là phát triển ở tất cả các lĩnh vực, chỉ ít là ở “năm điểm lớn” đã dẫn trên đây, chứ không phải cứ nhắm nhắm vào tăng trưởng GDP (trong phạm vi của một địa phương là GRDP), hoặc cứ nói một cách biệt lập theo kinh tế phiệt là chỉ “thu nhập cao”. Nếu chỉ có thu nhập cao thôi thì chẳng khác gì một anh trọc phú.

3. Ba quan điểm của Bác về xây dựng văn hóa
Quan điểm 1. Cần thấu hiểu vai trò to lớn của văn hóa. Nổi lên 2 điểm lớn: (1) Văn hóa là hồn cốt của một cộng đồng. Nếu để mai một hoặc làm mất bản sắc văn hóa thì tính biểu đạt cộng đồng cũng không còn. Văn hóa như cái căn cước, như cái hộ chiếu để minh chứng trước bàn dân thiên hạ rằng, ta là ta chứ không phải ai khác. Thế nên, trong giai đoạn hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa, chúng ta hay nhắc nhau là hội nhập nhưng không hòa tan; hội nhập nhưng vẫn mang bản sắc dân tộc, hoặc hội nhập để tôn đậm sắc nét thêm bản sắc dân tộc. (2) Văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Vì văn hóa hướng tới giải phóng con người. Mọi giải phóng (giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội) đều đi đến mục tiêu cuối cùng là giải phóng con người.

Quan điểm 2. Coi trọng việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc đồng thời tiếp thụ các giá trị văn hóa nhân loại. Ngay từ sớm của chế độ mới nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 23-11-1945, Bác đã ký Sắc lệnh số 65/SL đặt cơ sở pháp lý đầu tiên cho việc giữ gìn các tài sản văn hóa quốc gia để truyền lại cho muôn đời con cháu về sau. Bác còn chú ý đến việc tẩy trừ di tích của chế độ thực dân - phong kiến; mỗi dân tộc cần chăm lo đến đặc tính dân tộc mình trong nghệ thuật; phải giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa của 54 dân tộc anh em (đặc biệt là dân ca, dân vũ, ngôn ngữ, vốn cổ, tinh thần đoàn kết cộng đồng, tinh thần yêu nước...).

Bác lưu ý trong việc tiếp thụ văn hóa nhân loại, phải nắm rõ 4 điểm: *Một là, phải có tinh thần chọn lọc. Chẳng hạn, Bác cho rằng: “Không phải cái gì cũ cũng bỏ hết, không phải cái gì cũng làm mới. Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm”; “Phát huy vốn cổ quý báu của dân tộc nhưng tránh phục cổ một cách máy móc”, tránh “khôi phục cả đồng bóng, rước xách thần thánh, quên cả sản xuất, cứ trống mõ bì bõm, ca hát lu*



bù”. Hai là, *phát triển văn hóa dân tộc, nâng lên một trình độ mới*. Nếu chỉ dừng lại thì không thể tiến bộ, là thoái lui. Chính vì thế thường người người ta thêm hai chữ “phát triển” vào sau hai chữ “văn hóa” (thành “văn hóa phát triển”). Ba là, *coi trọng tiếp thụ chọn lọc giá trị văn hóa nhân loại*. Một phóng viên viết trên báo Mỹ *Diễn đàn*: “Cụ Hồ không phải là người dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi mà cụ là một người yêu mến văn hóa Pháp trong khi chống thực dân Pháp; một con người biết coi trọng những truyền thống cách mạng Mỹ trong khi Mỹ phá hoại đất nước của cụ”. Bốn là, *quá trình tiếp thụ văn hóa nhân loại cũng đồng thời là quá trình làm giàu thêm, làm phong phú thêm kho tàng văn hóa dân tộc*. Bác lưu ý rằng, không nên đóng cửa, không nên bài ngoại, mà phải chọn lọc cái tốt, không lai căng, phải có quan điểm đúng đắn về nhận và cho (về giá trị văn hóa).

Quan điểm 3. Văn hóa là một mặt trận, người hoạt động văn hóa phải là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Bác viết: “Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào chính trị. Đúng lắm. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị”. Quan điểm này liên quan đến vấn đề nghệ thuật vị nhân sinh theo tinh thần của bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam* của Đảng năm 1943: Dân tộc, Đại chúng, Khoa học; đặc biệt là ba điểm đó đang vận hành trên địa bàn Việt Nam trong kỷ nguyên số và 4.0. Bác cũng đặc biệt quan tâm đội ngũ những người hoạt động trên mặt trận văn hóa, bởi vì đây là vấn đề con người, trước khi nói đến nghề nghiệp. Ngày 10-12-1951, có cuộc triển lãm hội họa, Bác không đến thăm được, vậy có thư gửi đến: “Biết tin có cuộc trưng bày, tiếc vì bận quá, không đi xem được. Tôi gửi lời thân ái hỏi thăm anh chị em. Nhân tiện, tôi nói vài ý kiến của tôi đối với nghệ thuật, để anh chị em tham khảo. Văn hóa nghệ thuật cũng là *một mặt trận*, Anh chị em là *chiến sĩ trên mặt trận ấy*”. Bác yêu cầu chiến sĩ văn hóa phải: 1/Toàn tâm, toàn ý phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, trước hết cho công nông binh (Phải có trách nhiệm công dân cao); 2/Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với cách mạng; 3/Phải có bản lĩnh chính trị vững vàng; 4/Chiến sĩ văn hóa “cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của Nhân dân”.

Vài điều về xây dựng văn hóa hiện nay

Cần thẳng thắn nhận định rằng, môi trường văn hóa hiện nay đang bị “ô nhiễm” (bắt chước các nhà khảo sát địa chất “khoan dò” 4 mũi là thấy rõ ngay: Ma túy hoành hành; bạo lực có phần nổi lên; tội phạm gia tăng; văn hóa chính trị có lúc, có nơi bị trượt xuống).

Vì vậy, cần làm trong sạch môi trường văn hóa đạo đức. Nếu môi trường văn hóa đạo đức bị ô nhiễm thì rất khó hoặc không thể nào xây dựng được văn hóa và con người Việt Nam tốt được, nói như câu ngạn ngữ của nước ngoài: Khó như con lạc đà chui qua lỗ kim. Vậy, xét về mặt nào đó thì môi trường văn hóa đạo đức trong sạch chính là một điều kiện tiên quyết cho cả quá trình xây dựng con người Việt Nam về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc. Chỉ riêng về mặt công tác cán bộ thôi, một lĩnh vực mà Đại hội XIII của Đảng cho rằng “công tác cán bộ là then chốt của then chốt” thì mấy chục năm gần đây bộc lộ rất rõ tính yếu kém. Ngay trong Đảng, tình trạng một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kể cả trong cán bộ cấp cao, diễn ra mà mấy đại hội toàn quốc của Đảng gần đây có nêu nhưng chưa ngăn chặn, đẩy lùi được một cách căn bản. Văn hóa hiện nay phát triển chưa tương xứng với phát triển kinh tế. Do vậy trong đầu tư, cần chú ý cho tương xứng, không như cú “đầu thừa đuôi thẹo” mới dành cho văn hóa.

Cần chú trọng hơn nữa việc xây dựng gia đình văn hóa. Gia đình ở Việt Nam là một đơn vị văn hóa như Bác đã coi gia đình là “hạt nhân của xã hội” chứ không chỉ là “tế bào” của xã hội như lâu nay chúng ta thường hay nói. Gia đình là một trong 3 chủ thể giáo dục và xây đắp văn hóa (3 chủ thể: Gia đình, nhà trường, xã hội). Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là cần chú trọng hơn nữa chủ thể văn hóa gia đình: Làm việc tốt, việc thiện, gương mẫu. Học tập, làm theo Bác là ở ba điều kiện: Tâm thế chủ động, tích cực; hiểu cho đúng; làm cho phù hợp. Văn hóa là yếu tố quan trọng của “sức mạnh mềm”, cho nên phải chú ý cả ngoại giao văn hóa; phải xây dựng, phát triển công nghiệp văn hóa, trong đó có du lịch văn hóa. Đồng thời, nói đến xây dựng văn hóa hiện nay là trực tiếp nói đến “xây” và “chống”, chống là chống tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt là chống “giặc nội xâm” (tham ô, lãng phí, quan liêu) như Bác đã nêu.



Xây dựng con người văn hóa. Các học thuyết phát triển, kể cả tôn giáo, đều có chung một điểm đến: Giải phóng con người. Đương nhiên, mỗi học thuyết đều có nội hàm riêng. Học thuyết Mác-Lênin coi con người là một sinh vật xã hội, tức là sản phẩm của tự nhiên, một chỉnh thể thống nhất giữa yếu tố sinh vật và yếu tố xã hội, con người là tổng hòa của các quan hệ xã hội. Lão giáo coi con người là một tiểu vũ trụ. Và nói chung, những hiểu biết về con người còn rất mù mờ, chưa thấu đạt được bản chất của nó. Đương nhiên rồi, bởi nó được rút ra từ hai quan điểm hoàn toàn khác nhau là vô thần và hữu thần. Chúng như dải phân cách cứng, hai đường song song, lằn ranh theo đó không bao giờ gặp nhau. Con người là sinh vật đặc biệt trong thế giới động vật, có thất tình lục dục và cuộc đời là sự vật lộn đấm chìm trong chúng.

Các học thuyết giải phóng đều chú trọng tới tính nhân đạo, nhân văn. Những quan điểm của Bác cũng vậy. Bác có quan điểm và hành động yêu thương chúng sinh, trước hết là người bị áp bức, những người dễ bị tổn thương trong xã hội (phụ nữ, trẻ em, người già, những người bị tàn tật, v.v...), ngay cả ở trong nội bộ Đảng, Bác còn dặn là “Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau” (*Di chúc*).

Trong xây dựng con người, Bác chú ý phải xây dựng con người có sức khỏe, được giáo dục. Xây dựng con người có đủ sức khỏe cơ bản để làm điều kiện tiên quyết có năng lực trí tuệ và nâng cao năng lực, trí tuệ (sức khỏe được hiểu ở đây không chỉ là thể xác mà còn sức khỏe tinh thần nữa). Trách nhiệm này không chỉ thuộc về ngành y tế nước nhà mà còn của cả hệ thống

chính trị, của từng gia đình và cá nhân. Ở đây đòi hỏi cả hệ thống chăm lo về dân số và phát triển, trong đó có cả những nội dung về cải thiện chất lượng nòi giống trong thế so sánh với các nước trên thế giới. Con người được đào tạo một cách đầy đủ, theo bài bản tích cực trong hệ thống giáo dục quốc dân, tiếp cận sự tiến bộ giáo dục quốc tế, đồng thời con người Việt Nam trong thời kỳ này phải tự giáo dục, tự đào tạo (tự học suốt đời). Tất cả những cái đó là vừa để có được những tri thức và kỹ năng cơ bản, cần thiết, phù hợp với từng đối tượng, vừa coi trọng nền tảng cơ bản, vừa coi trọng chuyên sâu.

Con người Việt Nam phải có lòng yêu nước, bắt đầu từ quê hương đến yêu những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Con người phải có đạo đức, theo Bác, đọng lại ở 4 điểm cơ bản nhất: Nhân văn, yêu thương người; Trung với nước, hiếu với dân; Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; Có tinh thần quốc tế trong sáng. Quan điểm của Bác về chống chủ nghĩa cá nhân đến nay vẫn là thời sự: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”.

Phải chăng một trong những cái thiếu hiện nay trong học tập, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là ở chỗ nói và làm, là phải khắc phục cho bằng được 4 biểu hiện: 1/Nói nhiều làm ít; 2/Nói hay làm dở; 3/Nói mà không làm; 4/Nói một đằng làm một nẻo. Nếu làm được như thế thì đất nước ta mới thực sự có mùa Xuân - mùa Xuân của sự phát triển!

1. Những câu, những đoạn trích dẫn ở đây liên quan Nghị quyết 24C 18.6.5 của UNESCO là sử dụng từ cuốn sách của các tác giả Mạch Quang Thắng, Bùi Đình Phong, Chu Đức Tính nhan đề: *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, H, 2013.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t.3, tr.458.
- 3,4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1995, t.6, tr.323.
5. Theo Trần Văn Giàu: *Giá trị tinh thần truyền thống của Nhân dân Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 1990, tr.301.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t.7, tr.246.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t.7, tr.246.
8. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t.7, tr.246.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, T.I, tr.75.
10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, t. 15, tr.672.



Một tiết mục trong chương trình nghệ thuật “Vĩ Giặm - Hồn quê tỏa sáng” trong Lễ kỷ niệm 10 năm Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh được UNESCO ghi danh di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Ảnh: Anh Tuấn

CHUYỂN ĐỘNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT nhìn từ văn hóa

BÙI TÙNG ANH

Các sự kiện văn hóa, văn học nghệ thuật năm 2024 và sự mở rộng nền tảng không gian sáng tạo

1. Ngày 27/11/2024, tại Hà Nội, Quốc hội đã thông qua “Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035” (*Báo điện tử ĐCSVN*, 27/11/2024). Chương trình thể hiện tinh thần căn cơ của Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ 3 (11/2021) “Văn hóa còn thì dân tộc còn, dân tộc còn thì văn hóa còn”. Chương trình thể hiện những quyết sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Chương trình đồng thời tạo thế và lực để văn hóa phát huy tối đa sức mạnh mềm trong sự nghiệp kiến quốc của đất nước. Nếu trong thời kỳ 1945-1954 chúng ta có khẩu hiệu “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến”, thì hiện nay cần thiết giương cao khẩu

hiệu mới “Đổi mới hóa văn hóa, văn hóa hóa đổi mới”. Các chương trình mục tiêu quốc gia khác thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ đang tăng trưởng với một gia tốc thời đại nhất định tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến văn hóa, văn học nghệ thuật. Năm 2025 được coi là năm bản lề của kỷ nguyên mới (mục tiêu GDP tăng 6,5-7%, phân đầu tăng 7-7,5%; những đề án chiến lược quốc gia được khởi động - Đường sắt tốc độ cao với vốn huy động 67 tỷ USD, tái khởi động Dự án điện hạt nhân



Ninh Thuận, Chiến dịch quốc gia trồng 1 tỷ cây xanh, Chương trình nông thôn mới, tinh thần và cao vọng khoa học của Giải thưởng VINFUTURE PRIZE 2024,...). Tất cả tạo nên một thể và lực mới, không khí mới, không gian mới kích thích nhiệt huyết và tiềm năng sáng tạo của con người Việt Nam trong xu thế hội nhập, toàn cầu hóa.

2. Lễ kỷ niệm 10 năm (2014-2024) Dân ca Ví, Giặm được UNESCO ghi danh di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (tổ chức tại TP. Vinh, Nghệ An, 11/2024) là dịp nhìn lại chặng đường một thập kỷ cùng những nỗ lực của hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Sự kiện văn hóa này là bằng chứng sinh

động về sức sống bất diệt của *Folklore* (Văn hóa dân gian) được xem là một trong những cội nguồn sáng tạo văn học nghệ thuật theo tinh thần khoa học “Đến hiện tại từ truyền thống”. Ý kiến sâu sắc của nhà văn Nguyễn Minh Châu “Đi hết dân tộc chúng ta sẽ gặp nhân loại” có sức thuyết phục trong bối cảnh văn hóa hiện nay.

3. Nhân dịp kỷ niệm 80 năm truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam (1944-2024) diễn ra Hội thảo khoa học quốc tế với chủ đề “Viết về đề tài chiến tranh cách mạng và hình tượng Bộ đội Cụ Hồ” (do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Tạp chí Văn nghệ quân đội tổ chức tại Hà Nội, 10/2024, với 168 tham luận) thu hút 162 học giả đến từ Việt Nam, Nhật Bản, Brunei, Hàn Quốc và Philippines. Sự kiện này minh chứng Việt Nam vẫn giàu tiềm năng là điểm đến của bạn bè quốc tế trong lĩnh vực văn học.

4. Nhân dịp kỷ niệm 70 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954-2024), tỉnh Điện Biên và Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học (tại TP. Điện Biên Phủ, 4/2024, với 35 tham luận của các văn nghệ sĩ và nhà khoa học cả nước) với chủ đề “Điện Biên Phủ - Thiên anh hùng ca, nguồn cảm hứng sáng tạo lớn của VHNT”. Thêm một bằng chứng để chúng ta tin tưởng sâu sắc ĐIỆN BIÊN PHỦ MỘT DANH TỪ VIỆT NAM (tên một bút ký xuất sắc của nhà báo - nhà văn Thép Mới), vang lên cùng những Bạch Đằng - Chi Lăng - Đống Đa - Điện Biên Phủ - Chiến dịch Hồ Chí Minh như là biểu tượng của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam từ xưa tới nay.

5. Tiến tới Lễ kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, Hội đồng Lý luận, phê bình VHNT Trung ương tổ chức hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề “Văn học nghệ thuật với đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng” (tại Tp. Hồ Chí Minh, 4/2024, với 97 tham luận). Hội thảo làm bật lên một niềm tin có cơ sở “Chiến tranh là một siêu đề tài, người lính là một siêu nhân vật” trong văn học hiện đại Việt Nam. Viết về chiến tranh cách mạng là cách thức lưu giữ ký ức lương thiện của dân tộc.

6. Hội nghị Lý luận, phê bình văn học lần thứ V của Hội Nhà văn Việt Nam (tổ chức tại Hà Nội, 11/2024, với 45 tham luận) là bước tổng kết đầu tiên về thành tựu 50 năm văn học sau ngày đất nước giải phóng và thống nhất. Các tham luận đồng thời phác vẽ xu thế phát triển của văn học trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; là sự kiện chào mừng Đại hội lần thứ XI (2025-2030) Hội Nhà văn Việt Nam.

7. Hội thảo khoa học “Tài năng trẻ - Nguồn lực sáng tạo và phát triển văn hóa, nghệ thuật” do Tạp chí Văn hóa nghệ thuật thuộc Bộ VH,TT&DL tổ chức (tại Hà Nội, 11/2024 với 32 tham luận) thể hiện sự quan tâm của toàn xã hội với lực lượng sáng tác văn học nghệ thuật trẻ theo quy luật “tre già



măng mọc". Hội nghị cũng đề xuất những chính sách văn hóa hợp lý để phát hiện, bồi dưỡng nhân tài vì "Hiền tài là nguyên khí quốc gia" (Thân Nhân Trung). Đó là tinh thần tiếp biến văn hóa nhìn từ thể hệ và thành tựu sáng tạo các giá trị tinh thần theo nguyên tắc chân - thiện - mỹ.

8. Nhân kỷ niệm "100 năm Nguyễn Đình Thi" (1924-2024), Hội đồng Lý luận, phê bình VHNT Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề "Di sản văn hóa, văn nghệ của Nguyễn Đình Thi cho hôm nay" (12/2024, với 77 tham luận). Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức lễ Kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà văn Nguyễn Đình Thi (20/12/1924 - 20/12/2024). Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH&NV (ĐHQG Hà Nội) tổ chức tọa đàm khoa học "Nguyễn Đình Thi - Bát ngát ánh bình minh" (12/11/2024) với 17 tham luận về đóng góp của Nguyễn Đình Thi trên các lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật. Từ các hội thảo, kỷ niệm, tọa đàm này bật nổi lên vấn đề "Văn hóa của người nghệ sĩ và sự phát triển văn học nghệ thuật", người nghệ sĩ chân chính cần hội đủ cả hai yếu tố *tâm* và *tầm* nhằm thúc đẩy sáng tạo đáp ứng yêu cầu thời đại.

9. Giải thưởng Văn học ASEAN 2024 (tổ chức tại Bangkok, Thái Lan, 10/2024) đã xướng tên Việt Nam với hai đại diện - nhà văn Nguyễn Bình Phương và Nguyễn Một. Xu thế tất yếu đi ra biển lớn thể hiện qua thành tựu xứng đáng này, đồng thời gây men niềm hi vọng thiêng liêng về những giấc mơ văn học lớn trong khu vực và quốc tế. Việt Nam hiện có một lực lượng hùng hậu và tâm huyết (hơn 1.000 nhà văn). Tại sao chúng ta không cao vọng áp úc giấc mơ Nobel văn học?! Cổ nhân dạy *Khắc đi khắc đến!?*

Một năm với 365 ngày chuyển động về kinh tế hay khoa học công nghệ chúng ta dễ dàng nhìn ra bởi tính thực chứng và tính gia tốc của chúng. Nhưng với văn hóa, văn học nghệ thuật đôi khi phải cần thiết có cái nhìn chậm và tĩnh, cần độ lùi, cần bao dung và thể tất. Liệu văn học, nghệ thuật 365 ngày của năm 2024 - theo tín ngưỡng dân gian Giáp Thìn là năm vượng khí - đã kịp lưu dấu trong ký ức công chúng hay nói cách khác đủ sức "neo" lại những ấn tượng và bài học văn hóa - nhân sinh thấm thía về cuộc đời và con người trong một bối cảnh mở và phi truyền thống theo đường hướng ngày càng trở nên phức tạp hơn.

Sự trở lại của đề tài truyền thống trên các diễn đàn VHNT nhìn từ văn hóa và sự phục hưng tinh thần "ôn cố tri tân"

Ở tuổi 82, nhà thơ Hữu Thịnh ra mắt trường ca *Giao hưởng Điện Biên* (phát hành tháng 4/2024) đúng vào dịp Nhân dân cả nước tiến tới kỷ niệm 70 năm (7/5/1954 - 7/5/2024) chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "Nên vành hoa đỏ nên thiên sử

vàng", "Lùng lẩy năm châu chấn động địa cầu" (Tố Hữu). Cách nói "Điện Biên Phủ một danh từ Việt Nam" đã neo giữ trong tâm thức cộng đồng, trở thành ký ức lương thiện. Trường ca *Giao hưởng Điện Biên* đề cao sức mạnh và chiến thắng của văn hóa Việt Nam trước văn hóa của ngoại bang xâm lược như tuyên bố hào sảng của nhà yêu nước Nguyễn Trãi "Nước Đại Việt ta từ trước/Vốn xưng nền văn hiến đã lâu" (*Bình Ngô đại cáo*).

Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều - Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam trong cuộc Hội thảo quốc tế "Phát triển sản xuất phim khai thác đề tài lịch sử và chuyển thể từ tác phẩm văn học" (do Bộ VH,TT&DL tổ chức tại Hà Nội, ngày 9/11/2024) đã hứa hẹn lạc quan sẽ đích thân sang Mỹ kêu gọi tài trợ để làm phim lịch sử về thành Cổ Loa (theo *Vanvn.vn*, 11/11/2024). Có thể ai đó còn ngần ngại "Người tính không bằng trời tính" (!?). Nhưng trước hết và sau hết người phải tính. Bởi như tiền nhân chỉ giáo "Không thành công cũng thành nhân".

Trên văn đàn, tiểu thuyết vẫn ở thế thượng phong, mời gọi người đọc. Tiểu thuyết về đề tài chiến tranh ghi điểm với độc giả trong năm 2024 với *Những người lính chiến* của Vũ Ngọc Khánh, *Khúc ca người lính* của Nguyễn Trọng Tấn, *Thanh xuân như cỏ* của Lê Hoài Nam. Đặc biệt sự trở lại sau 10 năm tiểu thuyết *Miền hoang* (in lần thứ hai) của Sương Nguyệt Minh cho thấy nhu cầu tái nhận thức hiện thực chiến tranh vẫn là phép cộng, rộng hơn là phép nhân, không có phép trừ hay



Một số tác phẩm văn học năm 2024 được đánh giá cao

phép chia. Bài ca người lính mãi bất tử. Tiểu thuyết lịch sử *Hồ Xuân Hương* của Nguyễn Thế Quang, tiểu thuyết thể sự - đời tư *Gia đình có bốn chị em gái* của Phạm Thị Bích Thủy là những tác phẩm dành được cảm tình của người đọc.

Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân hoàn thành vở nhạc kịch (Opera) *Vàng trắng Him Lam* dựa trên tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Châu La Việt (xuất bản 2023). Đây là vở nhạc kịch thứ hai của nhạc sĩ sau vở *Lá đỏ* (2016). Opera *Vàng trắng Him Lam* là một sử thi âm nhạc về chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, đã được các nhà văn thế hệ trước tái hiện thành công trong các tiểu thuyết *Người người lớp lớp* của Trần Dần, *Cao điểm cuối cùng* của Hữu Mai. Tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân tái hiện thành công hình tượng người chiến sĩ văn hóa trong chiến tranh góp phần vào chiến thắng chung bằng tài năng nghệ thuật của mình (thông qua hình tượng nhân vật trung tâm - nhạc sĩ Đỗ Nhuận).

Nhìn sang điện ảnh và sân khấu 2024, công chúng nghệ thuật cũng thấy âm lòng khi *Đào, phở và piano* (Đạo diễn Phi Tiến Sơn) dành Giải thưởng Bông sen bạc tại Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 23, phát hành tháng 02/2024, được đề cử đại diện Việt Nam dự vòng sơ loại hạng mục “Phim truyện quốc tế” OSCA, 2024. Sân khấu Lê Ngọc (một hình thức xã hội hóa văn học nghệ thuật, thành lập 2013), trong năm 2024 vẫn sáng đèn trên sân khấu, đặc biệt vở kịch *Lá đơn thứ 72* đã cán đích buổi công diễn lần thứ 140. Tháng 4/2024 vở kịch xuất ngoại công diễn trong 2 ngày liền trên sân khấu Thủ đô Viên Chăn (CHDCND Lào). Sân khấu Lê Ngọc cho thấy bài học kinh nghiệm quản lý nghệ thuật tư nhân khi nó thực sự có vai trò quan trọng trong phát triển văn hóa, nghệ thuật đại chúng trong bối cảnh hiện nay.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và sứ mệnh văn hóa của văn nghệ sĩ

Sứ mệnh văn hóa của văn nghệ sĩ trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc thể hiện trên các phương diện chính sau đây: 1. Khơi dậy khát vọng sáng tạo những tác phẩm ngang tầm với chiến thắng vĩ đại của dân tộc trong sự nghiệp cứu nước hàng ngàn năm, đặc biệt trong thời đại Hồ Chí Minh. Những tác phẩm thành công sẽ góp phần giữ gìn ký ức lương thiện, chống lại sự lãng quên lịch sử và con người. Sự trở lại của đề tài truyền thống trên văn đàn những năm gần đây là một bảo chứng sinh động cho tinh thần “ôn cố tri tân”, đồng thời



tao nên các giá trị văn hóa cơ bản của văn học Đổi mới (từ 1986); 2. Sáng tạo tác phẩm mang hơi thở thời đại của sự nghiệp kiến quốc trên các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ để tôn vinh vị thế con người Việt Nam với nhân cách văn hóa thời đại cao đẹp (tâm và tầm) xứng đáng với niềm kiêu hãnh “Hai tiếng CON NGƯỜI vang lên biết bao tự hào” (M. Gorki). Hiện thực đời sống đa dạng, phong phú và mở mang đang ưu đãi, mời gọi nhà văn khám phá và sáng tạo; 3. Tác phẩm của nghệ sĩ phải tích cực góp phần vào quá trình hòa giải, hòa hợp dân tộc trên nhiệt hừng của *tình nghĩa đồng bào* cùng con Rồng cháu Tiên, khép lại quá khứ, hướng tới tương lai; 4. Mỗi nghệ sĩ là một sứ giả văn hóa, bằng tác phẩm của mình, tạo nên nhịp cầu văn hóa giữa các dân tộc trong một thế giới phẳng, mở theo xu hướng toàn cầu hóa. Hiện Việt Nam đang là nước nhập siêu các sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật. Người nghệ sĩ có cao vọng sáng tạo sẽ nghĩ đến một tương lai gần nghệ thuật Việt Nam hiện diện trên các diễn đàn văn hóa, văn học nghệ thuật thế giới, khi đó tình trạng “Tiếng Việt cô đơn” sẽ được hóa giải. Bạn bè năm châu bốn biển sẽ biết đến một nền nghệ thuật hiện đại Việt Nam, như ý kiến của Thủ tướng Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác ngành văn hóa, thể thao, du lịch năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025 (sáng 18/12/2024 tại Hà Nội) về việc nhân rộng mô hình *concert* “Anh trai vượt ngàn chông gai” và “Anh

trai say hi”. Đó là dấu hiệu tích cực của công nghiệp văn hóa và trong tương lai chúng ta phải nghĩ đến xuất khẩu văn hóa “Tại sao chúng ta không tổng kết, nhân rộng hai *concert* vừa rồi? Tại sao bóng đá nữ, bóng chuyền nữ lại đạt thành tựu như vậy? Tại sao du lịch có những điểm đến hấp dẫn như vậy?” (*VnExpress*, 18/12/2024). Câu hỏi “Tại sao”, thiết nghĩ đặt ra cho tất cả mọi lĩnh vực đời sống và câu trả lời thuộc về chủ thể hoạt động trong mỗi một lĩnh vực cụ thể. Với văn giới “Giải thưởng Nobel văn chương” không phải là một điều xa vời hay huyền hoặc khi tấm gương đồng nghiệp Hàn Quốc đã dành được trong năm 2024, không phải là bất khả thi với nhà văn Việt Nam.

Văn hóa của nghệ sĩ và sự phát triển bền vững văn học nghệ thuật

Văn hóa là nền tảng của đạo đức xã hội, của các giá trị văn học nghệ thuật bền vững. Một nhà văn lớn đồng thời là một nhà văn hóa, nhà tư tưởng. Trong số bảy (7) Danh nhân Văn hóa thế giới của Việt Nam được UNESCO vinh danh hiện diện các nhà văn tài năng của dân tộc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu. Ngay Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác là một Danh y nhưng đồng thời cũng là một nhà văn, tác giả của thiên *Thượng kinh ký sự* nổi tiếng trong văn học cổ điển Việt Nam thời trung đại. Chu Văn An là “Vạn thế sư biểu” (Thầy của vạn học trò), đồng thời cũng là nhà văn tài năng trong nền văn học cổ điển Việt Nam thời trung đại.

Văn hóa của văn nghệ sĩ là một đại lượng về nhân cách văn hóa thể hiện trong các phẩm cách *tâm* và *tầm* (tầm lòng và trình độ). Nếu nói “Văn hóa là cách sống cùng nhau” thì ứng xử giữa con người với con người, con người với tạo vật tự nhiên là một thước đo văn hóa. Một người nghệ sĩ lớn trước hết là người gắn bó máu thịt với Đất nước, Nhân dân của mình, theo cách thi sĩ Xuân Diệu diễn đạt “Tôi cùng xương thịt với Nhân dân của tôi/Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu/Tôi sống với cuộc đời chiến đấu/Của triệu người yêu dấu gian lao” (*Những đêm hành quân*). Đã hết sức lỗi thời và lạc lõng khi ai đó xưng lên “Văn chương suy cho cùng là một trò chơi vô tâm tích” (!). Trong chiến tranh “Vóc nhà thơ đứng ngang tầm chiến lũy”. Trong Đổi mới và kiến quốc tư thế của người nghệ sĩ đã khác trước, họ phải kiên trì phấn đấu nâng tầm văn hóa lên ngang yêu cầu thời đại. Sáng tạo nghệ thuật trước tiên là nhờ năng khiếu bẩm sinh trời phú. Nhưng sau hết, muốn đi đường dài và có “đanh gì với núi sống” thì cần nâng tầm văn hóa bằng kiên nhẫn rèn luyện, phấn đấu để thành tài, để cống hiến.



Phát biểu chỉ đạo trong phiên Khai mạc kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh: “Thể chế là điểm nghẽn của điểm nghẽn” - Ảnh: Quốc Hội

Nghĩ về những điểm nghẽn trong văn hóa làm chậm bước tiến xã hội

PHẠM QUANG LONG

1 Tôi thực sự ấn tượng với nhận định của Tổng Bí thư Tô Lâm về “điểm nghẽn” trong xã hội hiện nay mà “thể chế” là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”. Là người đứng đầu Đảng, chịu trách nhiệm về sự phát triển toàn diện của đất nước, Tổng Bí thư chỉ ra “điểm nghẽn” của điểm nghẽn kìm hãm sự phát triển xã hội là thể chế và yêu cầu phải tháo gỡ. Điều này tất yếu sẽ là sự khởi đầu của một nhận thức mới để đổi mới xã hội một cách toàn diện để khắc phục những khuyết điểm, kìm nén nhằm tìm đường hướng cho sự phát triển trong tương lai. Tất nhiên, xung quanh khái niệm “thể chế”

cả giới nghiên cứu khoa học chính trị lẫn khoa học xã hội và nhân văn có nhiều điểm chưa thống nhất, nhất là nội hàm khái niệm. Theo những tài liệu mà tôi biết nhiều người hiểu khái niệm thể chế là hệ thống những văn bản pháp luật, những quy định dưới luật và hệ thống thiết chế, phương thức vận hành chúng... theo những mục tiêu xã hội và con người mà chế độ chính trị hướng tới. Có người nghĩ khác. Thôi thì vấn đề định nghĩa khái niệm dành cho các học giả thuộc lĩnh vực chuyên ngành mặc dù khi bàn về một khái niệm thì điều đầu tiên cần phải nghĩ đến là xác định nội dung thuật ngữ,



hệ thống khái niệm công cụ và thao tác để nhận thức và đánh giá nó trong bối cảnh và những quan hệ liên quan. Có vậy mới mong tìm ra cách lí giải gần bản chất vấn đề nhất. Ở bài viết này tôi chỉ giới hạn vấn đề ở những “điểm nghẽn” mà lịch sử dân tộc đã trải qua từ góc độ văn hóa, ở những cách tháo gỡ, vượt thoát ở góc nhìn chung nhất.

2. Sự phát triển của bất kỳ dân tộc nào cũng liên quan đến những giai đoạn có các “điểm nghẽn” ở tất cả mọi lĩnh vực: chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, con người... và ở bất kỳ lĩnh vực nào cũng có vấn đề của văn hóa. Xét từ bản chất, gỡ những điểm nghẽn văn hóa đều bắt nguồn từ nhận thức hoàn cảnh lịch sử khách quan và chủ quan trong đó nhận thức ra bản chất của điểm nghẽn đã quan trọng nhưng còn có đủ bản lĩnh vượt qua những giới hạn của chính mình để cuộc vượt thoát thành công lại giữ vai trò quyết định sự thành bại của nhận thức. Và phương thức để vượt thoát hoàn cảnh cũng thiên hình vạn trạng bởi khi đã nhìn rõ hướng thì cách đi tùy theo hoàn cảnh cụ thể, năng lực hành động và phương thức tổ chức hiệu quả đến đâu là giữ vai trò quyết định. Đó là giải bài toán thực tiễn, nó phụ thuộc vào năng lực tổ chức và điều hành. Những bài học thành công và thất bại của nhân loại, của nước nhà đã là những ví dụ đắt giá cho vấn đề này.

3. Không dám lạm bàn về những cuộc cải cách trong lịch sử nước nhà vì điều đó có các chuyên gia lịch sử luận bàn nhưng có thể nhìn thấy một điểm chung: các cuộc canh tân - thực chất là tháo gỡ các điểm nghẽn, không thành công bởi ông cha chúng ta trong những thời điểm ấy chưa thực hiện cải cách triệt để, mới chỉ tháo gỡ từng phần trong khi muốn tháo gỡ những điểm nghẽn trong thể chế cần có một sự đồng bộ, toàn diện, mang tính cách mạng chứ không thể chỉ là những sáng kiến, cải cách ở từng bộ phận, đặc biệt là tính chất nửa vời của nó. Nhà Trần thành công khi nhìn thấy sự suy vi của triều Lý ở mọi cấp độ, đặc biệt là ở bộ phận cầm quyền - lực lượng để ra thể chế không thể cứu vãn. Nhà Hồ cũng thực hiện nhiều cải cách

nhằm cứu vãn tình thế đất nước ở thể “trứng treo đầu đẳng” nhưng không thể thành công vì “lòng dân không theo”. Những đề xuất của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ... dù rất thức thời, đầy trách nhiệm thời Nguyễn cũng chỉ là những tiếng kêu tuyệt vọng bởi vòng cương tỏa của chế độ quân chủ lạc hậu thời đó chưa thể vươn tới tầm tiên tiến của nhân loại, không đủ tầm để nhận ra con đường cần đi và không thể tháo gỡ những điểm nghẽn của thời đại là nguyên nhân quan trọng dẫn đến chuyện mất nước.

4. Đầu thế kỷ XX, đất nước ta bước vào giai đoạn khủng hoảng lớn về hướng đi. Chế độ phong kiến nửa thực dân bị những áp lực ghê gớm về con đường phát triển. Pháp một mặt muốn áp đặt chế độ cai trị thực dân của mình lên toàn cõi Đông Dương nhưng cũng không thể giữ mãi chế độ phong kiến lỗi thời kiểu phương Đông. Các tầng lớp sĩ phu yêu nước chọn con đường Đông du, Tây du tìm kiếm những phương thức cứu nước khác nhau. Vẫn cần đào tạo một đội ngũ công chức mới gắn bó với chế độ thực dân nhưng Pháp lo sợ sự tiếp xúc với thế giới văn minh phương Tây, với những tư tưởng tự do dân chủ của chế độ dân chủ tư sản sẽ là con dao hai lưỡi nên buộc phải thành lập Đại học Đông Dương với ý đồ “để một lực lượng trí thức mới Đông Dương vào học ở đó, để tránh họ tiếp xúc trực tiếp với những tư tưởng tiến bộ phương Tây” phòng hậu họa về sau (tờ trình của Toàn quyền Đông Dương gửi Chính phủ Pháp). Dã tâm của giới cầm quyền là vậy nhưng như sự trở trêu của lịch sử, lứa trí thức được đào tạo trong môi trường này sau đó phần lớn trở thành những trí thức yêu nước, gắn bó với Nhân dân, dân tộc, trở thành những người chống lại chế độ thực dân Pháp - những kẻ đào tạo họ nhằm phục vụ chế độ cai trị kiểu Pháp. Đặc biệt họ là lực lượng tiên phong đưa nước nhà tiệm cận với trình độ phát triển nhân loại.

5. Cuộc Cách mạng tháng 8 năm 1945 lật đổ xã hội thực dân nửa phong kiến áp bức bóc lột và kìm hãm sự phát triển của dân tộc đem lại một thời đại mới cho nước nhà. Nhưng trong quá trình xây dựng thể chế mới thuộc về Nhân



dân, chúng ta thiếu thốn mọi thứ: nhân tài, vật lực, con người, kinh nghiệm, phương thức tổ chức xã hội... Hồ Chí Minh chỉ ra định hướng văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi. Đó là một hướng tiếp cận vấn đề mới không phải ngay từ đầu đã được mọi người hiểu đúng. Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu, văn hóa có thể sửa đổi lối sống cũ, xây dựng đời sống mới, Tổ quốc trên hết... dần trở thành một thực tế sinh động, thành điểm tựa nhân lên sức mạnh của dân tộc giúp chúng ta không chỉ đứng vững mà còn chiến thắng một đế quốc hùng mạnh. Từ đây một chính phủ vì dân, phụng sự Nhân dân, lấy lợi ích Nhân dân, đất nước làm đầu sẽ tạo ra một dân khí mới giải quyết được những vấn đề rất lớn, phức tạp của cuộc kháng chiến, chống thù trong, giặc ngoài, biến nhiều điều từ không thể thành có thể, giải quyết nhiều vấn đề lớn trong tổ chức bộ máy nhà nước, xây dựng lực lượng, đoàn kết dân tộc và kháng chiến thành công. Cốt lõi của tư tưởng này là vấn đề văn hóa, vấn đề con người mà không có những người lèo lái con thuyền cách mạng ấy, đất nước khó có thể cập bến vinh quang. Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử đã nói đến vấn đề lòng dân, thời cơ, uy tín lãnh tụ... Điều này hiển nhiên. Tôi muốn nói thêm cách tiếp cận vấn đề xã hội, đại sự quốc gia, xây dựng thể chế mới từ văn hóa, bằng văn hóa ở Hồ Chí Minh đã tháo gỡ rất nhiều điểm nghẽn mà nếu đem những nguyên tắc tổ chức, quy định dù đã được thông qua và được xem là đúng đắn cũng có thể hỏng việc trong nhiều trường hợp cụ thể. Hiểu đúng văn hóa và vận dụng nó một cách sáng tạo chính là phương thức biện chứng và hiệu quả nhất. Trong một cuộc hội thảo ở Mỹ, trước câu hỏi của nhiều chính khách, tướng lĩnh Mỹ vì sao quân đội Việt Nam thắng Mỹ khi so sánh từ nhiều phương diện, chúng ta không bằng Mỹ, tướng Nguyễn Đình Ước trả lời đại ý chúng tôi thắng Mỹ không phải vì chiến sĩ chúng tôi dũng cảm hơn, trang bị chúng tôi tốt hơn mà chúng tôi biết nhân lên sức mạnh bằng văn hóa Việt Nam. Những người dự hội nghị đã phải suy ngẫm nhiều về điều này. Tôi đã đến đại học Texas Tech, nghe câu chuyện này ở chính Trung tâm nghiên

cứu Việt Nam và chính sách hậu chiến của Mỹ mới chuyển từ đại học Berkely về và cũng ngẫm nghĩ mãi về lời của vị tướng Việt Nam.

6. Nói cho công bằng thời kháng chiến chống Pháp và những năm kháng chiến chống Mỹ nghiên cứu lý thuyết về văn hóa và liên văn hóa chưa nhiều. Do những điều kiện lịch sử và trình độ chung nên chúng ta nghiên cứu và xây dựng hệ thống văn hóa theo mô hình Xô Viết từ góc nhìn của hệ tư tưởng Marx-Lenine, ít nhiều chịu ảnh hưởng quan niệm chính trị hóa và thực dụng của chủ nghĩa Mao. Tính chất giáo điều và chính trị hóa văn hóa đã gây ra những tác hại không nhỏ trong việc định hướng và tổ chức thực hiện cuộc cách mạng văn hóa. Không thể phủ nhận những thành tựu của văn hóa trong phát triển xã hội nhưng rõ ràng nếu chúng ta nhận thức đúng hơn nhiều vấn đề lý thuyết và ứng dụng của văn hóa, thành công của chúng ta trong cuộc cách mạng chắc chắn sẽ lớn hơn nhiều. Mãi đến thời kỳ Đổi Mới và nhiều năm sau, tuy văn hóa được coi là nền tảng tinh thần và động lực phát triển xã hội thì không ít nhà nghiên cứu và các cấp quản lý vẫn coi văn hóa như là yếu tố phụ thuộc, ăn theo kinh tế và chính trị, vẫn nêu vấn đề “đầu tư cho văn hóa phải ngang tầm với kinh tế” để phát triển bền vững nhưng đầu tư theo phương thức nào, hiểu những vấn đề lý thuyết của văn hóa và vai trò của nó trong văn hóa phát triển vẫn còn nhiều bất cập, sai lầm. Quan niệm ấy rõ ràng trái với tư tưởng văn hóa soi đường cho quốc dân đi, văn hóa đi trước một bước, văn hóa đồng hành trong phát triển bền vững. Chúng ta đề cao vai trò của văn hóa nhưng lại hiểu chưa chính xác nội hàm văn hóa và đặt nó chưa đúng chỗ trong quá trình tổ chức xã hội và phát triển đất nước. Hai điểm nghẽn lớn nhất, có thể coi là “điểm nghẽn của điểm nghẽn” trong văn hóa là không hiểu văn hóa từ bản thể của nó và đánh giá vai trò của con người với tư cách là chủ thể tạo ra văn hóa, là người hưởng thụ văn hóa. Hai vấn đề lớn này vẫn bị tư tưởng chính trị làm lu mờ những yếu tố khác. Ai cũng biết Marx đã nói đến ba nguồn



gốc hình thành nên chủ nghĩa Marx nhưng khi tiếp nhận chủ nghĩa Marx và vận dụng vào xây dựng thể chế chúng ta lại bỏ qua yếu tố đa nguyên từ nguồn gốc của chủ nghĩa Marx và triệt để phản bác, kết tội những ai nói đến bản chất đa nguyên của văn hóa, chỉ đề cao khía cạnh tư tưởng hệ của khái niệm trong khi bản chất văn hóa là đa nguyên, cộng sinh. Nếu Hồ Chí Minh cũng nhìn vấn đề như thế chắc hẳn người không thể có những đối sách minh triết và thành công thần kỳ trong những năm sau Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến thành công. Trong chính phủ kháng chiến, trong các tổ chức chính trị xã hội biết bao người không phải là đảng viên cộng sản mà là quan lại, trí thức, thân hào, doanh nhân, chức sắc tôn giáo... đã được người sử dụng và họ đã hoàn thành sứ mệnh xuất sắc của mình, không phản bội lòng tin của đất nước, Nhân dân dành cho họ. Bởi người hiểu, tư tưởng chính trị, quan điểm xã hội, đức tin... chỉ là một phần trong mỗi con người, nó gắn với nhận thức mà nhận thức con người có thể thay đổi trong sự vận động và biến đổi của thực tiễn. Vậy mà một thời gian dài chúng ta đã giáo điều, chỉ nhìn sự vật con người ở khía cạnh hồ sơ, đề cao lý lịch chính trị, nguồn gốc xuất thân, bằng cấp chính trị chứ không phải bản lĩnh chính trị để đề bạt, sử dụng cán bộ. Không tôn trọng cá nhân, cá tính, vô tình cơ chế xã hội đã mài mòn dần những con người cá tính, triệt tiêu sự cạnh tranh, sáng kiến, những ý kiến khác với lãnh đạo để nhiều khi chính chúng ta lại phải đau lòng nhận thấy rằng chúng ta đã bỏ lỡ nhiều cơ hội, đã dùng sai người, đã để chảy máu chất xám, đã lãng phí tài năng, rằng hiện nay trong nhiều cơ quan nhà nước chúng ta không tuyển dụng được người có năng lực thực sự. Do một thời gian dài chúng ta nhận thức sai về con người nên đề cao lý lịch chính trị, bằng cấp chính trị, địa vị chính trị, quyền lợi chính trị mà xem nhẹ chân tài, năng lực thực sự của cán bộ... nên đã tạo ra quy trình tuyển dụng, đề bạt cán bộ chưa đúng, gián tiếp gây ra tình trạng đối trá, băng hoại đạo đức xã hội, tham nhũng. Đây là một điểm nghẽn cần

giải quyết triệt để để chúng ta có được một nguồn nhân lực lao động chất lượng cao đủ sức gánh vác trách nhiệm xã hội.

7. Quan sát sự phát triển của thế giới chúng ta nhận thấy mô hình phát triển của các nước rất khác nhau. Quê hương của cách mạng dân chủ tư sản chọn mô hình lưỡng viện và dân chủ tư sản. Nước Mỹ cũng chọn mô hình này. Nhưng các nước Anh, Nhật, Tây Ban Nha, Nhật, Thái Lan... chọn mô hình kết hợp cả dân chủ tư sản và quân chủ nhưng thực chất vẫn nghiêng về chế độ dân chủ tư sản. Trung Quốc là một mô hình đặc biệt. Nhưng ở các nước này văn hóa và con người đều được đánh giá giá trị từ góc nhìn bản thể, từ những giá trị xã hội đem lại cho đất nước. Như vậy, thể chế đa đảng hay độc đảng, có đảng cầm quyền không phải là yếu tố quan trọng nhất mà vấn đề con người và tổ chức xã hội với những hệ thống văn bản pháp quy (một thành tố quan trọng của văn hóa) mới là quan trọng nhất. Ở đó vai trò của sáng kiến, cá tính, cạnh tranh về giá trị ở mỗi con người, tổ chức đều được ghi nhận. Cá nhân và tổ chức có thể làm mọi việc không bị pháp luật ngăn cấm và những đóng góp đều được trả công xứng đáng. Như vậy mỗi cá nhân đều có thể đóng góp cho xã hội những gì tinh túy nhất của mình và cống hiến của họ được tôn vinh. Bởi, như thực tế đã chỉ ra, chỉ có cạnh tranh mới tạo ra những sản phẩm tốt nhất cho xã hội. Với con người cũng vậy.

8. Khi đã nhìn ra “điểm nghẽn của điểm nghẽn” về văn hóa và con người thì việc tháo gỡ những cái lỗi thời sẽ rõ ràng và hiệu quả hơn. Như Tổng Bí thư nói, không có rào cản, không có ngoại lệ, đây là thời điểm cần hành động đồng bộ, triệt để mang tinh thần cách mạng chứ không nửa vời. Nếu xóa bỏ những nhận thức sai rồi xóa bỏ những cơ chế sai đã kìm hãm sự phát triển của văn hóa thì văn hóa sẽ góp phần không nhỏ để dân tộc vươn mình trong phát triển đất nước. Bắt đầu từ nhận thức, từ sự minh triết và dũng cảm tự vượt lên mình, phủ nhận mình để phát triển, không phải của cá nhân mà của cả xã hội. Đó là điểm nghẽn đầu tiên cần nghĩ đến và tháo gỡ.



Ảnh: Internet

Tình quê trải dọc đường thơ

NGUYỄN KHÁNH

Thơ như là tình yêu, là đau khổ, là đắm đuối, là sâu mộng... Thơ là một thứ gì đó không định nghĩa được tuyệt đối. Nhưng chắc chắn, thơ là tâm tư từ trái tim, từ tâm can của con người. Vậy nên, sự thương nhớ, buồn tủi và khổ đau là một nguồn cảm hứng quan trọng trong thơ ca.

Nhà thơ thương nhớ, buồn tủi và đau khổ vì nhiều thứ, trong đó có một thứ luôn day dứt các nhà thơ: Đó là quê hương. Ai cũng có quê hương. Và ai cũng có niềm vui, nỗi buồn và lòng thương nhớ đối với quê hương. Xa quê hương cho người ta nhiều tâm trạng nhớ thương, hờn tủi. Về lại quê hương làm cho

người ta nhiều hoài niệm, vẫn vương hay có khi lạc lõng. Nhưng người không có quê hương mới bất hạnh làm sao. Quê hương - một hình tượng đa sắc màu trải dọc đường con đường thơ ca của nhiều thế kỷ.

Nhà thơ viết về quê với nhiều nỗi niềm nhất khi xa quê hoặc khi về lại quê hương. Không có nhiều nhà thơ sinh ra, lớn lên và chết đi chỉ ở một làng quê nào đó và viết nhiều về quê hương. Bởi có lẽ, trong mỗi con người, có quê là niềm hạnh phúc, xa quê là sự đau buồn, là bất đắc dĩ, là tìm kiếm một điều gì đó to tát và về lại quê hương là sự đan xen giữa hoài niệm, giữa niềm vui, nỗi buồn, giữa quá khứ và thực



tại, giữa mình và... chính mình... Con người phức tạp và tâm trạng con người lại vô cùng phức tạp. Nên nhiều khi chính mình lại đi tìm mình trong bản ngã của mình. Chính tâm thức của mình lại mâu thuẫn kiểu như là xa thì nhớ muốn tìm về mà tìm về rồi lại thấy lạc lõng.

Đầu tiên phải kể đến đại thi hào Nguyễn Trãi ở thế kỷ XV. Trong hàng trăm bài thơ của Úc Trai thì có rất nhiều bài thơ viết về quê hương với những tâm trạng khác nhau. Nguyễn Trãi một đời phiêu bạt nhiều nơi. Phần vì thời cuộc, phần vì chí lớn mà buồn ba. Đến khi về già mới quay lại quê nhà. Khi đó, tâm trạng của ông là tâm trạng của một người từng trải nhiều năm, kinh qua sinh tử, nếm đủ thăng trầm. Khi xa quê, Nguyễn Trãi không ngừng hoài niệm về quê, thương nhớ quê. Những bài thơ như *Mạn thuật 11 (Quê cũ)*, *Mạn thuật 13 (Nhà ta)*... thể hiện rõ điều đó:

Nấu về quê cũ bấy nhiêu xuân,
Lãng thưởng chưa lia lưới trần.
Ở thế những hiềm qua mỡ thể,
Có thân thì sá cốc chưng thân.
Vườn còn thông trúc đáng năm mấu,
Câu ước công danh đổi một cần.
Miệt bả hài gai khăn cốc,
Xuềnh xoàng làm mỡ đĩa thôn nhân.

(*Mạn thuật 11 - Quê cũ*)

Hay:

Quê cũ nhà ta thiếu của nào,
Rau trong nội, cá trong ao.
Cách song, mai tinh hồn Cô Dịch,
Kề nước, cầm đưa tiếng Cửu Cao.
Khách đến vườn còn hoa lạc,
Thơ nên cửa thấy nguyệt vào.
Cảnh thanh đường ấy chẳng về nghĩ,
Lẩn thẩn làm chi áng mạn đào.

(*Mạn thuật 13 - Nhà ta*)

Nguyễn Trãi thương nhớ quê bởi trong quê có bạn:

"Nghèo ốm ta thương bạn,
Ngông cuồng bạn giống ta.
Cùng xiêu nơi lạ lẫm,
Đều đọc sách dăm ba.

Nông nổi dùng chi được,
Nhờn nhờ thạo quá mà.
Nhụy Khê năm khác hẹn,
Nón chụp cuộc xuân nhà".

(*Tặng hữu nhân*)

Thương nhớ quê cũng thương cảm thân mình:

"Già người: đời tiếp tang thương đến,
Nã khách: thu đưa cảm hận vào.
Ba chục năm giới danh tiếng hão,
Ngoảnh đầu, muôn việc tựa chiêm bao".

(*Loạn hậu cảm tác*)

Trái bao thăng trầm của cuộc đời, về lại quê hương chính là tìm lại sự thanh bình cho chính mình. Với người thường, đó là chuyện thường, là hạnh phúc, là niềm vui tuổi xế chiều. Nhưng Nguyễn Trãi lại là một ước mơ. Cả một đời nuôi chí lớn vì giang sơn đất nước, đáng ra thành công rồi có rất nhiều thứ. Thế nhưng rồi lại chỉ mơ ước về quê cất một ngôi nhà nhỏ để uống trà và gói đầu lên đá quê hương để ngủ:

"Xa cách mười năm chôn cổ san,
Quay về từng cục đá lan man.
Suối rừng có hẹn sao nên phụ,
Đất bụi cúi đầu chỉ tự than.
Vừa lại quê nhà như thấy mộng,
May trong binh lửa vẫn tuyền thân.
Bao giờ dưới ngọn mây về ở,
Nước suối chè tươi ngủ thạch bàn"

(*Loạn hậu đảo Côn Sơn cảm tác*)

Ấy vậy mà cuối cùng giấc mộng không thành, lại để lại cho đời một "thiên thu di hận" với cái kết đau buồn bậc nhất lịch sử đối với một người anh hùng dân tộc.

Sau Nguyễn Trãi, thế kỷ XVIII, một thi hào nữ là Bà Huyện Thanh Quan cũng thể hiện nỗi nhớ nhung quê nhà da diết. Cũng như Nguyễn Trãi, Bà Huyện Thanh Quan cũng sống xa quê nhiều năm. Dù sống ở đâu, trong tâm trí bà vẫn luôn nhớ về quê cũ. Sinh ra nơi Thăng Long phồn hoa nhưng trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, bà cũng đi đến nhiều nơi, lúc theo chồng,



lúc theo lệnh vua. Tuy vậy, lòng thương nhớ Thăng Long quê bà vẫn luôn sâu đậm:

“Vàng toả non tây, bóng ác tà,
Đầm đầm ngọn cỏ, tuyết phun hoa.
Ngàn mai lác đác, chim về tổ,
Dặm liễu băng khuâng, khách nhớ nhà.
Còi mục thét trắng miền khoáng dã,
Chài ngư tung gió bãi bình sa.
Lòng quê một bước nhường ngao ngán,
Mấy kẻ tình chung có thấu là?”

(Chiều hôm nhớ nhà)

Nỗi nhớ quê nhà nhiều khi là nhớ cảnh, nhớ người, nhớ những thứ gần gũi với cuộc đời mình, với gia đình hay tuổi thơ. Nhưng nhiều khi, nỗi nhớ đó kéo về cả một lịch sử đầy trầm mặc. *Thăng Long thành hoài cổ* là một tuyệt thi của Bà Huyện Thanh Quan về điều đó:

“Tạo hóa gây chi cuộc hí trường
Đến nay thâm thoát mấy tinh sương
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương,
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ.
Cảnh đây người đây luống đoạn trường”.

(Thăng Long thành hoài cổ)

Đến thế kỷ XX, Hồ Chí Minh lại tiếp nối đoạn đường thơ về quê hương, về nỗi nhớ quê nhà qua những tác thi ăn sâu vào nhiều người. Nhớ quê của Bác trước hết là về một quê hương rộng lớn - là đất nước. Nó đúng với tâm thế của một người chiến sĩ cách mạng bôn ba qua nhiều nước: “Ngoại cảm” trời Hoa cơn nóng lạnh/“Nội thương” đất Việt cảnh lâm than” (*Trọng bệnh*). Trong thơ của Bác, phần dành cho quê hương không nhiều. Nhưng nỗi nhớ quê hương thì không lúc nào nguôi. Chỉ là nỗi nhớ đó thoáng qua trong tâm trí ở một khoảng khắc nào đó. Đó có thể là lúc hoàng hôn đến:

“Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây.
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay”.

(Hoàng hôn)

Nhớ quê hương là sự hoài niệm về bạn cũ, quê cũ. Nỗi nhớ đó ẩn uất thật nhiều nỗi niềm của một người luôn đau đáu với quê hương lớn hơn là đất nước. Nỗi nhớ đó gắn với những lời hứa với bè bạn, với chính quê nhà:

“Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng.
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung”.

(Nhớ bạn)

Nếu Hồ Chí Minh nhớ về quê hương với một cảm thức cách mạng mãnh liệt, thì nhiều nhà thơ khác vẫn tiếp tục dòng chảy truyền thống với tình yêu quê hương, yêu sự quen thuộc đầy hoài niệm. Huy Cận có lẽ là một người như thế. *Tràng giang* của ông là một tuyệt phẩm gây tiếng vang trong thi ca lúc trình làng. Và *Tràng giang* cũng là một bài thơ dành cho quê hương, bởi nó đơn giản là một hoài niệm về những thứ thân thuộc trên con sông quê của thi sĩ: là sóng, là thuyền, là bờ, là bèo, là củi, là chợ...

“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Bèo giạt về đâu, hàng nổi hàng,
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

(Tràng giang)

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, tình quê được thể hiện qua những cung bậc khác nhau. Một Hồ Chí Minh với một tình cảm quê hương rộng lớn - đất nước và tình cảm dành cho quê gắn với tâm tư của một nhà cách mạng, một người đau đáu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Một Huy Cận với tình quê man mác buồn và là cái buồn của thi sĩ lãng mạn. Có lẽ âm điệu



hơn, sâu lắng nhất lại là Nguyễn Bính với một nỗi nhớ quê nặng trĩu buồn thương. Quê trong thơ Nguyễn Bính gắn với sự dang dở, với sự chia xa. Quê trong thơ Nguyễn Bính gắn với nỗi đau của kẻ xa nhà, xa mẹ thầy, xa chị, xa nàng hàng xóm, xa cô láng giềng, xa giàn thiên lý, xa đậu mồng tơi... Chao ôi. Người xa quê đã đau khổ lắm rồi. Xa quê mà đọc thơ Nguyễn Bính lại còn đau buồn hơn, nhớ quê hơn, thương mình hơn. Cái tình quê đó, chẳng mấy ai mong chờ, nhưng hầu như ai cũng phải nếm trải.

Tình quê của Nguyễn Bính trước hết là tâm trạng của kẻ nửa đời xa quê, một kẻ giang hồ lỡ bước: “Anh về quê cũ: thôn Vân/Sau khi đã biết phong trần ra sao/Từ nay lại tắm ao đào/Rượu dâu nhà cất, thuốc lào nhà phơi/Giang hồ sót lại mình tôi/Quê người đấng khối, quê người cay men” (*Anh về quê cũ*). Kẻ giang hồ đó đã xa quê lang bạt kỳ hồ để biết gió bụi cuộc đời (phong trần) như thế nào. Và khi biết rồi, về lại quê nhà mới thấy mình như lạc lõng:

“Ơi thôn Vân, hỡi thôn Vân!
Phương nào kết dải mây Tần cho ta.
Từ nay, khi nhớ quê nhà,
Thấy mây Tần biết đó là thôn Vân.
Ơi thôn Vân, hỡi thôn Vân!
Anh em ly tán, lầu dầm thành ra.
Không còn ai ở lại nhà,
Hỏi còn ai nữa? Để hoa đầy vườn,
Trăng đầy ngõ, gió đầy thôn,
Anh về quê cũ có buồn không anh?”

(*Anh về quê cũ*)

Nhưng sự lạc lõng đó chỉ là một phần nhỏ trong cái nỗi buồn đau xa quê nhiều năm của thi sĩ. Nỗi đau đó ảm đạm nhường nào: “Đất khách tình dang hoà mắt lệ/Ơi nhà! Ơi chị! Ơi quê hương!” (*Xuân vẫn tha hương*). Cuộc sống xa quê nào dễ dàng gì, thậm chí còn vô vàn gian khổ. Nó càng làm cho kẻ thi sĩ càng nhớ thương nhớ quê nhà hơn: “Áo xanh bạc nửa màu sương gió/Xót kẻ ăn nằm trong gió sương/Đầy voi tâm sự cùng ai tỏ/Mộng lạnh đêm xưa, chiếu lạnh giường” (*Xuân vẫn tha hương*).

Một kẻ đa tình, dong đời ngược thế để tìm kiếm những thứ viễn vọng mà xa quê, xa nhà, xa nàng hàng xóm, xa cô láng giềng... Nhưng không phải tự dưng chàng thi sĩ ấy rời quê. Đó là sự “trốn chạy” của một kẻ đa tình dang dở, rời quê để quên đi một mối tình, rời quê để người mình yêu được ở lại: “Tôi sẽ đi đây! Tôi sẽ quên/Suốt đời là một kẻ vô duyên/Trọn đời làm một thân cô lữ/Ở mọi đường xa, ở mọi miền...” (*Thôi nàng ở lại*). Để rồi, khi mưa rơi, khi tết đến, khi đói bụng, khi lạnh trời... lại đau đáu nỗi nhớ quê nhà:

“Một thân lặn đạn nơi trời xa.
Nằm nghe mưa rơi trên mái nhà
Gió bắt vào thu đầy tiếng lá
Đời tàn, mộng đẹp, tiếc xuân qua.
Long tong mưa nhỏ gieo từng giọt
Vắng lặng không nao một tiếng gà
Chờ nửa vầng trăng, trăng chẳng lại
Đêm dài đằng đẵng, đêm bao la”.

(*Đêm mưa đất khách*)

Cái buồn đau, cô quạnh giữa đất khách quê người, trong quán trọ tồi tàn không bè bạn, không người thân, phải “Nằm đọc Liêu Trai bạn với ma” hay “Nằm tạm qua đêm quán dọc đường” ấy càng làm cho con người cảm thấy sự đáng sợ của cô đơn, hiu quạnh, mới cảm thấy thèm khát tình thân, tình yêu:

“Hỡi ôi! Trời đất vô cùng rộng
Nào biết tìm đâu một mái nhà?
Có như mắt Tịch xanh mà uống
Đất khách cùng đường ta khóc ta!
Mưa mãi mưa hoài mưa bút rút
Đêm dài đằng đẵng đêm bao la...”

(*Đêm mưa đất khách*)

Chàng thi sĩ trốn chạy vì tình yêu để rồi đau khổ, ân hận vì tình thân. Xa nhà không làm cho mình nguôi ngoai đi tình yêu, nhưng lại làm cho bao nhiêu người thân, là thầy mẹ, là chị phải đau buồn. Nỗi nhớ nhà, sự ân hận giằng xé tâm hồn thi sĩ, và cũng làm đau đáu trái tim của những kẻ có cùng hoàn cảnh khi đọc thơ:

“Con đi mười mấy năm rồi,
Một thân bé bỏng, nửa đời gió sương.



Thầy đừng nhớ, mẹ đừng thương,
 Cầm như đồng kềm ngang đường bỏ rơi.
 Thầy mẹ ơi! Thầy mẹ ơi!
 Tiếc công thầy mẹ đẻ người con hư.
 Con đi năm ấy tháng tư,
 Lúa chiêm xấp xỉ đổ từ tháng ba.
 Đi thôi, quạnh cửa quạnh nhà,
 Cha già đập lúa, mẹ già rũ rơm.
 Cha dạm gạo, mẹ làm cơm,
 Có con, con vắng, ai làm thay cho?

Con dan díu nợ giang hồ
 Một mai những tướng cơ đồ làm nên.
 Ai ngờ ngày tháng lưu liên,
 Đã không gọi chút báo đền dưỡng sinh.
 Lại mang ân ái vào mình,
 Cái yêu làm tội làm tình cái thân.
 Bó tay như kẻ hàng thần,
 Chấn chường như lũ tàn quân lia thành.
 (Mẹ cha thì nhớ thương mình,
 Mình đi thương nhớ người tình xa xôi.)"

(*Thư gửi mẹ thầy*)

Với nỗi đau thương, với niềm ân hận cũng thấp lènh trong tâm hồn thi sĩ những mơ ước nhỏ nhoi: "Em thường cầu nguyện thường van vái/Một sớm thanh bình mặt đại dương/Bao giờ em được về quê cũ/Dâng chị bài thơ xuân cố hương" (Xuân vẫn tha hương).

Trong nửa sau thế kỷ XX, tình cảm quê hương lại càng thể hiện một cách đa dạng và phong phú hơn trong thơ ca. Lúc này, đội ngũ thi sĩ trở nên dày hơn, thế giới quan và triết lý nhân sinh cũng thay đổi đi nhiều, nhưng tình cảm quê hương thì vẫn là dòng chảy xuyên suốt lịch sử thi ca. Hầu như các nhà thơ lớn đều có những bài thơ về quê hương. Quê hương là một thứ gì đó da diết, mãnh liệt và thậm chí là ám ảnh đối với hầu hết các nhà thơ. Vậy nên, dù ít hay nhiều, dù phảng phất hay sâu đậm thì nhà thơ nào cũng bộc lộ những tình cảm quê hương theo những cách khác nhau.

Bối cảnh lúc này là chiến tranh, là ly tán. Có người rời quê vì chạy giặc, có người rời quê vì... yêu quê, để bảo vệ quê hương. Nhưng đó cũng

là sự xót xa của một thế hệ, bởi chẳng ai muốn rời xa quê mình. Quê hương lúc đó, trong thơ Quang Dũng là một quê hương ám ảnh bởi chiến tranh và chết chóc: "Mẹ tôi em có gập đầu không/Những xác già nua ngập cánh đồng/Tôi cũng có thằng con bé dại/Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông" (*Đôi mắt người Sơn Tây*). Chiến tranh làm quê hương điêu tàn, làm người người đói khổ phải rời quê để tìm đường sống sót. Như Nguyễn Đình Thi bộc bạch: "Đói nghèo nên phải chia ly/Xót xa lòng kẻ rời quê lên đường" (*Việt Nam quê hương ta*). Xa quê là nhớ. Nhớ quê, nhớ những gì thân thuộc với chính cuộc đời mình: "Ta đi ta nhớ núi rừng/Ta đi ta nhớ dòng sông vỗ bờ/Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô/Bữa cơm rau muống quả cà giòn tan..." (*Việt Nam quê hương ta*).

Nhưng bên cạnh đó, một số vùng quê đã được thanh bình. Sự thanh bình đó cũng dần được hiện hữu vào thơ ca. Đỗ Trung Quân với bài thơ *Quê hương* đã đặt ra câu hỏi "Quê hương là gì hả mẹ?" để rồi tự trả lời quê hương "là chùm khế ngọt", "là đường đi học", "là con diều biếc", "là con đò nhỏ", "là cầu tre nhỏ", "là vòng tây âm", "là đêm trăng tỏ"... Giang Nam cũng có một *Quê hương* đượm buồn với mối tình chưa nở đã tàn sau sự hi sinh của "cô gái nhà bên...". Để rồi tình yêu trai gái được gắn liền với tình yêu quê hương: "Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm/Có những ngày trốn học bị đòn roi/Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất/Có một phần xương thịt của em tôi".

Tình quê trong giai đoạn này trở thành nguồn cảm hứng của rất nhiều thi sĩ và sự thể hiện cũng vô cùng đa dạng và phong phú. Trong vô vàn các nhà thơ với nỗi niềm về quê hương đó, Tô Thùy Yên hiện ra như một cái gì đó buồn, đau, giằng xé, thậm chí ám ảnh đối với nhiều người. Người ta biết đến Tô Thùy Yên với một *Chiều trên phá Tam Giang*, nhưng với nhiều người thì bài thơ *Ta về* mới thực sự là một thi tác đầy trần trụi. *Ta về* như là một bản trường ca của một kẻ xa quê đau đớn cùng sự xót ruột trong tâm can với quê nhà. Chỉ một điệp khúc "ta về" với bao nhiêu tâm thế cũng



làm cho người đọc không khỏi xót xa: “Ta về - một bóng trên đường lớn”, “Ta về qua những truông cùng phá”, “Ta về như bóng chim qua trể”, “Ta về cúi mái đầu sương điểm”, “Ta về như lá rơi về cội”, “Ta về như hạt sương trên cỏ”, “Ta về như sợi tơ trời trắng”, “Ta về như tứ thơ xiêu tán”, “Ta về khai giải bùa thiêng yểm”, “Ta về như đứa con phung phá”, “Ta về như tiếng kêu đồng vọng”, “Ta về như bóng ma hồn tử”... Những cái “ta về” này không hẳn là một cuộc đi về quê hương thực, còn là một cuộc hồi hương trong tâm thức, trong mơ ảo của nhà thơ.

Là một người phải rời quê vì thế sự, trở về nhà là một khát khao cháy bỏng nhưng đâu dễ gì. Nhà thơ chấp nhận thân phận lỡ bước, xa quê của mình: “Ta về như hạt sương trên cỏ/ Kết tụ sầu nhân thế chuyển dời/Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt/Tội tình chi lắm nữa, người ơi!”. Cứ nghĩ về quê rồi sẽ vui hơn. Nhưng về được rồi, nhìn quê nhà chẳng phải như xưa, lại đượm buồn:

“Ta về như tứ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
Nhà cũ, mừng còn nguyên mái, vách
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương khó quá, sống thờ ơ
Giậu nghiêng cổng đổ, thêm um cỏ
Khách cũ không còn, khách mới thưa...”

(Ta về)

Về quê, đối diện với sự đổi thay: Người thân xa cách, cha mẹ không còn, bạn bè vắng

mặt, cảnh cũ hoang tàn... Xa quê thì mang nỗi đau nhớ quê. Về quê thì ôm nỗi đau nhớ người. Trong cuộc đời con người, hẳn ai rơi vào tình cảnh đó, thật sự đau đớn, khó chịu vô cùng. Những vần thơ của Tô Thùy Yên, vì thế càng thêm ám ảnh:

“Ta về như bóng ma hồn tử
Lục lại thời gian, kiểm chính mình
Ta nhạt mà thương từng phé liệu
Như từng hài cốt sấp vô danh

Ngôi đây, nền cũ nhà hương hoá
Đọc lại bài thơ buổi thiếu thời
Ai đó trong hồn ta thổn thức?
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi”

(Ta về)

Đúng như Đỗ Trung Quân nhận định “Quê hương mỗi người chỉ một/Như là chỉ một mẹ thôi/Quê hương nếu ai không nhớ/Sẽ không lớn nổi thành người” (Quê hương). Ai cũng có quê và ai cũng nhớ quê. Quê như hành trang không thể thiếu của con người. Vậy nên, tình quê cũng là một nguồn cảm hứng cho biết bao thi sĩ. Trải dọc đường thơ hàng trăm năm đó, tình quê hiển hiện theo nhiều tầng lớp, nhiều tâm trạng khác nhau. Nhưng hầu như các thi sĩ đều có chung những tâm thế, những cảm xúc: Xa quê rồi nhớ quê, về quê lại hoài niệm, xót xa. Buồn và nhớ là cảm xúc của nhiều nhà thơ khi đối diện với cuộc sống xa quê. Tình quê với ai cũng thiêng liêng. Điềm qua một số tình quê của vài thi sĩ ở các giai đoạn khác nhau để thấy sự quan trọng của quê, cũng là để vơi đi chút nào nỗi nhớ quê của kẻ xa quê.



BẦU TRỜI VĂN CHƯƠNG NGHỆ AN: Có quá ít những ngôi sao trẻ

YẾN LY

VĂN HỌC TRẺ VIỆT NAM TRONG KHOẢNG 5 NĂM QUA CÓ NHIỀU BIẾN ĐỘNG SÔI NỔI VỚI KHÔNG ÍT TÁC GIẢ TRẺ NỔI BẬT. ĐÓ LÀ NHỮNG TÊN TUỔI NHƯ LỮ MAI, ĐINH PHƯƠNG, LÝ HỮU LƯƠNG, NGUYỄN THỊ KIM NHUNG, CAO NGUYỆT NGUYÊN, HIỀN TRANG, ĐỨC ANH, NHẬT PHI, PHẠM GIAI QUỲNH, NAM THIÊN PHÚ, PHAN ĐỨC LỘC, HOÀNG YẾN, THẢO TRANG... TUY NHIÊN, TRONG SỐ ĐÓ, CÓ RẤT ÍT LÀ NGƯỜI NGHỆ AN...

Nói về tác giả trẻ, thường có hai cách hiểu: Hoặc là tác giả có độ tuổi sinh học dưới 35, hoặc là tác giả mới xuất hiện trên văn đàn bất kể độ tuổi sinh học là bao nhiêu. Hội Nhà văn Việt Nam vẫn tổ chức Hội nghị những người viết văn trẻ toàn quốc thường kỳ 5 năm một lần cho các tác giả có độ tuổi dưới 35. Đó là dịp giao lưu, gặp gỡ và chia sẻ của những cây bút trẻ trên toàn quốc. Hội nghị viết văn trẻ toàn quốc lần gần nhất diễn ra vào tháng 6/2022 với 138 đại biểu, được tổ chức tại Đà Nẵng và cây bút trẻ tuổi nhất được Chủ tịch nước gửi lời khen ngợi là Trần Phú Minh Anh sinh năm 2007, đến từ TP. Hồ Chí Minh. Đây cũng là tác giả đã được nhận

giải A tại lễ trao tặng thưởng cho các tác phẩm xuất sắc năm 2023 của Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật (VHNT) Việt Nam với tập thơ song ngữ *Một ngày từ bên trong*.

Thực trạng văn trẻ Nghệ An

Các cây bút trẻ dưới 35 tuổi của Nghệ An đã có ít nhiều công bố tác phẩm và thành tựu văn chương có thể kể đến: Võ Thị Hà (bút danh khác là Mộc Anh, sinh năm 1989, đến từ Yên Thành, hiện công tác tại Kênh VHNT của Đài Tiếng nói Việt Nam VOV6 và sinh sống tại Hà Nội); Nguyễn Thị Luyến (bút danh khác là Lý Uyên, sinh năm 1991, hiện công tác tại Tạp chí Sông Lam), Phan Đức Lộc (sinh năm 1995, hiện công tác tại Công an huyện Tuần Giáo, sinh sống ở Điện Biên). Trong số 3 tác giả này, chỉ có Nguyễn Thị Luyến là hội viên Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An và cũng là hội viên trẻ tuổi nhất. Tuy nhiên, ngoài Phan Đức Lộc liên tục cho ra mắt các đầu sách ở các thể loại tiểu thuyết, truyện ngắn, tản văn thì hai cây bút còn lại từ năm 2020 đến nay không có công bố gì thêm về các tác phẩm mới. Cảm hứng sáng tác vụt tắt hay là họ không còn mặn mà với văn chương nữa? Hay vì một lý do nào khác?

So với mặt bằng chung của hai thành phố lớn, nơi hội tụ tinh hoa là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, các cây viết trẻ dưới 35 tuổi ở Nghệ An thực sự rất ít. Ban Văn trẻ của Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An đã từng tổ chức những trại sáng tác cho các cây bút trẻ, nhưng chủ yếu trại viên là các em học sinh. Các cây viết đang là học sinh dường như là một hạn chế lớn trong hành trình sáng tác, khi vốn sống còn ít cũng như ý thức sáng tác của các em chưa thực sự được thúc đẩy. Liệu có cách nào để khơi mạch sáng tạo từ các cây viết trẻ này?

Phụ trách Ban Văn trẻ và là Trưởng Ban Thơ của Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An, nhà thơ, TS. Lê Thanh Nga cho biết: “Nghệ An là mảnh đất có tiếng hiếu học, có nhiều đóng góp cho nền văn học nước nhà. Nhưng không phải lúc nào người trẻ ở Nghệ An cũng giữ được niềm đam mê và nguồn năng lượng sáng tạo văn học một cách liên tục, thường xuyên. Có những lúc văn học trẻ Nghệ An chững lại. Ví dụ trong nhiều năm gần đây, nhất là ngay thời điểm này. Mặc dù trên Tạp



chí Sông Lam (cơ quan ngôn luận của Hội Liên hiệp VHNT Nghệ An) vẫn có chuyên mục *Các em viết, viết cho các em*, và chúng ta có thể đọc được ở đó một số tác phẩm tốt, và một số địa phương, đơn vị vẫn có các nhóm sáng tác, hoặc tổ chức các đợt bồi dưỡng, các trại sáng tác cho các em (như Tương Dương trong vài ba năm vừa rồi làm rất tốt), nhưng không vì thế mà nói rằng văn học trẻ Nghệ An đang phát triển tốt. “Các em” ở đây thực ra là thiếu nhi, không phải là “trẻ”. Và nếu như thế, có vẻ hơi tàn nhẫn, nhưng văn học trẻ của ta chưa thể nói là khởi sắc. Nhìn vào danh sách hội viên Hội VHNT tỉnh được kết nạp hàng năm, người ta có thể thấy điều này. Nhiều năm nay hội viên kết nạp mới của chúng ta đều ở tầm tuổi 50 trở lên, tuổi 60 trong đó cũng chiếm tỉ lệ không nhỏ. Hội viên Ban Thơ chẳng hạn, nhiều người vào Hội lúc đã bảy mươi, thậm chí bảy lăm, tám mươi tuổi. Còn trong thực tiễn sáng tác, những người mà tác phẩm của họ có thể “đứng được”, và nhất là có sự chuyên nghiệp trong ý thức sáng tác, có thể đếm, ít hơn cả đầu ngón tay. Ở lĩnh vực phê bình, nghiên cứu, lí luận, tình hình cũng không khá hơn.

Số lượng ít đã đành, chất lượng cũng là vấn đề. Tôi có cảm giác những người viết trẻ kể cả những người trên “trẻ” một chút, đã được người đọc biết đến nhiều, tuy rằng sáng tác của họ, như đã nói ở trên, đã có thể “đứng được”, thì cũng là thể đứng khá chênh vênh. Đã có những biểu hiện của sự hụt hơi, đã có biểu hiện của sự lúng túng trong việc xác định hướng viết và lối viết. Điều này là rất đáng báo động.”

Để thúc đẩy văn trẻ Nghệ An phát triển

Từng tham gia hướng dẫn, chia sẻ trong trại sáng tác văn học trẻ Nghệ An do Chi hội VHNT các DTTS Việt Nam tại Nghệ An tổ chức các năm 2022, 2023, nhà văn Hữu Vi chia sẻ, trong số các trại viên là các em học sinh, anh vẫn chưa thấy có cây bút nào “lóa sáng”.

“Dù trong số đó cũng có vài em viết khá nhưng các em không viết thường xuyên. Tôi chỉ xem đó như một trại hè tạo không gian bước đầu cho các em sinh hoạt văn chương. Nghĩa là để các em giao lưu, biết một số kỹ năng trong đó có kỹ năng viết, khơi gợi hứng thú với việc đọc sách, với văn chương”, nhà văn Hữu Vi cho biết, “Các em viết tốt hơn thường xuất phát từ truyền thống gia đình. Tôi thấy rất khó để kỳ vọng điều gì hơn thế.”

Từ cổ chí kim, mọi tình yêu với văn chương, chữ nghĩa đều xuất phát từ việc ham đọc sách, ham tìm tòi học hỏi và khám phá. Để thúc đẩy các cây viết trẻ ở Nghệ An vẫn còn là một điều mong lung và xa xôi. Khi mà không khí văn chương

trầm lắng và chật hẹp không đủ tác động đến các cây viết, khi việc đọc sách không được chú trọng, thì việc sáng tác trong trại sáng tác cũng chỉ như những trò chơi trong trại hè.

Gia đình và nhà trường đóng vai trò quan trọng trong việc định hình niềm đam mê văn học của các bạn trẻ. Đã có bao nhiêu câu lạc bộ đọc sách, câu lạc bộ văn học trong nhà trường các cấp trên khắp tỉnh Nghệ An? Đã có bao nhiêu buổi sinh hoạt văn học, các workshop mời các nhà văn chuyên nghiệp trực tiếp chia sẻ việc viết văn cho các em học sinh, cho người trẻ trên địa bàn tỉnh Nghệ An? Liệu có một ấn phẩm nào đặc biệt từ nhà xuất bản liên kết với Hội Liên hiệp VHNT tỉnh dành riêng cho các cây viết trẻ xuất sắc trong tỉnh như một hình thức hỗ trợ? Đã có bao nhiêu thư viện và các nhóm đọc sách sinh hoạt thường xuyên tại các trường học các cấp trên khắp tỉnh Nghệ An? Có bao nhiêu người trẻ ra vào thư viện đọc sách thường xuyên trên địa bàn tỉnh Nghệ An? Có bao nhiêu người Nghệ An xem việc đọc sách quan trọng và cần thiết như việc ăn cơm, uống nước mỗi ngày? Hay đơn giản hơn, liệu mỗi gia đình ở Nghệ An đã có được một tủ sách gia đình riêng? Bởi việc đọc có kết nối chặt chẽ với việc viết. Nếu được phụ huynh làm gương cho việc đọc và tình yêu với sách, tình yêu với việc viết và thói quen sáng tạo sẽ nảy sinh ở các bạn trẻ. Từ đó, chúng ta mới có thể hi vọng một bầu trời văn học trẻ Nghệ An có nhiều khởi sắc.



Chơi chữ

NGUYỄN VĨ

1 Khái niệm CHƠI CHỮ vượt khỏi nghĩa từng từ đơn tạo nên nó. “Chữ” ở đây không chỉ dùng để chỉ các ký tự tương ứng với một âm nào đó và mang một ý nghĩa nào đó, mà nó có nghĩa như là ngôn ngữ nói chung. Con người ta khi chưa biết chữ thì đã có thể chơi chữ trong nói năng rồi. Ca dao dân ca truyền thống để lại nhiều minh chứng. “Chơi” ở đây chỉ dùng cho hành vi ngôn ngữ, nó chú trọng vào ý nghĩa là khác với “thật”, đồng thời nó cũng chỉ hành vi tư duy xáo trộn cái thông thường của ngôn ngữ để tạo ra một trạng thái liên tưởng và ý nghĩa mới, khác lạ, thú vị.

Phạm vi của chơi chữ vô cùng rộng lớn, ứng dụng cho mọi lĩnh vực hành chức ngôn ngữ (kể cả ngôn ngữ khoa học), thể hiện trên mọi hình thức thể hiện như nói năng, ký tự, trang trí. Bởi vậy, một định nghĩa đầy đủ về chơi chữ là không thể có. Chúng ta cần một quan niệm chung đủ dùng để mô tả nó trong đời sống ngôn ngữ, một quan niệm có lợi cho công việc.

Theo đó, chúng tôi tạm quan niệm chơi chữ là: *Chơi chữ là một hoạt động ngôn ngữ dựa trên quan hệ liên tưởng ngữ âm, ký tự, từ vựng - ngữ nghĩa, kết nối ngữ pháp... để tạo nên một cấu trúc mới khác lạ, bất ngờ, thú vị, đáp ứng nhu cầu tạo nên nghĩa mới mang giá trị nhận thức và giá trị thẩm mỹ mới như giải trí, hài hước, châm biếm, đả kích, phê phán và cả gửi gắm tâm trạng sâu xa của người chơi.*

Tiếng Việt - do tính chất hết sức phức tạp của quá trình hình thành và phát triển của nó, cộng với tính chất đơn tiết của từ vựng - là một ngôn ngữ rất thuận lợi cho chơi chữ.

2. Trong tiếng Việt, không thể nói chơi chữ có từ bao giờ. Những từ thư trung đại để lại xưa nhất cho ta chứng cứ có thể từ thế kỷ thế kỷ X, khi đã có chúng có đặt tên người của các gia đình hoặc các dòng họ, tùy từng thế hệ mà đặt theo vận bộ chữ Hán.

Tiếp đến, có thể thế kỷ XIV, *Đại Việt sử ký toàn thư* chép về thời Lý Anh tôn, ghi câu nói của Tả hưng thánh hỏa đầu tên là Nguyễn Dương mắng Điện tiền chỉ huy sứ Vũ Đái: “*Điện tiền là Vũ “cát” chứ đâu phải là Đái!*”. Ở đây Nguyễn Dương đã chơi chữ đồng âm: chữ “đái” là giải mũ được hiểu ra “đái” là tiểu tiện. Và ông dùng chữ “cút” (viết tránh tục nên ghi bằng chữ “cát”) để rửa kẻ ăn của đút mà phản bội anh em. Đồng thời phong cách phát ngôn kiểu khẩu ngữ đã được sử dụng.

Đến *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, thế kỷ XV, ta chứng kiến một số chơi chữ trong thơ tình tế, ý nhị. Ví dụ khi viết về hoa dâm bụt trong bài *Mộc cận*, ông có câu thơ: *Sự lạ cho hay tuyệt sắc không*. Ba chữ “tuyệt sắc không” theo ý tứ nhà Phật trong bài thơ thì nghĩa rõ là đạt đến tột cùng cái tâm Như lai, không vướng víu “sắc” hay “không” nữa. Nhưng cũng có thể hiểu là: hoa dâm bụt duy chỉ có sắc mà thôi (không có hương). Hữu sắc vô hương. Ở đây Nguyễn Trãi rõ ràng dùng phong cách khẩu ngữ và đánh tráo khái niệm nghiêm túc nhà Phật bằng lời ăn tiếng nói “nôm na”.

Trong văn học nôm các thế kỷ sau và trong những ghi chép ca dao dân ca sớm của thế kỷ XVIII, ta đã thấy chứa chan những ngữ liệu chơi chữ.

Hiện nay, trên sách vở, báo chí, trình diễn sân khấu cũng như không gian mạng, chúng ta thấy tràn ngập hiện tượng chơi chữ, phản ánh một phần thực tiễn chơi chữ trong xã hội Việt Nam.

3. Các phương thức chơi chữ trong tiếng Việt.

Có thể phân loại các kiểu loại chơi chữ theo những góc nhìn và qua các tiêu chí khác nhau. Chúng tôi chỉ trình bày cách phổ biến và dễ hiểu nhất là: chơi chữ theo ngữ âm, chơi chữ theo từ vựng - ngữ nghĩa, chơi chữ theo ngữ pháp, chơi chữ tổng hợp các cách khác nhau.



3.1. Chơi chữ sử dụng phương thức ngữ âm.

Kiểu chơi chữ này tất nhiên kéo theo việc thể hiện nó trên chữ quốc ngữ, một loại chữ ghi âm tiếng Việt bằng chữ cái la tinh.

Kiểu loại này có thể biểu hiện theo các cách:

- Chơi chữ theo phương thức nói lái (Xem mục NÓI LÁI)

Đây là cách phổ biến hơn cả. Khi khảo sát khoảng 300 tài liệu chơi chữ, bộ phận này chiếm đến 13,66%. Chúng tôi để thành một mục riêng là mục NÓI LÁI.

- Chơi chữ những đoạn khó phát âm để rèn kỹ năng phát âm hoặc vui cười. Ví dụ: *Nồi đồng nấu ốc nồi đất nấu ếch, liềm tô lộn liềm o, con gà nhí nháy nhà bếp, cụng lý lên núi nùng, buổi trưa ăn buổi chua, giặt khăn xanh vắt cành chanh, tay phải bắt con cọp - tay trái bóp con cọp, nàng lê lên núi lấy nước nấu lòng, con lươn nó luồn qua lườn, ông bụt ở chùa bùi cầm bùa đuổi chuột...*

Khi thực hành loại chơi chữ này, đối tượng chơi là người lớn với trẻ em, trẻ em với trẻ em hoặc người lớn với người lớn khi đùa vui. Rõ ràng, người ta đã nối kết các âm tiết có thể đối nghịch nhau, không thuận lợi khi phát âm nhanh để huấn luyện cho trẻ con khả năng âm thuần thực, liên tục. Đồng thời, với khả năng dễ bị nhịu thành các tiếng mang nghĩa tục, nó tạo nên mỹ cảm hài hước, làm vui cho cuộc chơi.

- Chơi chữ bằng cách bóp méo ngữ âm, nhại nói ngọng nói chệch tiếng địa phương tạo nghĩa mới hoặc vui đùa. Thông thường người ta vớt bỏ thanh điệu, tạo nên từ có nghĩa hài hước. Trong thơ hài hước, sự vớt bỏ thanh điệu dựa vào vị trí cố định của thanh điệu nằm trong một thể thơ nào đó. Như thể lục bát chẳng hạn, vẫn chỉ có một loại là vẫn bằng (hoặc không hoặc huyền) nằm ở một số vị trí ổn định. Truyền thống cảm nhận thơ đã trở nên quen thuộc với vẫn và vị trí vẫn. Chính ở đó, người ta đặt vào một âm tiết nhưng bỏ thanh điệu đi và mang một ý nghĩa khác. Sự tiếp nhận sẽ bị bất ngờ và có một ý nghĩa khác hẳn. Ví dụ:

- + *Một bầy thằng ngọng đứng xem chuông*
Nó bảo nhau rằng ấy ái uông...
- + *Con trâu trắng buộc bờ te trụi*
Ăn no tròn như quả tống teo
(Con trâu trắng buộc bờ tre trụi
Ăn no tròn như quả trống treo)
- + *Một phòng nó nhốt bốn cu/Đêm nằm thì lấy*
cái mu đội đầu (“cu” là “cụ”, “mu” là “mũ”).

- + *Ra đi mua một nải chuối* (chuối)
- Thăm núi Các Mác, thăm suối Lê Nin* (suối)
- + *Mấy cô đi chợ Đồng Xuân*
Riêng em sắm được cái quần một ông (ống)
- Cái quần vừa dài vừa rộng* (dài, rộng)
- Mặc vào mà tưởng như không mặc gì.*

- Chơi chữ bằng cách đặt bút danh: Trường => Trương Huyền, Thái => Thai Sắc, Thú Lễ => Thế Lữ...

- Chơi chữ bằng cách sáng tác văn bản có phụ âm đầu là một ký tự hay một phụ âm. Ví dụ: các câu thơ, câu đối, câu truyện có cùng phụ âm đầu:

- + *Thẳng thắn thật thà thường thua thiệt.*
- Lọc lừa luồn lọt lại lên lương.*
- + *Chưa chồng chơi chốn chùa chiền*
Chanh chua chuối chát chính chuyên chờ chồng.
- + *Tết tới túng tiền tiêu, tính toán toan tìm tay tử tế.*

Xuân sang xong xóa sổ, say sưa sẫm sửa sẵn xu xài (Bắc Bộ phát âm không phân biệt s và x).

- + *Tham thì thụt... thơm tho, thích thú thặng thu thun thút, tham thì tham tham thụt tham than*
Những nhập nhem... nhậu nhệt, nhơn nhơn nhồi nhét nhom nhem, những nhi nhĩu, những nhơ những nhục.

+ *Phạm pháp phải phanh phui, phố phường phơi phơi*

Thông thường thoi thậm thụt, thành thị thảnh thơi.

+ Các câu truyện như *Truyện tình toàn T, Chuyện toàn âm K...*

3.2. Chơi chữ sử dụng phương thức từ vựng - ngữ nghĩa

- Chơi chữ đồng âm khác nghĩa: ví dụ: *lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn* (“lợi” trong lợi ích và “lợi” trong răng lợi), *lệnh ông không bằng công bà* (“lệnh” trong từ tôn xưng như lệnh lang, lệnh huynh, lệnh nương, lệnh quan, lệnh ông... với “lệnh” là một nhạc khí bằng đồng cùng loại công, chiêng, chuông, chập chĩa), *công nương không bằng cò bãi* (“công” là từ tôn xưng với “công” là con chim công), *chị xuân đi chợ mùa hè/mua cá thu về chợ hầy còn đông...*, *nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc/thương nhà mỗi miếng cái da da* (quốc quốc/gia gia).

- Chơi chữ gần âm khác nghĩa: *chi hồ giả dã - chi hồ rả rả, học tài thi phận - học tài thi lận, có miếng không có tiếng* (“miếng” và “tiếng” gần âm), *khoa học xã hội - khoa học xả hơi...* Có thể



đưa vào đây việc đọc gần âm rồi chuyển nghĩa của cách nói bồi ngoại ngữ. Ví dụ: *chắc tôn ông không bằng lép tôn tôi* (“tôn ông” là gọi vui ông Hồ Tôn Trinh, còn “lép tôn tôi” là tên nhà văn Lép Tônxtôi), *lê dương thì cũng sợ giương lê* (lê dương là nói bồi, nói tắt từ tiếng Pháp légion étrangère với nghĩa là quân đoàn người nước ngoài trong quân đội Pháp).

- Chơi chữ đồng nghĩa khác âm hoặc dùng tập hợp từ trong trường nghĩa. Ví dụ: *Thiếp từ thừa lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc còn đen, điều đại điều khôn nhờ bố đỏ // Chàng ở tuổi vàng nghĩ lại, vợ má hồng, con răng trắng, tím gan tím ruột với trời xanh* (Nguyễn Khuyến - *Vợ thợ nhuộm khóc chồng*).

Nhiều trường hợp, người chơi chữ sử dụng các từ Hán Việt và từ Việt âm khác nhau nhưng đồng nghĩa để tạo nên sự thú vị. Ví dụ:

+ *Chuồng gà kê áp chuồng vịt.*

+ *Da trắng vỗ bì bạch / Rừng sâu mưa lâm thâm.*

+ *Thế Chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế*

Khi công hầu, khi khanh tướng, trong trần ai ai dễ biết ai.

+ *Năm Giáp tuất gặp hàng thịt chó, dãi bạn bè một bữa cây tơ*

Tết Tân dậu đến cửa hàng gà, mua bà chị hai con mái ghe.

+ *Tưởng tơ tơ tưởng vì tơ*

Trăng lồng bóng nguyệt, gió đưa phong tình.

+ *Dở dang dang dở vì sông*

Ngày làm công nhật, tối em mong dạ chàng.

- Chơi chữ bằng cách bịa phần vần để tạo từ cho từ nước ngoài hoặc từ viết tắt: SALEM => Sao anh làm em mãi, CAPSTAN => Cho anh phát súng tim anh nát, rồi đọc ngược lại: *Nhưng anh tin số phận anh còn, GSTS => Gà sống thiếu sót, XHCN => Xếp hàng cả ngày...*

- Chơi chữ nói ngược. Ví dụ các bài ca nói ngược trong kho tàng ca dao dân ca như *Bao giờ cho đến tháng ba, Con mèo mà trèo cây cau, Con cò mà đi ăn đêm, Con gà tục tác lá chanh, Ông trăng mà lấy bà trời...*

3.3. Chơi chữ sử dụng phương thức ngữ pháp - văn bản

Câu chuyện dân gian về “*Phúc thống phục nhân sâm // tắc tử*” cho ta ví dụ tốt về việc ngữ pháp và văn bản bị phá vỡ tạo nên hậu quả đáng tiếc.

- Nói lấp lửng, không rõ ràng. Trong hội thoại dân có những cách nói không đủ thành phần ngữ pháp khiến người nghe hiểu sai lạc về thông tin. Truyện cười dân gian thường hay dùng phương thức này. Ví dụ như chuyện *Cháy rồi*.

- Vắt dòng bất thường câu thơ bằng cách phá vỡ cấu trúc từ vựng hoặc cụm từ. Thông thường, câu thơ Việt Nam chia thành dòng thơ mà mỗi dòng thường là một câu hoặc mệnh đề trọn vẹn. Nhưng người chơi chữ đã phá vỡ sự thông thường đó để tạo nghĩa mới bất ngờ. Ví dụ: *Anh đưa em đến vũng Dung / Quất em ở đó rồi cùng nhau quy / Hoạch rồi các cụ sẽ chi / Ra dầu ra khí ra gì thì ra.*

- Đảo trật tự các yếu tố tạo câu. Ví dụ: *Sai đâu sửa đấy, sai đấy sửa đâu, sửa đâu sai đấy. Lương sao làm thế, lương thế làm sao, làm sao lương thế. Cấm không được hút thuốc - Thuốc hút được không cấm...*

- Lấy Kiều, tập Kiều, nhại tục ngữ ca dao. Ví dụ: *Trăm năm trăm năm trăm năm / Tối nay nhất định hai cầm chạm nhau / Trải qua một cuộc bể dâu... Trên trời có đám mây xanh / Dưới là thủ trưởng, chung quanh nịnh thần... Không may đó thấy làm nên...*

- Chắp tên người, tên tác phẩm thành câu, thành đoạn văn: Ví dụ: *Nên - Phong - Tỏa - Mãi* (tên bốn cán bộ chủ chốt của TP Hồ Chí Minh trong chống dịch Covid), *Để mèn lưu lạc mười năm / Để o chuột phải ôm cầm thuyền ai / Miền tây sen đã tàn phai / Trăng thể một mảnh lạnh ngoài đảo hoang* (Nguyễn Xuân Sanh - *Chân dung nhà văn Tô Hoài*)...

- Chơi chữ bằng cách làm từ điển tra chéo: Thường là người chơi bẻ chữ tạo ra văn bản mang nghĩa mới. Ví dụ: *Hòa Phát = Chỉ hòa đến phát, Hành chính = Hành là chính, Vững vàng = Có vàng mới vững, Trách nhiệm = Nhiệm vụ trách móc nhau. Tháo vát = Tháo rồi vác mà chạy* (phương ngữ)...



Vốn từ “chơi” đã mang bản chất nghĩa của nó là không chịu “quy củ” nào. Bởi vậy sự linh động và phức tạp của nó khiến không ai bằng một định nghĩa mà “quy củ” hoàn toàn. Trên đây chỉ là những miêu tả của chúng tôi về 3 cách chơi chữ cơ bản trong văn hóa Việt Nam mà thôi. Trong thực tiễn chơi chữ, người ta thường cùng lúc sử dụng nhiều phương thức khác nhau, chúng tôi chia ra các mục là để cho tiện miêu tả nó.



Đền đức Hoàng, xã Phúc Thành, huyện Yên Thành một trong những ngôi đền tiêu biểu thờ thần rắn.

Nguồn gốc thờ rắn tại một số ngôi đền thờ trên đất Nghệ An

PHONG HỒ

Từ thừa hồng hoang khai sinh lập địa, loài vật đã đi vào đời sống văn hóa của nhân loại và trở thành những hình tượng biểu trưng hết sức thiêng liêng. Bằng nhiều cách thức và sự biểu hiện khác nhau nhưng mỗi loài trong đó đều mang

những ý nghĩa biểu trưng nhất định và đại diện cho một loại hình văn hóa, tín ngưỡng, phong tục tập quán, lối sống và đại diện cho sức mạnh vô hình nào đấy. Nhưng xét về mặt ý nghĩa biểu trưng thì không có loài vật nào có đầy đủ các yếu tố như loài Rắn. Việt Nam là một đất nước nông nghiệp, các sinh hoạt đều phụ thuộc và gắn bó mật thiết với nguồn nước, thì việc tôn thờ một vị thần mang tính biểu trưng đại diện cho nước là đương nhiên. Và Rắn cũng là một trong những loài “linh vật” được thờ phổ biến.



1. Tục thờ thần rắn của người Việt

Tục thờ Rắn là một trong những tín ngưỡng nguyên thủy của người Việt cổ và được lưu truyền cho đến tận ngày nay. Xuất phát từ môi trường tự nhiên gắn liền với điều kiện sông nước, đầm phá, ao hồ, khe suối,... bản chất của cư dân nông nghiệp lại cần tới nước để tưới tiêu nên người ta rất tôn sùng nước và cần một thể lực đủ mạnh để cai quản nguồn nước cũng chính là linh vật biểu trưng, và tục thờ rắn đại diện cho thủy thần có lẽ cũng xuất phát từ ý niệm đó. Trong quá trình phát triển của lịch sử, sự thay đổi về điều kiện địa lí và văn hóa xã hội, tín ngưỡng thờ rắn đã được khoác thêm nhiều lớp văn hóa muộn hơn và ít nhiều có biến đổi cho phù hợp với từng khu vực, thời kỳ khác nhau. Không chỉ xem rắn với tư cách là thần, người Việt còn chọn rắn làm vật tổ. Nhà văn hóa dân gian xứ Nghệ, cố GS Ninh Viết Giao khi sưu tầm, nghiên cứu về văn học dân gian xứ Nghệ đã nói đến motif thờ rắn và truyền thuyết liên quan đến con rắn. Tác giả cho biết: Trong trường kỳ lịch sử, bản thân con rắn đã biến dạng và cách kể chỗ này, chỗ kia có khác nhau song motif con rắn ở đây vừa có tính tô tem giáo lại vừa có tính tiêu biểu cho nền văn minh lúa nước rất sớm ở Việt Nam... “Rắn được thờ ở nhiều

giữa 2 đối tượng: người + rắn như kiểu cha mẹ là người sinh ra con là rắn; rắn biến thành người lấy chàng thư sinh, hay bố Lạc Long Quân lấy mẹ Âu Cơ sinh ra bọc trứng nở ra trăm con,... đã phản ánh ít nhiều tại sao con người ta lại lấy rắn làm vật tổ. Từ những nhận định trên, chúng ta lại thấy một điều khá thú vị đó là giữa người và rắn có một mối quan hệ mật thiết.

Cùng với thời gian và sự phát triển về ý thức, tín ngưỡng thờ vật tổ là cơ sở quan trọng của việc hình thành các biểu tượng về cái thiêng, thậm chí là con vật biểu tượng cho vương quyền. Đến đời Lý (1010 -1255), một điều liên quan mật thiết với rắn được thông qua hình tượng “con Rồng thời Lý”, được chạm trổ ở các chi tiết kiến trúc, đại diện cho thể lực vương triều. Đến thời Trần, Lê, rắn đã trở thành thần, thành hoàng được thờ phổ biến nhiều nơi ở các làng xã Việt Nam, xuyên suốt từ Bắc chí Nam, từ đồng bằng châu thổ đến trung du miền núi và được các triều vua sắc phong “*Võ Sơn Long xà thượng thượng đẳng thần*”.

Ở châu thổ Bắc Bộ, tục thờ thần rắn khá phổ biến, được thể hiện qua hệ thống đền thờ rắn ở dọc theo các con sông lớn như: Sông Hồng, sông Đuống, sông Cầu,... Theo Đồng Đức Khiêm - Nguyễn Hữu Bình, dọc sông Cầu có đến 316 ngôi đền thờ một cặp rắn: Ông Dài, Ông Cụt như dân



Đền Canh xã Đức Thành, huyện Yên Thành thờ Ông Cụt và Ông Dài”

nơi và được đưa thành một motif trong truyện kể, bởi rắn được tượng trưng cho thần nước trước khi có huyền thoại về Rồng” (Trên thực tế rồng là một loài vật không có thực). Giáo sư Đinh Gia Khánh cũng đề cập đến vấn đề thờ vật tổ của người Việt, đó là câu chuyện dân gian mà bất cứ những ai cũng đều biết và nghe, đó là: “Lạc Long Quân thuộc dòng giống của rồng”, chi tiết này của một bộ phận cư dân Việt cùng với tục xăm mình hay các truyện kể dân gian vẫn thường nói tới đó là có sự hòa huyết



gian văn truyền^[1]. Qua các di tích, lễ hội như: *Thần tích và hội làng Linh Đàm* thờ vị thủy thần Bảo Ninh. Một lễ hội khác có liên quan đến tín ngưỡng thờ rắn là *Hội làng Thủ Lệ*. Theo thần tích và truyền thuyết nơi đây thì Linh Lang Đại Vương vốn là một rắn thần. Sau khi lập công giúp nước, ngài hóa thành giao long trườn xuống Hồ Tây. Hay *Hội làng Nhật Tân* (thờ Uy Linh Đại Vương, vốn là anh cả của bảy anh em rắn thần, sau đó đầu thai làm hoàng tử Uy Đô Linh Lang) cũng thể hiện những dấu vết của tín ngưỡng thờ rắn. Ngoài ra có thể kể đến một số lễ hội khác như *Hội làng Yên Nội* ở Từ Liêm, Hà Nội thờ Thổ Lệnh Bạch Hạc Tam Giang; *Hội làng và truyền thuyết Thánh Tam Giang* ở Bắc Ninh...

Ở khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nam Bộ, rắn cũng là một vị thần được thờ chính của bà con dân tộc Chăm ở khu vực Ninh Thuận và Bình Thuận, với hình tượng con rắn thần Naga được tượng trưng cho sức mạnh của thần Si Va. Người Khmer Nam Bộ cũng cùng motif như thần rắn Naga của người Chăm Nam trung Bộ nhưng người Khmer thờ thần rắn với niềm tin thần là người làm chủ nguồn nước, sẽ tạo ra mưa thuận gió hòa cho các cư dân nông nghiệp lúa nước Đông Nam Á (Naga cũng có nghĩa là thần mưa, tạo mưa cho vạn vật sinh sôi)^[2].

Khu vực miền Trung Bộ, tín ngưỡng thờ thần rắn cũng được nhiều dân tộc tôn thờ và xem đó là một con vật hết sức linh thiêng, có thể *hô phong hoán vũ*. Người



Đón nhận bằng xếp hạng di tích đền Sò, huyện Diễn Châu, một trong những ngôi đền thờ thần rắn nổi tiếng ở Nghệ An.

Mường ở Thanh Hóa có một ngôi đền thờ thần Rắn được biết đến hiện nay ở thôn Lương Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy. Tại đây có một dòng suối rất nhiều cá gọi là suối Cá Thần. Tương truyền, cá ở đây do một thần Rắn bảo hộ, che chở. Người dân tin rằng, ai làm hại tới những con cá sống ở đây thì sẽ chuốc lấy những hậu quả khôn lường. Ở Đình làng Phú Bài, xã Thủy Phù, Hương Thủy, Thừa Thiên - Huế cũng lập bài vị thờ Ông Dài, Ông Cụt. Theo truyền thuyết, đây là hai con rắn, một dài một cụt vốn là con của thần Gió từng hiển linh giúp đỡ dân làng, đem lại mưa thuận gió hòa, nên được dân làng tưởng nhớ, tôn xưng là thủy thần.

Ở tỉnh Nghệ An cũng có rất nhiều đền thờ rắn, chỉ tính riêng địa bàn 2 huyện Diễn Châu và Yên Thành có tới 9 ngôi đền thờ thần rắn^[3], song có 4 ngôi đền, tiêu biểu gắn với tục thờ thần rắn rất rõ nét và đó là đền Canh ở xã Đức Thành, huyện Yên Thành, đền Sò (nay thuộc thị trấn Diễn Châu) và đền Đức Thánh Cả (đền thần rắn) ở xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu; đền Đức Hoàng, xã Phúc Thành, huyện Yên Thành.

Tại 4 ngôi đền này đều có một truyền thuyết chung, hiện nay vẫn còn được dân gian lưu truyền. Đặc biệt, đền Thờ thần rắn ở làng Nho Lâm (nay thuộc xã Diễn Lộc). Đền được xây dựng vào thời Lê ở trên núi Hạc Linh Sơn với quy mô khá lớn với kiến trúc 3 tòa, thượng, trung, hạ điện^[4], bên cạnh đó có các công trình kiến trúc phụ khác như tả vu, hữu vu, nhà bia,... Tuy hiện nay đền không còn nữa, song qua



khảo sát trên địa bàn huyện Diên Châu, chúng tôi đã sưu tầm được 24 sắc phong cho thần rắn, 1 bản thần tích ghi lại về truyền thuyết về thần rắn ở đền Hạc Linh Sơn như sau: “Ngày xưa ở xã Quỳnh Trạch có ông Hoàng Phúc Hữu, vợ là Võ Thị Quyên, mặc dù vợ chồng ông bà luôn luôn làm điều thiện nhưng lại hiếm muộn con cái, đến 50 tuổi mà ông bà vẫn chưa có con. Một hôm, bà vợ đi tắm ở sông, về nhà bị cảm cúm, rồi thụ thai, đến 9 tháng 10 ngày sinh ra một bọc có 2 quả trứng. Ông bà thấy vậy, buồn rầu lo lắng, nhưng vốn có lòng bao dung, từ thiện nên ông bà đã để hai bọc trứng lại nuôi. Sau khi sinh ra 2 bọc trứng, ông bà liền bỏ vào chậu nước trong, lạ thay, 2 quả trứng cứ chạy quần lấy nhau và nở ra một con rắn và một con giao long. Hai con rắn được ông bà chăm sóc và nuôi nấng, ngày ngày quần quýt lấy vợ chồng ông bà lão. Một hôm ông lão vắc quốc đi thăm đồng, 2 con rắn cũng đi theo và quần quýt bên ông. Vô tình trong khi cuộc đất, ông đã làm cụt đuôi rắn. Bỗng nhiên lúc đó trời nổi mây mưa, sấm sét và không thấy rắn đâu nữa. Ông liền vắc quốc ra về, đến sân nhà mình, ông thấy 2 con rắn đang chờ sẵn. Ông liền van

lạy, bỗng nhiên con rắn lớn liền nói tiếng người và bảo con rắn kia rằng, định cắn chết ông nhưng ông đã van xin, hối lỗi nên chúng ta không nỡ nào bỏ tình cốt nhục cha con được. Nói rồi hai con rắn liền bỏ đi, trước khi đi, rắn còn quay đầu lại bảo với ông rằng: Hai anh em con là long xà, phụng mệnh thiên đình đầu thai xuống hạ dưới, nhưng cha đã chặt cụt đuôi của em con. Nay không thể ở với cha mẹ được nữa, nay con được phong làm thánh ở núi Hạc Linh Sơn, em con cũng được phong thần ở đền tại bàu Diệu Ốc^[5]. Từ nay trở đi, nếu dân làng gặp đại hạn, cứ đến đền cầu phong, đảo vũ, chúng con sẽ hiển ứng thần thông. Nói xong, 2 con rắn bay lên trời biến mất. Cũng trong thời gian ấy, Nhân dân Xuân Khánh (tên cũ của làng Xuân Nho) đi làm ruộng thường thấy trên đỉnh núi Hạc có 1 con rắn khổng lồ đang phun hơi lên trời, phun đến đâu trời mưa đến đấy, đến làng Xuân Khánh thì tạnh mưa, thấy chuyện lạ, dân lập đền thờ. Từ đó làng Xuân Khánh cũng có tên là làng Kẻ Tạnh^[6]. Từ những cứ liệu lịch sử cũng như tư duy biện chứng khoa học nêu trên cho thấy tục thờ thần rắn ở Việt Nam nói chung và Nghệ An nói riêng gắn với tư duy nông nghiệp lúa nước là một hiện tượng khá phổ biến.

Tóm lại, tục thờ rắn là tín ngưỡng tự nhiên đã có từ lâu đời của người Việt gắn với môi trường lao động sản xuất nông nghiệp. Đối với cư dân Nghệ An, tục thờ thần rắn có từ rất lâu đời, ít nhất là khoảng hơn 3 ngàn năm và kéo dài cho đến ngày nay, điều đó được chứng minh qua một số hiện vật được khai quật tại di chỉ khảo cổ học làng Vạc với hình tượng dao găm rắn ngậm chân voi và hiện nay vẫn còn hiện hữu nhiều thần tích, sắc phong cho thần rắn cũng như các ngôi đền thờ rắn. Tục thờ rắn có vai trò vô cùng mật thiết và gần như là biểu trưng cho nguồn nước cho sinh tồn, cho nông nghiệp và cũng là mong muốn cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cầu mong cho có nguồn nước để tưới tiêu đồng ruộng,... Đây cũng chính là nguồn gốc của tục thờ thần rắn của người Nghệ.

1 Dẫn theo Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*.

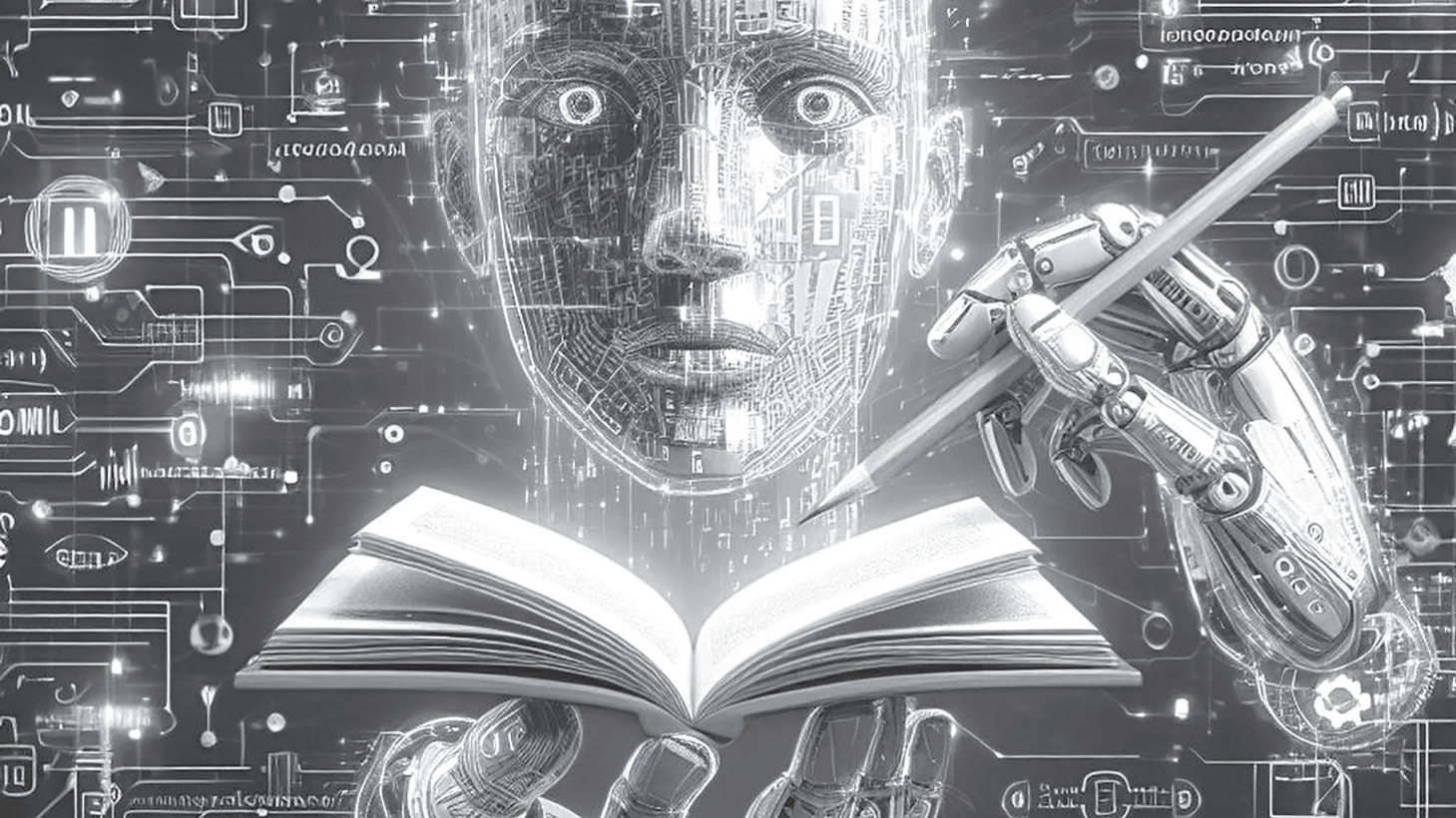
2 Tại xã Định Thủy, huyện Mộ Cày, Bến Tre có một ngôi đình gọi là Đình Rắn, tại đây vẫn lưu truyền về đôi rắn thần khổng lồ, hiền lành.

3 Theo số liệu thống kê của Ban quản lý DTDT Nghệ An cung cấp.

4 Theo lời kể các cụ cao niên ở xã Diên Lộc.

5 Làng Diệu Ốc nay thuộc xã Phúc Thành, huyện Yên Thành, nơi đây có ngôi đền Đức Hoàng và 2 bàu nước gọi là bàu lành và bàu ác (phải chăng đó là dị bản của thần rắn ông Cụt, ông Dài?)

6 Thần tích về thần rắn ở xã Diên Lộc.



AI trong văn học

AI TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT: Cơ hội và Thách thức

TRUNG LỄ

TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT TRONG NHỮNG CÔNG CỤ LÀM THAY ĐỔI CÁCH CON NGƯỜI TIẾP CẬN VÀ THỰC HÀNH VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT. AI KHÔNG CHỈ HỖ TRỢ SÁNG TẠO, BẢO TỒN DI SẢN, CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỔ TRUYỀN CÒN MANG LẠI CÁCH THỨC MỚI ĐỂ THƯỜNG THỨC NGHỆ THUẬT, MỞ RA NHỮNG KHẢ NĂNG SÁNG TẠO MỚI, THẬM CHÍ VƯỢT QUA GIỚI HẠN CỦA TRÍ TƯỞNG TƯỢNG CON NGƯỜI.

TUY NHIÊN, ĐẰNG SAU SỰ PHÁT TRIỂN NÀY CŨNG TỒN TẠI NHỮNG THÁCH THỨC LỚN VỀ ĐẠO ĐỨC, ĐỊNH KIẾN THUẬT TOÁN VÀ NGUY CƠ BẤT BÌNH ĐẲNG TRONG VIỆC TIẾP CẬN CÔNG NGHỆ.

Hỗ trợ số hóa, bảo tồn và nghiên cứu văn hóa

Một trong những đóng góp lớn nhất của AI là khả năng bảo tồn và số hóa các di sản văn hóa quý giá. Những công cụ như quét 3D và xử lý hình ảnh đã cho phép chúng ta tái hiện các di tích lịch sử với độ chính xác cao. Dự án của Google Arts & Culture là một ví dụ điển hình, với hàng triệu tác phẩm nghệ thuật và di tích từ khắp nơi trên thế giới được số hóa và chia sẻ trực tuyến. *Tại Việt Nam, công nghệ AI cũng đã được sử dụng để số hóa và phục hồi các di tích như Hoàng thành*

Thăng Long, giúp lưu giữ giá trị văn hóa cho các thế hệ tương lai.

Ngoài ra, AI còn hỗ trợ nghiên cứu lịch sử qua việc phân tích văn bản cổ. Nhờ các mô hình xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), những văn bản từng bị coi là “không thể đọc được” giờ đây đã được giải mã. Chẳng hạn, AI đã giúp giải mã ngôn ngữ Linear B của Hy Lạp cổ đại, mang lại những hiểu biết mới về lịch sử và văn hóa của nền văn minh này.

AI đã trở thành một công cụ mạnh mẽ trong phân tích văn hóa và xã hội. Nhờ khả năng xử lý dữ liệu khổng lồ, AI giúp các nhà nghiên cứu xác định xu hướng



văn hóa trong các thời kỳ khác nhau, dự đoán sự thay đổi của thị hiếu công chúng và phân tích ảnh hưởng của nghệ thuật đến các nhóm cộng đồng. Ví dụ, các mô hình AI đã phân tích hàng triệu bài hát trên Spotify để xác định yếu tố khiến một bài hát trở thành "hit", từ đó giúp nghệ sĩ cải thiện sáng tác của mình.

Một cộng sự cho sáng tạo trong các ngành nghệ thuật

AI đã bắt đầu len lỏi và tạo ảnh hưởng mạnh mẽ trong các ngành nghệ thuật - nơi mà sự sáng tạo, cảm xúc và rung động từ con tim vốn được coi là trung tâm.

Với hội họa và điêu khắc, AI đã thay đổi cách con người tiếp cận và tạo ra nghệ thuật thị giác. Thuật toán như DeepDream hay nền tảng DALL-E có khả năng tạo ra các bức tranh dựa trên mô tả văn bản, mở rộng khả năng sáng tạo của con người. Một trong những tác phẩm đáng chú ý là Edmond de Belamy, bức tranh do AI sáng tạo, đã được bán đấu giá với giá 432.500 USD, cho thấy AI có thể tạo ra giá trị nghệ thuật đáng kể. Ngoài ra, các nghệ sĩ đã sử dụng AI như một cộng sự trong sáng tạo, kết hợp giữa phong cách cá nhân và tiềm năng vô hạn của thuật toán. Chẳng hạn, AI đã hỗ trợ phục chế các bức tranh cổ bị hư hại, từ đó làm sống lại những kiệt tác tưởng chừng đã bị lãng quên.

Ở lĩnh vực âm nhạc, AI không chỉ sáng tạo mà còn hỗ trợ phát triển âm nhạc theo cách chưa từng có. Công cụ như AIVA đã được sử dụng để sáng tác nhạc giao hưởng, cung cấp các giai điệu nền cho phim ảnh và trò chơi điện

tử. AI cũng có thể phân tích phong cách sáng tác của các nhạc sĩ lớn như Mozart hay Beethoven, từ đó tạo ra các bản nhạc mới mang đậm phong cách của họ. Một ví dụ gần đây là việc AI tái hiện phần còn thiếu trong bản giao hưởng thứ 10 của Beethoven, tạo nên một tác phẩm hoàn chỉnh dựa trên những gợi ý của nhà soạn nhạc vĩ đại.

Trong lĩnh vực văn học, AI đã hỗ trợ viết tiểu thuyết, thơ và bài luận với tốc độ và độ chính xác cao. GPT-3, một trong những hệ thống AI mạnh mẽ nhất hiện nay, có thể tạo ra những câu chuyện đầy sáng tạo hoặc mô phỏng phong cách của các tác giả nổi tiếng. Tuy nhiên, dù AI có khả năng tạo ra nội dung ngôn ngữ ấn tượng, nhiều nhà phê bình cho rằng nó vẫn thiếu sự tinh tế và cảm xúc sâu sắc - những yếu tố đặc trưng của nghệ thuật văn chương.

Trong điện ảnh, AI đã cách mạng hóa cách làm phim. Từ việc tạo hiệu ứng đặc biệt, chỉnh sửa hậu kỳ đến dự đoán thành công của một bộ phim, AI đóng vai trò không thể thiếu. Bộ phim The Irishman của Martin Scorsese đã sử dụng công nghệ AI để làm trẻ hóa khuôn mặt các diễn viên, mang lại một diện mạo chân thực mà trước đây không thể đạt được.

Trên sân khấu, AI cũng hỗ trợ xây dựng các kịch bản dựa trên phản hồi cảm xúc của khán giả, hoặc thậm chí biểu diễn như một diễn viên thực thụ. Robot Sophia từng xuất hiện trên sân khấu với vai trò đồng diễn, cho thấy tiềm năng của AI trong việc mở rộng biên giới của nghệ thuật biểu diễn.

Ở lĩnh vực kiến trúc và thiết kế, AI hỗ trợ các kiến trúc sư thiết kế công trình với hiệu quả cao, từ việc tối ưu hóa không gian, tiết kiệm năng lượng đến sáng tạo các cấu trúc độc đáo. Công cụ như Grasshopper kết hợp AI giúp tạo ra những công trình như cầu, nhà ở với thiết kế vượt trội về cả thẩm mỹ và chức năng.

Vẫn còn nhiều thách thức

Bên cạnh sức mạnh tiềm tàng, việc áp dụng AI vào đời sống nói chung và trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật cũng còn những thách thức lớn như hạn chế về cảm xúc và sáng tạo, những vấn đề về đạo đức, định kiến thuật toán và nguy cơ bất bình đẳng trong việc tiếp cận công nghệ, v.v...

Hạn chế về cảm xúc: Mặc dù AI có thể tạo ra các tác phẩm nghệ thuật, nó vẫn thiếu yếu tố quan trọng: cảm xúc và trực giác của con người. Chẳng hạn, một bài thơ do AI viết có thể hoàn hảo về mặt ngữ pháp và cấu trúc, nhưng thường thiếu chiều sâu cảm xúc. Điều này khiến AI chỉ đóng vai trò hỗ trợ thay vì thay thế nghệ sĩ.



Định kiến của thuật toán: Thuật toán (Algorithm) là một tập hợp các bước hoặc quy tắc cụ thể, được thiết kế để giải quyết một vấn đề hoặc thực hiện một nhiệm vụ. Đây là khái niệm quan trọng trong khoa học máy tính, toán học và các lĩnh vực kỹ thuật khác.

AI hoạt động dựa trên dữ liệu đầu vào. Nếu bộ dữ liệu không đại diện cho sự đa dạng của văn hóa, phản ánh các định kiến xã hội (như phân biệt giới tính, chủng tộc, địa vị kinh tế) các tác phẩm do AI tạo ra sẽ bị giới hạn trong khuôn mẫu và tái hiện những định kiến đó. Ví dụ, một hệ thống AI được đào tạo chủ yếu với các tác phẩm phương Tây có thể bỏ qua các yếu tố đặc trưng của văn hóa Á Đông hoặc châu Phi. Hoặc con người (nhóm phát triển) quyết định cách xây dựng và tối ưu hóa mô hình có thể vô tình hoặc cố ý đưa ra các quyết định dẫn đến thiên vị. Bên cạnh đó cũng không thể loại trừ trường hợp thuật toán được thiết kế với động cơ kinh doanh hoặc chính trị. Một số hệ thống AI có thể được thiết kế để hướng đến một mục tiêu cụ thể, chẳng hạn như định hình ý kiến công chúng, quảng bá sản phẩm, hoặc thao túng thông tin.

Vấn đề đạo đức và bất bình đẳng: Quyền sở hữu trí tuệ đối với các tác phẩm do AI tạo ra là một vấn đề lớn. Liệu quyền tác giả thuộc về người lập trình, tổ chức phát triển AI hay người khởi tạo ý tưởng? Bên cạnh đó, sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận công nghệ giữa các khu vực giàu và nghèo đang làm gia tăng khoảng cách văn hóa số.



AI trong ngành kiến trúc, phát triển xanh

Tương lai của AI trong văn hóa nghệ thuật

AI có thể trở thành công cụ mạnh mẽ thúc đẩy sáng tạo và mang nghệ thuật, văn hóa đến gần hơn với công chúng mà vẫn tôn trọng di sản văn hóa và sự đa dạng của nhân loại.

Tăng cường khả năng sáng tạo của con người: AI được coi như một công cụ khám phá, giúp nghệ sĩ khám phá những khả năng sáng tạo vượt xa năng lực của con người. Ví dụ, AI tạo ra nhiều biến thể vô tận của một ý tưởng, cho phép nghệ sĩ tập trung hoàn thiện tác phẩm cuối cùng. Trong kiến trúc, các công cụ như thiết kế tham số dựa trên AI tạo ra các công trình kết hợp giữa thẩm mỹ và chức năng một cách độc đáo.

Đưa nghệ thuật đến gần hơn với công chúng: Các nền tảng sử dụng AI sẽ giúp nghệ thuật và văn hóa dễ tiếp cận hơn bằng cách giảm chi phí và mở rộng quy mô. Ví dụ, các bảo tàng ảo như dự án Google Arts & Culture cho phép bất kỳ ai cũng có thể trải nghiệm các kiệt tác hoặc hiện vật lịch sử.

Tăng cường tiếng nói của các nhóm thiểu số: AI có thể hỗ trợ các nhóm thiểu số kể câu chuyện của họ theo những cách sáng tạo. Ví dụ, các nền tảng kể chuyện được hỗ trợ bởi AI giúp bảo tồn và chia sẻ những câu chuyện độc đáo của các cộng đồng bản địa.

Phát triển di sản văn hóa: AI giúp phục hồi các thực hành đã mất hoặc bị đe dọa, tái tạo lại các yếu tố văn hóa đã mất, chẳng hạn như tái tạo âm nhạc của các nền văn minh cổ đại



hoặc khôi phục các di tích bị phá hủy bằng dữ liệu lịch sử. Điều này đã được áp dụng trong việc tái tạo kỹ thuật số Palmyra sau xung đột.

Trao đổi văn hóa năng động: AI phân tích và kết hợp các phong cách nghệ thuật từ các nền văn hóa khác nhau, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa toàn cầu. Các tác phẩm nghệ thuật do AI tạo ra thường là sự giao thoa giữa các ảnh hưởng đa dạng.

Kết nối truyền thống và hiện đại: AI giúp nâng cao các hình thức nghệ thuật truyền thống. Nghệ nhân có thể sử dụng AI để hiện đại hóa nghề thủ công của họ mà không làm mất đi bản sắc. Ví dụ, AI hỗ trợ thiết kế hoa văn tinh xảo trong dệt may hoặc tăng cường hiệu ứng ánh sáng trong múa truyền thống.

Trải nghiệm văn hóa tương tác: Các công nghệ thực tế ảo/tăng cường do AI điều khiển cho phép khán giả tương tác với văn hóa theo cách sống động hơn. Các bảo tàng ảo hoặc tour AI dẫn dắt biến việc thưởng thức nghệ thuật từ thụ động thành tương tác.

Thúc đẩy phát triển bền vững: AI có thể giúp giảm thiểu sử dụng tài nguyên nhờ mô phỏng và tạo mẫu ý tưởng sáng tạo trên môi trường số, giảm thiểu lãng phí vật liệu trong các ngành như thời trang và kiến trúc.

Bảo vệ số hóa bền vững: Việc số hóa và bảo tồn các hiện vật văn hóa giúp giảm nguy cơ mất mát do biến đổi khí hậu hoặc xung đột.

Để tận dụng tối đa tiềm năng này, các nhà nghiên cứu cho rằng cần có các biện pháp cụ thể như:

Phát triển dữ liệu đa dạng: Xây dựng các bộ dữ liệu phản ánh sự phong phú của các nền văn hóa khác nhau, đảm bảo tính toàn diện và công bằng trong sáng tạo.

Hoàn thiện khung pháp lý: Thiết lập các quy định về quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tác quyền để đảm bảo rằng nghệ sĩ và cộng đồng được hưởng lợi ích từ AI.

Phổ cập công nghệ: Đầu tư vào giáo dục và cơ sở hạ tầng công nghệ cho các cộng đồng kém phát triển, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

Khuyến khích hợp tác quốc tế: Các tổ chức văn hóa và công nghệ cần hợp tác để tạo ra các dự án mang tính toàn cầu, giúp lan tỏa giá trị nghệ thuật đến mọi nơi trên thế giới.

Những nguyên tắc áp dụng AI trong văn hóa nghệ thuật

Rõ ràng trí tuệ nhân tạo, với khả năng học hỏi và sáng tạo không ngừng, đang mở ra một chân trời mới cho nghệ thuật. Tuy nhiên, để khai thác tối đa tiềm năng này, cần có những nguyên tắc rõ ràng.

Tôn trọng bản sắc và sáng tạo của con người: AI nên được sử dụng như một công cụ hỗ trợ sáng tạo, không phải thay thế con người. Ví dụ: nghệ sĩ có thể dùng AI để tìm cảm hứng hoặc khám phá cách thể hiện mới, nhưng kết quả cuối cùng vẫn nên phản ánh ý tưởng và cảm xúc cá nhân. Các tác phẩm do AI tạo ra cần minh bạch về nguồn gốc: rõ ràng đây là sản phẩm của AI hay sự kết hợp giữa người và máy.

Gắn liền với giá trị văn hóa và đạo đức: AI cần được thiết kế và huấn luyện dựa trên dữ liệu phản ánh đúng các giá trị văn hóa và nghệ thuật của từng cộng đồng, tránh việc sao chép hoặc bóp méo bản sắc. Đảm bảo rằng AI không tạo ra những sản phẩm đi ngược lại đạo đức, chẳng hạn như xuyên tạc văn hóa hoặc kích động bạo lực.

Bảo tồn và thúc đẩy văn hóa truyền thống: AI có thể giúp số hóa các tác phẩm nghệ thuật, di sản văn hóa, ngôn ngữ, và các hình thức biểu đạt truyền thống. Ví dụ như xây dựng các bảo tàng ảo, tái tạo các di tích bị phá hủy, hoặc lưu giữ những điệu hát cổ qua phân tích âm thanh.

Tăng cường sự tiếp cận và học hỏi: Cần sử dụng AI để làm cầu nối đưa nghệ thuật và văn hóa đến gần hơn với mọi người. Chẳng hạn như tự động dịch tác phẩm văn học hoặc âm nhạc sang nhiều ngôn ngữ. Tạo các ứng dụng tương tác để học về lịch sử nghệ thuật và văn hóa. AI cũng có thể giúp phát hiện và hỗ trợ tài năng mới trong cộng đồng thông qua phân tích dữ liệu.



Thúc đẩy giao thoa và đổi mới: AI nên kết hợp các yếu tố văn hóa, phong cách nghệ thuật từ các vùng miền khác nhau, tạo ra những hình thức sáng tạo độc đáo, qua đó thúc đẩy sự hiểu biết và giao lưu giữa các nền văn hóa. Một AI có thể kết hợp hội họa truyền thống châu Á với phong cách hội họa hiện đại phương Tây để tạo ra tác phẩm mới.

Quản lý và kiểm soát để tránh lạm dụng: Cần xây dựng khung pháp lý và chính sách để quản lý việc sử dụng AI trong văn hóa và nghệ thuật.

Bản quyền sáng tạo: Nghệ sĩ và nhà phát triển AI cần được công nhận một cách công bằng.

Minh bạch và tránh đạo nhái: AI không được sao chép tác phẩm nghệ thuật mà không có sự đồng ý. Người dùng nên biết tác phẩm được tạo bởi con người, AI, hay sự kết hợp cả hai.

- Đào tạo con người về sự kết hợp giữa công nghệ và nghệ thuật: Các nghệ sĩ cần được đào tạo để biết cách sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ sáng tạo, thay vì lo ngại bị thay thế. Khuyến khích sự hợp tác giữa các nhà công nghệ và nghệ sĩ để phát triển các công cụ AI phù hợp hơn với văn hóa và nghệ thuật.

Tóm lại, AI đã mở ra những cánh cửa mới cho lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật, nhưng cũng đặt ra không ít thách thức. Để tận dụng tối đa tiềm năng của công nghệ này, cần có sự cân bằng giữa sáng tạo và trách nhiệm. AI không nên và không thể thay thế cảm xúc con người, mà chỉ đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ, giúp nghệ thuật và văn hóa tiến xa hơn trên hành trình khám phá bản sắc và giá trị nhân loại.

Nguồn tham khảo:

1. IEEE Publication on AI and Cultural Heritage: link: IEEE Cultural Heritage Ethics.
2. Ethical Guidelines for Creative Industries: link: Creative Industries and AI Ethics.
3. UNESCO's recommendations on AI and Culture: link: UNESCO on AI Ethics.
4. European Commission's White Paper on AI: link: EU AI White Paper.
5. <https://openai.com>

CHÚNG TA ĐANG CHỨNG KIẾN NHỮNG SỰ THAY ĐỔI VỀ VĂN HÓA MỘT CÁCH HOÀN TOÀN KHÁC BIỆT TRONG BỐI CẢNH CÔNG NGHỆ SỐ. NHỮNG HIỆN TƯỢNG VĂN HÓA MỚI XUẤT HIỆN VÀ NGÀY CÀNG PHỔ BIẾN. SỰ TƯƠNG TÁC VĂN HÓA GIỮA "THỰC" VÀ "ẢO" CÀNG TRỞ NÊN MẠNH MẼ. NHIỀU YẾU TỐ TRƯỚC ĐÂY NGƯỜI TA NGHĨ NÓ RẤT "ẢO" THÌ NAY ĐÃ TRỞ THÀNH HIỆN THỰC. MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI - VĂN HÓA SỐ RA ĐỜI VÀ ĐANG NGÀY CÀNG TÁC ĐỘNG MẠNH MẼ ĐẾN NHIỀU PHƯƠNG DIỆN CUỘC SỐNG.

Nhân loại đang chứng kiến sự thay đổi bước ngoặt trong quá trình phát triển khi dữ liệu trở thành một tư liệu sản xuất, một yếu tố tối quan trọng trong quá trình phát triển. Công nghệ hiện đại hay công nghệ số hiện nay vốn dựa trên dữ liệu để phát triển đang trở thành nguồn lực cơ bản của phát triển. Nói không quá khi công nghệ số đang vươn lên thành nhân tố then chốt của tiến hóa. Sự tiến hóa của công nghệ đang vượt qua sự tưởng tượng của người thường, đặc biệt là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo. Trí tuệ nhân tạo gần như làm được rất nhiều việc mà con người làm được, phá vỡ nhiều quy tắc tồn tại từ nhiều đời nay. Nó thách thức luận điểm máy móc do con người tạo ra và không bao giờ có thể thay thế được con người. Nhưng với đà phát triển của trí tuệ nhân tạo ngày một tăng nhanh theo theo thời gian thì "không bao giờ" lại trở thành một khái niệm ngày một mong manh hơn.



Trí tuệ nhân tạo đang tác động mạnh mẽ đến đời sống con người - Ảnh: Internet

Từ “ẢO” đến “THỰC” và sự phát triển của nền văn hóa số

TRƯỜNG NGUYỄN



Văn hóa số đang hình thành và phát triển mạnh mẽ từ những trẻ nhỏ đến người già, từ đô thị đến nông thôn

Hãy nhìn xem: Trí tuệ nhân tạo có thể tổng hợp một công trình nghiên cứu khoa học xã hội dựa trên nền tảng tư liệu của nhiều nghiên cứu không thua gì một học giả. Trí tuệ nhân tạo có thể làm thơ không khác gì một thi sĩ. Trí tuệ nhân tạo có thể vẽ tranh không thua các họa sĩ. Ngay cả trong y học, trí tuệ nhân tạo cũng có thể thực hiện những phẫu thuật với yêu cầu độ chính xác cao. Trong cuộc sống thường nhật, máy móc với trí tuệ nhân tạo hiện đại có thể thực hiện các công việc từ trong nhà đến cơ quan, thay thế cho những người giúp việc, những trợ lý trong nhiều công việc khác nhau. Thậm chí, khi cuộc sống gia đình, tâm lý bất ổn, muốn tìm những lời khuyên nhủ, trí tuệ nhân tạo cũng có thể giúp con người. Nói vậy không phải để hạ thấp con người, mà để cho thấy sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ đến đáng sợ của trí tuệ nhân tạo. Dù xét thế nào, thì bản thân trí tuệ nhân tạo cũng do con người xây dựng và nuôi dưỡng bằng dữ liệu. Trí tuệ nhân tạo sẽ chết khi không có dữ liệu. Và con người đã và đang cung cấp dữ liệu hàng giây, hàng phút, hàng giờ để nuôi trí tuệ nhân tạo một cách có chủ ý, có tổ chức hoặc vô ý.

Với sự phát triển của công nghệ số, của trí tuệ nhân tạo, khoảng cách giữa “thế giới thực” và “thế giới ảo” đang dần khò lấp. “Xã hội ảo” đang dần trở nên thật hơn. Nhiều khi



nó thật đến nỗi người ta phải xem xét lại “xã hội thực” theo một cách khác và đưa nó vào ngoặc kép (“”) như trước đây dùng với xã hội ảo. Sự tương tác giữa “thực” và “ảo” ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Những gì trong cuộc sống thực tại có thì trong thế giới ảo cũng có, cả tốt đẹp lẫn xấu xa. Và quan trọng nó không ảo khi tác động đến cuộc sống thật một cách thật hơn cả thật. Một người đàn ông có thể tìm thấy người yêu và đi đến hôn nhân chỉ qua mạng xã hội. Cũng trên mạng xã hội, một người phụ nữ có thể ly hôn chồng mình vì ghen tuông do anh ta tán tỉnh hay thả những ký hiệu hoặc lời nói yêu đương với một cô gái nào đó có khi chưa từng gặp. Một nhà báo có thể đưa một số thông tin và nhờ trí tuệ nhân tạo viết bài giúp anh ta mà chất lượng đủ để in báo. Một chủ doanh nghiệp nhập một số dữ liệu công việc vào và nhờ trí tuệ nhân tạo lập một kế hoạch kinh doanh cho anh ta ngay giờ nghỉ trưa, khi mà trợ lý hay nhân viên của anh ta còn đang ngủ. Một anh nông dân cũng có thể được tủ lạnh nhà mình thông báo rằng lượng lon bia trong tủ nhà anh sắp hết và cần bổ sung thêm để đáp ứng nhu cầu của anh. Một kẻ bợm rượu cũng có thể nhờ trí tuệ nhân tạo tư vấn cho mình tối nay nên uống loại rượu gì cho hợp với tâm trạng...

Đặc biệt, sự tương tác cá nhân của con người với thế giới ảo của riêng họ đang trở thành nhu cầu quan trọng. Một người cha có thể xa con trong nhiều tháng, một người vợ có thể xa chồng nhiều ngày, nhưng họ không thể rời xa điện thoại thông minh, xa mạng xã hội được một vài ngày. Ngôi nhà, bàn ăn, thậm chí giường ngủ vốn là không gian riêng tư, không gian gia đình thì nay cũng trở nên



Văn hóa số đang hình thành và phát triển mạnh mẽ từ những trẻ nhỏ đến người già, từ đô thị đến nông thôn

không tương đối bởi trong nhà nhưng mỗi người một thiết bị, trong một bàn ăn nhưng mỗi người một điện thoại và trong một giường ngủ, một cái chăn chung nhưng hai vợ chồng lại có những mối quan tâm riêng từ điện thoại của mình. Nhiều người đàn ông không muốn lấy vợ mà dành tiền mua một robot xinh đẹp về sống cùng. Nhiều phụ nữ tìm đến cuộc sống đơn thân vì có cả một thế giới riêng từ điện thoại. Nhiều đứa trẻ mắng lại cha mẹ mình hay đánh cả anh em mình nếu xúc phạm thân tượng trên mạng xã hội của nó. Những người năng động, khéo léo, chăm chỉ và hiểu biết công nghệ có thể kiếm sống, làm việc thậm chí làm giàu từ thế giới ảo một cách hợp pháp. Những người nhẹ dạ, cả tin hay tham lam mà thiếu hiểu biết cũng có thể mất hàng tỷ đồng trên thế giới ảo... Nói vậy để thấy, sự tương tác thật - ảo đang mạnh mẽ đến mức xóa nhòa ranh giới và con người đang bước hai chân đi giữa hai thế giới một cách rõ ràng hơn.

Con người đang có cảm tình với cả máy móc? Nghe có vẻ vu vơ nhưng nó đã và đang tồn tại. Một anh bạn kể chuyện hài hước rằng: “Hôm nay tao bật máy tính ra, ngắm lại ảnh chụp chung với người yêu, chẳng may ấn nhầm nút xóa. May mà máy tính còn biết hỏi bạn có muốn xóa hình ảnh này không? Nghĩa là còn cho mình thêm sự lựa chọn. Chẳng bù cho cô người yêu: chia tay là nó xóa luôn”. Câu chuyện hài khi so sánh máy móc với con người, lại còn là người yêu, nhưng lại rất phù hợp với tâm trạng nhiều người. Như Nguyễn Thế Hoàng Linh từng viết những câu thơ: “Có một lần tôi làm thơ trên máy tính/Và đặt tên file là “tinhyeu”/Khi không hài lòng tôi định xoá/Cái máy tính bị coi là muôn đời vô cảm/Hỏi tôi: “Are you sure you want to delete “tinhyeu?”/Tôi đã rùng mình/Bạn ạ”.



Ngày nay, số người sử dụng trí tuệ nhân tạo đang ngày càng tăng lên. Nhiều người đã xem trí tuệ nhân tạo là một trợ lý, một đồng nghiệp, một người bạn, một người thầy... để chia sẻ. Khi mở ra chương trình để làm việc, họ gửi lời “chào AI”. Khi làm xong công việc, họ nói lời “cảm ơn AI”. Như một doanh nhân chia sẻ: Khi trợ lý của tôi đang nghỉ trưa, AI giúp tôi làm rất nhiều việc từ tổng kết công việc, xây dựng kế hoạch, đánh giá chất lượng... Nếu thời điểm đó, tôi nhờ trợ lý làm, dù chính là công việc họ được phân công, thì họ cũng từ chối hoặc nhận làm nhưng chẳng vui vẻ gì. Trong khi đó, trí tuệ nhân tạo giúp tôi hoàn thành một cách nhanh chóng và không một lời phàn nàn nào cả. Vậy, tại sao tôi lại không cảm ơn “nó”. Và cả khi tôi nói lời cảm ơn, trí tuệ nhân tạo còn biết khách sáo tương tác lại. Đó chẳng phải hơn cả người bạn rồi sao!

Đề cập đến những vấn đề trên là chúng ta đang thảo luận về một vài phương diện của văn hóa số. Văn hóa số là nền văn hóa dựa trên nền tảng hệ thống dữ liệu với những trang bị công nghệ hiện đại và sự tương tác giữa các hoạt động truyền thống với các hoạt động trên thế giới do công nghệ tạo thành. Văn hóa số đang góp phần định hình lại văn minh thế giới. Chúng ta đang nói nhiều về kỷ nguyên mới hay kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Kỷ nguyên này dựa trên nhiều trụ cột quan trọng như cải cách hành chính để nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị và bộ máy quản lý

nhà nước, phát triển nền kinh tế số để đẩy mạnh hiệu quả kinh tế cũng như quá trình hội nhập quốc tế... Nhưng quan trọng bậc nhất vẫn là phát triển nền văn hóa vừa phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, vừa tiếp nhận và vận dụng tối đa các giá trị văn hóa mới của nhân loại. Nền văn hóa vừa là động lực, vừa là mục tiêu của kỷ nguyên mới. Trong đó, theo xu hướng chung của nhân loại, theo sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thì nền văn hóa mới sẽ là nền văn hóa số, nền văn minh tri thức hay văn minh tin học, văn minh trí tuệ... Dù gọi bằng cách nào thì trong nền văn hóa đó, khoa học công nghệ trở thành điểm nhấn cho hầu hết các quá trình phát triển. Chuyển đổi số, cách mạng số, chính quyền số, kinh tế số... sẽ chỉ là một cái tên gọi trống rỗng nếu không có văn hóa số, không có công dân số hay nguồn nhân lực số. Thế nên, văn hóa trong kỷ nguyên mới không những không bị giảm thiểu vai trò, mà ngược lại còn trở nên quan trọng hơn, là nguồn lực cơ bản để đưa dân tộc chuyển mình.

Khoa học công nghệ vốn bản thân nó là một sản phẩm văn hóa, do con người tạo ra và con người quyết định đến sự phát triển của nó. Nhưng cũng như các sản phẩm văn hóa khác, khoa học công nghệ tác động ngược trở lại đến văn hóa, góp phần kiến tạo các giá trị văn hóa mới. Khoa học công nghệ ảnh hưởng lớn đến mọi mặt đời sống, từ sinh hoạt sản xuất, sinh hoạt xã hội và sinh hoạt văn hóa. Con người hiện tại, khi tách khỏi công nghệ sẽ gặp nhiều khó khăn, nếu không muốn nói là trở nên lạc lõng. Sự định danh cá nhân con người đang dần được số hóa, hầu hết các giấy tờ quan trọng đều được số hóa... Điều đó làm cho con người cùng trở thành một định danh số. Rồi sự tương tác giữa con người với nhau cũng được thực hiện chủ yếu dựa vào khoa học công nghệ. Có thể nói khoa học công nghệ đang len lỏi vào mọi vấn đề cuộc sống, làm cho con người trở nên lệ thuộc hơn vào công nghệ.

Văn hóa số, xét cho cùng là nền văn hóa gắn với quá trình chuyển đổi số và chịu ảnh hưởng của khoa học công nghệ. Văn hóa số gắn với chính trị số, chính quyền số, kinh tế số, công dân số... đều là những thuật ngữ thời thượng, đang được nhiều nước quan tâm. Nền văn hóa số cũng là một thể hiện của văn minh tri thức, văn minh trí tuệ, bởi ở đó, sức lao động thể chất không thể so sánh với sự sáng tạo của trí tuệ con người. Những hệ thống dữ liệu số sẽ trở thành một tài nguyên quan trọng, thành nhân tố thứ tư (sau cơ sở vật chất, sức lao động và vốn) của tư liệu sản xuất. Nó trở thành một nhân tố quan trọng cho quá trình phát triển, nó rút ngắn và thậm chí xóa nhòa khoảng cách giữa xã hội thật và “xã hội ảo”. Rồi đây, theo dự báo, bên cạnh so bì, cạnh tranh nhau về tài nguyên thiên nhiên, về nguồn lực văn hóa và con người, thì người ta còn cạnh tranh nhau về hệ thống dữ liệu, về hiệu quả số hóa và chuyển đổi số của các địa phương, quốc gia hay khu vực. Hệ thống dữ liệu không chỉ được địa phương, quốc gia mà một lúc nào đó sẽ quốc tế hóa, trở thành nhân tố quan trọng trong quá trình phát triển của nhân loại. Xây dựng văn hóa số vì thế sẽ trở thành vấn đề quan trọng của các quốc gia.



TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) KHÔNG CHỈ LÀ CÔNG CỤ DÀNH RIÊNG CHO CÔNG NGHỆ VÀ KHOA HỌC TỰ NHIÊN MÀ NGÀY CÀNG KHẮNG ĐỊNH VAI TRÒ TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU NHÂN VĂN, ĐẶC BIỆT LÀ LỊCH SỬ. TỪ GIẢI MÃ TÀI LIỆU CỔ, PHÁT HIỆN DI TÍCH KHẢO CỔ, ĐẾN TÁI HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH LỊCH SỬ, AI ĐANG MỞ RA NHỮNG CÁNH CỬA MỚI ĐỂ TÁI DỰNG QUÁ KHỨ MỘT CÁCH TRỰC QUAN VÀ SINH ĐỘNG. BÀI VIẾT NÀY NÓI VỀ NHỮNG ỨNG DỤNG NỔI BẬT CỦA AI TRONG LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, KHÁM PHÁ VAI TRÒ CỦA CÁC QUỐC GIA TIỀN PHONG VÀ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG TƯƠNG LAI CỦA CÔNG NGHỆ NÀY.

Trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu lịch sử

LÊ LINH

AI đổi mới cách tiếp cận lịch sử

Ứng dụng của AI trong nghiên cứu lịch sử đã thay đổi cách chúng ta tiếp cận và xử lý dữ liệu từ quá khứ. Một ví dụ nổi bật là khả năng số hóa và giải mã tài liệu cổ, giúp vượt qua các giới hạn về thời gian và con người. Các công cụ như Transkribus, với khả năng nhận dạng chữ viết tay cổ, đã mở ra cơ hội tiếp cận kho tài liệu khổng lồ từ thế kỷ 16 đến 19, vốn rất khó đọc và phân tích bằng mắt thường. Ở châu Âu, công cụ này đã giúp các nhà sử học giải mã hàng triệu trang tài liệu viết tay, làm sáng tỏ các sự kiện lịch sử, chính trị và xã hội.

Tương tự, AI còn hỗ trợ xử lý các ngôn ngữ cổ hoặc không còn được sử dụng phổ biến. Ví dụ, tại Đức, AI được áp dụng để phân tích các bản viết tay bằng tiếng Latin và chữ Gothic cổ, giúp khôi phục thông tin về văn hóa, tôn giáo và pháp luật thời kỳ Trung Cổ.

Tái hiện quá khứ bằng công nghệ 3D và Thực tế ảo VR

Một trong những đóng góp lớn nhất của AI là khả năng tái dựng

các công trình và hiện vật lịch sử bị mất hoặc phá hủy. Công nghệ mô hình hóa 3D kết hợp với AI đã tạo ra các mô hình chi tiết của các công trình nổi tiếng, cho phép người dùng khám phá chúng thông qua thực tế ảo (VR). Tại Mỹ, dự án tại Viện Smithsonian đã số hóa hơn 137 triệu hiện vật và tài liệu, đưa chúng vào môi trường trực tuyến để người dùng toàn cầu có thể tiếp cận.

Tại Anh, lâu đài Corfe từ thời Trung Cổ đã được phục dựng với sự hỗ trợ của AI, mang đến cái nhìn chân thực về vai trò của nó trong lịch sử. Ngoài ra, dự án "Timelines of Scotland" sử dụng AI và dữ liệu 3D để tái hiện các thành phố cổ, cho phép người xem khám phá cuộc sống và kiến trúc thời kỳ trước Công nguyên.

Thực tiễn áp dụng tại một số quốc gia

Anh Quốc là một trong những quốc gia đi đầu trong việc tích hợp AI vào nghiên cứu nhân văn. Viện Alan Turing đã triển khai nhiều dự án lớn, bao gồm sử dụng AI để phân tích dữ liệu lịch sử phức tạp, từ bản đồ cổ đến dữ liệu dân cư thời Trung Cổ. Một trong những thành công nổi bật là dự án giải mã bản đồ từ thế kỷ 18, giúp làm rõ mối quan hệ giữa phát triển giao thông và kinh tế trong Cách mạng Công nghiệp.

Ngoài ra, British Library đã hợp tác với nhiều tổ chức để phát triển hệ thống AI có thể quét và phân loại hàng triệu tài liệu cổ, bao gồm các bản thảo từ thời kỳ Tudor. Những tài liệu này không chỉ là nguồn thông tin lịch sử mà còn đóng góp vào nghiên cứu về ngôn ngữ và văn hóa.

Đức: Bảo tồn di sản văn hóa và tái dựng công trình

Đức là một quốc gia khác nổi bật với những ứng dụng AI trong bảo tồn và phục dựng lịch sử. Một trong những dự án



Ảnh: Internet

đáng chú ý là việc sử dụng công nghệ Lidar kết hợp với AI để khám phá các khu vực khảo cổ ẩn dưới rừng rậm và đất đá. Ví dụ, tại thành phố Pompeii (Ý) - một phần của dự án quốc tế có sự tham gia của Đức - AI đã giúp tái dựng toàn bộ cấu trúc thành phố bị chôn vùi dưới dung nham núi lửa.

Ngoài ra, Đức còn đóng vai trò quan trọng trong sáng kiến Europeana, nơi hàng triệu hiện vật văn hóa được số hóa và đưa vào cơ sở dữ liệu mở. AI được sử dụng để tìm kiếm, phân loại và thậm chí gợi ý các mối quan hệ giữa các hiện vật từ các quốc gia châu Âu khác nhau. Ví dụ, dự án phân tích các công trình kiến trúc thời kỳ Phục hưng đã làm sáng tỏ sự lan truyền của nghệ thuật và kỹ thuật xây dựng qua các khu vực địa lý.

Hoa Kỳ: Từ bảo tồn cổ vật đến giáo dục lịch sử

Tại Hoa Kỳ, Viện Smithsonian không chỉ sử dụng AI để bảo tồn cổ vật mà còn tạo ra các công cụ giáo dục trực tuyến cho công chúng. Ví dụ, thông qua công nghệ học máy,

các chuyên gia đã phân tích hàng trăm bộ xương hóa thạch để nghiên cứu lịch sử tiến hóa của loài người. Ngoài ra, AI còn được sử dụng để giải mã các bản ghi chép thời kỳ đầu lập quốc, giúp làm rõ các quyết định chính trị và sự kiện xã hội trong lịch sử Mỹ.

Dự án Google Books cũng là một điểm nhấn quan trọng. Với sự hỗ trợ của AI, Google đã số hóa hàng triệu cuốn sách lịch sử và tài liệu văn hóa. AI không chỉ dừng lại ở việc quét và lưu trữ mà còn phân tích ngữ nghĩa của văn bản, giúp các nhà nghiên cứu dễ dàng tìm kiếm và kết nối các tài liệu có liên quan.

Nhật Bản: Sự kết hợp giữa AI và văn hóa truyền thống

Tại Nhật Bản, AI được sử dụng để tái dựng các công trình cổ từ thời kỳ Edo và Muromachi. Một số dự án lớn đã sử dụng AI để phân tích dữ liệu từ các bức tranh cuộn và tài liệu cổ, tạo ra các mô hình 3D của các ngôi đền và thành cổ. Công nghệ này không chỉ giúp bảo tồn di sản mà còn thúc đẩy ngành du lịch, khi các địa điểm lịch sử được tích hợp vào các ứng dụng thực tế ảo dành cho du khách.

Bên cạnh đó, Nhật Bản còn ứng dụng AI trong việc dịch các văn bản cổ từ tiếng Nhật cổ sang tiếng Nhật hiện đại, giúp thế hệ trẻ hiểu và tiếp cận văn hóa truyền thống một cách dễ dàng hơn.

Một số quốc gia khác

Ngoài các quốc gia đã đề cập, nhiều nước khác cũng đang nỗ lực ứng dụng AI vào nghiên cứu lịch sử. Tại Hà Lan, AI được sử dụng để bảo tồn các di sản ven biển và phát hiện các tuyến giao thương thời Trung Cổ qua các tài liệu lưu trữ. Ở Ý, AI hỗ trợ phân tích cấu trúc bên trong các bức tượng và nhà thờ, giúp phát hiện các thay đổi do thời gian hoặc thiên tai gây ra.



Phân tích chữ cổ bằng AI

Ở châu Phi, các dự án ứng dụng AI đang được triển khai để lập bản đồ các di tích lịch sử tại Ai Cập, đặc biệt là việc phân tích các ngôi mộ cổ và hệ thống kim tự tháp. Các công cụ AI cũng giúp khám phá các thành phố cổ bị mất tại Sahel và Sahara, cung cấp thông tin mới về lịch sử khu vực này.

Thách thức trong ứng dụng AI trong nghiên cứu lịch sử

Dù có tiềm năng lớn, AI vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong nghiên cứu lịch sử. Một trong số đó là sự thiếu đồng nhất trong dữ liệu đầu vào. Các tài liệu cổ thường bị hư hỏng, mờ hoặc không đầy đủ, đòi hỏi các mô hình AI phải được tùy chỉnh và đào tạo rất phức tạp. Ngoài ra, vấn đề đạo đức cũng được đặt ra khi AI tái hiện lịch sử. Liệu những bản phục dựng có phản ánh đúng sự thật, hay chỉ là sản phẩm của các giả thuyết dựa trên dữ liệu chưa đầy đủ? Một câu hỏi quan trọng là làm sao đảm bảo rằng các tái hiện lịch sử được tạo ra bởi AI phản ánh đúng sự thật thay vì dựa trên những giả định thiên vị. Các nhà sử học và kỹ sư AI sẽ cần hợp tác chặt chẽ để xây dựng các mô hình dữ liệu minh bạch và công bằng.

Ngoài ra, việc đưa lịch sử vào môi trường số hóa cũng đặt ra vấn đề bản quyền và quyền sở hữu tri thức. Ai sẽ sở hữu dữ liệu lịch sử số hóa? Làm thế nào để đảm bảo rằng các quốc gia và cộng đồng có quyền kiểm soát di sản văn hóa của họ trong kỷ nguyên AI?

Tương lai của AI trong nghiên cứu lịch sử

Trong tương lai, AI sẽ ngày càng tự động hóa các quy trình nghiên cứu, từ thu thập dữ liệu, phân tích, đến lập giả thuyết. Các hệ thống học sâu (deep learning) có thể dự đoán và phục dựng các dữ liệu bị mất trong lịch sử, chẳng hạn như tái hiện lại các thành phố cổ, hệ thống kinh tế, hoặc các mạng lưới giao thương đã biến mất. Các mô hình AI không chỉ dừng ở việc giải mã mà còn có thể tự tạo ra những kịch bản lịch sử khả dĩ dựa trên dữ liệu đã biết. Quan trọng hơn, AI sẽ làm cầu nối giữa lịch sử và công chúng. Qua các nền tảng trực tuyến, ứng dụng thực tế ảo (VR), và thực tế tăng cường (AR), mọi người trên thế giới có thể khám phá lịch sử một cách sống động và chân thực hơn. Ví dụ, du khách có thể sử dụng kính VR để “bước vào” một thành phố cổ như Babylon hay đền Angkor Wat vào thời kỳ đỉnh cao, nhìn thấy chúng trong bối cảnh nguyên thủy, đầy đủ màu sắc, âm thanh, và thậm chí là các tương tác xã hội được tái tạo.

AI trong tương lai sẽ giúp cá nhân hóa cách mà mọi người tiếp cận lịch sử. Ví dụ, các ứng dụng học tập trực tuyến có thể cung cấp thông tin lịch sử phù hợp với sở thích hoặc nền tảng văn hóa của từng người. Một học sinh quan tâm đến chiến tranh có thể tìm hiểu sâu về các trận chiến cụ thể, trong khi một người khác đam mê nghệ thuật sẽ khám phá lịch sử qua các tác phẩm hội họa hoặc kiến trúc.

Ngoài ra, các chatbot lịch sử - được xây dựng trên AI hội thoại - có thể trở thành “hướng dẫn viên” ảo, trả lời các câu hỏi hoặc thảo luận về những giai đoạn lịch sử. Chẳng hạn, người



dùng có thể trò chuyện với một phiên bản AI “phỏng theo” nhân vật Julius Caesar hoặc Cleopatra để hiểu thêm về quan điểm và cuộc sống của họ.

Trong dài hạn, AI sẽ thúc đẩy sự hợp tác toàn cầu để mở rộng nghiên cứu lịch sử. Các dự án số hóa và phân tích dữ liệu từ nhiều quốc gia khác nhau sẽ được kết nối trong một mạng lưới chung, vượt qua rào cản địa lý và ngôn ngữ. Một ví dụ khả thi là sử dụng AI để liên kết các tài liệu từ các thư viện châu Âu và châu Á, giúp làm sáng tỏ sự giao thoa giữa các nền văn minh cổ đại như Con đường tơ lụa.

Một hướng đi tiềm năng là việc phát triển các hệ thống AI hợp tác, nơi các nhà sử học, nhà khảo cổ và chuyên gia công nghệ cùng làm việc để xây dựng các mô hình dữ liệu tiên tiến. Ví dụ, AI có thể tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau như hình ảnh, bản đồ, tài liệu viết tay và thậm chí cả lời kể truyền miệng để tái hiện lại những khía cạnh bị mất của lịch sử. Các sáng kiến hợp tác toàn cầu như vậy sẽ đặc biệt hữu ích trong việc nghiên cứu những giai đoạn lịch sử bị thiếu hụt tài liệu do chiến tranh hoặc thiên tai.

Ngoài ra, AI sẽ hỗ trợ khám phá lịch sử từ góc nhìn của các nhóm ít được chú ý, chẳng hạn như các cộng đồng bản địa hoặc các giai cấp bị áp bức trong lịch sử. Điều này giúp cân bằng lại những cách tiếp cận truyền thống thường bị chi phối bởi những góc nhìn quyền lực.

Vai trò của nhà nước và tư nhân

Sự thành công của AI trong nghiên cứu lịch sử phụ thuộc rất lớn vào vai trò của nhà nước và khu vực tư nhân. Nhiều quốc gia đã đưa nghiên cứu lịch sử vào chiến lược chuyển đổi số quốc gia, coi đây là một phần quan trọng trong việc bảo tồn di sản văn hóa.

Ví dụ, chính phủ Anh đã đầu tư mạnh vào các dự án số hóa di sản thông qua Quỹ Di sản Quốc gia (National Heritage Fund). Đồng thời, sự hợp tác giữa nhà nước và các công ty công nghệ như Microsoft và Google đã giúp đẩy nhanh quá

trình số hóa và phát triển các công cụ AI. Tại Hoa Kỳ, vai trò của tư nhân rất nổi bật với các công ty như Google và Amazon tài trợ cho các dự án như số hóa thư viện công cộng và bảo tồn di tích lịch sử.

Tại các nước đang phát triển, AI được áp dụng thông qua các dự án quốc tế. Ví dụ, UNESCO đã hợp tác với các quốc gia châu Phi để ứng dụng AI trong việc bảo vệ các di tích lịch sử bị đe dọa bởi biến đổi khí hậu, như tại các ngôi đền dọc theo sông Nile.

Tóm lại, trí tuệ nhân tạo không chỉ là một công cụ mạnh mẽ mà còn là cơ hội để chúng ta tiếp cận và hiểu lịch sử một cách toàn diện và đa chiều hơn bao giờ hết. Trong khi còn nhiều thách thức phải giải quyết, AI hứa hẹn sẽ định hình tương lai của nghiên cứu lịch sử, mở ra cánh cửa để tái dựng quá khứ và bảo tồn di sản cho các thế hệ tương lai. AI đang không ngừng định hình lại nghiên cứu lịch sử, từ việc bảo tồn dữ liệu cổ, tái hiện các di tích, đến tạo ra những trải nghiệm giáo dục đột phá. Với sự hợp tác toàn cầu giữa các quốc gia, tổ chức, và cá nhân, công nghệ này sẽ không chỉ lưu giữ quá khứ mà còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn về nguồn gốc và giá trị của nền văn minh nhân loại.

Nguồn tham khảo:

1. **World Economic Forum (WEF):** An article discussing how artificial intelligence is being used to preserve and recreate historical sites and cultural heritage. Link: World Economic Forum
2. **The Alan Turing Institute:** Projects focusing on the application of AI in the humanities, particularly history, in the United Kingdom. Link: The Alan Turing Institute
3. **Smithsonian Institution:** Information on digitizing cultural heritage in the United States and collaborative projects involving AI technology. Link: Smithsonian Institution
4. **Google Arts & Culture:** AI-driven initiatives to support cultural preservation and recreate historical landmarks. Link: Google Arts & Culture
5. **UNESCO:** Projects to protect monuments in developing countries using AI, particularly in Africa. Link: UNESCO
6. **Europeana:** Digitization and AI application in cultural heritage preservation projects across Europe. Link: Europeana



Văn hóa Ó Đu cần nhìn từ nhiều hướng khác

BÙI HÀO



Người Ó Đu mang đồ đạc ra suối vệ sinh sạch sẽ để đón tiếng sấm đầu tiên

Ó Đu là cộng đồng thuộc nhóm dân tộc thiểu số rất ít người với dân số ít bậc nhất ở Việt Nam hiện nay. Lâu nay đã có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến cộng đồng này. Nhưng các cách tiếp cận nghiên cứu tộc người Ó Đu vẫn còn nhiều hạn chế. Trong bối cảnh hiện nay, tìm một cách để tiếp cận, để hiểu về người Ó Đu sao cho phù hợp cũng là một vấn đề cần được quan tâm thảo luận

Ó Đu trong cách nhìn truyền thống

Từ nhiều năm nay, các nhà nghiên cứu luôn nỗ lực cố gắng tiếp cận người Ó Đu nhằm tìm hiểu rõ hơn về bản sắc cộng đồng. Đó là nỗ lực khám phá Ó Đu dựa trên những đặc trưng văn hóa của riêng họ. Hướng tiếp cận này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các tiêu chí trong phân định thành phần tộc người ở Việt Nam vốn là quan điểm chủ đạo trong nửa sau thế kỷ XX với nhiệm vụ xác định thành phần dân tộc. Bản sắc tộc người, do vậy được xác định dựa vào các tiêu chí quan trọng như ngôn ngữ, đặc trưng văn hóa và ý thức tự giác tộc người. Dưới sự ảnh hưởng từ quan điểm chủ đạo đó, người ta cố gắng tìm những nét riêng biệt của người Ó Đu

từ những cái nhìn khu biệt, tách họ ra khỏi bối cảnh sống phức tạp của họ. Từ đây, người ta dựng nên một cộng đồng Ó Đu với những làng bản riêng biệt, nhà quay vào núi, các sinh hoạt văn hóa riêng với lễ cúng tiếng sấm đầu năm đặc trưng hay những phong tục tập quán riêng của họ. Tóm lại là cố gắng làm cho người Ó Đu đặc trưng hơn, khác với các tộc người khác bên cạnh, để chứng minh họ là một tộc người riêng có bản sắc riêng...

Trong khi các nhà nghiên cứu nỗ lực xác định bản sắc của cộng đồng Ó Đu thì các nhà quản lý cũng với quan điểm tương đồng lại cho rằng bản sắc văn hóa Ó Đu đã bị mai một và phải tìm hiểu để khôi phục lại. Bắt đầu từ ngôn ngữ rồi đến các sinh hoạt văn hóa đặc trưng. Hầu như khi nói đến cộng đồng Ó Đu, các nhà quản lý đều cho rằng họ đã không còn bản sắc hoặc bản sắc đã bị mai một gần hết và khó có khả năng phục hồi. Cả vấn đề nghiên cứu lẫn quản lý đều dựa vào quan điểm về một bản sắc Ó Đu cứng nhắc, từng tồn tại trong quá khứ và không hay ít thay đổi. Bản sắc được hiểu như một đặc trưng riêng để định danh cộng đồng và sẽ không thay đổi qua các giai đoạn khác nhau. Thay đổi nghĩa là đã mất bản sắc.

Những cách tiếp cận dựa trên quan điểm đó một mặt giúp cho



người Ơ Đu được tôn trọng hơn với tư cách là một tộc người như những tộc người khác, nhưng mặt khác cũng làm cho sự hiểu biết về người Ơ Đu trở nên xơ cứng, không khám phá được sự năng động của người Ơ Đu qua những giai đoạn và trong những bối cảnh lịch sử xã hội nhất định. Điều đó cũng làm cho những nhận thức về người Ơ Đu trở nên không hợp lý khi gắn với bối cảnh thực tế của họ trong hàng trăm năm từ đầu thế kỷ XXI trở về trước. Vậy nên đòi hỏi phải có những cách nhìn khác để hiểu về Ơ Đu một cách phù hợp hơn.

Ơ Đu nhìn từ đa văn hóa và đa chủ thể

Ơ Đu là một cộng đồng đa văn hóa và đa chủ thể. Kiến tạo và bồi đắp cho văn hóa Ơ Đu không thể không kể đến những người Thái, người Khơ Mú là các cộng đồng gắn kết chặt chẽ và lâu năm của họ. Vậy nên những cái nhìn khu biệt Ơ Đu với các mối quan hệ khác sẽ trở nên phiến diện bởi sẽ làm cho chúng ta không hiểu được bối cảnh xã hội của cộng đồng này cũng như hiểu không đầy đủ về quá trình kiến tạo văn hóa Ơ Đu.

Trước hết, từ rất lâu rồi người Ơ Đu không còn một bản riêng biệt. Họ sống thành các nhóm từ 5-7 hộ đến vài ba chục hộ và xen kẽ trong các bản người Thái hoặc người Khơ Mú, cho đến khi tái định cư về bản Văng Môn (xã Nga My, Tương Dương) thì mới có lại một bản riêng. Những “bản của người Ơ Đu” trước đó chỉ được biết đến qua một vài tư liệu truyền miệng là chính, nói về một cộng đồng có vị thế nhưng trải qua nhiều thăng trầm để rồi ly tán ra nhiều nơi. Nhưng những điều đó đã diễn ra trong một quá khứ rất lâu trước đây. Còn thực tế, trải qua mấy thế kỷ rồi, người Ơ Đu là một cộng đồng sống xen kẽ và không tập trung thành các bản riêng biệt nên cơ cấu xã hội cũng có sự riêng biệt. Họ sống trong các bản người Thái hay người Khơ Mú nên chịu lệ thuộc vào các kết cấu xã hội của các cộng đồng này. Việc không có bản riêng nên cơ cấu xã hội và phân chia quyền lực cũng không thật sự rõ ràng. Vậy nên, để hiểu về cơ cấu xã hội của người Ơ Đu thì phải gắn với người Thái, người Khơ Mú - vốn là những chủ làng thật sự ở những nơi người Ơ Đu sinh sống trước đây.

Một yếu tố quan trọng trong tiêu chí tộc người là ngôn ngữ, thì ngôn ngữ Ơ Đu cũng đã bị mai một và mất vai trò trong đời sống thường nhật. Hệ từ vựng của người Ơ Đu bị mất đi qua nhiều thế hệ và đến nay chỉ khôi phục lại được một số từ vựng cơ bản nhưng cũng ít khi được người dân sử dụng. Trước đây một thời gian, người Ơ Đu nói tiếng Thái và tiếng Khơ Mú là chủ yếu. Hiện tại, người Ơ Đu nói đến 3 thứ ngôn ngữ khác nhau là tiếng Thái, tiếng Khơ Mú và tiếng Kinh. Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp để hiểu nhau. Và khi họ giao

tiếp được các ngôn ngữ khác thì cơ hội để khôi phục lại ngôn ngữ tộc người mình càng thêm nhỏ đi. Đặc biệt là nhu cầu giao tiếp với các cộng đồng khác của người Ơ Đu cao hơn bởi họ sống trong các bản người Thái và bản người Khơ Mú nên họ cần giao tiếp với các cộng đồng này nhiều hơn, và hầu hết người Ơ Đu đều biết tiếng Thái và tiếng Khơ Mú nên tiếng Ơ Đu mất dần như là một hệ quả của quá trình tiếp xúc văn hóa.

Quan trọng nhất, người Ơ Đu thực hiện nghiêm chỉnh quy tắc ngoại tộc hôn. Do chỉ có một dòng họ là họ Lo nên người Ơ Đu không kết hôn với nhau. Trong chiều dài lịch sử, vì thực hiện ngoại tộc hôn nên người Ơ Đu kết hôn với người Thái và người Khơ Mú là chủ yếu (hiện tại có 3 cặp vợ chồng người Ơ Đu kết hôn với nhau khi họ tiếp nhận quan điểm sau hơn 5 đời thì sẽ không còn quan hệ cận huyết). Quan hệ hôn nhân là nhân tố quan trọng trong việc kiến tạo bản sắc văn hóa. Qua quan hệ hôn nhân, người Ơ Đu tiếp nhận các yếu tố văn hóa Thái, Khơ Mú để làm giàu thêm bản sắc văn hóa truyền thống của mình. Điều đó thể hiện ở khía cạnh họ tiếp nhận các nghề thủ công truyền thống của người Thái, các kinh nghiệm làm nương rẫy của người Khơ Mú, các phong tục tập quán và các nghi lễ trong văn hóa Thái và Khơ Mú để làm phong phú thêm nền văn hóa Ơ Đu. Mặt khác, những người phụ nữ Ơ Đu khi về làm dâu người Thái, người Khơ Mú cũng đưa một số yếu tố văn hóa truyền thống của tộc người mình vào đời sống văn hóa gia đình làm cho văn hóa Ơ Đu có thêm sức sống.



Lễ cúng tiếng sấm đầu tiên cũng là một dịp tết cổ truyền của người Ô Đu trước đây

Như vậy, khi tìm hiểu về người Ô Đu thì cần phải đặt họ trong bối cảnh đa văn hóa, đa chủ thể. Không thể tách biệt bản sắc văn hóa Ô Đu một cách tuyệt đối và máy móc bởi nó hòa quyện với văn hóa Thái và văn hóa Khơ Mú. Đây không chỉ đơn thuần là sự tiếp nhận văn hóa của một cộng đồng đối với một cộng đồng khác mà là quá trình cùng nhau kiến tạo văn hóa bởi trong gia đình Ô Đu nào cũng có người Thái hay người Khơ Mú sinh sống hoặc cả ba cộng đồng cùng sinh sống trong một tộc người. Và trải qua nhiều thế hệ như vậy mà văn hóa Ô Đu trở thành nền văn hóa đa bản sắc từ đa chủ thể.

Ô Đu nhìn từ tác động công nghệ số

Ngày nay, công nghệ số đang tác động đến hầu hết các lĩnh vực và gần như mọi cộng đồng. Người Ô Đu cũng không ngoại lệ. Năm 2006, khi những gia đình đầu tiên tái định cư về đây thì mới bắt đầu kết nối điện lưới. Đến năm 2007, khi hệ thống quản lý bản Văng Môn hoàn thiện, dân số bắt đầu ổn định thì điện lưới cũng phủ sáng cả bản. Lúc này, trong bản vẫn chưa có ai dùng điện thoại. Đến năm 2008, trạm phát sóng điện thoại được xây dựng ở xã Nga My, sóng điện thoại phổ biến và những chiếc điện thoại dần được xuất hiện nhiều hơn. Đến những năm 2012-2013, nhiều người sử dụng điện thoại

hơn, nhất là những người đi ra làm ăn xa. Họ không chỉ mua cho mình mà còn mua cho bố mẹ ở nhà sử dụng để tiện liên lạc. Điện thoại thông minh và mạng internet xuất hiện nhưng chủ yếu sử dụng 3G, sau này là 4G. Năm 2018, gia đình đầu tiên lắp đặt wifi để kết nối internet. Số lượng người sử dụng điện thoại thông minh cũng tăng lên. Đến năm 2023, cả bản có 16 hộ gia đình đã lắp wifi, phần lớn người dân đều sử dụng điện thoại thông minh, chỉ một số người lớn tuổi không quen sử dụng internet thì còn dùng điện thoại không kết nối mạng (dân cũng gọi là điện thoại "cục gạch").

Người Ô Đu ngày càng tham gia nhiều hơn vào các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube, Tik tok... qua đó tham gia nhiều hơn vào thế giới hiện đại. Mạng xã hội cũng tác động mạnh mẽ đến đời sống của người Ô Đu. Những giá trị văn hóa mới được hình thành. Người Ô Đu tiếp nhận tiếng phổ thông, trang phục người Việt, sử dụng các trang thiết bị hiện đại... Họ cũng chủ động tham gia vào kinh tế thị trường một cách sâu đậm hơn và trở nên năng động hơn trong cả kinh tế lẫn văn hóa. Không còn là những người Ô Đu rụt rè, quanh năm ở trong bản nữa, họ trở thành những con người năng động hơn, giao lưu với nhiều cộng đồng hơn bên cạnh các mối quan hệ truyền thống với người Thái và người Khơ Mú. Qua đó, nền văn hóa Ô Đu được hiện đại hóa sâu sắc hơn. Con người Ô Đu hiện nay cũng không còn là con người thụ động gắn với nương rẫy nữa là trở thành những con người năng động, chủ động tiếp cận xã hội hiện đại, chủ động giao lưu với thế giới bên ngoài. Người Ô Đu cũng không bó hẹp, chôn



chân trong những bản làng người Thái, Khơ Mú nữa mà có bản riêng, đặc biệt là phần lớn thanh niên đã rời bản, rời núi đi các đô thị để kiếm kế sinh nhai, qua đó cũng đưa họ đến với thế giới hiện đại hơn. Không chỉ vậy, những con em rời bản này cũng là cầu nối quan trọng, đặc biệt là qua mạng xã hội tương tác hàng ngày với gia đình ở quê để rồi từ đó làm cho văn hóa Ó Đu trở nên năng động, tương tác mạnh hơn với nhiều nền văn hóa khác.

Tim hiểu về văn hóa Ó Đu lúc này cần phải đặt trong bối cảnh rộng lớn hơn dưới tác động của công nghệ số. Bản sắc Ó Đu giờ đây gắn với nhiều nhân tố văn hóa mới và những quá trình vận động đa dạng và phức tạp hơn nhiều so với trước. Cũng như bao cộng đồng khác, người Ó Đu giữa đời sống thực và đời sống ảo cũng có nhiều vấn đề bất cập. Ở đó, những người linh hoạt đã vận dụng một cách phù hợp và hiệu quả các mạng xã hội vào cuộc sống. Nhưng cũng có người do thụ động, thiếu hiểu biết mà bị lừa đảo, bị hệ lụy tiêu cực từ các mạng xã hội. Nói chung, sự tương tác xã hội và môi trường xã hội của người Ó Đu trong bối cảnh công nghệ số đã thay đổi hoàn toàn khác trước. Vậy nên, cần có cách tiếp cận phù hợp hơn để hiểu về người Ó Đu hiện nay.

Ó Đu cần nhìn tổng thể và toàn diện hơn

Bản sắc tộc người không phải bất biến, mà nó thay đổi trong những bối cảnh khác nhau để phù hợp với quá trình phát triển. Bản sắc tộc người được xem là nhân tố quan trọng để định danh cộng đồng cũng như định danh cá nhân thuộc về cộng đồng đó. Qua các giai đoạn và các bối cảnh khác nhau, bản sắc cũng có sự vận động và biến đổi. Vậy nên, khi nhìn về bản sắc của một cộng đồng cần có sự cởi mở, linh hoạt, tôn trọng quyền của chủ thể văn hóa. Với trường hợp Ó Đu càng phải như vậy để tránh những định kiến cho rằng họ bị mất bản sắc hay “không còn giá trị văn hóa truyền thống để bảo tồn, phát huy”.

Tiếp cận tìm hiểu người Ó Đu cần có cái nhìn tổng thể và toàn diện. Nhìn từ lịch sử để thấy được những biến đổi thăng trầm của cộng đồng này: Từ một cộng đồng tập trung rồi tan rã, ly tán vào các làng bản người Thái, Khơ Mú, sau đó lại được tái định cư về một bản nhưng số lượng người ra ngoài làm ăn cũng chiếm tỷ lệ cao; Từ cuộc sống trong làng bản tương đối khép kín đến quá trình gia nhập vào cuộc sống rộng lớn hơn... Nhìn từ các nhân tố kiến tạo văn hóa để thấy được Ó Đu là một cộng đồng đa bản sắc và đa chủ thể hòa quyện vào nhau trong một lịch sử lâu dài. Nhìn từ các yếu tố văn riêng biệt để nhìn thấy các tầng lớp văn hóa khác nhau tạo nên văn hóa Ó Đu như là một hệ thống giá trị văn hóa nhiều lớp lang nhưng thống nhất và được chủ thể văn hóa thừa nhận. Nhìn từ những nhân tố hiện đại đang tác động đến văn hóa Ó Đu để thấy được sự mở

rộng tương tác văn hóa, sự năng động của con người Ó Đu trong bối cảnh hiện đại.

Đặc biệt, nhìn từ chủ thể văn hóa Ó Đu để thấy rõ hơn những nỗ lực của người Ó Đu trong quá trình bảo tồn, kiến tạo văn hóa của mình. Để tích hợp được các giá trị văn hóa từ ngoài vào nhằm kiến tạo nên nền văn hóa riêng của mình thì cần có bản lĩnh, có sự hài hòa và khéo léo mới có thể làm được. Trong quá trình lịch sử, người Ó Đu đã tiếp nhận văn hóa Thái, Khơ Mú để làm giàu cho văn hóa cộng đồng mình. Bây giờ, họ tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa khác đến từ nhiều tác nhân, nhiều môi trường khác nhau nhằm làm cho cuộc sống của mình tốt đẹp hơn, làm cho văn hóa của mình đa dạng và phong phú hơn. Điều đó là sự cần thiết và cũng là bản lĩnh của người Ó Đu chứ không nên vội nhận định họ đang bị mai một, mất mát bản sắc.

Tóm lại, để hiểu về người Ó Đu, chúng ta cần có những cách nhìn tổng thể hơn, toàn diện hơn và linh hoạt hơn để loại bỏ dần những định kiến về cộng đồng này. Người Ó Đu vẫn còn đó và vẫn sẽ tiếp tục đồng hành với quê hương, với đất nước. Để làm được điều đó, họ đã vượt qua nhiều thử thách, đối diện với nhiều khó khăn. Và mỗi lần vượt qua những khó khăn, thử thách đó, họ lại bồi thêm một lớp giá trị văn hóa quan trọng vào nền văn hóa của mình. Dù ai có nhận định thế nào thì với người Ó Đu, cái gì làm cho cuộc sống của con người trở nên tốt hơn, họ có quyền tiếp nhận và đưa vào vận dụng để kiến tạo, bồi đắp cho văn hóa cộng đồng mình. Đây là cách làm phổ biến của nhân loại trên toàn thế giới nên nó cần được tôn trọng.



Kiến tạo văn hóa hay doanh thu? Bài toán cho khối tư nhân

HÀ THỦY NGUYÊN

Hoạt động văn hóa từ lâu đã giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân loại, đồng thời trở thành cầu nối cho quá trình giao lưu tri thức giữa các cộng đồng. Từ thuở xa xưa, những hoạt động này không chỉ mang tính chất chính quyền, thể hiện quyền lực và tầm nhìn quản trị của nhà nước, mà còn đậm tính dân sự, phản ánh nhu cầu và bản sắc của người dân. Sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố này đã tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của văn hóa và xã hội qua nhiều thời kỳ lịch sử, đặc biệt ở thời đại ngày nay, khi các nền tảng công nghệ giúp người dân có thêm cơ hội biểu đạt và kết nối.

Khi khối tư nhân tham gia kiến tạo văn hóa

Trong bối cảnh hiện đại, khối tư nhân không chỉ đóng vai trò thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn ngày càng thể hiện tầm ảnh hưởng quan trọng trong việc hình thành các xu hướng văn hóa đương đại. Điều này xuất phát từ khả năng của các doanh nghiệp tư nhân trong việc sáng tạo sản phẩm và truyền thông, góp



Một hoạt động trò chuyện giữa dịch giả các cuốn sách "7 bài học rưỡi về não bộ" và "Nguồn gốc cảm xúc - Bí ẩn sống động của bộ não" của tác giả Lisa Feldman Barrett với các độc giả, do Book Hunter tổ chức.

phần xây dựng nên những yếu tố văn hóa mới mẻ và phong phú. Các doanh nghiệp tư nhân thường tạo ra các sản phẩm không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng mà còn mang đậm dấu ấn văn hóa, ảnh hưởng trực tiếp đến cách sống, suy nghĩ và hành vi của xã hội. Thông qua các chiến dịch quảng cáo sáng tạo, họ không chỉ quảng bá sản phẩm mà còn truyền tải những giá trị văn hóa mới, giúp tạo dựng và lan tỏa xu hướng. Ví dụ, các chiến dịch quảng cáo thường khai thác những giá trị như cá nhân hóa, bảo vệ môi trường, hay phong cách sống hiện đại, từ đó góp phần làm thay đổi nhận thức và định hình lối sống của người tiêu dùng.

Sự phát triển của tầng lớp trung lưu đi đôi với nhu cầu ngày càng lớn về các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, từ đó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực này nở rộ. Các công ty xuất bản sách, công ty media, hay các đơn vị tổ chức sự kiện... ngày càng chủ động hơn trong việc sáng tạo và cung cấp những sản phẩm văn hóa chất lượng, đa dạng. Họ không chỉ đáp ứng thị hiếu mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy và cách tân các giá trị văn hóa truyền thống. Đây là xu hướng tất yếu trong quá trình chuyển đổi cơ cấu xã hội đã từng diễn ra tại các nước như Tây Ban Nha, Argentina, Trung Quốc...



Tại Việt Nam, khối tư nhân đang dần khẳng định vai trò không chỉ trong phát triển kinh tế mà còn trong việc kiến tạo văn hóa. Một minh chứng rõ ràng cho điều này là sự phát triển mạnh mẽ của các đơn vị làm sách tư nhân như Omega Plus Books, San Hô Books, Forma Publi, và Book Hunter..., những cái tên đang góp phần quan trọng cùng các nhà xuất bản thuộc khối nhà nước thúc đẩy văn hóa đọc trong cộng đồng. Những đơn vị làm sách tư nhân không chỉ tập trung vào mục tiêu doanh thu mà còn hướng tới sứ mệnh kiến tạo văn hóa. Thông qua hoạt động truyền thông và marketing sách, họ đã và đang mang đến cho cộng đồng độc giả những giá trị tri thức sâu sắc và mới mẻ. Việc lựa chọn xuất bản các tựa sách có giá trị cao, từ sách lịch sử, triết học, đến các tác phẩm kinh điển và hiện đại, đã giúp mở rộng tầm nhìn cho độc giả, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của một nền văn hóa đọc phong phú, đa dạng.

Bên cạnh đó, các đơn vị xuất bản sách tư nhân đóng góp không nhỏ tạo ra không gian giao lưu cho cộng đồng yêu sách. Thông qua việc tổ chức các buổi tọa đàm, sự kiện ra mắt sách, hoặc các hoạt động trực tuyến trên mạng xã hội, họ đã giúp độc giả kết nối với nhau, cùng thảo luận và chia sẻ giá trị tri thức. Những không gian này không chỉ là nơi tiếp nhận tri thức mà còn trở thành một phần trong đời sống văn hóa hiện đại của giới trẻ và tầng lớp trung lưu. Các sinh hoạt văn hóa đọc này không chỉ đơn thuần là hoạt động

giải trí hay giáo dục, mà còn mang ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với xã hội và nền văn hóa Việt Nam trong tương lai. Những hoạt động này không chỉ giúp kháng cự lại các xu hướng văn hóa phản giáo dục đang lan rộng mà còn đặt nền móng cho một nền công nghiệp văn hóa bền vững và chất lượng trong tương lai, khi mà mỗi bộ phim, trò chơi điện tử, lễ hội, chương trình biểu diễn... đều cần rất nhiều kiến thức để thực hiện.

Cân đối giữa doanh thu và kiến tạo văn hóa, bài toán không dễ

Không chỉ trong ngành sách, mặc dù khối tư nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc kiến tạo văn hóa tại Việt Nam, tuy nhiên, họ cũng phải đối mặt với nhiều trở ngại, trong đó thách thức lớn nhất là cân bằng giữa mục tiêu doanh thu và trách nhiệm đối với cộng đồng. Áp lực tài chính buộc các doanh nghiệp phải tập trung vào những sản phẩm dễ tiêu thụ, trong khi các dự án văn hóa, giáo dục thường không mang lại lợi nhuận nhanh chóng. Thêm vào đó, thị trường tiêu dùng thiếu ổn định và sự cạnh tranh từ các nội dung giải trí trực tuyến dễ tiếp cận khiến các sản phẩm văn hóa có chiều sâu gặp khó khăn trong việc thu hút công chúng. Hiện trạng này khó tránh dẫn tới việc các đơn vị này sẽ từ bỏ đầu tư vào sản phẩm văn hóa có chiều sâu, chuyển sang đầu tư vào các sản phẩm dễ dãi chiều lòng thị hiếu đại chúng để duy trì dòng tiền.

Chi phí để đầu tư cho các sản phẩm có chiều sâu thường lớn hơn sản phẩm đại chúng rất nhiều. Ví dụ, trong ngành sách, không chỉ là chi phí bản thảo cao do đòi hỏi trình độ và cường độ làm việc lớn ở đội ngũ tác giả, dịch giả và biên tập, mà còn yêu cầu các hoạt động truyền thông, marketing được chuẩn bị nội dung kỹ lưỡng và công phu. Trong khi đó, lượng độc giả có thể đón nhận những tác phẩm như vậy thường rất hạn chế. Do các sách chiều sâu khó tiếp cận như vậy, nên cũng khó có thể là phương án lựa chọn cho các đơn vị đầu tư khác như sản xuất phim, sân khấu chương trình giáo dục hay trò chơi điện tử... mua bản quyền chuyển thể, bởi vì chính những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn hóa này cũng phải đối mặt với bài toán cân đối giữa doanh thu và kiến tạo văn hóa.

Doanh thu thấp trong lĩnh vực văn hóa chiều sâu không chỉ gây áp lực tài chính cho các đơn vị tư nhân mà còn trực tiếp ảnh hưởng đến thu nhập của nhân sự tham gia vào quá trình kiến tạo văn hóa. Với mức lương eo hẹp, việc thu hút



và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trở nên rất khó khăn. Những người làm trong lĩnh vực này thường phải đối mặt với khối lượng công việc lớn nhưng lại không đủ điều kiện tài chính để đầu tư cho việc học hỏi, trau dồi thêm kỹ năng và nâng cao trình độ. Điều này không chỉ hạn chế sự phát triển cá nhân mà còn khiến toàn bộ hệ thống sáng tạo văn hóa gặp khó khăn trong việc đổi mới và tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng kỳ vọng của xã hội. Lẽ tất yếu, các nhân sự làm nghề giỏi trong lĩnh vực văn hóa chiều sâu sẽ chuyển sang các hoạt động văn hóa đại chúng có thị hiếu thấp hơn, đòi hỏi công phu ít hơn nhưng mang lại doanh thu cao hơn. Đó là lý do phim và sân khấu kịch nghệ thuật ngày càng thoái trào, nhường chỗ cho chương trình hài, phim thị trường, phim truyền hình... Và bất cứ ai theo dõi doanh thu trên các sàn thương mại điện tử như Tiki và Shopee sẽ nhận ra rằng sự thắng thế của các đầu sách ngôn tình, học tiếng Anh cấp tốc, kỹ năng sống... so với các tác phẩm triết học, nghiên cứu xã hội, văn học hàn lâm...

Để thu hẹp khoảng cách giữa văn hóa chiều sâu và thị hiếu đại chúng, nhiều đơn vị tư nhân làm văn hóa, đặc biệt trong ngành sách, đã nỗ lực tổ chức các hoạt động nâng cao dân trí theo nhiều hình thức đa dạng. Một trong những hoạt động phổ biến nhất là các buổi trò chuyện giới thiệu sách, nơi các chuyên gia, tác giả và dịch giả trực tiếp chia sẻ kiến thức, phân tích nội dung và truyền cảm hứng



Hoạt động trò chuyện về học tập kinh nghiệm sáng tạo và sản xuất Anime do Japan Foundation phối hợp với Book Hunter tổ chức nhân dịp ra mắt cuốn "Hồn Anime"

cho độc giả. Những sự kiện này không chỉ giúp công chúng tiếp cận dễ dàng hơn với các giá trị văn hóa chiều sâu mà còn góp phần lan tỏa tri thức, khuyến khích thói quen đọc sách và xây dựng cộng đồng yêu sách ngày càng lớn mạnh. Đặc biệt, Book Hunter còn thường xuyên dịch bài, viết bài nghiên cứu, mở workshop... để hướng dẫn độc giả trẻ tiếp cận các kiến thức khó một cách dễ dàng. Bền bỉ là cách duy nhất để từng bước đưa tri thức xích lại gần với độc giả đại chúng hơn thay vì chọn sản phẩm dễ để đảm bảo doanh số. Tuy nhiên, ngành sách vẫn là ngành đòi hỏi đầu tư chi phí thấp và ít rủi ro so với các ngành văn hóa khác, công thức của ngành sách không dễ dàng áp dụng với các trường hợp đòi hỏi chi phí lớn như làm phim hay hay chương trình biểu diễn.

Việc tìm ra giải pháp chung cho những khó khăn mà khối tư nhân đầu tư vào hoạt động văn hóa phải đối mặt không hề dễ dàng, ngay cả khi có sự hỗ trợ từ nhà nước trong đầu tư tài chính hay phát hành. Bởi vì, cốt lõi của nan đề này nằm ở bài toán khoảng cách giữa trình độ dân trí của đại đa số người dân và khả năng tiếp cận các sản phẩm văn hóa có giá trị lâu bền. Thậm chí, sự đầu tư thiếu tính toán và dễ bị chi phối bởi các thiên kiến cá nhân từ khối nhà nước có thể dẫn tới sự bất cân xứng trong chính môi trường kiến tạo văn hóa mới. Một cách thực tiễn hơn và bền vững hơn mà khối nhà nước có thể hỗ trợ cho các đơn vị tư nhân tham gia và quá trình kiến tạo văn hóa chính là thông qua giáo dục trong nhà trường cũng như trong cộng đồng để nâng cao dân trí, tạo ra một thị trường lành mạnh trong tương lai.



Du khách ngoại quốc thích thú trải nghiệm HiKR - một sân chơi trải nghiệm văn hóa Hàn Quốc từ thực tế ảo mở rộng
Nguồn ảnh: Báo QĐND

Làn sóng Hàn Quốc và bài học phát triển Công nghiệp văn hóa

LÊ ĐỨC LINH

LÀN SÓNG HÀN QUỐC (HALLYU) ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT HIỆN TƯỢNG TOÀN CẦU, THỂ HIỆN KHẢ NĂNG XUẤT KHẨU THÀNH CÔNG VĂN HÓA CỦA HÀN QUỐC RA TOÀN THẾ GIỚI THÔNG QUA ÂM NHẠC, PHIM TRUYỀN HÌNH, PHIM ẢNH VÀ THỜI TRANG. VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ HÀN QUỐC CHO THẤY VIỆC TĂNG XUẤT KHẨU CÁC MẶT HÀNG HALLYU, CHẴNG HẠN NHƯ MỸ PHẨM, ÂM NHẠC VÀ CHƯƠNG TRÌNH BIỂU DIỄN, TỪ NĂM 2017 ĐẾN NĂM 2021 ĐÃ CÓ TÁC ĐỘNG KINH TẾ LÊN TỚI TỔNG CỘNG 37 NGHÌN TỶ (TRILLION) WON. TỪ NĂM 2017 ĐẾN NĂM 2021, TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU TRUNG BÌNH HÀNG NĂM CỦA CÁC MẶT HÀNG HALLYU NÀY LÀ 13,7%, CAO HƠN KHOẢNG 2,5 LẦN SO VỚI TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TRUNG BÌNH HÀNG NĂM CỦA TỔNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CỦA HÀN QUỐC (5,4%) TRONG CÙNG KỲ. CÁC QUỐC GIA MUỐN NÂNG CAO BẢN SẮC VĂN HÓA CỦA RIÊNG MÌNH ĐỒNG THỜI VỚI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA CÓ THỂ RÚT RA NHỮNG BÀI HỌC GIÁ TRỊ TỪ CÁCH TIẾP CẬN CHIẾN LƯỢC CỦA HÀN QUỐC.



Đầu tư chiến lược vào công nghiệp văn hóa

Hàn Quốc đã sớm nhận ra rằng văn hóa có thể là một tài sản kinh tế và ngoại giao mạnh mẽ. Trong ba mươi năm qua, các thế hệ người đứng đầu nước này đã tập trung những nỗ lực đáng kể cấp quốc gia để thúc đẩy ngành công nghiệp văn hóa bằng cách thực hiện các chính sách phù hợp vào đúng thời điểm, đi đầu trong sự phát triển bền vững của Làn sóng Hàn Quốc. Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành hàng loạt các chính sách như: Hàn Quốc sáng tạo (Creative Korea) (2004); Kế hoạch phát triển nghệ thuật trung hạn và dài hạn “Sức mạnh của nghệ thuật” (2004); C- Korea 2010... đều thể hiện một tầm nhìn, trong đó văn hóa, du lịch, thể thao và giải trí là động lực thúc đẩy kinh tế và sức mạnh quốc gia. Chính phủ đã tích cực hỗ trợ các ngành công nghiệp văn hóa như K-pop, điện ảnh và truyền hình thông qua các chính sách, tài trợ và cơ sở hạ tầng. Năm 2013, Hàn Quốc tiếp tục đầu tư 5,3 tỷ USD cho phát triển ngành công nghiệp sáng tạo bằng việc thành lập các Hiệp hội ngành công nghiệp sáng tạo, Trung tâm văn hóa Hàn Quốc ở các quốc gia, Quỹ trao đổi, giao lưu văn hóa Hàn Quốc và nước ngoài. Đến năm 2023, ngân sách dành cho ngành này là 1,217 tỷ USD. Ngoài việc thành lập các hiệp hội, trung tâm văn hóa, trong nhiều thập kỷ, Chính phủ Hàn Quốc sử dụng nguồn lực trên để xây dựng cơ sở hạ tầng, hình thành nhiều quỹ cho văn hóa - nghệ thuật, cải tạo và nâng cấp nhiều trung tâm biểu diễn văn hóa nhỏ, đảm bảo điều kiện vật chất cho các địa điểm biểu diễn và quảng bá, thúc đẩy văn hóa - nghệ thuật thông qua nhiều hoạt động, sự kiện. Trong quá trình này có thể thấy Hàn Quốc đã *ưu tiên các lĩnh vực văn hóa thông qua các chính sách hỗ trợ cho ngành công nghiệp sáng tạo; đầu tư vào giáo dục và đào tạo cho các tài năng, chẳng hạn như âm nhạc, nghệ thuật và làm phim; coi văn hóa là một ngành công nghiệp quan trọng đóng góp cho cả nền kinh tế và quyền lực mềm.*

Sự tích hợp của công nghệ văn hóa

Một động lực quan trọng cho thành công của Hallyu là việc Hàn Quốc sử dụng công nghệ văn hóa. Lưu ý ở đây là cần phân biệt giữa khái niệm *công nghệ văn hóa* và *công nghiệp văn hóa*. Công nghệ văn hóa có thể hiểu là việc ứng dụng công nghệ vào các hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Công nghệ ở đây đóng vai trò như một công cụ hỗ trợ, giúp cho việc sáng tạo, sản xuất, lưu trữ và phân phối các sản phẩm văn hóa trở nên hiệu quả hơn. Trong khi đó Công nghiệp văn hóa (một phần của ngành Công nghiệp sáng tạo), theo các tổ chức quốc tế như UNESCO và Hiệp ước chung về thuế quan và mậu dịch (GATT) thì khái niệm này kết hợp sự sáng tạo, quá trình sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ thuộc về văn hóa trong tự nhiên và thường được các quyền sở hữu trí tuệ bảo vệ. Ứng dụng công nghệ vào sản xuất nội dung ở Hàn



Quốc rất mạnh mẽ. Các bộ phim, MV ca nhạc sử dụng hiệu ứng đồ họa, kỹ xảo điện ảnh hiện đại để tạo ra những thước phim đẹp mắt, ấn tượng, thu hút người xem. Âm nhạc K-pop được sản xuất với chất lượng cao, sử dụng các phần mềm chỉnh sửa âm thanh chuyên nghiệp, tạo ra những bản nhạc bắt tai và có tính lan tỏa. Các bộ phim truyền hình Hàn Quốc được đầu tư kỹ lưỡng về mặt hình ảnh, sử dụng các thiết bị quay phim hiện đại, góc máy đa dạng để tạo ra những thước phim đẹp và chân thực. Để lan tỏa nội dung một cách nhanh chóng và hiệu quả, các nền tảng trực tuyến đã được sử dụng. YouTube là một trong những nền tảng quan trọng nhất giúp lan tỏa K-pop và phim Hàn Quốc ra toàn cầu. Các công ty giải trí Hàn Quốc đã tận dụng YouTube để đăng tải



Nhóm tân binh ATBO của IST đã xâm nhập mạnh mẽ vào thị trường K-pop toàn cầu. Ảnh: AFP

MV, trailer phim, các clip hậu trường, tạo ra sự tương tác với khán giả. Các nền tảng streaming: Netflix, Viu, Disney+... là những nền tảng trực tuyến giúp người dùng dễ dàng tiếp cận các bộ phim, series truyền hình Hàn Quốc. Mạng xã hội: Facebook, Instagram, Twitter... là những công cụ hiệu quả để các nghệ sĩ Hàn Quốc giao tiếp với fan hâm mộ trên toàn thế giới, tạo ra cộng đồng fan đông đảo và trung thành.

Ngoài ra, công nghệ cũng đã được sử dụng để tạo ra trải nghiệm tương tác cho người dùng thông qua các hình thức như ứng dụng di động, hòa nhạc online, thương mại điện tử. Công nghệ thực tế ảo và tăng cường thực tế được sử dụng để tạo ra các trải nghiệm độc đáo tại các buổi concert, triển lãm. Việc sử dụng màn hình LED, hiệu ứng ánh sáng giúp tạo ra không gian biểu diễn hoành tráng, ấn tượng. Các nền tảng trực tuyến thu thập dữ liệu về sở thích, hành vi của người dùng để đưa ra các gợi ý về phim, nhạc phù hợp. Các công ty giải trí Hàn Quốc sản xuất nội dung đa dạng về thể loại, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khán giả khác nhau. Có thể thấy muốn mở rộng ảnh hưởng văn hóa cần *tận dụng các nền tảng kỹ thuật số, áp dụng các công nghệ mới*. Các công cụ như buổi hòa nhạc VR, sản xuất tăng cường AI và tiếp thị trên mạng xã hội có thể tăng khả năng tiếp cận và tương tác với nội dung. Đi đôi với những bài học này là

đổi mới về chất lượng sản xuất, trong đó hình ảnh, âm thanh và cách kể chuyện cũng cần có chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Bản sắc địa phương với sức hấp dẫn toàn cầu

Làn sóng Hàn Quốc kết hợp thành công văn hóa bản địa với thị hiếu toàn cầu. K-pop vẫn giữ nguyên các yếu tố văn hóa Hàn Quốc nhưng thích ứng với sở thích quốc tế thông qua lời bài hát đa ngôn ngữ, thể loại đa dạng và sự hợp tác toàn cầu. Tương tự như vậy, K-drama kể những câu chuyện dễ hiểu trên toàn thế giới trong khi vẫn thể hiện truyền thống Hàn Quốc. Đó chính là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Âm nhạc K-pop, phim truyền hình Hàn Quốc đều mang đậm hơi thở hiện đại, cập nhật xu hướng âm nhạc, thời trang trên thế giới. Các yếu tố văn hóa truyền thống như Hanbok, ẩm thực, lễ hội... được lồng ghép vào các sản phẩm văn hóa một cách tinh tế, tạo nên nét độc đáo và thu hút sự tò mò của khán giả quốc tế. Ngoài ra, việc xây dựng câu chuyện cảm động, gần gũi cũng là một đặc điểm của yếu tố quan trọng. Tâm lý nhân vật, giá trị nhân văn được đề cao. Các nhân vật trong phim truyền hình, truyện tranh Hàn Quốc thường có những câu chuyện tình yêu, gia đình, xã hội rất gần gũi, dễ dàng chạm đến cảm xúc của khán giả. Các tác phẩm văn hóa Hàn Quốc thường đề cao những giá trị nhân văn như tình yêu, gia đình, tình bạn, sự hy sinh... Những giá trị này mang tính phổ quát, dễ dàng được khán giả trên toàn thế giới đồng cảm. Một điểm dễ thấy nữa đó là việc xây dựng những hình tượng nhân vật độc đáo. Các thần



tượng K-pop, diễn viên Hàn Quốc thường có ngoại hình sáng, phong cách thời trang ấn tượng, thu hút sự chú ý của giới trẻ. Các nhân vật trong phim, truyện thường có những tính cách đa dạng, phức tạp, tạo nên sự hấp dẫn và tò mò cho khán giả. Như vậy, một một số kinh nghiệm có thể đưa ra ở đây là cần *làm nổi bật các yếu tố văn hóa độc đáo*. Những câu chuyện, truyền thống và nghệ thuật phản ánh di sản của một quốc gia có thể trở thành nét đặc trưng của quốc gia đó. Tiếp theo là điều chỉnh các sản phẩm văn hóa để tạo được tiếng vang với khán giả quốc tế trong khi vẫn duy trì tính chân thực để *đảm bảo tính liên quan toàn cầu*. Bên cạnh đó cần có sự *hợp tác trên quốc tế* với các nghệ sĩ, nhà văn và nền tảng quốc tế để mở rộng phạm vi tiếp cận văn hóa. Sự cân bằng giữa tính chân thực của địa phương và khả năng tiếp cận toàn cầu là chìa khóa để tạo ra nội dung văn hóa gây được tiếng vang trên toàn thế giới.

Xây dựng thương hiệu và quảng bá như một hình thức xuất khẩu văn hóa

Xây dựng thương hiệu (branding) không chỉ là quảng bá văn hóa, mà còn là quá trình hệ thống hóa các giá trị văn hóa Hàn Quốc thành một hình ảnh nhất quán, hấp dẫn, và dễ nhận diện trên toàn cầu. Hàn Quốc đã biến các ngành công nghiệp văn hóa của mình thành một thương hiệu. Các công ty quản lý K-pop (như SM Entertainment, YG và HYBE) coi các nhóm nhạc là những thương hiệu toàn cầu, không chỉ quảng bá âm nhạc mà còn quảng bá thời trang, giá trị và lối sống. Tương tự như vậy, Hàn Quốc quảng bá văn hóa của mình một cách toàn diện - ẩm thực, du lịch, làm đẹp và công nghệ - tất cả đều gắn liền với thương hiệu Hallyu. Có thể nói nước này đã tạo dựng được một "K-Brand" và định vị thương hiệu này qua hình ảnh "Dynamic Korea" - quốc gia năng động, sáng tạo và hiện đại. Khẩu hiệu Dynamic Korea và sau này là Imagine Your Korea giúp truyền tải thông điệp về sự đổi mới và tiềm năng vô tận của đất nước. Các biểu tượng văn hóa cũng được coi như trụ cột của thương hiệu. BTS, Blackpink không chỉ là nghệ sĩ mà còn là đại sứ văn hóa, biểu tượng cho âm nhạc, thời trang và phong cách sống Hàn Quốc. Những bộ phim như Squid Game hay Parasite truyền tải hình ảnh độc đáo về Hàn Quốc, vừa giải trí vừa chứa đựng các giá trị xã hội. Qua đây đã có thể rút ra một số bài học như *cần phát triển một thương hiệu văn hóa gắn kết*. Văn hóa, truyền thống, du lịch và giải trí có thể cùng nhau nâng cao hình ảnh của một quốc gia. *Liên kết nội dung văn hóa với thời trang, ẩm thực và công nghệ để tạo ra trải nghiệm đa chiều* thông qua việc tham gia vào hoạt động quảng bá liên ngành. Tiếp theo là *sử dụng các chiến lược tiếp thị toàn cầu* như tiếp thị kỹ thuật số hoặc thông qua những người có sức ảnh hưởng và sự hợp tác để quảng bá các sản phẩm văn hóa một cách hiệu quả.

Nuôi dưỡng tài năng và sự sáng tạo

Có thể nói sự thành công của làn sóng Hàn Quốc (Hallyu) không chỉ dựa vào nội dung văn hóa mà còn xuất phát từ việc nuôi dưỡng tài năng và sáng tạo một cách hệ thống. Chính phủ Hàn Quốc, các công ty giải trí, và các cơ sở giáo dục đã cùng phối hợp để phát triển nguồn lực con người và tạo điều kiện cho sự sáng tạo. Với chính sách giáo dục và đào tạo chuyên sâu như đầu tư vào giáo dục nghệ thuật. Hàn Quốc có các trường nghệ thuật như Korean National University of Arts (K-Arts), nơi cung cấp các chương trình học toàn diện về âm nhạc, nhảy múa, và sản xuất phim; Học viện K-Pop là các cơ sở tư nhân và công lập đào tạo thanh thiếu niên trong các lĩnh vực nhảy, hát và trình diễn. Ngoài ra, Chính phủ tài trợ cho các chương trình đào tạo chuyên gia sản xuất nội dung số như webtoon, game, và phim trên các nền tảng trực tuyến (OTT). Các trường đại học công nghệ ở Hàn Quốc (KAIST, Seoul National University) cũng tích hợp nội dung kỹ thuật số vào giáo trình để phục vụ ngành công nghiệp văn hóa. KOCCA (Korea Creative Content Agency) là cơ quan hỗ trợ tài chính và cơ sở vật chất cho các dự án sáng tạo nội dung, đào tạo nhân sự trong các lĩnh vực như viết kịch bản, biên đạo múa, và thiết kế game. KOFICE (Korean Foundation for International Cultural Exchange) tổ chức các chương trình trao đổi văn hóa quốc tế, mang tài năng trẻ Hàn Quốc ra thế giới và mời chuyên gia quốc tế đến Hàn Quốc. Các công ty lớn như SM Entertainment, YG



Entertainment, JYP Entertainment, và HYBE xây dựng hệ thống đào tạo thực tập sinh kéo dài từ 3 đến 7 năm với các chương trình đào tạo toàn diện như dạy hát, nhảy, diễn xuất, ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Trung,...), và kỹ năng giao tiếp, học viên được học cách biểu diễn trên các sân khấu quốc tế, làm quen với các quy trình làm việc chuyên nghiệp. Hàn Quốc đã thành công trong việc tạo ra một hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện cho tài năng và sáng tạo, từ giáo dục đến cơ hội thực hành, từ sự hỗ trợ của chính phủ đến đầu tư của khu vực tư nhân. Đây là một trong những yếu tố cốt lõi giúp Hallyu trở thành hiện tượng toàn cầu và duy trì sức hút lâu dài. Qua đây cũng cho thấy *cần phát triển các chương trình đào tạo và hỗ trợ nghệ sĩ, nhạc sĩ, nhà làm phim và người sáng tạo; đầu tư vào các kênh đào tạo tài năng, qua đó đào tạo, cung cấp học bổng và các chương trình dành cho những người sáng tạo trẻ đảm bảo dòng chảy tài năng bền vững.*

Xây dựng cộng đồng và thu hút khán giả

Hàn Quốc đã thành công trong việc không chỉ tạo ra các sản phẩm văn hóa hấp dẫn mà còn xây dựng những cộng đồng gắn kết xung quanh chúng, giúp tăng cường sự lan tỏa của Làn sóng Hàn Quốc (Hallyu). Việc này được thực hiện thông qua chiến lược tạo dựng cộng đồng người hâm mộ và tăng cường tương tác với khán giả quốc tế. Trong sự thành công K-pop có khả năng xây dựng cộng đồng người hâm mộ. Người hâm mộ (ví dụ: ARMY của BTS) tích cực quảng bá nội dung, tạo ra tiếng vang toàn cầu. Sự tham gia này được hỗ trợ bởi các công cụ kỹ thuật số, sự kiện dành cho người hâm mộ và tương tác nội dung. Các nghệ sĩ và nhóm nhạc Hàn Quốc thường sử dụng mạng xã hội như Twitter, Instagram, TikTok và YouTube để tương tác với người hâm mộ trên toàn cầu. Các buổi livestream, video hậu trường, và cập nhật cá nhân giúp người hâm mộ cảm thấy gần gũi hơn với thần tượng. Ngoài ra còn có các cộng đồng trực tuyến như Weverse, là nền tảng riêng được phát triển bởi HYBE dành cho người hâm mộ của BTS và các nghệ sĩ khác, nơi họ có thể trò chuyện, cập nhật thông tin, và mua sản phẩm độc quyền. Các diễn đàn như Reddit, Soompi, và các trang web người hâm mộ quốc tế là nơi người hâm mộ chia sẻ

nội dung và tổ chức các sự kiện cộng đồng. Những kinh nghiệm có thể học hỏi ở đây gồm: *thúc đẩy sự tham gia của khán giả qua đó xây dựng cộng đồng người hâm mộ tích cực tham gia quảng bá các sản phẩm văn hóa; sử dụng các nền tảng kỹ thuật số để tương tác trực tiếp với khán giả và người hâm mộ và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, cho phép khán giả cảm thấy mình là những bên liên quan trong việc thúc đẩy bản sắc văn hóa, biến người hâm mộ thành đại sứ văn hóa tích cực.*

Có thể nói thành công của Làn sóng Hàn Quốc là minh chứng cho sự hợp tác chiến lược giữa chính phủ Hàn Quốc và khu vực tư nhân. Trong khi chính phủ cung cấp các chính sách, tài trợ và cơ sở hạ tầng, khu vực tư nhân thúc đẩy đổi mới, phát triển tài năng và các chiến lược tiếp thị đưa văn hóa Hàn Quốc lên tầm thế giới. Đối với các quốc gia khác, bài học chung rút ra chính là nhận ra tiềm năng kinh tế và văn hóa của các ngành công nghiệp sáng tạo và thúc đẩy môi trường nơi các thực thể công và tư cùng nhau làm việc. Bằng cách kết hợp hỗ trợ chính sách, đầu tư và sáng tạo, các quốc gia có thể xây dựng bản sắc văn hóa độc đáo của mình và chia sẻ chúng với thế giới, thúc đẩy cả lòng tự hào về văn hóa và giúp tăng trưởng kinh tế.

Nguồn:

1. *Hallyu's economic impact reaches 37 trillion won* (<https://www.donga.com/en/article/all/20230711/4281547/1>)
2. *The Hallyu policies of the Korean government** Butsaban Kamon
3. *Faculty of Arts, Chulalongkorn University, Thailand- February 21, 2022*
4. *The Korean Wave as a source of implicit cultural policy: Making of a neoliberal subjectivity in a Korean style*
5. *Hye-Kyung Lee King's College London, UK; Xiyu Zhang Independent Scholar*
6. *What Countries Can Learn from South Korea's Soft Power* (<https://www.tactiqal.com/blog/what-countries-can-learn-from-south-koreas-soft-power/>)



DẠY THÊM HỌC THÊM

Một điểm nghẽn giáo dục

THÁI HẠO



Ảnh minh họa

Mọi “điểm nghẽn” đều sớm muộn sẽ bộc lộ ra bên ngoài với những triệu chứng của nó. Cứ logic ấy mà lần vào, thì giáo dục Việt Nam có lẽ đang có không ít những cục máu đông trong mạch máu. Giờ thử nhật đại một “biểu hiện lâm sàng” giữa rất nhiều những triệu chứng mà ta vẫn gặp nhan nhản hàng ngày trên các diễn đàn, báo chí và dư luận nói chung, để xem sẽ gặp điểm nghẽn nào và có nghiêm trọng hay không: Chuyện dạy thêm - học thêm trong nhà trường.

Trước tiên thử hỏi và trả lời một số câu căn bản: Dạy

thêm học thêm là gì? Về bản chất, dạy thêm học thêm như nó đang diễn ra, chủ yếu là dạy trước và dạy lại kiến thức trong chương trình chính khóa. Vậy tại sao phải dạy thêm học thêm như thế? Phải chăng vì chính khóa đã thất bại trong mục tiêu mà nó đã đề ra?

Nếu thất bại, thì vì sao thất bại? Do chương trình quá nặng? Do nội dung không phù hợp, thiếu tính khoa học? Do phương pháp dạy học lạc hậu và sai lầm? Hay còn vì nguyên nhân nào khác nữa? Có hay không việc cố bao biện cho việc hợp thức hóa dạy thêm học thêm (đối với chính

học sinh của mình) là vì động cơ vụ lợi? Cá nhân tôi (với tư cách là một người từng có nhiều năm đứng lớp và trực tiếp phản đối dạy thêm học thêm, đồng thời đã thay thế nó bằng cách cải tiến chương trình và phương pháp trong chính khóa) không tìm được lý do nào thuyết phục để đồng ý với chủ trương cho phép dạy thêm học thêm.

“Dạy thêm học thêm là nhu cầu có thật và chính đáng”. “Có thật” thì đúng rồi, nhưng vì sao lại có? Học sinh đến trường để hoàn thành chương trình giáo dục, tại sao sau khi đã học xong mà các em lại vẫn



phải đi học thêm chính cái nội dung đã học trên lớp như một “nhu cầu có thật”? Xin quay lại với những câu hỏi đã nêu ở trên, vì chính chúng đã gợi ý câu trả lời. Có “chính đáng” không, tất nhiên là chính đáng, nhưng chỉ là về phía học sinh. Khi việc dạy trên lớp thất bại, các em chưa đủ kiến thức và năng lực như mục tiêu chương trình đã đề ra, và không thi cử được, thì việc đi học thêm dĩ nhiên trở thành bắt buộc. Nhưng nó không bao giờ là chính đáng với người dạy và hệ thống giáo dục nói chung. Anh làm chưa đủ trách nhiệm, chưa hoàn thành nhiệm vụ, chưa đạt được mục tiêu đề ra, nên phải gá vào đó nhiều phần việc khác nữa rồi yêu cầu khách hàng phải trả thêm tiền, như thế sao gọi là “chính đáng” được?

Mối quan hệ giữa người dạy và người học trong giáo dục có phần giống như một bản hợp đồng xây dựng trọn gói. Đó là một thỏa thuận, bên cung cấp dịch vụ (xây nhà) phải hoàn thành nghĩa vụ trong phạm vi hợp đồng ấy, anh phải giao căn nhà hoàn thiện cho khách; anh không thể nói rằng tôi đã làm hết sức nhưng chỉ mới hoàn thành được nửa cái nhà, giờ muốn tôi làm tiếp thì phải trả thêm tiền! Không ai hợp đồng mà khôn như thế cả!

Những dẫn giải ở phía trên để đi đến xác định một điểm nghẽn (giữa nhiều điểm nghẽn): Vấn đề trách nhiệm. Nền giáo dục phải được thiết kế với trách nhiệm phân

minh, rạch ròi, sòng phẳng, không thể nhập nhằng, càng không thể đá quá bóng trách nhiệm vào chân phụ huynh và học sinh bằng những “từ ngữ biết múa” như “nhu cầu có thật”, “chính đáng”...

Một hệ thống giáo dục với cơ sở vật chất, đội ngũ quản lý và giáo viên, chương trình, sách giáo khoa, tiền thuế để vận hành, v.v... và đã mang mục tiêu cụ thể và xác định thì tất yếu phải thực hiện trọn vẹn trách nhiệm đã đề ra. Việc gá vào đó những chương trình dạy thêm, những buổi học mang tên câu lạc bộ, giáo dục kỹ năng, hay đủ thứ liên kết của các công ty bên ngoài, thì đó không những là “chơi không đẹp” mà còn gián tiếp biến môi trường học đường trở thành nơi mua bán chữ nghĩa một cách không lành mạnh, không sòng phẳng.

Chính vì thế, tháo gỡ những vướng mắc trong nền giáo dục nên bắt đầu từ chỗ này: phân định trách nhiệm và chịu trách nhiệm. Nhà trường phải hoàn thành chương trình chính khóa như mục tiêu đã đề ra trong Luật Giáo dục và các văn bản pháp quy, không được phép bao biện để hợp thức hóa các chương trình dạy thêm học thêm trong chính môi trường ấy. Nếu xét thấy “lực bất tòng tâm” không thể hoàn thành được thì trở lại với những câu hỏi ở đầu bài để tìm nguyên nhân và giải quyết. Chương trình quá nặng thì giảm bớt, thiếu khoa học thì phải chỉnh sửa, phương pháp sai lầm thì

phải thiết kế lại và cập nhật, thi cử vênh lệch với học hành thì nắn chỉnh lại; thiếu trường lớp, thiếu giáo viên thì phải xây và tuyển dụng thêm...

Vấn đề phân định trách nhiệm này không chỉ cần làm rõ trong mỗi việc dạy và học, mà còn ở tài chính, ở trách nhiệm giáo dục... Người dân đã đóng thuế để vận hành nền giáo dục, khi con em đi học thì không thể lại tiếp tục phải đóng đủ thứ tiền nhân danh “xã hội hóa”; cũng thế, việc dạy nội dung các môn học là trách nhiệm chuyên môn của nhà trường, không thể giao bài tập về điện thoại cho cha mẹ để bắt họ phải kiêm luôn công việc của nhà giáo, v.v...

Khi nhà trường đã hoàn thành trách nhiệm của mình rồi, học sinh nếu vẫn muốn học thêm vì những nhu cầu cá nhân thì những chữ như “có thật” hay “chính đáng” mới đúng thực chất. Và lúc đó việc học thêm sẽ do các trung tâm bên ngoài (tư nhân) thực hiện, nhà trường và giáo viên trong hệ thống không được tham dự vào, vì sẽ gặp phải một vấn đề nghiêm trọng, là xung đột lợi ích.

Chừng nào những câu hỏi về trách nhiệm chưa được trả lời thấu đáo và giải quyết rốt ráo, nền giáo dục còn phải loay hoay trong mớ bòng bong. Điều ấy cũng có nghĩa là, chỉ khi tháo gỡ điểm nghẽn này, giáo dục mới “thông dòng bén giọt”, mỗi ngày đến trường mới thật là một ngày vui, và lúc đó xã hội mới đi vào nề nếp, thanh bình...



Thầy tôi

Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân ĐINH XUÂN LÂM

PHONG CHÂU

THẦY OI! NĂM NAY TRÒN 100 NĂM NGÀY SINH CỦA THẦY (1925 - 2025).
MỘT THẾ KỶ - RẤT NHIỀU ĐIỀU MUỐN NÓI, MUỐN VIẾT VỀ THẦY... NHÂN
DÂN HÀ TĨNH ĐÃ SINH RA THẦY - NHÀ SỬ HỌC LỚN VÀ CHÍNH THẦY ĐÃ
LÀM RẠNG RỠ NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM.

Tôi có giấy gọi vào Đại học Tổng hợp Khoa Lịch sử khóa 13 (1968 - 1972) nhưng rồi “gác bút nghiên theo việc đao binh”, chưa được một ngày vào cổng trường đại học. Sau hơn 8 năm, chính xác là 8 năm 4 tháng “cầm súng xa nhà đi kháng chiến”, chiến đấu ở chiến trường B, tháng 10 năm 1976 tôi mới chính thức được đặt chân vào cổng trường Đại học Tổng hợp. Tôi vào học khóa 21 (1976 - 1980), được xếp ở khoa lịch sử. Lớp chúng tôi là lớp “đặc biệt” thứ hai sau lớp “đặc biệt” thứ nhất khóa 20 (1975 - 1979). “Đặc biệt” vì toàn lính chiến về học, trăm phần trăm đảng viên. Vì tính chất “đặc biệt” như vậy nên được xếp vào học lớp lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuổi 25 bắt đầu ngồi trên ghế giảng đường đại học.

Vào trường một thời gian ngắn, tôi nghe một số sinh viên lớp trước, thầy cô nói các “đồng chí” may mắn lắm đấy, vì được học ở một khoa giàu truyền thống khoa học, có 4 “tứ trụ”. Lúc đó chúng tôi ngơ ngác, chẳng hiểu gì cả, cũng không muốn hỏi “tứ trụ” là gì vì nhớ “đụng chạm” thì không hay. Lính mới mà. Nhưng chẳng cần lâu. Một thời gian ngắn, không biết từ đâu, lớp sinh viên chúng tôi biết “tứ trụ” là các thầy: GS. Đinh Xuân Lâm, GS. Phan Huy Lê, GS. Hà Văn Tấn, GS. Trần Quốc Vượng. Nhiều câu chuyện thú vị về các thầy thấm dần vào chúng tôi.

Tôi học chuyên ngành lịch sử Đảng nhưng hai năm đầu học đầy đủ các môn. Thầy Lâm dạy lịch sử Việt Nam cận - hiện đại, chủ yếu là lịch sử cận đại Việt Nam. “Trăm nghe” người khác nói không bằng “một nghe” trực tiếp thầy giảng. Thầy giảng về lịch sử cận đại Việt Nam bắt



đầu từ khi triều Nguyễn cai trị đất nước đến Cách mạng Tháng Tám thành công. Điều tôi cảm nhận sâu sắc nhất ở thầy là cùng với sự kiện chính xác là phương pháp giảng dạy, lối truyền đạt hấp dẫn, truyền cảm hứng cho người học một niềm tin, sự đam mê khoa học lịch sử. Cho đến nay, qua cách giảng dạy của Thầy, tôi vẫn nói với học viên của tôi điều quan trọng nhất của người thầy là truyền phương pháp, truyền lửa và phát huy năng lực sẵn có của người học. Học ở thầy, điều cốt yếu là học phương pháp và sự đam mê.

May mắn đến với tôi là sau khi tốt nghiệp (9/1980), tôi được giữ lại làm giáo viên khoa lịch sử, về tổ cận - hiện đại Việt Nam nơi thầy Đinh Xuân Lâm làm tổ trưởng. Tôi được học, làm việc cạnh thầy trong tổ chuyên môn từ năm 1981 đến năm cuối 1993, khi tôi chuyển công tác về Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Những năm đầu tôi đi nghe thầy giảng, giúp thầy hướng dẫn sinh viên thảo luận. Thời gian đó tôi học được ở thầy rất nhiều điều bổ ích. Tôi soạn bài nhờ thầy chữa. Một chi tiết nhỏ nhưng ý nghĩa lớn tôi nhớ mãi đó là thầy chữa từng dấu chấm, dấu phẩy, mẹo câu, diễn đạt. Dấu phẩy của thầy thì không một sinh viên nào có thể quên được. Chỉ một dấu phẩy, một cái ngoặc của thầy từ dòng này sang dòng khác trong bản thảo, giáo án làm đầu óc

tôi sáng lên. Sau này, tôi vận dụng cách đó của Thầy trong việc chữa luận văn, luận án cho học viên.

“Dấu chấm, dấu phẩy” đúng là chi tiết nhỏ so với những bộ sách lớn của Thầy. Làm giảng viên tổ lịch sử cận - hiện đại Việt Nam, tôi bắt đầu tìm đọc những công trình sử học Thầy viết riêng hoặc viết chung như: *Lịch sử Việt Nam từ 1897 đến 1914*, Nhà xuất bản Xây dựng, 1957; *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, 1959; *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, tập I, Nhà xuất bản Giáo dục, 1960; *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập II, Nhà xuất bản Giáo dục, 1961; *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập III, Nhà xuất bản Giáo dục, 1961; *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập IV, Nhà xuất bản Giáo dục, 1963; *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2000, v.v.. Những công trình đó góp phần quan trọng giúp tôi có được như ngày nay.

Có một câu chuyện trực tiếp về chuyên môn, tôi không bao giờ quên được. Đó là dấu ấn của thầy đối với tôi trong công việc nghiên cứu, giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước hết, phải nói tôi là người có “duyên nợ” với ngành Hồ Chí Minh học. Năm 1980 tôi đã làm tiểu luận tốt nghiệp đại học với đề tài Hồ Chí Minh. Năm 1987, tôi làm nghiên cứu sinh trong nước với đề tài *Hồ Chí Minh với việc xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam trước năm 1954*. Đề tài thuộc mã số

sử học vì lúc đó chưa nói đến tư tưởng Hồ Chí Minh, khái niệm mà đến năm 1991 mới được Đảng ta nêu ra ở Đại hội VII. Tôi đề nghị Giáo sư Đinh Xuân Lâm hướng dẫn. Trong một cuộc trao đổi ở bộ môn, Thầy nói vui: “Ông Phong điếc không sợ súng!”. Sau này nghĩ lại tôi thấy câu nói vui mà rất đúng, rất hay, như là một liều thuốc, cú hích giúp tôi có được chỗ đứng khoa học như ngày nay. Đúng là năm 1987, khi cả đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng mà nghiên cứu về Hồ Chí Minh, lại là văn hóa Hồ Chí Minh để làm luận án Phó tiến sĩ thì đích thực là người “điếc không sợ súng”. Nhưng cuộc sống, nhất là đời sống khoa học lịch sử rất thú vị. Có người “điếc” thì có người “chữa điếc”. Thầy Đinh Xuân Lâm đã “chữa điếc” cho tôi thành công. Đúng là “không có thầy đổ mỳ làm nên”. Tôi đã làm nên nhờ thầy, nhờ cây đại thụ sử học, chuyên gia đầu ngành về lịch sử cận - hiện đại Việt Nam, một trong “tứ trụ” sử học Việt Nam.

Viết đến đây không thể không viết thêm mấy dòng về Thầy của tôi, một trong những Giáo sư có đóng góp tích cực vào ngành Hồ Chí Minh học. Thầy là một trong những nhà khoa học đầu tiên hướng dẫn luận án Phó tiến sĩ về đề tài Hồ Chí Minh và tôi là một trong những người có được vinh dự đó. Thầy quan tâm và có sự hiểu biết sâu sắc về



cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách, phương pháp Hồ Chí Minh khi Đảng ta chưa đề cập tới tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau này, từ năm 1991, khi Đại hội VII nêu cái mới “cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh”, Giáo sư Đinh Xuân Lâm có nhiều công trình viết chung hoặc đồng chủ biên về đề tài Hồ Chí Minh, tiêu biểu như: *Góp phần tìm hiểu tư tưởng độc lập, tự do của Chủ tịch Hồ Chí Minh* (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 1994), *Hồ Chí Minh - Văn hóa và đổi mới* (Nhà xuất bản Lao động, 1998), *Về danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh* (Nhà xuất bản Lao động, 2001), *Văn hóa và triết lý phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh* (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2007), v.v..

Đáng kể nhất phải nói tới cuốn *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh* (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2008). Cuốn sách tập hợp trên 40 bài viết của Giáo sư đã được công bố trên các sách báo với dung lượng 467 trang, được chia thành 4 phần:

Phần I: Về phương pháp luận nghiên cứu Hồ Chí Minh;

Phần II: Tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh;

Phần III: Về một số tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh;

Phần IV: Về một số công trình trong nước và ngoài nước viết về Hồ Chí Minh

Tuy kết cấu bốn phần nhưng cuốn sách vẫn cho thấy nội dung bào trùm, xuyên suốt là cuộc đời, sự nghiệp tư tưởng Hồ Chí Minh. Điểm nhấn ở đây là Giáo sư lý giải khoa học, thuyết phục con đường Hồ Chí Minh từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin, từ độc lập dân tộc đến chủ nghĩa xã hội. Cuốn sách cho thấy công hiến lớn nhất của Hồ Chí Minh là sự khẳng định một dân tộc thuộc địa bị áp bức hoàn toàn có khả năng tự giải phóng. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Luận giải mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là một đột phá sáng tạo về lý luận của Hồ Chí Minh, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác được Giáo sư Đinh Xuân Lâm phân tích thấu đáo, hết sức thuyết phục.

“Chìa khóa” trong cuốn sách là vấn đề phương pháp luận. Cùng với những luận giải sâu sắc về nội dung tư tưởng chính trị, đạo đức, văn hóa... thì phần viết về phương pháp luận nghiên cứu Hồ Chí Minh là một đóng góp đặc sắc cho ngành Hồ Chí Minh học cho đến ngày nay. Đến nay gần 35 năm từ khi Đảng ta nêu cao tư tưởng Hồ Chí Minh, việc nghiên cứu Hồ Chí Minh vẫn còn những hạn chế, bất cập mà nguyên nhân cơ bản là lúng túng về phương pháp. Lúng túng về phương pháp

nghiên cứu nên việc nghiên cứu nặng về mô tả, kể lể, dẫn chứng hoặc suy diễn, thần thánh hóa, giai thoại hóa, v.v.. chưa đi sâu được vào phương pháp luận Hồ Chí Minh, chưa phát hiện được logic phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh, chưa lý giải một cách thuyết phục tư tưởng Hồ Chí Minh về quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam từ một nước thuộc địa giành độc lập dân tộc, quá độ dần lên chủ nghĩa xã hội, từ đó tìm ra quy luật của công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam.

Cuốn sách xuất bản cách đây gần 20 năm nhưng nội dung tư tưởng, đặc biệt phương pháp nghiên cứu vẫn nguyên giá trị, soi sáng ngành Hồ Chí Minh học.

Tôi viết bài báo ngắn mừng 100 năm Ngày sinh, cũng là nén nhang thấp lên ban thờ nhân 8 năm Ngày mất của Thầy (2017 - 2025). Với Thầy - một di sản đồ sộ hơn 560 công trình nghiên cứu khoa học, tham gia đào tạo hàng nghìn nghiên cứu sinh, học sinh, sinh viên trong cả nước và quốc tế, giới thiệu, truyền bá tri thức lịch sử Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh đến nhiều nước trên thế giới - bài báo nhỏ của tôi chưa nói lên được hết tầm vóc vĩ đại của cây đại thụ nền sử học Việt Nam. Mong thầy ghi nhận tấm lòng thành của một học trò nhỏ và lượng thứ cho sự sơ sài trong bài viết.



Các đại biểu cắt băng khai mạc trưng bày chuyên đề “Những hạt giống đỏ”

BẢO TÀNG XÔ VIỆT NGHỆ TỈNH

Năng động, sáng tạo và thành công

HỒNG NHUNG

Tọa lạc tại số 10 đường Đào Tấn, nằm trong khu thành cổ Nghệ An, trải qua 65 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay, Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh (XVNT) thực sự đã trở thành địa chỉ đở quen thuộc của nhiều đối tượng khách tham quan trong và ngoài tỉnh.

Đặc biệt trong những năm gần đây, Bảo tàng đã năng động, đổi mới, sáng tạo trong mọi hoạt động, có sự chuyển mình vượt bậc với những thành tích nổi bật, xứng đáng với niềm tin của các thế hệ tiền bối cách mạng đã gửi gắm, làm tròn trọng trách thiêng liêng của mình trên quê hương Bác.

Hai năm qua, thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh về “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa đến năm 2030”, Bảo tàng XVNT xác định tổ chức các phong trào, hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân được học tập suốt đời và tham gia các hoạt động phục vụ học tập suốt đời tại Bảo tàng là những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của đơn vị. Chi ủy Chi bộ,

người đứng đầu đơn vị luôn quan tâm chỉ đạo toàn diện các nhiệm vụ này. Hàng năm, đơn vị đều xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các nội dung theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Chi ủy xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ giai đoạn 2023-2025.

Hàng năm, đơn vị tổ chức các đợt học tập, trao đổi kinh nghiệm tại đơn vị và tham gia hoạt động này trong khối Di sản, các Bảo tàng lớn trong hệ thống Bảo tàng cả nước. Mặt khác, cán bộ chuyên môn được tham dự các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ do Cục Di sản tổ chức hàng năm. Do đó, trình độ chuyên môn của cán bộ ngày càng được nâng cao, phục vụ tốt cho nhiệm vụ học tập, tham quan của mọi đối tượng khách khi đến Bảo tàng.

Về hoạt động chuyên môn, trong 2 năm thực hiện chương trình và kế hoạch của UBND tỉnh, Bảo tàng XVNT đã đón tiếp chu đáo gần 410.000 lượt khách tham quan (khách tham quan tại chỗ và trưng bày lưu động), trong đó 31.700 lượt khách đến dâng hương dâng hoa tại Nhà tưởng niệm và



XỨ NGHỆ NGÀY NAY

tham quan, học tập, trải nghiệm tại Bảo tàng; khách nghiên cứu và thân nhân đến khai thác hồ sơ tại kho bảo quản.

Bên cạnh đó, đơn vị còn xây dựng và tổ chức thành công nhiều bộ trưng bày chuyên đề trong và ngoài kế hoạch kỷ niệm các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh, của Bảo tàng, như: Ký ức Nhà lao Vinh, Những hạt giống Đỏ, “79 năm Lực lượng vũ trang tỉnh Nghệ An - những mốc son tự hào”, “Nghệ An - 55 năm thực hiện Di chúc và Bức thư cuối cùng Bác Hồ gửi Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh”... để lại ấn tượng sâu sắc đối với khách tham quan, góp phần lan tỏa truyền thống quê hương Xô viết.

Nhằm tiếp tục đổi mới hoạt động chuyên môn, đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền, Bảo tàng còn tổ chức thành công 12 chương trình trải nghiệm tại chỗ với sự tham gia của hàng nghìn em học sinh đến từ các trường học, cơ quan, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Nhiều chương trình trải nghiệm đã để lại ấn tượng sâu sắc đối với du khách và các em học sinh như: Theo dấu chân Đảng, Nén hương tri ân; Giữ hồn nón lá quê hương, Âm vang di sản quê hương; Sen... Đồng thời, Bảo tàng cũng đã thực hiện thành công 35 cuộc trưng bày lưu động tại các địa phương, đơn vị ở các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Ngãi, Khánh Hòa nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn, kỷ niệm ngày sinh các danh nhân cách mạng và phục vụ lễ hội.

Bên cạnh đó, đơn vị còn thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa kỷ niệm ngày sinh danh nhân, các sự kiện tiêu biểu; hay các chương trình: “Rung chuông Vàng”, Câu lạc bộ “Em yêu lịch sử”, các cuộc thi thuyết minh viên nhí “Tìm hiểu về phong trào XVNT”, “Giới thiệu di sản XVNT”... với nội dung hấp dẫn, sinh động tại các trường trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh.



Đại biểu nghe thuyết minh về chuyên đề “79 năm Lực lượng vũ trang tỉnh Nghệ An - những mốc son tự hào”

Đặc biệt trong năm 2024, để lan tỏa hơn nữa tinh thần, hào khí XVNT trên mọi miền Tổ quốc, Bảo tàng XVNT đã phối hợp với các đơn vị lớn như Học viện Hải quân và các trường học tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, phối hợp với các trường học tại Thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi để tổ chức các buổi nói chuyện truyền thống cho học viên và học sinh. Hoạt động này không chỉ góp phần lan tỏa truyền thống tốt đẹp của quê hương Xô viết mà còn tạo động lực cho thế hệ trẻ trong học tập và rèn luyện xứng đáng với sự hi sinh của các bậc tiền bối cách mạng.

Năm 2024 cũng là năm Bảo tàng XVNT để lại dấu ấn đặc biệt với việc phối hợp với Báo Nghệ An mở Chuyên trang báo chí dữ liệu về Cao trào XVNT trên nền tảng Báo Nghệ An điện tử. Với sự hỗ trợ từ các công nghệ hiện đại, ưu việt, chỉ trong một thời gian ngắn đã tổ chức số hóa hệ thống tài liệu, hiện vật, sách, báo để đưa lên chuyên trang 198 bài viết, phim tư liệu cùng hơn 1.000 hình ảnh, tư liệu liên quan đến cao trào XVNT, giúp độc giả có được cái nhìn khái quát, toàn diện về cao trào cách mạng trên quê hương xứ Nghệ. Các nguồn tư liệu lịch sử được tập hợp thành các chủ đề: Bối cảnh lịch sử; Rung trời chuyển đất; Sáng mãi ngọn lửa thiêng; Địa chỉ đỏ; Những tấm gương cộng sản,... Chuyên trang được thiết kế hiện đại, trực quan, sinh động, thân thiện với độc giả. Các bài viết, tuyển bài viết được trình bày ở nhiều thể loại khác nhau như E-magazine, infographics, timeline, ebook... , không chỉ tái hiện lại bối cảnh, diễn biến, ý nghĩa lịch sử của cao trào cách mạng 1930-1931 trên quê hương xứ Nghệ anh hùng mà còn là “địa chỉ Đỏ trên không gian mạng”, giúp độc giả, cán bộ, đảng viên và Nhân dân có thể tra cứu nhiều tư liệu khác nhau về XVNT.

Bên cạnh công tác tuyên truyền, giáo dục; đơn vị còn chú trọng tới công tác nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản với hàng chục chuyến sưu tầm tài liệu, hiện vật về phong trào đấu tranh ủng hộ XVNT tại huyện trong và ngoài tỉnh; tiến hành nhiều đợt bảo quản chuyên sâu hiện vật thuộc các chất liệu



Đại diện Bảo tàng XVNT (bà Lê Thu Hiền) cùng đại diện các đơn vị của ngành VH TT nhận Bằng khen của UBND tỉnh



Các em học sinh TP Vinh tham gia chương trình trải nghiệm "Âm vang di sản quê hương"

khác nhau; thực hiện tốt công tác số hóa tài liệu, hiện vật, công tác dịch thuật phục vụ công tác chính lý hệ thống trưng bày. Bảo tàng đã được đánh giá cao về hoạt động nghiên cứu khoa học.

Trong hai năm vừa qua, Bảo tàng đã xây dựng được 5 sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở trong hoạt động chuyên môn. Các sáng kiến cấp sơ sở như xây dựng các trưng bày chuyên đề, xuất bản các ấn phẩm tuyên truyền... đã được áp dụng, có hiệu quả, góp phần thu hút đa dạng đối tượng khách đến với Bảo tàng, đồng thời góp phần phục vụ các nhiệm vụ tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của tỉnh.

Công tác chuyển đổi số cũng được Bảo tàng nỗ lực triển khai với việc tăng cường sử dụng phần mềm số hóa và nhập dữ liệu hồ sơ, hiện vật để tiện lợi cho việc quản lý. Nâng cấp, duy trì hoạt động hiệu quả trang fanpage; trang thông tin điện tử đơn vị tại địa chỉ: <http://btxvnt.org.vn>. nhằm đưa Bảo tàng đến gần hơn với mọi đối tượng khách tham quan trên không gian mạng.

Bảo tàng cũng năng động trong việc huy động nguồn xã hội hóa được hàng trăm triệu đồng, mua tivi phục vụ các hoạt

động học tập ngoại khóa của học sinh, sinh viên; mua cây cảnh để tạo cảnh quan môi trường xanh sạch, đẹp phục vụ khách tham quan; vận động được nhiều thân nhân của các chiến sĩ XVNT hiến tặng tài liệu, hiện vật có giá trị lịch sử phục vụ công tác trưng bày, tuyên truyền, giáo dục.

Với chức năng là bảo tồn, lưu giữ các tài liệu, hiện vật của sự kiện lịch sử XVNT 1930-1931 để từ đó phát huy giá trị lịch sử nhằm giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ và mọi tầng lớp nhân dân, 2 năm qua, Bảo tàng XVNT đã làm rất tốt nhiệm vụ “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa đến năm 2030” trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và đang mở rộng ra nhiều tỉnh thành trong cả nước. Đặc biệt, với việc “Đưa giáo dục truyền thống Xô viết Nghệ Tĩnh vào trường học” được thực hiện từ năm 2007 đến nay, lượng khách là đối tượng học sinh đến với Bảo tàng ngày càng đông. Thông qua các hình thức sáng tạo do Bảo tàng tổ chức, như: Tiết học tại Địa chỉ Đỏ; các hoạt động trải nghiệm mới mẻ, sáng tạo, hấp dẫn về nội dung và hình thức; viết bài thu hoạch sau các buổi tham quan... chất lượng các cuộc tham quan, học tập ngày càng nâng cao. Sau khi đến với Bảo tàng, các em nắm rõ hơn về lịch sử địa phương để từ đó thêm yêu quê hương, đất nước.

Với những kết quả đạt được, năm 2024, Bảo tàng XVNT đã vinh dự được công nhận là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được UBND tỉnh tặng cờ thi đua. Đó là sự ghi nhận cho những nỗ lực, cố gắng không ngừng của tập thể lãnh đạo, cán bộ, viên chức Bảo tàng và là động lực để đơn vị tiếp tục hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ được giao, đưa truyền thống XVNT trở thành niềm tự hào thiêng liêng, lan tỏa khắp mọi miền Tổ quốc.



Chùa Giaai, xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương vừa được tu bổ, tôn tạo với kinh phí 40 tỷ đồng từ nguồn xã hội hóa. Ảnh: Trần Đình Hà

TU BỔ TÔN TẠO DI TÍCH NĂM 2024: *Thành tựu và những trăn trở*

THÙY LÂM

NĂM 2024 LÀ MỘT NĂM CÓ NHIỀU BIẾN ĐỘNG, CÙNG VỚI VIỆC SÁP NHẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, NHIỀU CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CŨNG THAY ĐỔI, ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHIỀU LĨNH VỰC, TRONG ĐÓ CÓ TU BỔ, TÔN TẠO DI TÍCH. DÙ VẬY, NGÀNH VĂN HÓA ĐÃ QUYẾT TÂM, NỖ LỰC HOÀN THÀNH NHIỀU DỰ ÁN LỚN, NHỎ TRONG ĐÓ CÓ CÁC DỰ ÁN TU BỔ, TÔN TẠO DI TÍCH, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG, NHẤT LÀ TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO, NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU.

Theo thống kê chưa đầy đủ, Nghệ An hiện nay có hơn 2.602 di tích đã được kiểm kê và phân loại, trong đó, tính đến hết năm 2024 có 499 di tích đã được xếp hạng (cấp quốc gia đặc biệt: 6 di tích; cấp quốc gia: 145 di tích, cấp tỉnh: 348 di tích). Trong những năm gần đây, lĩnh vực văn hóa tâm linh được quan tâm hơn bao giờ hết, cùng với hoạt động phát huy giá trị di tích, công tác tu bổ, tôn tạo di tích cũng được chú trọng, bên cạnh sự quan tâm của chính quyền các cấp, công tác này còn thu hút nhiều tổ chức, cá nhân tham gia. Kế thừa những thành quả đó, năm 2024, công tác tu bổ, tôn tạo di tích đạt được nhiều thành tựu, tuy nhiên, vẫn còn đó nhiều băn khoăn, trăn trở.

Những thành quả của công tác tu bổ, tôn tạo di tích năm 2024

Năm 2024, hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích diễn ra rất sôi nổi từ đồng bằng đến miền núi bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, từ Trung ương đến địa phương như nguồn từ chương trình mục tiêu quốc gia, vốn thường xuyên, vốn trung hạn, nguồn ngân sách địa phương, nguồn xã hội hóa... Nhờ vậy, số lượng di tích được tu bổ, tôn tạo trong năm 2024 vượt hơn những năm trước. Theo thống kê chưa đầy đủ, có khoảng gần 20 di tích, từ di tích cấp quốc gia đặc biệt đến di tích nằm trong danh mục kiểm kê được tu bổ, tôn tạo. Trong đó, nhiều dự án lớn đã triển khai và đang trong giai đoạn hoàn thành như Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Hoàng Sơn, xã Khánh



Xuân Ôn, xã Diễn Thái, huyện Diễn Châu; Nhà thờ Đặng Nguyên Cẩn và Đặng Thúc Hứa, xã Thanh Xuân, huyện Thanh Chương; Đền Linh Kiếm, xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương).

Ngoài ra, năm 2024, đã có thêm 01 di tích được tu bổ bằng nguồn chương trình mục tiêu quốc gia về miền núi (Bia Ma Nhai, xã Chi Khê, huyện Con Cuông). Hiệu quả của công tác tu bổ, tôn tạo di tích được nhìn thấy rõ rệt, các hạng mục công trình khang trang hơn, góp phần tăng tính bền vững và tạo cơ sở để bảo vệ, phát huy giá trị di tích lâu dài.

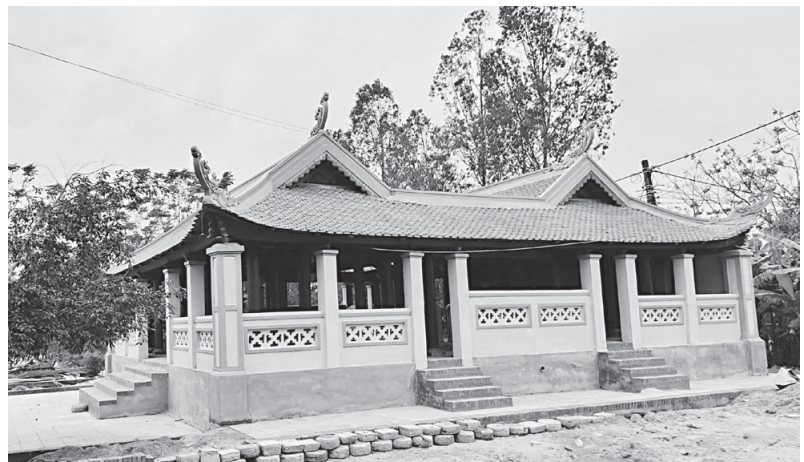
Bên cạnh hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích bằng nguồn ngân sách Nhà nước, hoạt động tu bổ, tôn tạo bằng nguồn xã hội hóa cũng diễn ra sôi nổi không kém với sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân. Năm 2024, nhiều dự án lớn đã hoàn thành nhờ nguồn

Sơn, huyện Nam Đàn (tổng kinh phí 24 tỷ đồng); Dự án Tu bổ tôn tạo di tích Đền Đông Viên, xã Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn (tổng kinh phí 15 tỷ đồng); Dự án Tu bổ tôn tạo di tích Nhà cụ Vi Văn Khang, xã Môn Sơn, huyện Con Cuông (tổng kinh phí 15 tỷ đồng)...

Bên cạnh đó, công tác tu bổ tu bổ, tôn tạo di tích bằng nguồn Nghị quyết (số 28/2022/NĐ-HĐND ngày 9/12/2022) của HĐND tỉnh cũng đã triển khai thành công cho 4 di tích (Nhà thánh Hoành Sơn, xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn; Đền Long Thái, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương; Đền Voi, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu; Nhà thờ họ Chu, xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu); nguồn chi thường xuyên của tỉnh triển khai tu sửa cho 7 di tích (Tháp Xổp Lọt, xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn; Đền Chợ Xâm, xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc; Đền Bà Cô, xã Hưng Hòa, TP Vinh; Nhà ông Nguyễn Sỹ Huyền (Cụm di tích Làng Đỏ), phường Hưng Dũng, TP Vinh; Mộ và Nhà thờ Nguyễn



Hạ giải đình Hoành Sơn (xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn)



Nhà thánh Hoành Sơn (xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn) sau tu bổ

vốn này như Dự án tu bổ, tôn tạo chùa Giai (xã Thanh Khai, huyện Thanh Chương), Dự án tu bổ, tôn tạo đền Thanh Liệt (xã Xuân Lam, huyện Hưng Nguyên), Dự án tu bổ, tôn tạo đình Mậu Long (xã Liên Thành, huyện Yên Thành)... Bên cạnh đó, ngành Văn hóa đã hướng dẫn bằng văn bản, cử cán bộ đến khảo sát thực tế tại các di tích có nhu cầu tu bổ để định hướng, hướng dẫn quy trình thực hiện, góp ý giải pháp, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công để công tác tu bổ



di tích đạt hiệu quả, giữ gìn yếu tố gốc của di tích, giảm thiểu tối đa việc làm mới hóa di tích sau tu bổ. Nhờ đó, nhiều di tích được tu sửa khang trang, đảm bảo tính khoa học và tính pháp lý như đền Tráng Liệt (xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc), phủ Hòa Quân (xã Thanh Hương, huyện Thanh Chương), đền Khe Sặt (thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông), đền Bàu Lối (phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò)...

Những trăn trở của người làm di sản

Về kinh phí: Ở Nghệ An, số lượng di tích khá nhiều, cơ bản làm bằng gỗ nên mức độ xuống cấp diễn ra khá nhanh, đặc biệt là sau mỗi mùa mưa bão. Tuy nhiên, nguồn kinh phí cấp cho lĩnh vực này lại quá ít so với số lượng di tích hư hỏng. Hiện nay, công tác tu bổ, tôn tạo di tích chủ yếu là tu sửa cấp thiết, manh mún, chắp vá nên hiệu quả chưa cao. Vẫn còn tình trạng tu bổ hạng mục này xong, hạng mục khác lại xuống cấp. Năm 2024, theo kế hoạch, có 15 di tích được tu sửa cấp thiết với kinh phí 7,6 tỷ đồng từ nguồn chi thường xuyên của tỉnh. Tuy vậy, do nguyên nhân khách quan, chỉ có 7 di tích được tu sửa kịp thời trong năm 2024, còn lại vẫn phải “hẹn” sang năm 2025.

Về thủ tục, quy trình: Một trong những lý do gây chậm trễ chính là thủ tục, quy trình thực hiện công tác tu bổ, tôn tạo phức tạp, tốn nhiều thời gian và phải chịu sự ràng buộc của nhiều ngành khác nhau như xây dựng, văn hóa, tài nguyên môi trường... dẫn đến việc quá trình xử lý gặp nhiều vướng mắc và cần có thời gian tháo gỡ. Điển hình như trường hợp tu sửa cấp thiết di tích Tháp Xếp Lọt. Tháp được xếp hạng là di tích cấp tỉnh nên phải tuân thủ Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật liên quan. Tuy nhiên, bản thân tháp cũng là một công trình kiến trúc nghệ thuật hiếm gặp và là công trình duy nhất tồn tại trên đất Nghệ An. Bởi vậy, quá trình lên phương án, thẩm định và phê duyệt tại cơ quan chuyên môn có thẩm quyền phải tuân thủ theo nhiều quy định khác của ngành xây dựng, kiến trúc... khiến cho quy trình thực hiện kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ công việc và liên đới đến nhiều di tích khác - đã bị xuống cấp nghiêm trọng nhưng phải lùi lại thời gian tu bổ. Nhiều khi, đây chính là nguyên nhân thúc đẩy nhanh sự xuống cấp của di tích. Với những người làm di sản, di tích giống như máu thịt của mình nên khi chứng kiến cảnh các di tích bị xuống cấp mà chưa được tu bổ kịp thời, thậm chí, nhiều di tích còn phải “oằn mình” chống chọi với các đợt thiên tai, bão lũ, khiến ai cũng không khỏi lo lắng, xót xa. Mong rằng, trong thời gian tới, chính quyền Trung ương và tỉnh xem xét, điều chỉnh, thống nhất giữa các ngành một số quy định liên quan đến tu bổ, tôn tạo di tích, để các dự án tu bổ, tôn tạo di tích không phải chịu cảnh “một cổ mấy tròng” và được tu bổ kịp thời khi xuống cấp.

Một trăn trở nữa không chỉ riêng của những người làm di sản mà cả chính quyền các cấp, đó là sự đòi hỏi của các nhà đầu tư khi quyết định đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích. Cơ bản, các nhà đầu tư tuân thủ theo quy định, tuy nhiên, nhiều tổ chức, cá nhân còn yêu

cầu chính quyền địa phương làm xong quy trình, thủ tục mới đồng ý cấp kinh phí tu sửa. Bên cạnh đó, có một số tổ chức, cá nhân lại yêu cầu thực hiện công tác tu bổ, tôn tạo theo ý họ, kể cả việc sắp xếp, bài trí đồ thờ tại di tích sau khi hoàn thành tu sửa. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, chỉ trừ một vài huyện (Thanh Chương, Diễn Châu, Đô Lương) có dành một khoản kinh phí cấp cho việc tu bổ di tích, các địa phương còn lại, nhất là cấp xã, nguồn kinh phí dành cho hoạt động này hầu như không có. Bởi vậy, việc được tổ chức, cá nhân đầu tư là nguyện vọng, mong muốn của rất nhiều địa phương và cũng vì thế mà nhiều nơi đã vì lợi ích trước mắt nên bỏ qua nhiều thủ tục, quy trình, dẫn đến tình trạng một số di tích sau khi tu bổ, tôn tạo, phục hồi đã không còn dáng dấp của công trình kiến trúc văn hóa tâm linh (ví dụ như đình Điện Yên, xã Long Thành, huyện Yên Thành; đình Làng Dinh Chu, xã Đại Đồng, huyện Thanh Chương; đền Trương Hán, xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn...), nhiều di tích còn sơn màu lòe loẹt... Tuy nhiên, cũng có một số địa phương sau khi nghe những yêu cầu vô lý từ nhà đầu tư đã kiên quyết từ chối (như việc đặt tượng Phật trong khuôn viên đền Khe Thị, xã Nghi Công Nam, huyện Nghi Lộc; tu sửa đền Gám, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành để làm nơi tu tập của Phật tử...).

Như vậy, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì rõ ràng, hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích vẫn còn nhiều vấn đề trăn trở, cần lắm sự vào cuộc, quan tâm của các cấp, các ngành. Hy vọng rằng, trong thời gian tới, sẽ có nhiều cơ chế, chính sách đặc thù dành cho lĩnh vực này, để những di tích xuống cấp cần tu bổ không phải dài cổ đợi và những người làm di sản yên tâm công tác và cống hiến.



Công an tỉnh Nghệ An phát động Lễ ra quân triển khai đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, phòng chống vi phạm về pháo, đảm bảo an toàn giao thông và phòng cháy chữa cháy trước, trong và sau Tết Nguyên đán Ất Tỵ 2025.

BAN QUẢN LÝ QUẢNG TRƯỜNG HỒ CHÍ MINH VÀ TƯỢNG ĐÀI BÁC HỒ: Những nỗ lực phát huy giá trị di sản văn hóa HỒ CHÍ MINH

PHƯƠNG THỦY

Cùng với hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách làm nên giá trị văn hóa tinh thần, di sản văn hóa Hồ Chí Minh còn được biết đến với một hệ thống hàng trăm di tích, công trình và địa điểm lưu niệm trong cả nước. Nhiều di tích, công trình đã và đang được phát huy giá trị, trở thành nơi hội tụ tình cảm của đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế, trong đó phải kể đến Công trình Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Công trình được khởi công xây dựng vào ngày 19/5/2000 và khánh thành vào ngày 18/5/2003, đúng vào dịp kỷ niệm 113 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cũng trong năm 2003, Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ được thành lập để quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị công trình đặc biệt này. Trong những năm qua, nhận thức sâu sắc vai trò và trách nhiệm của mỗi cán bộ khi được sống và làm việc tại một công trình văn hóa lớn mang tên Bác, Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã chủ động, sáng tạo đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phát huy giá trị công trình, góp phần lan tỏa các giá trị di sản văn hóa Hồ Chí Minh.



Về công tác bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng và hoàn thiện công trình

Trong những năm qua, BQL Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã phối hợp với các lực lượng liên quan đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình mục tiêu trọng điểm. Hàng chục đoàn Lãnh đạo Đảng, Nhà nước dâng hoa tưởng niệm; hàng trăm sự kiện chính trị - văn hóa được tổ chức tại Quảng trường, hàng chục triệu lượt khách dâng hoa, tưởng niệm, tham quan, du lịch và vui chơi giải trí tất cả các ngày trong tuần được diễn ra an toàn trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ là một công trình văn hóa lớn, bao gồm nhiều hạng mục ngoài trời trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt của xứ Nghệ nắng lắm mưa nhiều, thiên tai thường xuyên xảy ra nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, tất cả các hạng mục công trình đều được duy tu bảo dưỡng thường xuyên, nhất là Tượng đài Bác Hồ, đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chính trị - xã hội trong mọi thời điểm, mọi tình huống. Núi Chung mô phỏng tại Quảng trường giờ đây đã trở thành một rừng cây lưu niệm tươi tốt, là lá phổi xanh giữa lòng thành phố. Mùa nào hoa ấy, khuôn viên Quảng trường trăm hoa đua sắc rực rỡ níu chân du khách muôn phương. Không gian luôn được chăm sóc sạch sẽ xứng đáng là địa điểm xanh - sạch - đẹp tiêu biểu của thành phố Vinh.

Công tác phát huy giá trị di sản Hồ Chí Minh

Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ là điểm đến hấp dẫn của du khách muôn phương. Trung bình mỗi năm đón



Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tạ Quang Đông cùng lãnh đạo tỉnh, Sở VH&TT Nghệ An tham quan phòng trưng bày bổ sung về Quảng trường Hồ Chí Minh.

3,5 triệu lượt người, tổ chức hướng dẫn cho hơn 2.000 đoàn khách. Hầu hết các đoàn đều có ấn tượng tốt đẹp về sự trang trọng, hoành tráng của công trình cũng như sự tiếp đón chu đáo, nhiệt tình của cán bộ Quảng trường. Ngoài ra, hàng ngày từ tinh mơ cho đến 22 giờ hàng ngày, hệ thống phát thanh tự động luôn vang lên những bài ca, bản nhạc ca ngợi Đảng, quê hương, đất nước; nội quy, quy chế tham quan cũng như các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, tỉnh Nghệ An và của ngành Văn hóa Thể thao... Vì vậy, Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ đã được UBND tỉnh Nghệ An ra quyết định công nhận là điểm du lịch cấp tỉnh.

Điểm nhấn trong hoạt động chuyên môn nghiệp vụ là tổ chức nghi lễ dâng hoa, tưởng niệm cho các đoàn khách. Mỗi năm có trên 500 đoàn dâng hoa, tưởng niệm. Trong các chuyến về thăm, làm việc với Đảng bộ, Nhân dân tỉnh Nghệ An các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, các ban, bộ, ngành Trung ương đều dành thời gian để đến dâng hương, dâng hoa tại Tượng đài Bác Hồ, trồng cây lưu niệm tại núi Chung mô phỏng. Hàng ngàn đoàn đại biểu đến từ các tỉnh, thành phố trong cả nước cũng như tất cả các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã đến dâng hương, dâng hoa, báo công với Bác tại Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ. Sự hiện diện của hàng ngàn đoàn đại biểu với đầy đủ mọi lứa tuổi, nghề nghiệp, thành phần là sự khẳng định tình cảm sâu nặng và lòng tôn kính của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu.

Không chỉ là nơi dâng hoa, dâng hương, tưởng niệm Người, Quảng trường còn là địa chỉ được các trường học, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh lựa chọn tham quan học tập, kết hợp với sinh hoạt chính trị, dâng hoa báo công với Bác



Tuổi trẻ Nghệ An tham quan trực tuyến các hạng mục tại Quảng trường Hồ Chí Minh và trải nghiệm không gian thực tế ảo tại phòng trưng bày.

hoặc tổ chức các lễ nghi quan trọng cho học sinh, sinh viên như lễ kết nạp Đảng, kết nạp Đoàn, kết nạp Đội. Đây thực sự là các hoạt động rất có ý nghĩa, có sức lan tỏa lớn, khơi dậy niềm tự hào dân tộc, đóng góp tích cực trong việc tuyên truyền giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh.

Với không gian trang trọng tọa lạc ở trung tâm thành phố, Quảng trường Hồ Chí Minh cũng là địa điểm thường xuyên được lựa chọn để tổ chức các các sự kiện chính trị, xã hội, văn hóa lớn, được truyền hình trực tiếp trên sóng Đài truyền hình Việt Nam, đài PTTH Nghệ An và một số tỉnh thành khác. Tiêu biểu như: khai mạc Lễ hội Làng Sen cấp tỉnh và cấp toàn quốc, Lễ kỷ niệm 990 năm Danh xưng Nghệ An; Lễ đón Bằng công nhận Dân ca, Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện cho nhân loại, Lễ vinh danh và kỷ niệm 250 năm năm sinh và 200 năm mất nữ sĩ Hồ Xuân Hương- Danh nhân văn hóa thế giới Festival Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh... Nhiều chương trình nghệ thuật đặc sắc được tổ chức cho Nhân dân trong các ngày lễ lớn, chào mừng các sự kiện của tỉnh và cả nước, đón chào năm mới với cầu truyền hình trực tiếp và màn pháo hoa rực rỡ đêm giao thừa... Trung bình mỗi năm, tại Quảng trường tổ chức 10 - 12 sự kiện lễ lớn với quy mô cấp toàn quốc, cấp tỉnh; mỗi tháng đơn vị phối hợp tổ chức 5-10 chương trình quy mô cấp ngành, đơn vị... Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ còn là địa điểm tổ chức lễ khai mạc các giải thể dục, thể thao, Lễ phát động của các phong trào như: Khai mạc giải Việt dã và ngày chạy Olympic toàn tỉnh; Đua xe đạp Cúp truyền hình TP Hồ Chí Minh; Lễ ra quân, Lễ phát động, Hội thao,... Ngoài ra, vào các tối thứ Bảy, Chủ nhật hàng tuần, Ban quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức không

gian diễn xướng Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh. Sau 03 năm hoạt động, không gian diễn xướng đã thu hút được sự quan tâm của các nghệ sỹ, các CLB dân ca, các nhà thơ, nhà văn,... là điểm hẹn cuối tuần của người dân xứ Nghệ, góp phần làm cho dân ca Ví, Giặm ngày càng được lan tỏa, được thấm sâu vào mọi tầng lớp nhân dân.

Nhận thức sâu sắc vai trò và trách nhiệm của mỗi cán bộ khi được sống và làm việc tại một công trình văn hóa lớn mang tên Bác Hồ kính yêu, trong những năm qua, Ban quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác đã chủ động, đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả phát huy giá trị công trình, tuyên truyền lan tỏa các giá trị văn hóa Hồ Chí Minh bằng nhiều hình thức như chú trọng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sưu tầm để phối hợp tổ chức trưng bày các chuyên đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh như chuyên đề: “Hồ Chí Minh - Những nét phác họa chân dung”, “Hồ Chí Minh - Người sáng lập và rèn luyện Đảng cộng sản Việt Nam”, “Hồ Chí Minh - Ánh sáng soi đường”, “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Hồ Chí Minh - Người là niềm tin tất thắng”, “Bác Hồ với mùa Xuân,... thu hút hàng trăm đoàn với hàng chục nghìn lượt khách đến tham quan, nghe thuyết minh. Qua đó, tuyên truyền sâu rộng về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào học tập, làm theo lời Bác. Để nâng cao chất lượng hoạt động và đa dạng hoá, áp dụng công nghệ số trong các hình thức tuyên truyền, Quảng trường đã tổ chức tuyên truyền bằng hình thức sile, video trên trang website, fanpage cung cấp nhiều thông tin



bổ ích về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về công trình Tượng đài Bác Hồ và Quảng trường Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Quảng trường còn tổ chức sản xuất bộ phim: “20 năm - Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ giữa lòng quê hương”; Cuộc thi Sáng tác biểu trưng (Logo) Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ tại tỉnh Nghệ An; Xuất bản 2 cuốn sách ảnh: “Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ - Chặng đường 20 năm hình thành và phát triển” và “Khoảnh khắc Quảng trường Hồ Chí Minh”.

Trong những năm gần đây, để đáp ứng được yêu cầu chức năng nhiệm vụ mới và để những giá trị di sản văn hóa Hồ Chí Minh được lan tỏa, phát huy hiệu quả hơn, Ban quản lý Quảng trường đã tổ chức nói chuyện truyền thống về Bác Hồ trong trường học và các địa phương trong và ngoài tỉnh như: Chuyên đề “*Bác Hồ - Người Cha thân yêu của lực lượng vũ trang nhân dân*”, chuyên đề “*Truyền thống quê hương, gia đình - nhân tố hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh*”, chuyên đề “*Động bào các dân tộc Việt Nam trong trái tim Chủ tịch Hồ Chí Minh*”, chuyên đề “*Tư tưởng, tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Thương binh, liệt sỹ*”... Hoạt động này có ý nghĩa hết sức thiết thực, góp phần làm cho cuộc vận động Học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả.

Đặc biệt, năm 2024, BQL Quảng trường Hồ Chí Minh

và Tượng đài Bác Hồ đã khánh thành Phòng trưng bày bổ sung về Quảng trường Hồ Chí Minh. Tại đây trưng bày những tư liệu, hình ảnh, hiện vật, kỷ vật về tình cảm thiêng liêng mà Bác Hồ đã dành cho quê hương Nghệ An, Quê hương Nghệ An giành cho Bác; về quá trình xây dựng, phát huy giá trị công trình mang tên Bác sau hơn 20 năm khánh thành. Với cách tiếp cận mới, bằng công nghệ ảo VR 360 độ và công nghệ AR thực tế ảo tăng cường, sự kết hợp giữa hình ảnh chân thực, sống động và nội dung được thuyết minh bằng chất giọng xứ Nghệ giúp người xem tham quan trực tuyến các hạng mục tại Quảng trường Hồ Chí Minh và trải nghiệm không gian thực tế ảo tại phòng trưng bày, thiết bị dễ dàng thao tác đến các địa điểm khác nhau. Ngoài ra, du khách có thể tham quan trực tuyến thông qua đường link: <http://quangtruonghochiminh.vn> trên chiếc điện thoại thông minh hoặc máy tính có kết nối Internet, click vào đường link và thực hiện theo chỉ dẫn là công chúng ở bất kỳ đâu trên thế giới đều có thể tự do khám phá công trình đặc biệt - Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ.

Với không gian thiêng, thoáng đãng, không khí rục rờ cờ hoa, Quảng trường Hồ Chí Minh trở thành điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng thường nhật không thể thiếu đối với Nhân dân thành phố Vinh và du khách muôn phương trong những dịp về thăm Nghệ An; là bức tranh sống động, tươi vui mỗi ngày. Nhiều nét đẹp văn hóa mới đã hình thành sau khi Quảng trường ra đời góp phần to lớn vào việc nâng cao đời sống cộng đồng. Trước thêm năm mới, hàng vạn người dân đến với Quảng trường Hồ Chí Minh đón nhận thời khắc chuyển giao năm cũ sang năm mới. Quảng trường Hồ Chí Minh trở thành một trong những điểm cầu truyền hình quen thuộc đối với cán bộ, đảng viên, Nhân dân cả nước trong suốt nhiều năm qua. Mỗi dịp đến với Quảng trường Hồ Chí Minh, du khách và Nhân dân được hòa mình vào trong không gian văn hóa đặc sắc, thấm nhận các giá trị văn hóa của vùng quê xứ Nghệ và cũng là dịp để hiểu hơn, thấm nhuần hơn những giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.

Chặng đường hình thành và phát triển tuy chưa dài, nhưng những thành quả, những dấu ấn đã tạo dựng được sẽ là nền tảng để Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ tiếp tục có những hướng đi mới, phát huy hơn nữa giá trị tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Vinh dự, tự hào là đơn vị được giao quản lý công trình văn hóa lớn mang tên Bác, BQL Quảng trường Hồ Chí Minh sẽ phát huy lợi thế, đổi mới, sáng tạo trong tư duy và hành động để thực hiện tốt hơn mọi nhiệm vụ, đưa công trình thực sự trở thành một điểm nhấn, một điểm đến ý nghĩa giữa lòng thành phố, khẳng định tầm quan trọng của công trình đúng như Bộ Chính trị đã kết luận “*Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh là một công trình văn hóa có tầm cỡ quốc gia, là một tác phẩm có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật và đặt ở vị trí trang trọng, hài hòa, phải thể hiện được tâm lòng kính yêu của Nhân dân tỉnh Nghệ An và Nhân dân cả nước nói chung đối với lãnh tụ vĩ đại của dân tộc...*”.



Làng biển Quỳnh Lưu vào xuân

THANH TOÀN

MÙA XUÂN ĐẾN, VẠN VẬT ĐẤT TRỜI NHƯ ĐƯỢC KHOÁC LÊN MÌNH TẮM ÁO MỚI. VỚI LÀNG BIỂN QUỲNH LƯU, NGƯ DÂN ĐÓN XUÂN MỚI VỚI SÔI NỔI CÁC HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI, TÍN NGƯỠNG VÀ NHIỀU KỶ VỌNG VỀ CHUYẾN BIỂN ĐẦU NĂM “THUẬN BUỒM XUÔI GIÓ”.

Di tích Đền Chính - Ngôi đền linh thiêng tọa lạc ngay giữa trung tâm xã Tiến Thủy (cũ) vẫn luôn hiện hữu, là biểu tượng cho nét đẹp tín ngưỡng, tâm linh ngư dân làng biển.

Văn hóa tín ngưỡng của ngư dân biển Quỳnh

Về các làng biển xứ Nghệ nói riêng, Quỳnh Lưu nói riêng vào dịp đầu xuân năm mới, ai cũng có thể dễ dàng cảm nhận được nét đẹp văn hóa của người dân nơi đây. Đời người ngư phủ ướp mạn sóng gió trùng khơi, đánh cược cuộc đời mình với lòng biển mênh mông nên họ đặc biệt coi trọng tâm linh, tín ngưỡng. Vì lẽ đó, ở các làng biển, dường như không có nơi nào thiếu vắng bóng dáng của các đền, chùa, miếu, phủ... đại diện cho căn cốt, cội nguồn văn hóa tâm linh, tín ngưỡng bản địa.

Điều đó lý giải vì sao, trải qua bao thăng trầm của thời gian, biến động lịch sử, di tích



Đền Chính - Ngôi đền linh thiêng tọa lạc ngay giữa trung tâm xã Tiến Thủy (cũ) vẫn luôn hiện hữu, là biểu tượng cho nét đẹp tín ngưỡng, tâm linh ngư dân làng biển. Đền Chính là nơi tôn thờ Tứ vị Thánh nương - những vị thần được cư dân vùng ven biển ở Việt Nam nói chung và Nghệ An nói riêng lập nhiều đền thờ phụng. Riêng trên đất Nghệ An, hiện đã thống kê được trên 30 ngôi đền thờ Tứ vị Thánh nương, trong đó có Đền Chính (xã Tiến Thủy).

Ngoài thờ Tứ vị Thánh nương, đền Chính còn phối thờ các vị phúc thần, thành hoàng làng đã có công bảo quốc, hộ dân, giúp làng trong cuộc sống như: Mỹ Quận công

Trương Đắc Phủ, Sát hải Đại vương Hoàng Tá Thốn... Các vị thần được thờ tự tại di tích đều có sự liên hệ, gắn bó mật thiết với nghề biển. Vì vậy, vào các ngày rằm, mùng 1, những khi lễ, Tết, xuân về, đông đảo cháu con làng biển lại tìm đến đền Chính để thắp nén nhang thơm, thành kính dâng lễ nhằm cầu mong sức khỏe, bình an, nguồn “lộc biển” dồi dào sau mỗi chuyến ra khơi, vào lộng. Hẳn rằng, đó không chỉ là mong cầu của cá nhân mỗi con người mà là của cả một cộng đồng ngư nghiệp.

Nhiều nghi lễ quan trọng, có liên quan đến tín ngưỡng, văn hóa làng biển đều được tổ chức tại di tích này trong niềm hân hoan, háo hức đón



chờ của đông đảo người dân trong vùng và du khách thập phương, đặc biệt là lễ hội Cầu Ngư được diễn ra trong 3 ngày, từ ngày 13 - 15 tháng Giêng Âm lịch...

Cũng như đền Chính, từ lâu, đền Thới đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa - tín ngưỡng đặc trưng của người dân vùng biển xã Văn Hải (xã Sơn Hải và xã Quỳnh Thọ cũ), huyện Quỳnh Lưu. Đền cũng được xây dựng từ thời nhà Trần để thờ Tứ vị Thánh nương và các vị thần biển, cửa sông đã phù hộ, độ trì giúp triều đại nhà Trần vượt biển bình an, đánh thắng giặc Chiêm Thành và luôn phù hộ cho ngư dân làm ăn thịnh vượng, đánh bắt được nhiều tôm cá.

Đền Thới nằm ngay cửa Lạch Thới thuộc xã Sơn Hải (cũ) được xây dựng từ thế kỷ XIV, là một trong những ngôi đền cổ có kiến trúc tinh xảo và mang đậm nét văn hóa làng biển. Do nằm ở vị trí đặc địa nên từ đền Thới người ta có thể quan sát tất cả tàu thuyền qua lại. Đền Thới cũng là nơi hội tụ, tổ chức các lễ hội truyền thống hàng năm, trong đó nổi bật nhất là lễ hội rước kiệu đua thuyền và lễ cầu ngư. Ngoài ra vào các ngày Rằm và mùng một hàng tháng, trước mỗi chuyến biển, các chủ tàu và ngư dân thường vào đền để thắp hương, cầu mong mưa thuận gió hòa, sóng yên biển lặng, ra khơi vững tay chèo, đánh bắt thắng lợi.



Ngư dân dâng hương đền Chính cầu mong sức khỏe, bình an, nguồn "lộc biển" dồi dào



Chủ thuyền làm lễ cầu bình an cho ngư dân

Kỳ vọng chuyển biển đầu năm mới

Với ý niệm "một năm khởi đầu từ mùa xuân", "đầu có xuôi thì đuôi mới lọt", các yếu tố tâm linh, tín ngưỡng càng trở nên đặc biệt quan trọng trong chuyến đi biển đầu năm. Do đó, nhiều nghi lễ độc đáo, đặc trưng của cư dân làng biển được thực hiện theo phong tục, tập quán từ ngàn đời xưa truyền lại.

Ví như tục cúng mở cửa biển của ngư dân các làng biển

Quỳnh trước chuyến biển đầu tiên dịp đầu xuân năm mới. Không có quy mô long trọng với sự tham gia của cả cộng đồng làng, xã như lễ cầu ngư hay các nghi lễ khác ở đây, tục cúng mở cửa biển diễn ra một cách gọn, nhẹ và mang tính cá nhân nhiều hơn. Tuy nhiên, tục cúng mở cửa biển vẫn có ý nghĩa rất riêng, được lưu giữ và truyền lại từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Ông Nguyễn Ngọc Hiến, ở thôn Phong Thái, xã Phú



Nghĩa (xã Tiến Thủy cũ) - người có hơn 35 năm gắn bó với biển chia sẻ: Ngay từ trước Tết Nguyên đán, các chủ tàu, thuyền đã lo đi xem ngày, giờ tốt, hợp mệnh để chuẩn bị cho chuyến biển đầu năm. Ở đây, chủ thuyền đặc biệt coi trọng, kỹ lưỡng việc đó. Thậm chí, họ còn xem cả tuổi, mệnh của “bạn thuyền” để đảm bảo đem lại nhiều điều may mắn, thuận lợi, tránh những điều đen đui, bất trắc xảy ra. Theo đó, tục cúng mở cửa biển không quy định ngày, giờ cụ thể mà phụ thuộc vào sự sắp xếp của từng chủ tàu, thuyền sao cho phù hợp, “đẹp” cho mình nhất. Địa điểm diễn ra tục cúng mở cửa biển cũng rất linh hoạt. Vào những ngày sóng yên biển lặng, chủ thuyền có thể đưa thuyền ra biển và thực hiện nghi lễ ngay trên biển. Những khi biển động, sóng gào hay thời tiết diễn biến thất

thường thì thực hiện nghi lễ ngay tại bến.

Về phần lễ cúng, tuy không quá cầu kỳ nhưng cũng không được phép qua loa, hời hợt. Bằng tất cả tấm lòng thành, ý niệm tốt đẹp, chủ thuyền sửa soạn mâm lễ cúng có vàng, hương, muối, gạo, hoa quả... Việc cúng lễ sẽ do người chủ thuyền trực tiếp làm hoặc thuê thầy cúng. Tuy có sự khác nhau về thời gian, cách thức tổ chức nhưng có lẽ, tâm niệm lớn nhất của đời ngư phủ ở bất kỳ đâu cũng nhất mực như thế: Cầu mong cho tàu, thuyền ra khơi, vào lộng “luôn được thuận buồm xuôi gió, gặp dữ hóa lành, bội thu “lộc biển”.

Những ngày đầu xuân, nườm nượp tàu thuyền tại khắp các xã vùng biển như Văn Hải (xã Sơn Hải và Quỳnh Thọ cũ), Thuận Long (xã Quỳnh Long và Quỳnh Thuận cũ),

Phú Nghĩa (xã Quỳnh Nghĩa và Tiến Thủy cũ), An Hòa... tất bật chuẩn bị ngư cụ và các vật dụng cần thiết, làm lễ mở cửa biển, “cúng thuyền”, “cúng bến”, đồng loạt vươn khơi, bắt đầu chuyến biển đầu năm từ các ngày mùng 4 - 6 Tết. Số tàu thuyền còn nằm lại bến, qua rằm tháng Giêng cũng sẽ bắt đầu chuyến biển đầu tiên trong năm mới với nhiều kỳ vọng mới. Quanh năm lênh đênh sóng nước, có lẽ, với người ngư dân, chỉ khi Tết đến, xuân về mới có “cái có” tự thưởng cho bản thân khoảng thời gian nghỉ ngơi, thư giãn hiếm hoi bên gia đình, người thân, bạn bè. Để rồi sau đó, những đoàn thuyền lại hăm hở rẽ sóng ra khơi, mang theo khát vọng xuân phơi phới về cuộc sống ấm no, hạnh phúc và góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương.



Lễ hội đua thuyền đầu năm mới của ngư dân xã Sơn Hải (cũ)



VĂN HÓA

* **Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức Khai mạc trưng bày chuyên đề “Đảng Cộng Sản Việt Nam qua các kỳ Đại hội” và Không gian Tết truyền thống - Trưng bày báo Xuân 2025** tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh vào sáng 20/01. Với gần 200 bức ảnh tư liệu cùng nhiều bản trích minh họa, bộ chuyên đề khắc họa đậm nét sự ra đời và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam; khái quát về các kỳ Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung và Đảng bộ tỉnh Nghệ An nói riêng với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử làm thay đổi căn bản bộ mặt của đất nước và tỉnh Nghệ An; góp phần cổ vũ toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Không gian Tết truyền thống - Trưng bày báo Xuân 2025 với hơn 200 ấn phẩm báo chí, tập san, đặc san số Tết 2025 của các cơ quan báo chí Trung ương và tỉnh Nghệ An. Các ấn phẩm trưng bày có tính thẩm mỹ cao về hình thức, nội dung phong phú, hấp dẫn, phản ánh toàn diện, đa chiều về đời sống kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh Nghệ An và cả nước.

Bộ trưng bày chuyên đề và Không gian Tết truyền thống - Trưng bày báo Xuân 2025 phục vụ Nhân dân và du khách cho đến ngày 28/02/2025.

* **Gala nghệ thuật “Nghệ An trong trái tim Tổ quốc” và “Hào khí sông Lam” - Chào năm mới 2025** đã diễn ra tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh vào tối 31/12/2024. Chương trình do Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì phối hợp với Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Nước giải khát Sao Vàng Savabeco tổ chức với sự tham gia của các nghệ sĩ, diễn viên Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh; các ca sĩ trẻ triển vọng, được ghi danh tại các gameshow truyền hình, các vũ đoàn, nhóm nhảy của Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Trường THPT chuyên Phan Bội Châu, Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng. Tại đây, các nghệ sĩ, diễn viên đã trình diễn, cống hiến những tiết mục nghệ thuật nhiều màu sắc, quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Nghệ An. Điểm nhấn của chương trình là màn đếm ngược (Countdown) tạm biệt năm cũ 2024 và vũ điệu ánh sáng kết hợp công nghệ hiện đại. Chương trình đã mang đến không khí sôi động, vui tươi, hạnh phúc và tràn đầy hứng khởi cho hàng vạn người dân TP.Vinh và du khách.

* Cũng tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh đêm 31/12/2024, tỉnh Nghệ An đã tổ chức **Lễ phát động Cuộc vận động sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học nghệ thuật “Chung một cơ đồ Việt Nam”**. Các tác phẩm tham gia cuộc thi tập trung vào chủ đề ca ngợi mảnh đất, con người Nghệ An; ca ngợi truyền

thống lịch sử, văn hóa, gương điển hình tiên tiến, cuộc sống lao động, học tập, sinh hoạt, các vấn đề đời sống đương đại của tỉnh Nghệ An trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các tác giả chuyên nghiệp và không chuyên trong và ngoài tỉnh đều có thể tham gia cuộc vận động này với các thể loại: Văn học (Tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn, bút ký, tản văn; Thơ: Trường ca, chùm thơ); Kịch bản sân khấu (gồm tiểu phẩm và kịch ngắn, kịch hát dân ca và hoạt cảnh); Ca khúc; Nhiếp ảnh; Mỹ thuật (gồm tác phẩm hội họa, đồ họa, điêu khắc).

* **Chương trình “Nghĩa tình dòng Lam - Xuân Ất Ty năm 2025”** do tỉnh Nghệ An tổ chức vào tối 10/01 tại TP. Vinh. Đây là tên gọi mới của chương trình “Tết Vì người nghèo” mà tỉnh Nghệ An đã tổ chức trong 12 năm qua nhằm góp phần san sẻ một phần khó khăn, giúp các hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn đón Tết ấm áp, đủ đầy, hạnh phúc. Qua 12 năm tổ chức Chương trình “Tết Vì người nghèo”, tỉnh Nghệ An đã vận động, kêu gọi được hơn 873 tỷ đồng để chăm lo Tết cho hàng trăm ngàn lượt hộ nghèo.

Chương trình “Nghĩa tình dòng Lam - Xuân Ất Ty năm 2025” không chỉ dừng lại ở việc chăm lo Tết cho người nghèo mà còn vận động, huy động các nguồn lực xã hội để hỗ trợ sửa chữa nhà ở; giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn các mô hình sinh kế khác, đảm bảo người dân có cuộc sống tốt đẹp hơn. Tại chương trình, thay mặt lãnh đạo tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hồng Vinh kêu gọi cấp ủy, chính quyền các cấp, các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước tiếp tục quan tâm ủng hộ, chăm lo Tết cho người nghèo, để ai cũng được vui Tết, đón Xuân.

Ngay trong đêm tổ chức chương trình, đã có 157 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà hảo tâm đăng ký ủng hộ hơn 132 tỷ đồng.

Trước đó, vào chiều 09/1, tại xã Bắc Lý (huyện Kỳ Sơn), Ủy ban MTTQ tỉnh phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và huyện Kỳ Sơn tổ chức **Chương trình “Xuân sớm vùng cao” - Tết Nguyên đán Ất Ty 2025** cho người dân 2 xã Bắc Lý và Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn. Qua Chương trình “Tết vì người nghèo năm 2025”, đã có 47 đơn vị, cá nhân trong và ngoài tỉnh lên thăm hỏi, tặng quà Tết cho các gia đình người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh trên địa bàn với hơn 7.950 suất quà, tổng kinh phí hơn 5,9 tỷ đồng. Trong chương trình này, bên cạnh việc tặng nhà đoàn kết, mô hình sinh kế, xe đạp, quà Tết, còn diễn ra các hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn với phong tục văn hóa của đồng bào.

* Sáng 17/1, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh tổ chức **gặp mặt tác giả và quyền tác phẩm “Nghĩa**